TRẦN NGỌC NINH

CƠ-CẤU VIỆT-NGỮ

Quyển III

DANH-TỪ VÀ LƯỢNG-SỐ-TỪ

LỬA THIÊNG

Ngôn-ngữ là hình-thức của vũ-trụ-quan của ta.

(La langue est la forme par laquelle nous concevons le monde)

Hjelmslev — (**Essai d'une théorie des morphèmes**)

Danh của một vật là một dấu-hiệu đại-biểu cho những tính-cách của vật đó.

Công Tôn Long (**Danh-thực-luận**)

Mỗi từ là một cái tiểu-vũ-trụ của ý-thức con người.

(A word is a microcosm of human consciousness)

L. S. Vygotsky

Quyển III

DANH-TỪ VÀ LƯỢNG-SỐ-TỪ

(Từ A và các từ K, L, M, LM)

SỰ PHÁT-TRIỂN CỦA THÀNH-PHẦN TỪ A VÀ HỆ ΣA

CÁC PHẠM-TRÙ CỦA TỪ A

CÁC TỪ TIỀN-A : TỪ M

TỪ L và LM

TỪ K

1. SỰ PHÁT-TRIỂN CỦA THÀNH-PHẦN DANH

1.1. PHƯƠNG-DIỆN TÂM-NGỮ-LÍ-HỌC.

Giữa những âm được đứa trẻ bắt đầu học nói bi ba bi bô phát ra và những gì làm thành cái tiểu-vũ-trụ quanh người nó, mọi người đặt những liên-hệ. Các âm phát ra được gán cho những ý-nghĩa. Bình-diện hình-thức được ráp vào với bình-diện nội-dung. Âm thành tiếng. Tất cả cái diễn-trình ấy được thực hiện theo những qui-ước của ngôn-ngữ được dùng trong cộng-đồng.

Những tiếng đầu-tiên mà đứa trẻ thốt ra là những **tên riêng**. Tên riêng là tiếng đặc-biệt đính vào một người để gọi người ấy và chỉ người ấy mà thôi. Khởi-thủy, đó là những tiếng có hiệu-quả. Về phương-diện tâm-ngữ-lí-học, /*bố*/, /*mẹ*/, /*bà*/, /*ông*/ đều là những tên riêng đối với đứa trẻ. Đứa trẻ liên kết mỗi tiếng ấy với một người nhất-định, có một diện-mạo đặc-biệt, một cách nói đặc-biệt và một lối cư-xử đặc-biệt đối với nó. Mỗi tiếng

càng ngày càng trở nên chứa-đựng. Hoàn-cảnh và vị-trí đã nhồi vào mỗi hình-thức một nội-dung đối với đứa trẻ.

Trong cái tiểu-vũ-trụ của đứa trẻ nhỏ, chính nó cũng có một cái tên riêng, và tên riêng của nó là */bé/*, là */bêbê/*, là */tí-ti/*, là */thằng cu/*, tùy từng gia-đình. Nó phản ứng khi nghe thấy cái tên ấy được phát ra và hướng về nó.

Vào khoảng 3-4 tuổi, có một sự thay-đổi lớn trong ý-nghĩa của các tiếng này.

Sự thay-đổi này làm cho đứa trẻ hiểu được rằng những « tên riêng » mà nó dùng, tuy vẫn riêng cho nó và anh em nó, nhưng cũng được dùng bởi các trẻ ở các gia-đình khác để gọi những người khác. Đó là một sự thay-đổi quan-niệm rất trọng-đại. Về phương-diện tâm-lí, đứa trẻ mất ngôi-vị trung-tâm trong cái chủ-quan của nó : điều này có thể ví với cuộc cách-mệnh tư-tưởng của Copernic trong vũ-trụ-học. Về phương-diện ngữ-pháp, các tên riêng lúc ban đầu đã trở thành những **danh-từ**. */Bố/* không chỉ là người bố riêng của mình không thôi, mà còn là một người được định nghĩa bởi một tương-quan gia-đình ; */bố/*, danh-từ, được định nghĩa bởi hai sự đối-nghịch *bố/ mẹ* và *bố/ con*. */Mẹ/* cũng thế, không còn là một tên riêng để chỉ mẹ mình, mà trở thành một danh-từ chung, được định nghĩa bởi hai sự đối-nghịch *mẹ/ bố* và *mẹ/ con*. Đồng-thời, một quan-niệm khác về tên riêng được dựng nên : những tên riêng mới vẫn thuộc riêng về mỗi người, nhưng là những tên được tất cả các người

khác trong cộng-đồng công nhận cho người đó. Mỗi người từ đó có một tên, là *Trí*, là *Anh*, là *Dũng*, là *Năm*, là *Hai*, là *Lan*, là *Quế*, là *Kèo*, là *Cột*: hoặc dài-dòng hơn nữa, là *Nguyễn Văn Ba*, là *Trần Tấn Bảy* v.v...

Quan-niệm tên riêng được mở rộng cho cả những con vật quen-thuộc (*con Vàng*, *con Mực*), những nơi (*gò Dầu-Hạ*, *núi Ba-Vì*, *tỉnh Gia-định*, *nước Việt-nam*), những tác-phẩm (*chùa Một-Cột*, *Kim-Vân-Kiều*). Tên riêng chỉ còn riêng cho đối-tượng, và không còn riêng về phương-diện chủ-quan nữa.

Tất cả các tên riêng cũng được cơ cấu hóa theo mẫu của danh-từ, với một vài tính-cách đặc-biệt, nhưng về phương-diện hình-thức, ở từng-lớp âm-vị-học cũng như dạng-vị-học và cú-pháp-học, thì chúng không khác gì những danh-từ thường như *ông lí*, *bà xã*, *hòn núi*, *con sông* cả.

1.2. PHƯƠNG-DIỆN Ý-NGHĨA-HỌC: NGÔN-NGỮ VÀ VĂN-HÓA.

Số danh-từ mà đứa trẻ làm chủ được mỗi ngày một tăng. Bắt đầu là những danh-từ chỉ những cái có hình-thể, người, vật hay chất mà nó nhìn thấy, rồi đến những cái không có hình-thể mà giác-thức (nếm, ngửi, nghe, thụ) hay ý-thức (cảm, nghĩ, đoán, tưởng) xây dựng lên. Về phương-diện ý-nghĩa-học, nội-dung của mỗi danh-từ liên hệ mật-thiết với nền văn-hóa đã tạo ra và luân-lưu dùng danh-từ ấy. Nói rộng, thì trong mỗi ngôn-ngữ,

hệ-thống danh-từ chứa đựng cả cái vũ-trụ-quan của dân-tộc nói cái ngôn-ngữ đó. Sự-kiện này có thể được biểu lộ ra ngay trong cơ-cấu của danh-từ. Cơ-cấu dạng-vị-học của danh-từ trong việt-ngữ cho phép luận ra như thế. Danh-từ hay từ A được cấu tạo bằng một chuỗi tiếng (1), gọi chung là dạng-vị. Các dạng-vị này nối đuôi nhau theo một thứ-tự không-biến-đổi, và vì thế, có một số dạng-vị có thể tiềm ẩn trong lời nói nhưng vẫn có thể tái lập được trong cái khả-năng ngôn-ngữ của cả người nói lẫn người nghe. Công-thức của danh-từ đã được đặt là :

$$\Sigma A \rightarrow\rightarrow A_2 - A_1$$

và mở rộng ra, là : $A_n - \ldots - A_2 - A_1$

Trong cái công-thức ấy, vũ-trụ-quan của nền văn-hóa cổ-việt được biểu hiện ra một cách hệ-thống bởi cái cơ-cấu buộc A_1 vào A_2, A_2 vào A_3, và lên dần cho tới A_n.

Đối với đứa trẻ học nói (sự học nói này kéo dài đến tuổi trưởng-thành và xa hơn nữa), thì sự thụ-đắc tự-vựng không phải chỉ đo bằng số-lượng từ đã được thâu nhận, mà còn bằng sự phức-tạp của cái hệ-thống những đối-nghịch trong nội-dung của các từ này : mỗi từ được thâu nhận như một dấu-hiệu để chỉ một cái gì đó, định nghĩa bởi vị-trí của nó trong cái cơ-cấu ý-nghĩa-học tiềm ẩn ở một ngôn-ngữ, đối chiếu với một nền văn-hóa đích-xác và có-thực. Khi số-lượng từ gia tăng, thì sự đối-nghịch giữa các từ từng cặp một cũng thêm phần chính-xác. Mỗi sự đối-nghịch chiếu vào một tiêu-điểm có giá-trị thực-

(1) *Cơ-cấu Việt-ngữ*, Quyển I, trang 114.

tiễn cho cộng-đồng. Khi một cộng-đồng ngôn-ngữ thấy có sự ích-lợi và sự cần-thiết phải đặt ra một sự phân-biệt nào đó, thì sự phân-biệt ấy sẽ được biểu hiện trong một cặp tiếng (từ) mới, cặp tiếng này đối nghịch nhau ở một điểm tương-ứng với sự phân-biệt trên. Trái lại, khi không còn nhu-cầu phân biệt nữa, thì những tiếng đối-nghịch để biểu hiện sự phân-biệt này sẽ tàn lụi đi, rồi mai một hẳn. Trong cái diễn-trình thụ đắc tự-vựng cũng thế : cá-nhân học và tồn trữ một tiếng (từ) mới vì sự ích-lợi và cần-thiết thực-tiễn của một sự phân-biệt mà tiếng mới chứa đựng trong nội-dung, đối chiếu với nội-dung của một tiếng khác.

1.3. PHƯƠNG-DIỆN HÌNH-THỨC.

Trong sự phát-triển của ngôn-ngữ ở đứa trẻ, không những rằng cái tự-vựng về danh-từ (và các từ khác) càng ngày càng giàu, với những đối-nghịch càng ngày càng nhỏ và càng chính-xác về nội-dung giữa các danh-từ đã thụ đắc được, mà các sắc-thái cơ-cấu chung của danh-từ cũng được nhận thấy và được nhập tâm.

1.3.1. Cơ-cấu dạng-vị-học của danh-từ việt-ngữ là một tính-cách hình-thức rất quan-trọng. Danh-từ của việt-ngữ được cấu tạo bởi sự kết-hợp của một số dạng-vị giới-hạn và có hệ-thống. Đây là một tính-cách biểu-hiện đặc-thù của từ-loại, mà sự phân-tích cơ-cấu đã làm sáng tỏ. Trong thực-tế thì những người nói việt-ngữ phần nhiều chỉ nhận thức được cái cơ-cấu dạng-vị của danh-từ một cách mơ-hồ thôi. Mặc dầu vậy, mà sự nhận-

thức đó cũng đủ để cho phép người ta, trong một hoàn-cảnh có những sự-kiện bất-thường hoặc trước một vật-thể mới lạ, đặt được một câu hỏi về vật-thể hoặc sự-kiện này, tạo ra được một danh-từ mới, hay ít ra thì cũng ấp úng được những yếu-tố cơ-cấu đầu-tiên của một danh-từ, mà một người khác có thể bổ túc cho thành đầy-đủ.

1.3.2. Danh-từ lại thường hay kết hợp với một số dạng-vị (từ) nữa để làm thành một **thành-phần danh** (Anh **noun-phrase**, Pháp **syntagme nominal**). Sự kết-hợp ưu-tiên này cũng là một tính-cách hình-thức trọng-yếu của danh-từ.

Trong thành-phần danh, mà kí-hiệu là P(A), tính-cách chủ-chốt và vị-trí trung-tâm của danh-từ A cho phép chia các dạng-vị (từ) phụ-thuộc thành hai khúc, tạm gọi là **tiền-A** và **hậu-A** theo sự phân-phối đối với từ A. Ngữ-trị của các dạng-vị (từ) trong mỗi khúc lại là lí-do để phân định một số từ-loại, chỉ bằng những mẫu-tự K,L,M,LM với các từ thuộc khúc tiền-A, và C_A, C_C cho các từ thuộc khúc hậu-A. Diễn-trình của việc phân-tích này, phát biểu bằng công-thức, sẽ là:

$$a — \quad \Delta \quad \rightarrow\rightarrow \quad P(A)_1 \leftrightarrow P(B) \pm P(A)_2$$

$$b - \quad P(A) \quad \rightarrow\rightarrow \quad \pm X \pm X \pm X + A \pm Y \pm Y \pm Y$$

$$c — \quad A \quad \rightarrow\rightarrow \quad \begin{cases} \pm A_n \ldots . \pm A_2 + A_1 (+ A_0) \\ \textit{hoặc} \\ A_n \quad \textit{hay} \quad A_1 \end{cases}$$

$$d\text{—}\quad \pm X \pm X \pm X \rightarrow\rightarrow \quad \pm K \left\{ \frac{\pm LM}{\pm L \ \pm M} \right\}$$

$$đ\text{—}\quad \pm Y \pm Y \pm Y \rightarrow\rightarrow \quad \pm C_C \pm C_A \pm C_C$$

$$e\text{—}\quad P(A) \qquad \rightarrow\rightarrow \quad \pm K \left\{ \frac{\pm LM}{\pm L \ \pm M} \right\}$$

$$+ \left\{ \frac{A_n \ldots \pm A_2 \ + \ A_1 \pm A_o}{A_n \qquad / \ A_1} \right\} \pm C_C \pm C_A \pm C_C$$

e là công-thức phát-triển của thành-phần P(A). Công-thức này chưa biểu lộ khả-năng tập-hợp (có thể là M + M', A + A' hoặc $C_A + C_A'$), và khả-năng phụ-thuộc-hóa khả-dĩ biến cải công-thức và làm thành những xây-dựng phức-tạp hơn nữa. Những điều này sẽ được minh giải trong phần cuối của sách này, về *Cú-pháp-học*.

Các từ C_A (cải-từ của từ A) và C_C (cải-từ của từ C_A) có những tính-cách đặc-biệt về phương-diện ngoại-cơ cũng như nội-cấu. Ngữ-pháp biến-cải và tạo-tác lại đã chứng minh sự phức-tạp của các từ này. Vì những lí-do đó, các từ C đã được tách rời ra trong công-việc khảo-sát, và sẽ được miêu tả trong một chương riêng.

Các từ K, L, M và LM là những từ thuộc khúc tiền-A. Mỗi loại từ này được định nghĩa bởi những tính-cách hình-thức, quan-trọng nhất là tính-cách phân-phối và cơ-cấu dạng-vị của các từ thuộc mỗi loại trên. Nếu muốn gọi tên các từ này theo quan-điểm của ngữ-pháp ý-niệm, thì tôi sẽ đề nghị gọi :

từ K	là	**ước-từ**
từ L	là	**lượng-từ**
từ M	là	**số-từ**
và *từ LM*	là	**lượng-số-từ**

Mặc dầu không có tính-cách tiên-định và đã được đặt ra sau khi các loại từ tương ứng được phân định trên những căn-bản thuần-túy hình-thức, các tên gọi này đều có một khuyết-điểm chung là có gợi ý, và vì thế, có thể dẫn dắt một số sinh-viên trở về với ngữ-pháp ý-niệm. Tôi mong rằng các độc-giả của sách này không bị những danh trên làm cho lạc hướng.

Từ K, L, M, và LM (ước-, lượng-, số-, và lượng-số-từ) được cấu tạo bằng một số dạng-vị giới-hạn và rất dễ nhận. Bởi lẽ đó, có thể coi chúng là những hiệu-kí ngoại-cơ của từ A.

Thí-dụ : *Nhiều*			*người*
K			A
Nhiều những			*người*
K	L		A
	Mỗi		*người*
	L		A
		Mười	*người*
		M	A
	Các		*người*
	LM		A

Tuy-nhiên, điều này cũng không có tính-cách tuyệt-đối, và trong nhiều trường-hợp, nhất là trong văn-chương cổ, một xây-dựng có công-thức (L-A) hoặc (M-A) cũng có thể được dùng làm thành-phần diễn-thuật P(B) của một câu được (1).

Thí-dụ : *Mỗi người* ⟷ *một vẻ*
L — A ⟷ (M — A)B

(*Bây giờ*) ⟷ *đã năm giờ rồi đấy*
(S — (M-A)B — C_B — I_z)

(1) Vấn-đề này sẽ được phân giải rõ-ràng hơn trong *Cơ-cấu Việt-ngữ*, Quyển IV : *Diễn-thuật-từ và Sắc-định-từ*.

2. TỪ A VÀ HỆ TỪ A (ΣA)

(Danh-từ và hệ danh-từ)

2.1. Từ A được định nghĩa là từ chủ-chốt của thành-phần trực-tiếp P(A) (1). Nói cách khác, thì mỗi thành-phần P(A) tiền giả thiết một từ, từ ấy là từ A. Tất cả các từ khác trong thành-phần đều phụ thuộc vào từ A.

Phương-trình định nghĩa từ A về phương-diện cú-pháp là :

$$P(A) \rightarrow\rightarrow \left[[\pm X \pm X \pm X] \rightarrow +A \leftarrow [\pm Y \pm Y \pm Y] \right]$$

Thông-thường thì từ A luôn-luôn minh hiển trong các thành-phần P(A). Tuy-nhiên, khi đồng-văn cho phép, thì từ A cũng có thể ở thể ẩn ; trong trường-hợp này, sự tái-lập từ A là một việc luôn-luôn khả-dĩ làm được.

(1) Thành-phần trực-tiếp P(A) được định nghĩa bởi phương-trình :

$$\Delta \rightarrow\rightarrow P(A) + P(B) \pm P(A).$$

Thí-dụ : *Một* *cũng* *đủ*
Nhiều *mà* *làm gì*
K,M(A) ⟷ P(B)
∅

(Tùy theo đồng-văn, *một* là *một người*, *một tiếng*, *một lời* hay *một phát súng*, v.v... ; *nhiều* cũng thế).

2.2. Những từ phụ-thuộc đứng trước từ A trong thành-phần P(A) cho phép định nghĩa từ A bằng một phạm-trù riêng-biệt cho loại từ này.

Dưới khía-cạnh ấy, từ A được định nghĩa là một loại từ liên đới với phạm-trù số-lượng, theo phương-trình :

$$A = Số + /A/$$

Nói cách khác, thì từ A có hai thành-phần bắt-buộc, là phạm-trù Số và hình-thức dạng-vị-học /A/.

Trong việt-ngữ, phạm-trù Số có bốn nét, là

Không
Có
Đơn
Nhiều
Hai
Hơn hai

hay (— — —), (+ — —), (+ + —), (+ + +).
Không Đơn Hai Hơn hai

Các từ tiền-A biểu hiện phạm-trù Số làm thành bốn loại (K, L, M, LM) như đã được nói trong đoạn II- 1.3.2. Định-nghĩa đầy-đủ về các loại từ này sẽ được giảng giải trong một đoạn sau (Chương 4, Đoạn 3.4 và Đoạn 4).

2.3. Từ A trong việt-ngữ có một cơ-cấu dạng-vị-học đặc-thù, làm thành bởi sự nối-tiếp có thứ-tự của các dạng-vị cấu-thành.

2.3.1. Cái chuỗi dạng-vị lầm thành một từ A được viết ra là :

$$\Sigma A \rightarrow\rightarrow A_n - A_{n-1} \ldots - A_2 - A_1 - (A_0)$$

Công-thức này, thâu hẹp đến cực-điểm, có thể chỉ còn lại có một dạng-vị, phần nhiều cấu tạo bởi một âm-vận, nhưng cũng có khi cấu tạo với hai âm-vận.

Thí-dụ : (A) — *cha, mẹ, đất, trời, nước, sông, núi*
— *mồ-hôi, mồ-hóng, bồ-câu, ô-tô*
$(A)_0$ — *Loan, Dũng,*
— *Sóc-trăng, Phan-rang*

Phần nhiều thì ta gặp những từ A cấu tạo bởi hai dạng-vị.

Thí-dụ (A_2-A_1): — *nước đá, nước lã, nước mắt, con bò, cái cầy, rau diếp, khoai lang,*
bàn tay, mặt trời...
— *cây đu-đủ, con thằn-lằn, cá nhà-táng*

(A_1-A_0) : — *Cái Tần, Núi Nùng,*
— *Sông Ki-cùng*

và đôi khi ba, bốn, năm dạng-vị, theo đúng công-thức trên:

Thí-dụ : — *cái mũ nồi, con rắn hổ mang, cái cây rau cải bẹ,*
— *ông Năm Lửa, cậu Út Cầu Bông.*

Các thí-dụ dẫn trên đều là từ A. Mỗi từ A này chỉ một loại sự-vật. Một dạng-vị có thể đủ để làm công-việc đó. Nhưng phần nhiều thì phải hơn một dạng-vị mới đủ. Mỗi dạng-vị, tách rời ra, có thể có một ý-nghĩa nào đó và đôi khi cũng có thể vô nghĩa đối với ta ngày nay (như /*lã*/ trong *nước lã*, /*lang*/ trong *khoai lang*). Ghép những dạng-vị thích-hợp lại theo đúng một thứ-tự nào đó, thì mới thành được một từ A với một ý-nghĩa rõ-ràng.

Trong công-thức trên, dạng-vị cuối-cùng là A_1, được gọi là **biệt-danh**. Tất cả các dạng-vị đứng trước trong cấu-tạo của từ A đều được gọi là **loại-danh**. Các loại-danh được đếm ngược từ biệt-danh (không kể) trở lên đến dạng-vị đầu-tiên.

Dạng-vị A_0, nếu có, được gọi là **tư-danh** hay **tên riêng**.

Khi trong sự biểu-hiện của từ A có hơn một dạng-vị, ta sẽ gọi từ A ấy là một **hệ từ A**, và dùng kí-hiệu ΣA để chỉ từ A này.

Trong nhiều trường-hợp, cấu-tạo của từ A được thâu rút. Sự thâu-rút có thể từ trái sang phải và chỉ để lại một dạng-vị cuối-cùng là biệt-danh A_1 hay tư-danh A_0 mà thôi. Khi ấy, dạng-vị cuối-cùng được biểu-hiện vẫn sẽ được gọi là từ A.

Thí-dụ: *(người) ăn-mày*
(con) (chim) yến
(ông) Năm

Sự thâu-rút cũng có thể là sự xóa-bỏ một vài dạng-vị, ở giữa cấu tạo của từ A. Khi ấy, phần còn lại cũng vẫn được gọi là từ A.

Thí-dụ: *con (cá) chép.*

Sự thâu-rút lại có thể được thực hiện từ phải sang trái. Khi ấy, chỉ còn có một dạng-vị được để lại, là dạng-vị loại-danh đứng đầu hệ từ A. Dạng-vị còn lại này cũng được gọi là từ A, nhưng cũng có thể gọi là ĐA (đại-danh-từ) được.

Thí-dụ: *Cho tôi một cây* (vải nhiễu Tam-giang)
(cờ-rem)

Tất cả các danh được đặt ra ở trện đều chỉ để thỏa mãn cái nhu-cầu đặt tên, mà hầu hết chúng ta đều có, do những thói quen khó gột rửa của sự xử-dụng ngôn-ngữ. Nói cho cùng, thì ngay cả trong khoa-học, người ta cũng phải đặt tên và dùng những danh như *oxygen*, như *polonium*, như *electron* (điện-tử), như *meson*, v. v... Lí-tưởng ở đây là chỉ dùng những kí-hiệu không gợi một nội-dung nào cả. Mỗi niệm-thể sẽ được chỉ bởi một kí-hiệu và được định nghĩa bởi những tính-cách cơ-bản tìm thấy bằng phương-pháp khoa-học. Nếu sự xử-dụng các danh (như **danh-từ, biệt-danh, loại-danh, số-từ**, v. v...) không tạo ra một tiên-kiến nào về các ngữ-tố này, và nhất là không làm cho ta hiểu lầm rằng đó là những loại của ngữ-pháp ý-niệm, thì sự xử-dụng các danh ấy cũng có thể chấp nhận được.

2.3.2. Cơ-cấu dạng-vị-học của từ A (danh-từ) biểu hiện một cơ-cấu ý-nghĩa-học liên-đới. Trong việt-ngữ, hình-thức và nội-dung của từ A gần như hoàn-toàn tương đồng với nhau trong cơ-cấu. Điều này rõ-rệt nhất là với những từ A của tự-vựng căn-bản, hầu hết là những từ A thuộc cái vốn tối-cổ của việt-ngữ. Nhưng ngay cả trong những từ A mới thành lập gần đây để xử dụng trong những lãnh-vực không-thông-thường của đời sống (danh-từ khoa-học, triết-lí, ngữ-lí, v.v...), cái cơ-cấu dạng-vị-học đặc-thù của từ A việt-nam cũng vẫn còn tồn tại, và tất-nhiên là cũng vẫn có một cơ-cấu ý-nghĩa-học tương-ứng.

Cơ-cấu ý-nghĩa-học này đặt căn-bản trên một phạm-trù, có thể coi là phạm-trù nội-tàng của từ A trong việt-ngữ, là phạm-trù Hệ-loại. Phạm-trù này được biểu hiện bởi những dạng-vị mà ta gọi là loại-danh (A_n, với $n > 1$), xếp đặt một cách hệ-thống. Mỗi từ A có một hay nhiều dạng-vị loại-danh tùy theo hệ-loại của cái-được-chỉ bởi từ A này; và trong mọi trường-hợp, loại-danh, nếu không hiển hiện trong cấu-tạo của từ A, thì cũng có thể tái lập được một cách đầy-đủ và hoàn-toàn, vì mỗi vật, chỉ bởi một từ A, có một vị-trí minh-hiển trong cái hệ-thống-quan của việt-ngữ. Công-thức của từ A vì vậy phải được bổ túc là :

$$A = Số + Hệ + /A/$$

2.3.2.1. Mỗi từ A chỉ một **niệm-thể.**

Niệm-thể chỉ bởi một từ A là một loài, một thứ,

mà ta quan niệm với một số tính-cách cho phép xếp cái loài-thứ này vào một vị-trí nào đó trong cái hệ-thống-quan của cộng-đồng ngôn-ngữ, và đồng-thời biệt lập loài-thứ ấy đối lại với một / những loài-thứ ở cùng một vị-trí trong hệ-thống-quan. Nói một cách giản-dị hơn, và lấy một từ A chỉ sự-vật làm tiêu-biểu, thì có thể nói rằng: từ A chỉ một sự-vật bằng cách nhận sự đặc-biệt của loại sự-vật này trong một loại sự-vật nào đó.

2.3.2.2 Trong việt-ngữ, sự phân-tích trên bao trùm ý-nghĩa-học và ngữ-pháp-học.

Tỉ-dụ như danh-từ *cá*. Cái nghĩa thông-thường của từ A *cá* là 'một loài vật có xương sống ở trong nước'. Ở cái vị-trí này, *cá* đối lại với *cua* là 'loài ở nước có vỏ cứng chứ không có xương'. Sự khác-biệt giữa hai loài thì ở nhiều điểm, nhưng quan hệ nhất có lẽ là một đằng thì có xương trong cơ-thể nhưng không có vỏ ở ngoài, và ngược lại, đằng kia thì có vỏ cứng ở ngoài nhưng lại không có xương ở trong. Nhưng cả hai loài đều là loài ở nước một cách ưu-tiên và đây là cái vị-trí chung của «*cá*» và «*cua*» trong hệ-thống-quan của cộng-đồng. Trên một bực nữa, hai loài này lại đều là loài vật có thể di động được và thuộc nhóm động-vật không đứng thẳng thân mình trên hai chân mà đi được, và cũng không biết suy nghĩ. Tất cả các động-vật này, bất kể là có khả-năng trí-tuệ và có biết đứng thẳng hay không, lại đều có hình-thù, và vì thế đều có thể đếm được cả.

Các sự phân-biệt trên đây cho phép định vị-trí của « *cá* » như một loại trong cái vũ-trụ được biểu hiện bởi ngôn-ngữ của người Việt. Loại « *cá* » được định nghĩa là :

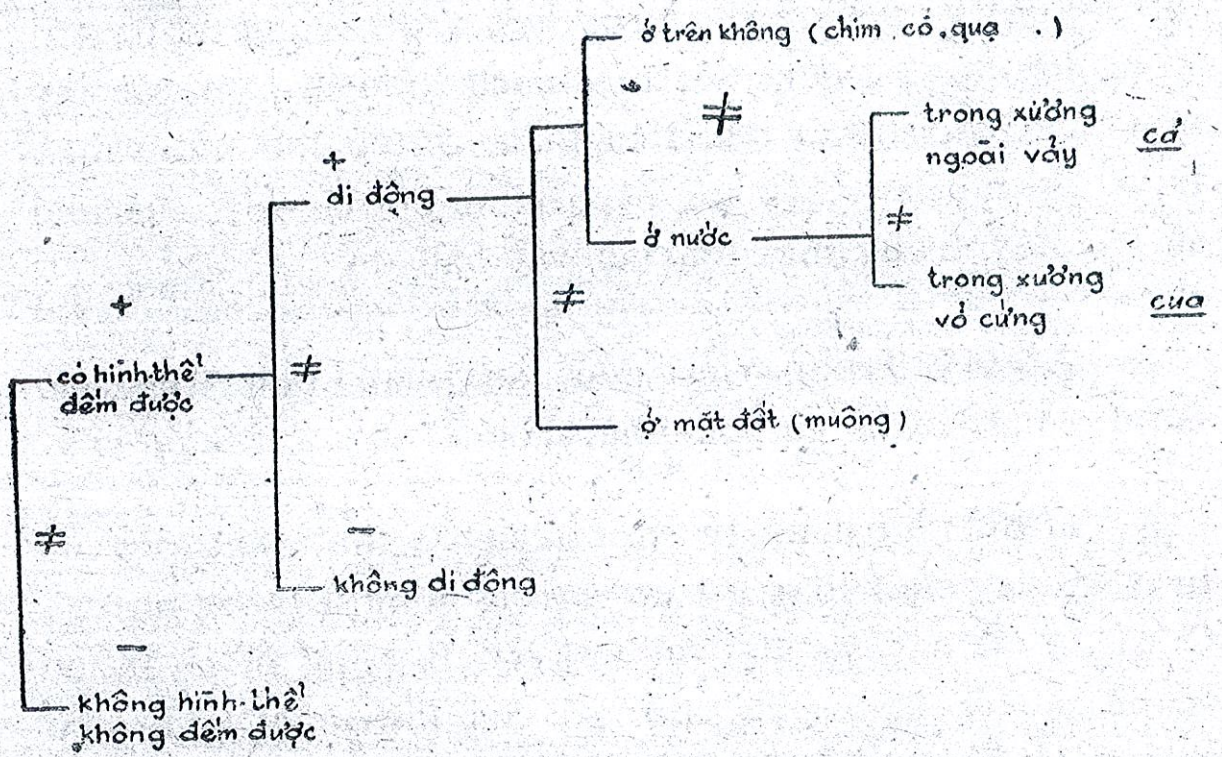

Chúng ta thấy ngay rằng trong cái định-nghĩa này, *cá* bao gồm không những các giống có xương, thở bằng mang, đẻ trứng, sống dưới nước, mà cả một vài giống như *cá voi*, *cá sấu* nữa : hai giống này cũng có xương, có vảy, và ở dưới nước, nên không được tách rời ra khỏi loại *cá*. Những tính-cách như ' đẻ con hay trứng, có phổi hay mang, có chân hay vây, có đuôi nằm dọc hay nằm ngang... ' không thuộc nội-dung của danh-từ *cá* trong ngôn-ngữ thông-thường của ta.

Những sự phân-biệt ý-nghĩa-học dẫn đến niệm-thể [*cá*] được biểu hiện ngay trong cơ-cấu dạng-vị của từ

A chỉ niệm-thể này. Người ta nói *con cá* ; dạng-vị /*con*/ đứng trước biệt danh /*cá*/ nói rằng [*cá*] là một loài linh-động. Trong một vài trường-hợp, người ta lại nói *cái con cá* ; dạng-vị /*cái*/ ở đây nói rằng [*con cá*] thuộc về các loài-thứ có hình-thể, đếm được, và có thể chỉ định được một cách rõ-ràng. Đó là nội-dung của những loại-danh được ghép vào với dạng-vị /*cá*/.

Dạng-vị /*cá*/, như ở trên đã nói, là một biệt-danh trong cấu-tạo của từ A *con cá*. Biệt-danh này chỉ một loài, trên thì đối nghịch với /*chim*/, và /∅/ « muông », ngang thì đối nghịch với /*cua*/, dưới thì đối nghịch với /*tôm*/, với /*tép*/. Về phương-diện biểu-hiện, các cặp đối-nghịch quanh từ A (*cái*) (*con*) *cá* là :

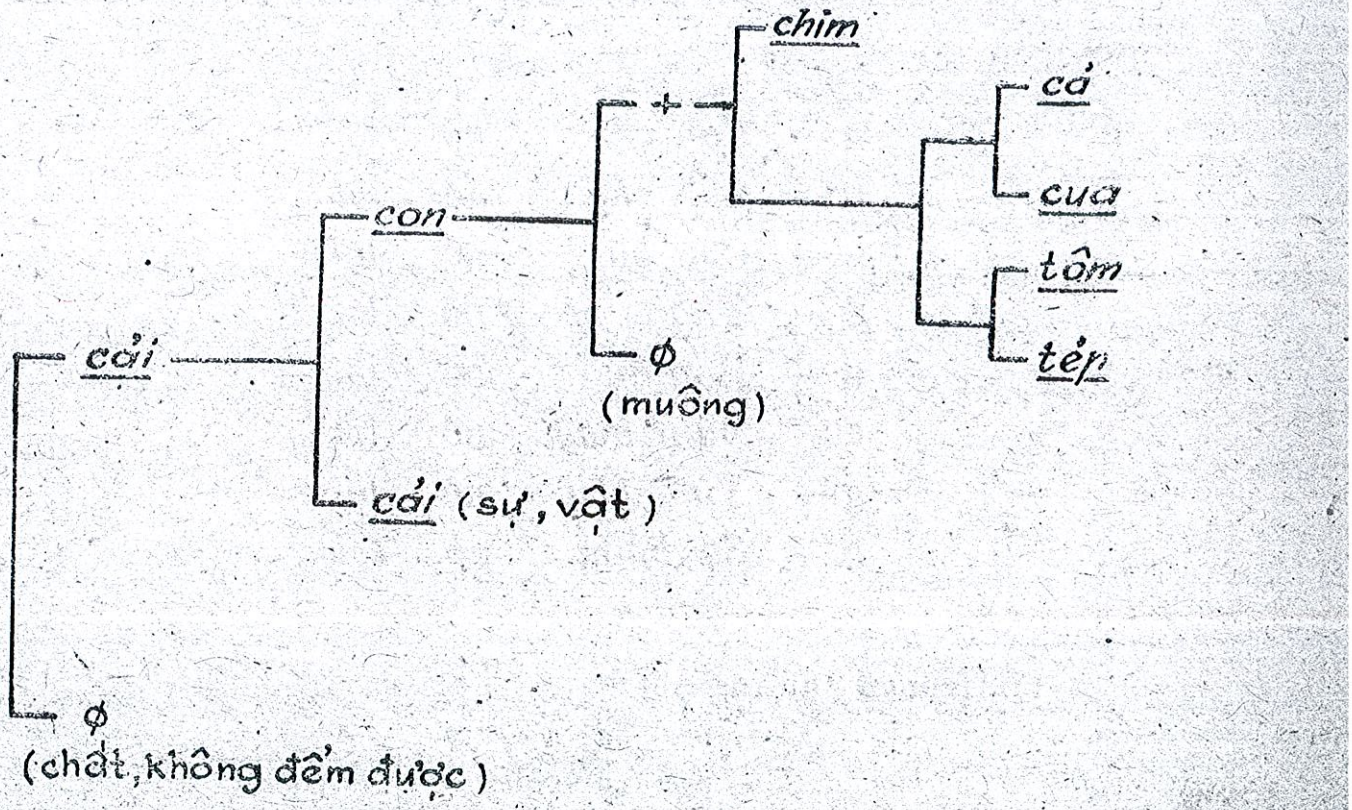

Dạng-vị /*cá*/ lại có thể đứng làm loại-danh để đặt một số khá lớn những biệt-danh như *bống*, *cơm*, *kình*, *chép*, *chim*, *quả*, *thia-lia*, *nhà-táng*, *ông* (*voi*), *sấu*, v.v...

Sự đồng-nhất giữa cơ-cấu dạng-vị và cơ-cấu ý-nghĩa của từ A được mở rộng ra đến cú-pháp và thực hiện một sự điều-hợp tổng-quát giữa các thành-phần trực-tiếp của một câu.

Lấy lại thí-dụ trên về *con cá*. Người ta nói (bắt chước một tục-ngữ) (1) :

Con cá nó lội, con cua nó bò.

Theo phép giao-hoán, *con cá* (hoặc *con cua*) có thể được thay thế bởi một từ đồng-loại. Ta hãy xét những câu dựng lên theo phép đó, trên mô-hình của câu tục-ngữ trên :

a —	*Con cá*	*nó*	*lội*
b —	*Con cua*	*nó*	*lội*
c —	*Con bò*	*nó*	*lội*
d —	*Thằng bé*	*nó*	*lội*
đ —	*Hòn đá*	*nó*	*lội*
e —	*Đám mây*	*nó*	*lội*
g —	*Tình yêu*	*nó*	*lội*
h —	*Sự buồn*	*nó*	*lội*

(1) Tục-ngữ thường nói là :

Con cóc nó nhảy
Con cua nó bò.

Tất cả các câu trên đều có ngữ-pháp-tính (1), và vì thế tất cả những người nói tiếng việt-nam đều có thể hiểu được các câu đó. Hơn nữa nếu không có một trường-hợp đồng-âm-dị-nghĩa nào, thì chắc-chắn rằng mọi người đều hiểu giống nhau về mỗi câu thí-dụ trên.

Tuy-nhiên, nếu khảo sát sự phân-phối của từ B *lội* bằng phương-pháp thống-kê, ta sẽ thấy một cách rất rõ, rằng bốn câu cuối-cùng (*đ*, *e*, *g*, *h*) là những câu có lẽ không được thấy bao giờ cả; ngược lại, câu *a*, câu *d* là hai câu thường gặp nhất, rồi đến câu *c* và *b*. Sự khảo-sát giả-tưởng này tất-nhiên trùng hợp với cái gọi là « linh-tính ngôn-ngữ » của ta (thực ra thì chỉ là cái tiềm-năng ngữ-lí mà mỗi người chúng ta đã sở đắc được).

Lí-do của sự khác-biệt trong tính-cách phân-phối của các từ *A* thuộc các câu *a*, *b*, *c*, *d* và các từ A thuộc *đ*, *e*, *g*, *h*, chính là cái vị-trí đặc-biệt của mỗi từ này trong cái sơ-đồ cơ-cấu đã được phác họa để giảng giải từ A *cá* về phương-diện ý-nghĩa và về phương-diện cấu-tạo dạng-vị. Một lần nữa, cái sơ-đồ ấy lại được tái lập như một cái bối-cảnh của cú-pháp : những từ A cách xa từ *cá* nhất trong sơ-đồ cũng là từ khó giao hoán nhất với *cá* trong *a*, và ngược lại :

---

(1) Thí-dụ câu không có ngữ-pháp-tính :

S
Con lội nó cá

S
Lội cá nó con

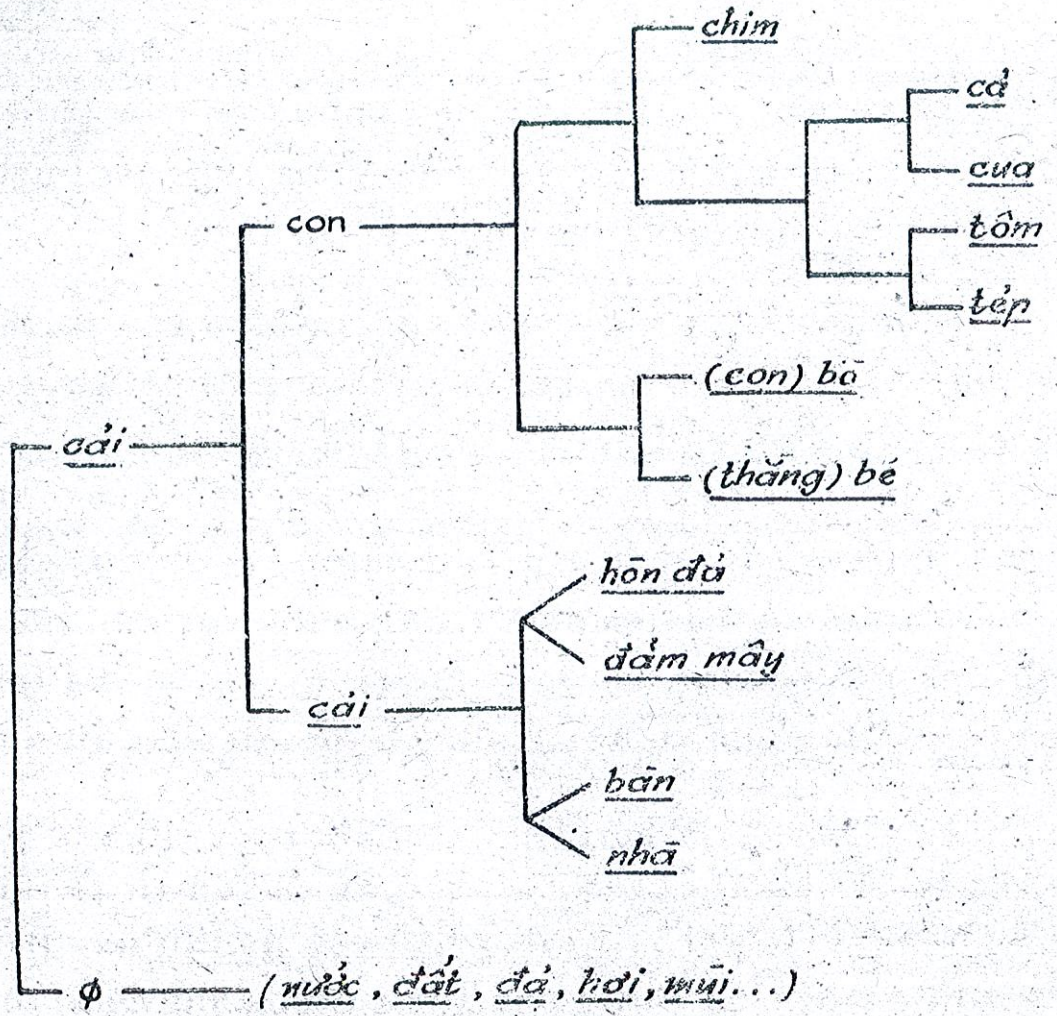

Tuy-nhiên, mặc dầu sự giao-hoán của những từ như *mây, gió, đá, tình*... với *cá* rất khó, nhưng vẫn không phải là một sự bất-khả-giao-hoán. Ta vẫn có thể nghĩ rằng có một người nào đó nói :

— *Nhìn xuống đáy nước mà xem : đám mây nó chả đang lội trong nước là gì kia ?*

Dầu sao đi nữa, chúng ta cũng không thể chối cãi được rằng, khi giao hoán với *con cá* trong một xây-dựng

có ngữ-pháp-tính, không một từ A nào làm mất cái ngữ-pháp-tính của xây-dựng cả ; và mỗi từ A trong biểu-hiện cũng như trong nội-dung, có một cơ-cấu đặc-biệt, cho phép định được vị-trí của từ A đó trong cái hệ-thống của ngôn-ngữ.

2.3.3. Trở lại với cái công-thức của hệ từ A trong việt-ngữ :

$$\Sigma A \quad \rightarrow\rightarrow \quad A_n - \ldots\ldots - A_2 - A_1$$

Chúng ta đã thấy rằng, trong cái công-thức này có một sự liên-hệ về cả hình-thức lẫn nội-dung giữa các dạng-vị cấu-thành của từ A. Sự liên-hệ này có thể viết ra là :

$$a - \quad A_n \supseteq A_{n-1} \supseteq \ldots\ldots\ldots \supseteq A_1$$

và $$b - \quad \Sigma A = \left\{ A_n - A_{n-1} \ldots\ldots A_2 - A_1 \right\}$$

Phương-trình *b* nói rằng cái tập-hợp làm thành bởi các dạng-vị $A_n \ldots A_1$ theo cái thứ-tự nhất định như được viết ra, là một hệ từ A. Hệ từ A ấy được dùng để chỉ một niệm-thể và là một khúc ngữ-lí bất-khả-phân về phương-diện cú-pháp. Theo phương-trình này, *nước đá* là một từ A, *con rắn hổ lửa* là một từ A, *con chim bồ-câu* là một từ A, và *cái cây rau cải bẹ* là một từ A.

Phương-trình *a* nói rằng trong một hệ từ A, mỗi dạng-vị A_{n-1} nằm trong dạng-vị cấp trên A_n (phát biểu trước), và bao trùm dạng-vị cấp dưới A_{n-2} (phát biểu sau). Dạng-vị đầu-tiên là dạng-vị bao quát tất cả các dạng-vị đi sau. Dạng-vị cuối-cùng là dạng-vị biểu hiện

cái nhỏ nhất và chính-xác nhất, được dùng để chỉ cái mà từ A chỉ.

Chẳng hạn như hệ từ A

cái cây rau cải bẹ

Theo phương-trình *a*, ta có thể xác nhận rằng *cây* là thuộc loài được chỉ bằng dạng-vị */cái/* ; *rau* là thuộc loài */cây/* ; *cải* là thuộc loài */rau/* ; và cuối-cùng, *bẹ* là một loài */cải/*, và loài cải này là cái loài mà cả hệ từ A chỉ.

Hình dung từ A bằng nét vẽ, một từ A cấu tạo bởi hai dạng-vị như *nước lã, đất sét, con bọ, cái nồi, lúa nếp*, sẽ được ghi bằng hình

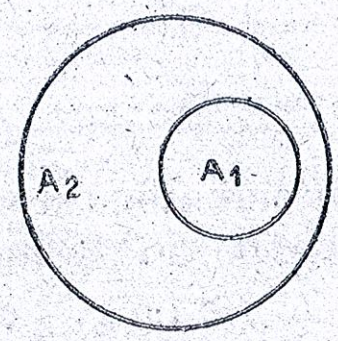

Trong hình này, vòng ngoài (A_2) là tiếng đi trước, chỉ một loại lớn, bao trùm cái loại chỉ bởi tiếng đi sau. Vòng nhỏ (A_1) là tiếng đi sau, nằm ở trong cái vòng lớn và về phía tay phải. Vòng này (A_1) chỉ cái phân-loại trong đó cái sự-vật được chỉ bởi từ A đã được xếp, theo cái hệ-thống-quan của ngôn-ngữ.

Nếu là một từ A cấu tạo bởi năm dạng-vị nối tiếp nhau, thì sơ-đồ hình-dung sẽ là :

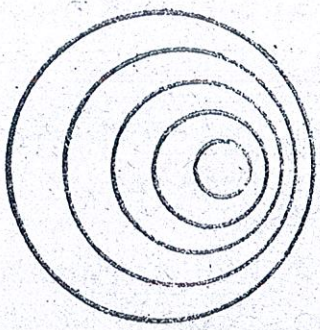

Cái thứ-tự giữa các dạng-vị như được định bởi phương-trình *b* có một ý-nghĩa theo phương- trình *a* : $[A_1]$ là thuộc loài $[A_2]$, $[A_2]$ thuộc loài $[A_3]$, $[A_3]$ thuộc loài $[A_4]$, v.v... như đã được nói ở trên.

Để giản dị hóa, hình trên có thể được cắt bỏ bớt đi, và cho hình dưới đây, là công thức bao gồm dạng-vị-học và ý-nghĩa học của một hệ từ A có năm dạng-vị :

$$c— \qquad \Sigma A \rightarrow\rightarrow (A_5\ (A_4\ (A_3\ (A_2\ (A_1\ )))))$$

234. Các tư-danh-từ (tên riêng) (1) cũng không ra ngoài cái qui-ước chung này. Tư-danh-từ hay dạng-vị A_0 chỉ là hình-thức kéo dài một danh-từ cho vượt ra khỏi niệm-thể loại để tới niệm-thể cá-nhân hay cá-vật. Về phương-diện cơ-cấu, tư-danh-từ vẫn còn có cái cấu-tạo của từ A, dầu là một tư-danh-từ chỉ vật-thể như :

nước	*Việt-nam*
núi	*Nùng*
sông	*Hương*
đồng	*Tháp Mười*
đảng	*Dân Chủ*

(1) Xem phần Phụ-lục I : *Tư-danh-từ hay Tên riêng.*

hay một tư-danh-từ chỉ người, như :

bà *Năm*
ông *Trần Văn Mỗ*
anh *317*

Đặc-biệt là, đối với các tư-danh-từ chỉ người theo mô-hình *Trần Văn Mỗ*, cái cơ-cấu dạng-vị-học và ý-nghĩa-học cũng vẫn theo phương-trình *a* ở trên, và ta có thể viết :

$$Trần \supseteq Văn \supseteq Mỗ$$

hoặc bằng kí-hiệu :

$$A_o \longrightarrow\longrightarrow \left\{ \alpha_n - \alpha_{n-1} \ldots\ldots \alpha_2 - \alpha_1 \right\}$$

$$\alpha_n \supseteq \alpha_{n-1} \qquad \text{với } n > 1$$

Mỗi dạng-vị α có thể là một tiếng hay nhiều tiếng một cách thêm-thừa, chẳng hạn như :

Công Tằng Tôn Nữ Thị Hồng Bê

sẽ được phân tích là :

(*Công* (*Tằng-Tôn-Nữ* (*Thị* (*Hồng Bê*)))) (1)

Còn *Trần Văn Mỗ* thì là :

(*Trần* (*Văn* (*Mỗ*)))

2.4. Những nhận-xét trên lại cho phép kết luận rằng trong một hệ từ A, mỗi loại-danh phụ thuộc và tiền giả thiết loại-danh đứng sau. Nói cách khác thì loại-danh trước chỉ-định loại-danh (và biệt-danh) sau.

---

(1) Lí-do của sự phân-tích này là vì có tên

(*Công* (*Tôn-Nữ* (*Thị* (*X* — *X'*))))

và

(*Công* (*Tôn-Nữ* (*X* — *X'*)))

Lấy một loại-danh /A_n/ và lãnh-vực của nó mà ta hình dung ở đây là $\{A_n\}$. Loại-danh /A_n/ bao trùm một số loại-danh cấp dưới /A_{n-1}/; điều này có nghĩa là lãnh-vực $\{A_n\}$ được chia ra thành một số tiểu-lãnh-vực $\{A_{n-1}\}$ Số loại-danh /A_{n-1}/ thuộc về một loại-danh /A_n/ là một số không lớn lắm. Trong nguyên-tắc và ở nguyên-thủy, có lẽ mỗi loại-danh /A_n/ chỉ gồm có hai loại danh /A_{n-1}/ mà thôi. Việt-ngữ lại tiết kiệm phương-tiện đến nỗi rằng trong nhiều trường-hợp, chính dạng-vị /A_n/ cũng có thể được dùng lại để chỉ một $\{A_{n-1}\}$; với sự biến-cải xóa bỏ một trong hai dạng-vị đồng-âm, thì chỉ còn lại có một dạng-vị lấy hình-thức là /A_n/ mà thôi. Cái diễn-trình này có thể tái lập lại được là:

$$1 - A_n \supseteq \begin{cases} A_{n-1} \supseteq \begin{cases} A_{n-2} \\ A_{n-2} \end{cases} \\ A'_{n-1} \supseteq \begin{cases} A'_{n-2} \\ A'_{n-2} \end{cases} \end{cases}$$

2 — Với /A_{n-1}/ ≡ /A_n/ (về hình-thức ngữ-âm) thì /A_n — A_{n-1}/ thành /A_n — A_n/

3 — Và với sự xóa-bỏ một hình-thức A_n đi, thì chỉ còn hai hình-thức nổi là :

A_n ——————— A_{n-2}

A'_{n-1} ——— A'_{n-2}

Đó là trường-hợp /A_n/ *cái* $\begin{cases} /A_{n-1}/ \ cái \\ /A'_{n-1}/ \ con \end{cases}$

Thực-sự ra, thì vấn-đề có lẽ còn phức tạp hơn một chút. Loại-danh *cái*$_n$ 'có thể chỉ định trong ý thức được' bao gồm hai loại-danh là *cái*$_{n-1}$ 'thuộc vật-chất' và ∅ 'không thuộc vật-chất'. Loại-danh ∅ thuộc lớp này còn được phân ra nữa, như được trình bày dưới đây. Còn loại-danh *cái*$_{n-1}$ thì phân ra thành *cái*$_{n-2}$ 'có hình-thể tự mình', và ∅ 'không có hình-thể tự mình'. Xuống một lớp nữa, loại-danh *cái*$_{n-2}$ lại bao trùm *cái*$_{n-3}$ và *con* là hai loại danh đối-nghịch về tính-cách 'không linh-động'/'linh-động'. Sự phân-phối các lớp loại-danh được phác họa theo sơ-đồ dưới (Bảng 17):

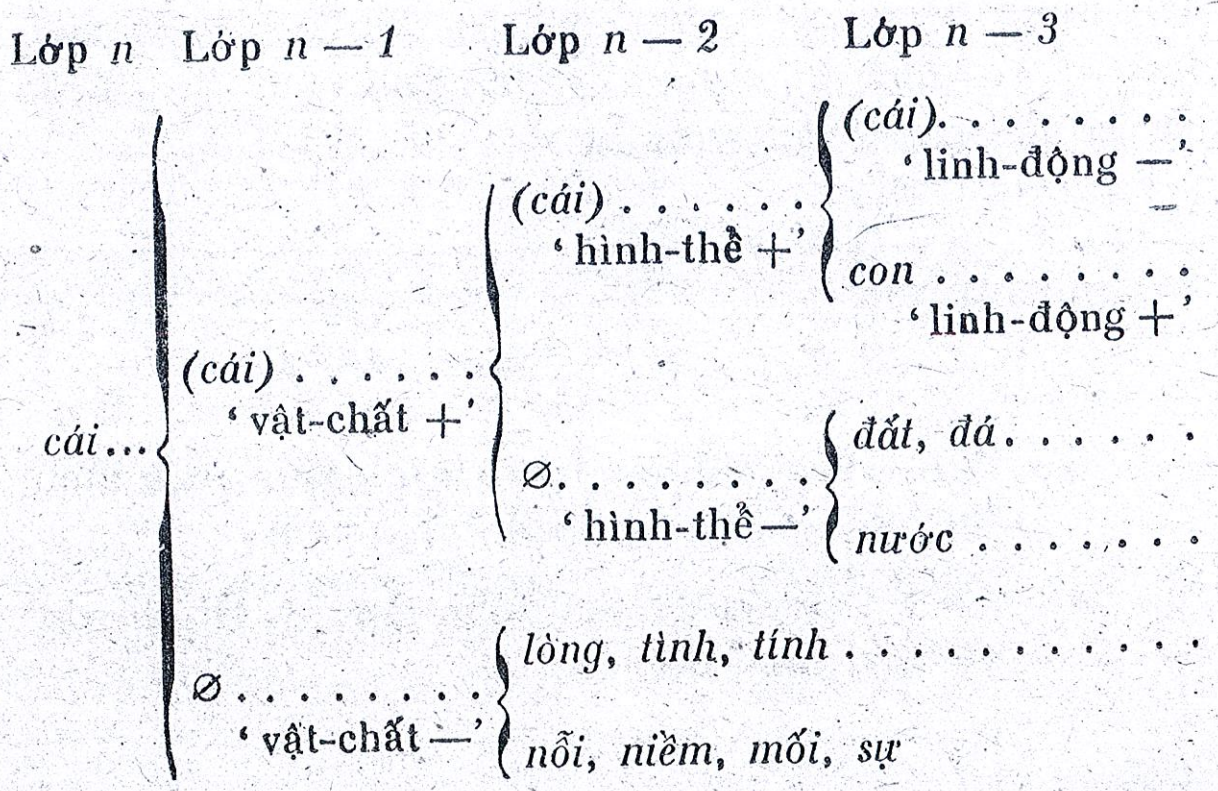

Bảng 17.— *Sự phân-phối loại-danh trong việt-ngữ.*

∅ : Loại-danh không có biểu-hiện (đã mai một ?)

(cái) : Loại-danh bị xóa bỏ khi được nhắc lại.

Số loại-danh của việt-ngữ không nhiều lắm, kể cả những loại-danh chưa được kể đến trong bảng trên. Đến các biệt-danh A_1 và nhất là các tư-danh A_0, thì con số dạng-vị được dùng có thể tăng lên nhiều hơn. Chẳng hạn như trong các thứ *con bọ* thì có thể có :

A_3	— A_2	— A_1
Con	*bọ*	*dừa*
		hung
		xít
		ngựa
		chó
		……v.v……

Tuy-nhiên, cả trong trường-hợp này, tổng-số dạng-vị thực-sự được dùng cũng bị giới hạn. Những lí-do giới hạn các dạng-vị ở mỗi đợt từ A_n đến A_2 và A_1 rất tạp biệt và phụ thuộc vào các cơ-cấu xã-hội văn-hóa cũng như những sự-kiện tự-nhiên của các vật trong môi-trường. Trong một cuốn sách về ngữ-pháp, không có chỗ cho sự khảo-sát về những vấn-đề này. Điều đáng chú ý ở đây, trước hết là tính-cách hiệu-kí của các dạng-vị loại-danh (*cái*, *con*, *người*, *sự*, *tính*...). và sau nữa, là sự chứng-minh bất-ngờ mà cơ-cấu dạng-vị của từ A trong việt-ngữ đã đem lại cho lí-thuyết của nhà ngữ-lí-học Hockett.

2.4.1. Những dạng-vị dùng được làm loại-danh không có nhiều. Một số những dạng-vị này lại được dùng một cách khá thông-thường trong sự thông-giao bằng lời . Vì lẽ đó, các dạng-vị khả-dĩ làm loại-danh chính là những hiệu-kí báo cho người nghe biết rằng cái khúc bắt

đầu bằng một trong những dạng-vị này có rất nhiều phần là một từ A. Trong công-việc phá mật-mã của lời, người nghe được hướng dẫn bởi loại-danh hiệu kí để hiểu rằng nội-dung của cái khúc này là một niệm-thể ở một vị-trí nào đó trong cái hệ-thống-quan của việt-ngữ.

Khi được phát thành âm, loại-danh thường lại là vần không-nhấn trong cấu-tạo của danh-từ. Chẳng hạn như *cái cưa* thì là [kí*kwə*], *con chó* là [kənčɔ́], *tình yêu* là [tìn̄*yew*]: sự giảm cường-độ, sự rút trường-độ, và sự trung-hòa-hóa nguyên-âm của loại-danh làm cho tính-cách hiệu-kí của dạng-vị này tăng lên thêm. Sự phân-biệt /*cái*/, loại-danh, với *cái*, từ C_A; /*con*/, loại-danh với /*con*/ biệt-danh và *con*, từ C_A; /*tình*/, loại-danh, với *tình*, từ B/C, v.v... trở nên rất dễ-dàng nhờ những tính-cách ngữ-âm thêm-thừa này. So-sánh hai tiếng *con* trong *con chó con* chẳng hạn:

con chó con [kənčɔ́ *kɔn*]
$(A_2 - A_1) - C_A$

2.4.2. Một dạng-vị loại-danh được nói ra không những báo hiệu rằng tiếng đi sau nhiều phần sẽ là một loại-danh cấp dưới hoặc một biệt-danh (hay một tư-danh); dạng-vị loại-danh đầu-tiên lại lập tức giới hạn những tiếng đi sau trong một số âm-vận. Chẳng hạn loại-danh /*con*/: khi tiếng [kən] đã được phát ra, thì sau đó chỉ có thể có những dạng-vị chỉ những loài được cho là linh-động như các giống động-vật (/*rồng, hổ, chó, mèo, rắn, rết, bọ, sâu, sư-tử*.../), các vi-trùng, và một vài vật là /*mắt, thuyền, đường, sông*/, v.v... hoặc là không có

dạng-vị nào cả, mà thôi. Ta lại thí dụ rằng sau tiếng /*con*/, người ta nói /*bọ*/. Tiếng /*bọ*/ [bọ] được phát ra rồi, thì sau đó sự chọn-lựa lại được giới hạn vào những tiếng ∅ (*con bọ*) và /*cạp, chó, chét, dừa, gà, hung, ngựa, xít...*/. Tới đây là hết những tiếng có thể dùng làm dạng-vị để cấu tạo danh-từ. Nếu sự phát-âm vẫn tiếp tục, thì tiếng nối tiếp chắc sẽ phải là một từ khác (từ C_A, từ B...).

Ngay cả trong trường-hợp loại-danh mở đầu là /*cái*/, tức là loại-danh có một lãnh-vực lớn nhất : Loại-danh /*cái*/ được phát ra cũng thu hẹp số dạng-vị khả-dĩ dùng được sau đó vào một số âm-vận nào đó. Có thể nói rằng không bao giờ sau dạng-vị /*cái*/ dùng làm loại-danh mà lại có thể có ngay một tiếng như *cái* /*cha, cua, nếu, là, làm, nấu, khê, câm, què...*/ ; ấy là những âm-vận như /*quinh, cã, khịu, gễ, chẻng, vỗng*, v.v.../ là những âm-vận không được dùng bởi việt-ngữ đương-thời. Sự giới-hạn mà loại-danh /*cái*/ bắt những âm-vận đi sau phải chịu để làm thành một từ A cũng không phải là nhỏ.

Với các từ A_O cũng thế. Chẳng hạn như một tư-danh-từ có cấu-tạo $\alpha_3 - \alpha_2 - \alpha_1$. Nếu là tư-danh chỉ một người Việt-nam, thì α_3 phải là ∅ hoặc là một trong số hơn ba trăm tiếng như /*Nguyễn, Trần, Lê, Lí,...*/ mà ta gọi là «họ». Sau đó, là α_2, và α_2 cũng bị giới hạn trong số những tiếng như /*Văn, Thị, Đình, Trọng, Phước, . . .*) trừ khi cũng là ∅ hay là một trong những tiếng khả-dĩ dùng làm α_3 hoặc α_1. Dạng-vị cuối-cùng α_1 khá tạp biệt, nhưng cũng vẫn giới hạn trong một số âm-vận như /*Thư, Thi, Nhân, Nghĩa...*/ hoặc /*Cu, Hĩm, Tũn, Tẻo...*/ và

hầu như không thể nào là /*Này, Đây, Thúi, Bửn, Gớm, Chết*/ được, mặc dầu trong tuyệt-đối không thể có một sự cấm-đoán gì cả.

2 4.3. Lí-thuyết ngữ-lí-học, dựng lên bởi Hockett, cho rằng có thể quan niệm một ngôn-ngữ theo mẫu-hình của một phương-trình Markov. Trên bình-diện ngữ-pháp, điều này có nghĩa là mỗi dạng-vị được nói ra liền giới hạn sự chọn-lựa dạng-vị tiếp theo, cho tới khi hoàn thành một xây-dựng đầy-đủ. Chẳng hạn như khi một người Anh nói /*the*/, thì dạng-vị /*the*/ này sẽ thu hẹp từ đi sau vào trong số những từ thuộc ba loại *nouns* (danh-từ), *adjectives* (phụ-danh-từ) và *adverbs* (phụ-động-từ hay đúng hơn, phụ-phụ-danh-từ), như những thí-dụ sau đây :

danh-từ	phụ-d-t	phụ-phụ-d-t
↓	↓	↓
the man	*the good man*	*the very good man*
the men	*the good men*	*the very good men*
the woman	*the good woman*	*the very good woman*
the women	*the good women*	*the very good women*
the cake	*the good cake*	*the very good cake*
the cakes	*the good cakes*	*the very good cakes*

Lẽ tất-nhiên, số các *nouns*, *adjectives* và *adverbs* trong anh-ngữ cũng nhiều lắm, nhưng dầu sao thì tổng-số các tiếng này, ở số đơn và số nhiều, theo giới-phái dương, âm, hay trung-hòa, cũng vẫn ít hơn tổng-số các tiếng có trong tự-điển.

Thuyết cửa Hockett đã bị phê bình và bác bỏ bởi Chomski (1). Bằng sự luận-lí, Chomski chứng minh rằng không thể dùng thuyết ấy để tả một ngôn-ngữ trong toàn thể được, và thuyết của Hockett đã bỏ qua mất cái sự-kiện cốt-tủy của ngôn-ngữ là sự sáng-tạo. Sự phê-bình này rất xác đáng, và tôi hoàn-toàn công nhận sự lập-luận của Chomski.

Tuy-nhiên, riêng đối với hệ-thống từ A trong việt-ngữ, lí-thuyết của Hockett rất có thể áp dụng được, vì những liên-hệ nội-cấu của một hệ từ A là những liên-hệ một-chiều bất-di-bất-dịch, đi từ những loại-danh cấp trên có tính-cách ngoại-triển đến những loại-danh cấp dưới và những biệt/tư-danh có tính-cách nội-triển ; trong cái chuỗi các dạng-vị dùng làm loại-danh đó, mỗi dạng-vị được thốt ra lại làm cho sự chọn-lựa dạng-vị đi sau bị giới hạn lại trong một số dạng-vị có tính-cách hữu-hạn.

2.5. Các loại-danh làm thành một loại dạng-vị quan-trọng trong ngữ-pháp của việt-ngữ.

Loại-danh là một hiệu-kí nội-cấu của danh-từ Vì tính-cách hiệu-kí này rất mạnh, nên một số rất lớn các loại-danh đã thành những dạng-vị danh-từ-hóa.

2 5 1. Sự danh-từ-hóa diễn-thuật-từ (từ B) là một sự biến-cải có tính-cách ngữ-pháp. Trong việt-ngữ, sự danh-từ-hóa có thể được thực hiện bằng sự thay-đổi cấu-tạo âm-vận của một dạng-vị (từ), chẳng hạn như :

---

(1) Chomski, N. — *Syntactic Structures*, 1c., Mouton x b., 1957.

từ B	*lợp*	⇆	từ A *lớp*
từ B	*bươu*		từ A *bướu*
từ B	*vần*		từ A *vận*
từ B	*gồ*		từ A *gỏ*
từ B	*nấu*		từ A *nồi, niêu*
từ B/C	*nóng*		từ A *nắng*
từ B	*nốc*		từ A *nước*
từ B/C	*mặn*		từ A *muối*
từ B	*vận*		từ A *váy*
từ B	*bú*		từ A *vú*
từ B	*bỏ*		từ A *vỏ* (1)

Sự biến-cải một từ B thành từ A bằng phương-pháp này có thể rất phức tạp và phải đi qua một vài giai-đoạn trung-gian ; chẳng hạn như sự biến-cải

từ B *có* → từ A *của*

thực-sự ra đã phải qua giai-đoạn của hình-thức thụ-động tương ứng với *có*, là *của* :

từ B *có*	→ từ B *của*	→ từ A *của*
(động)	(thụ-động)	

Phép danh-từ-hóa bằng sự thay-đổi cấu-tạo của

---

(1) Trong trường-hợp này, có thể nói rằng có những dạng-vị buộc, thành-phần của một dạng-vị tự-do (từ). Chẳng hạn như :

/*m*-/ trong *mặn, muối, mắm* ;

/*n*-/ trong *nấu, nồi, niêu, nóng, nắng*

Những dạng-vị buộc này chỉ hiện hữu trong một số tiếng (từ) mà thôi. Xem *Cơ-Cấu Việt-ngữ Quyển II*.

dạng-vị chỉ còn được thấy với một số tiếng căn-bản và có lẽ là tối-cổ của việt-ngữ. Cách tạo danh-từ này đã được thay thế bằng một cách khác, tuy có vẻ cầu-kì hơn, nhưng thực ra rất thuận-tiện và tiết-kiệm.

2.5.2. Sự danh-từ-hóa theo cách thứ hai này dùng những dạng-vị loại-danh làm hiệu-kí mở đầu. Các dạng-vị này có tác-dụng ngữ-pháp biến dạng-vị tiếp-nối thành một loại-danh cấp dưới hoặc một biệt-danh, và cái chuỗi $A_n \ldots A_2 — A_1$ của các loại-danh + biệt-danh thành một từ A. Mỗi dạng-vị loại-danh lại có tác-dụng ý-nghĩa-học là đem vào trong nội-dung của từ A cái ý-niệm rằng từ A này chỉ một niệm-thể, và niệm-thể này có hai phạm-trù căn-bản là Số-lượng và Hệ-loại. Tác-dụng ngữ-pháp và tác-dụng ý-nghĩa của loại-danh là hai bình-diện liên-đới của dấu-hiệu ngữ-lí này.

Đối với những dạng-vị có A-tính nghĩa là có tính-cách danh-từ gần tuyệt-đối như *vú, vỏ, váy, muối, nước, nồi, bưởu, cơm, tay, cẳng, mắt*, v.v... thì không cần phải có một loại-danh làm hiệu-kí, ta cũng vẫn có thể khẳng định được từ-loại. Trong những trường-hợp này, có thể nói rằng loại-danh có tính-cách thêm-thừa về phương-diện từ-pháp-học. Chúng ta sẽ trở lại vấn-đề khi xét loại-danh dưới khía-cạnh cú-pháp-học.

Nhưng khi dạng-vị được dùng làm biệt-danh không phải là một dạng-vị A-tính, chẳng hạn như */ăn, làm, cưa, cày, bừa, cuốc, đục/*, thì loại-danh là một yếu-tố hệ-trọng trong cấu-tạo của từ A. Với một dạng vị thích-

hợp khởi đầu, các dạng-vị đi sau sẽ thành ra những biệt-danh trong một danh-từ.

Từ B *cưa* sẽ cho : *cái cưa*
sự cưa
mạt cưa
máy cưa, v.v...

Từ B *cày* sẽ cho : *cái cày*
luống cày
người cày
thợ cày
máy cày, v.v...

Từ B *ăn* sẽ cho : *cái ăn*
thức ăn
đồ ăn
món ăn
sự ăn
bữa ăn, v.v...
$(A_2 — A_1)$

tất cả những từ có loại-danh mở đầu như trên đều là từ A cả.

Các từ A này có thể coi là những hình-thức kết-quả của sự biến-cải danh-từ-hóa những câu tương-ứng. Chẳng hạn như câu :

Δ_1 : *Ông Năm (có) biết*

Biến cải thành một thành-phần danh P (A), câu Δ_1 sẽ cho :

P(A) : *Sự biết của ông Năm*

hoặc : *Cái biết của ông Năm*

Thành-phần danh P(A) này sẽ có thể được dùng để tạo ra một câu khác, chẳng hạn :

Δ_{1-2} : *Sự biết của ông Năm thực là đáng phục*

và như thế nghĩa là đã cho phép ta không phải nói tới hai câu (cơ-cấu chìm của Δ_{1-2}):

Δ_1 : *Ông Năm (có) biết*

Δ_2 : *Sự ấy thực là đáng phục*

Mỗi loại-danh A_2 tương ứng với một mô-hình câu, mỗi biệt-danh A_1 tương ứng với một từ B hay một thành-phần P(B) trong sự biến-cải danh-từ-hóa này. Đó là một điều sẽ được giảng giải trong Quyển *Cú-pháp-học* của sách.

Ở đây, chúng ta chỉ cần để ý đến phương-diện từ-pháp-học. Với một loại-danh thích-ứng, một dạng-vị, mà thường-thường ta vẫn dùng làm từ B/C hay một thành-phần diễn-thuật P(B) ± P(A) có thể được biến cải thành một biệt-danh. Dưới đây là vài thí-dụ :

a—	từ B	từ A tương-ứng
	cuốc	*cái cuốc, (sự cuốc)*
	cào	*cái cào, (bừa cào), (sự cào)*
	bào	*cái bào, (sự bào)*
	khóa	*cái khóa, (chìa khóa), (sự khóa)*
	lao	*cái lao, (sự lao)*
	cặp, kẹp	*cái cặp, cái kẹp, (sự cặp)*

b — từ B/C

đẹp	*cái đẹp, (sự đẹp), (sắc đẹp)*
hay	*cái hay, (sự hay)*
khó	*cái khó, (sự khó)*
khổ	*cái khổ, (sự khổ), (cảnh khổ)*
lạnh	*cái lạnh, (sự lạnh)*
nóng	*cái nóng, (sự nóng)*

V. Ch. — *Cái khó* bó *cái khôn* (Tng)

— *Cái nết* đánh chết *cái đẹp* (Tng)

— *Cái nghèo* sồng-sộc nó thì theo sau
(Nguyễn Công Trứ)

c — B/C hai tiếng

khó-khăn	*sự khó-khăn*
ngớ-ngẩn	*sự ngớ-ngẩn*
vặt-vãnh	*cái vặt-vãnh*

d — nhóm từ B

đáng ghét	*cái đáng-ghét*

đ — thành-phần P(B) + P(A)

khổ tâm	*nỗi khổ-tâm*
lọc nước	*cái lọc nước*
thiêu thân	*con thiêu-thân*
xén tóc	*con xén-tóc*
bảo hoàng	*đảng bảo-hoàng*

V.Ch. — *Cái nóng nung người* nóng nóng ghê
(Nguyễn Khuyến)

e — từ tạp-biệt

V.Ch.— *Cái bây giờ* của cô Tú đã là không đáng kể, và cô chỉ sống bằng mong chờ về *cái mai sau* của cậu Chiêu.

(Ng.T. : VBMT)

g — cả câu

Thí-dụ : — *Cái nó chượt* cũng không tức bằng *cái nó hư.*

— *Cái anh nói ngày hôm qua* thế mà đúng.

— Tôi chỉ tức *cái đã bảo nó rồi mà nó không nghe*

— Nghĩ đến *cái nó lừa mình* mà lộn ruột.

— Được *cái nó cũng biết sợ.*

— Phiền một *nỗi hai đứa nó không ưa nhau.*

V. Ch. — Bực gì bằng *cái chực phòng không tơ tưởng ai chung một tấm chồng.*

(Nguyễn Khuyến)

2.5 3. Sự tiếp-xúc giữa việt-ngữ và hoa-ngữ có lẽ đã bắt đầu từ thời tiền-sử tối-tăm, nhưng các dấu-tích triết-ngữ vẫn chưa được khai triển để có thể khẳng định được điều này (1).

Sứ-mệnh thực-dân (trồng người) ở miền Nam Ngũ Lĩnh mà Tần Thủy-hoàng giao phó cho Triệu Đà đã đánh

(1) Xem Trần Ngọc Ninh — *Nguồn-gốc Việt-ngữ.*

dấu một khúc quanh rất quan-trọng của việt-ngữ. Tuy-nhiên, phải chờ tới đời Hán Quang-Vũ thì sự xâm-nhập của hoa-ngữ vào việt-ngữ mới thực là nặng nề.

Một phép tạo danh-từ mới đã chớm nở sau đó, và đã phát triển một cách mạnh-mẽ từ đời Nhà Lê cho đến ngày nay (1). Khác hẳn với phép tạo danh-từ theo đường-lối việt-nam đã được trình bày ở đoạn trên (2. 5. 1. 2), phép mới này vay mượn thẳng ở tự-vựng trung-hoa những danh-từ như :

hán-tử 'người Hán' với nghĩa là 'gã con trai'

nho-học 'sự học các sách của phái Nho, lấy căn-bản là những kinh-sách của Khổng-tử và môn-đồ chính-thống'

đạo-sĩ 'người theo đạo tu tiên'

Rồi theo phép đặt danh-từ ấy, với những tiếng mượn của hoa-ngữ, người Việt-nam lại đặt thêm ra nhiều danh-từ mới, như :

Hùng-vương 'vua có tên hiệu là Hùng'

Lạc-long-quân 'vị lãnh-đạo lấy biểu-hiệu là con rồng, thuộc dòng Lạc'

Âu-cơ 'người con gái quí-phái thuộc dòng Âu'

---

(1) Đối với Trung-Hoa, phép tạo danh-từ này cũng rất ít dùng trong cổ-văn trước đời Hán.

Chử-đồng-tử 'cậu bé ở ven sông'

trong số các « tư-danh-từ » (1)

và :

loại-danh 'dạng-vị chỉ loại bao trùm cái được chỉ bởi danh-từ'

diễn-thuật-từ 'từ để diễn thuật sử-trình trong một xây-dựng có ngữ-pháp-tính'

v. v. . .

trong số các danh-từ (2). Trong mô-hình từ-pháp của mỗi danh-từ mới này, sự phân-tích cho thấy một dạng-vị căn và một dạng-vị vĩ-phần chỉ định A-tính.

2.5.4. Sau rốt, trong một thời rất gần đây, lại có một số vay-mượn từ pháp-ngữ và anh-ngữ sang việt-ngữ. Hầu hết các vay-mượn này là những danh-từ, như :

ba-toong 'cái cây chống'
ô-tô 'cái xe tự-động bốn bánh'
acid 'một loại hóa-chất'
cua-rơ 'tay đua xe đạp (xe máy)'

---

(1) Dĩ-nhiên là những tư-danh này đã được các vị nho-sĩ Việt-nam đặt ra, sau khi nền đô-hộ của Trung Hoa đã chấm rứt, chứ không phải là tên thực.

Về phương-diện ngữ-pháp, *Hùng-vương* thực ra không phải là một tên riêng, mà là một danh-từ chung cho nhiều người.

(2) Các danh-từ này đã được chính tác-giả đặt ra ; vì thế tác-giả dám nói rằng « người Việt-nam đặt ra » mà không e dè gì cả. Tất-nhiên rằng, ngoài những thí-dụ này ra, còn rất nhiều danh-từ theo mô-hình này và cũng do người Việt-nam sáng tạo.

2.5.5. Tuy-nhiên, phương-pháp tạo danh-từ mới bằng sự dùng loại-danh vẫn là phương-pháp ưu-thắng trong việt-ngữ. Do đó, rất nhiều danh-từ vay-mượn ở hoa-ngữ hay pháp-anh-ngữ cũng bị chụp một loại-danh lên trên :

ô-tô thành *(cái) xe ô-tô*
quốc-kì thành *(cái) lá quốc-kì*
luận-văn thành *(cái) bài luận-văn*

Và lại còn có những trường-hợp mà các nhà văn-phạm chính-thống cho là sai luật, vì loại-danh (việt-ngữ) trùng nghĩa với vĩ-phần (hoa-ngữ) của danh-từ, như :

vua Hùng-vương	(*vương* = vua)
bà Âu-cơ	(*cơ* = bà)
bà Triệu-ẩu	(*ẩu* = bà)
núi Thái-sơn	(*sơn* = núi)
sông Nhị-hà	(*hà* = sông)
người sinh-viên	(*viên* = người)
đường xa-lộ	(*lộ* = đường)
chuyện cổ-tích	(*tích* = chuyện)
cây cổ-thụ	(*thụ* = cây)

và, trong những danh-từ mượn của pháp-ngữ :

người cua-rơ (*coureur*) (/*-eur*/ = người)
chủ-nghĩa mác-xít-lê-nin-nít
(*marxisme-léninisme*) (/*-isme*/ = chủ-nghĩa)

Sự-kiện ngữ-lí trên tỏ ra rằng có một số vay-mượn

đã được tái cơ cấu hóa cho hợp với mô-hình của từ A việt-nam, theo công-thức :

$$\Sigma A \rightarrow\rightarrow A_n - A_{n-1} \ldots . A_1$$

Mỗi vay-mượn này thành một biệt-danh hai-âm-vận buộc liền với nhau ; trên cái biệt-danh ấy, một loại-danh thích-hợp được thêm vào để làm thành một từ A. Những vay-mượn đã được tái cơ cấu hóa bằng sự cộng-hợp một loại-danh, chính là những vay-mượn đã được chấp nhận hẳn vào việt-ngữ đương-thời và đã được dùng một cách thông-thường theo hình-thức ấy.

2.6. Các loại-danh của việt-ngữ làm thành một hệ-thống. Một phần của cái hệ-thống này đã được trình bày với những sơ-đồ ở trên (đoạn 2.3.2.2 và 2.4).

Hệ-thống loại-danh trong việt-ngữ thực ra phức tạp hơn nhiều. Lí-do của tính-cách phức-tạp này được giảng giải bởi những phương-pháp của ngữ-lí-học xuyên-thời cơ-cấu (1). Ở đây và về phương-diện đẳng-thời, chúng ta chỉ có thể nói được rằng có ít nhất là hai lớp cơ-cấu trong hệ-thống loại-danh của việt-ngữ. Lớp thứ nhất, gồm những loại-danh gọi là bẩm-sinh, là lớp có tính-cách đều-đặn, theo nguyên-tắc nhị-nguyên. Lớp thứ hai, gồm phần lớn những loại-danh vay-mượn hay mô-phỏng theo một ngoại-ngữ, là một lớp tạp-biệt và không có sự thống-nhất trong căn-bản. Trong việt-ngữ ngày-nay, các loại-danh thuộc cả hai lớp đều rất phổ thông.

(1) Trần Ngọc Ninh — *Nguồn-gốc Việt-ngữ*.

2.6.1. Loại-danh bẩm-sinh phân ra thành cặp tương-ứng, với những đối-nghịch về các phạm-trù ý-nghĩa-học dính dấp đến các sự-thể của vũ-trụ như được quan niệm bởi người Việt-nam trong thời tiền-sử.

Những cặp đối-nghịch căn-bản là :

$$\textit{cái} \neq \varnothing \begin{cases} \textit{lòng} \\ \textit{nỗi, mối, niềm} \end{cases}$$

$$\textit{cái} \neq \varnothing \begin{cases} \textit{nước} \\ \textit{đá, đất} \end{cases}$$

$$\textit{cái} \neq \textit{con}$$

/nỗi, niềm, mối/ là ba loại-danh cùng chỉ những điều mà người ta cảm hay nghĩ thấy (*mối lo, niềm vui, nỗi buồn*). Ba loại-danh này được gồm chung vào một loại-danh cấp trên, được giả thiết và viết ra là ∅. Loại-danh ∅ được giả thiết này đối lại với loại-danh */cái/* như 'vô-hình' đối lại với 'hữu-hình', hoặc 'vô định' đối lại với 'hữu-định'. Loại-danh */nỗi/* lại được thấy đứng trước dạng-vị */lòng/* (*nỗi lòng*), và */lòng/* cũng là một loại-danh (*lòng thương người*), — vì vậy nên */lòng/* cũng được xếp vào đây.

/đá, đất/ và */nước/* là những loại-danh chỉ quan-niệm chất, đối lại với quan-niệm vật mà loại-danh */cái/* thường chỉ. Hai loại-danh */đá, đất/* chỉ những chất ở thể đặc, mềm hay cứng. Còn loại-danh */nước/* chỉ những chất ở thể lỏng (trong bản-chất)

đá vôi	*đất sét*	*nước lã*
đá ong	*đất bồi*	*nước đá*

/cái/ và */con/* là hai loại-danh thông-dụng nhất của việt-ngữ. Riêng một điều này cũng đủ nói lên sự quan-trọng của cặp *cái/con*. Vì lí-do ấy, cặp loại-danh này phải được khảo sát một cách rất kĩ-lưỡng.

2.6.1.1. Trong việt-ngữ ngày-nay, có ba tiếng */cái/* đồng âm với nhau, và đồng-thời cũng có ba tiếng */con/* đồng-âm với nhau. Một điều đáng chú ý là trong cả ba trường-hợp, đều có sự đối-nghịch trong nội-dung giữa */cái/* và */con/*:

Loại-danh	Danh-từ (hoặc biệt-danh)	Cải-từ
(A_n)	(A_1)	(C_A)
cái 'không-linh-động'	*cái* 'mẹ'	*cái* 'cả, lớn nhất'
con 'linh-động'	*con* 'con'	*con* 'nhỏ, bé'

Sự nhận-xét trên cho phép nêu lên một giả-thuyết rằng ba tiếng */cái/* đồng-âm (1) thực ra chỉ là ba ngữ-dụng

(1) Ba tiếng *cái* này không phải là tất cả các tiếng *cái* của việt-ngữ. Có một tiếng *cái* thứ tư, nghĩa là 'phần đặc'; trái lại với *nước* là 'phần lỏng':

Khôn ăn cái, dại ăn nước (Tng)

Tiếng *cái* này cho một loại-danh, có nghĩa là 'vật có hình-thể'. Loại danh */cái/* này ở cao hơn loại-danh *cái* 'không-linh-động'. Còn một tiếng *cái* thứ năm nữa, là *cái* 'thuộc về phái nữ'. Tiếng *cái* thứ tư này có một biến-thể là *gái* 'thuộc phái nữ trong giống người', và đồng tông với *mái* (*gà mái*), *nái* (*lợn, nái*). Căn chung của *cái, gái, mái, nái* là */-ái/* [*áy*]. Đây là một tông tiếng khác.

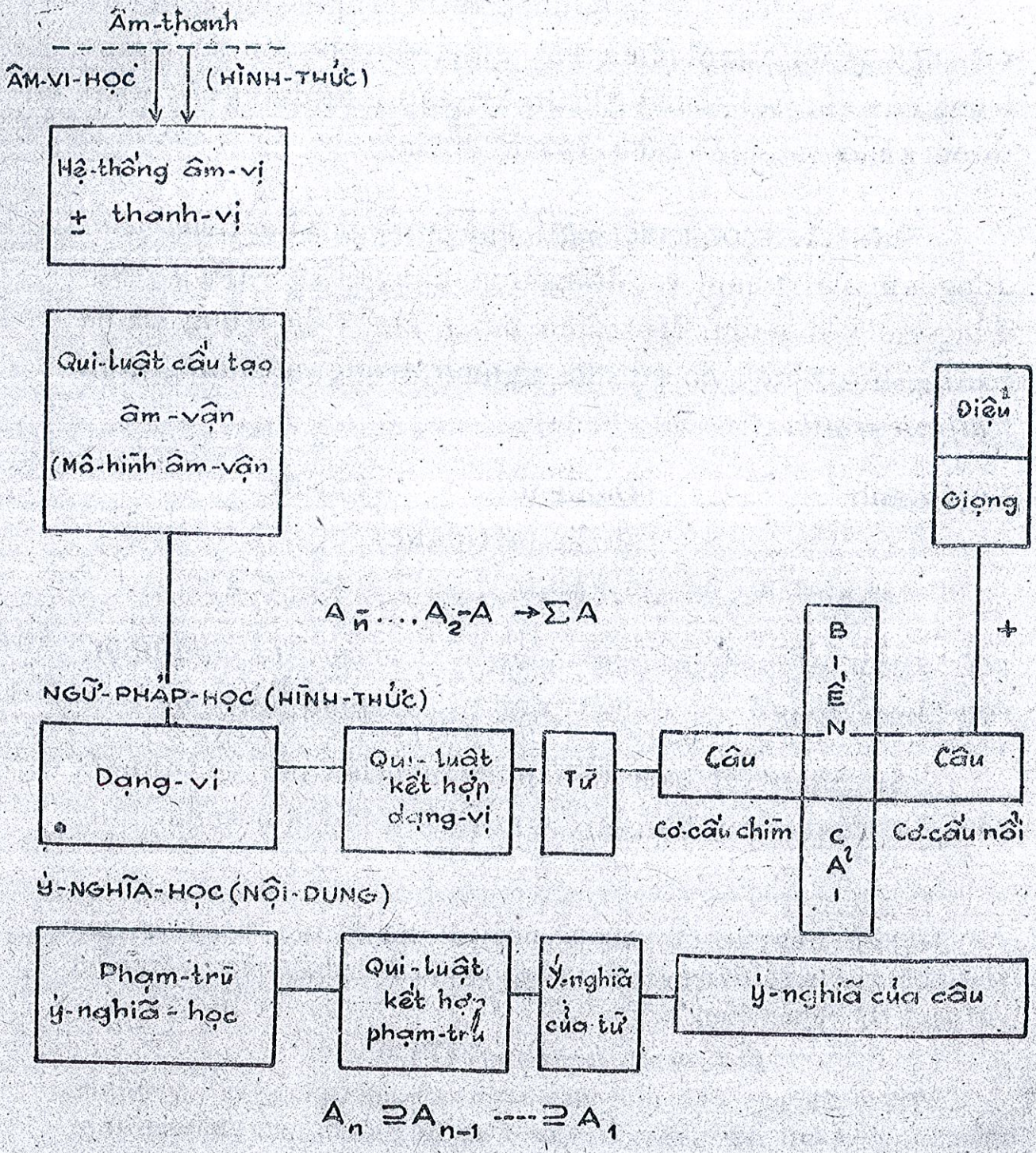

Bảng 18.— *Cơ-cấu đẳng-thời của ngôn-ngữ. Hình-thức và nội-dung của loại-danh trong cơ-cấu của ngôn-ngữ.*

của một dạng-vị mà ta có thể hình dung là *CÁI. Ba tiếng *con* đồng-âm cũng là ba thể của một dạng-vị là *CON. Dạng-vị *CON và dạng-vị *CÁI được định nghĩa bằng sự đối-nghịch CÁI/CON trong tất cả các thể của hai dạng-vị này (1).

Trong việt-ngữ, loại-danh */cái/* có một tính-cách ngoại-triển rất lớn. Mặc dầu sự ngoại-triển ấy đang bị thu hẹp dần từ thế-kỉ thứ 1 đến nay, loại-danh */cái/* cũng vẫn còn được xử dụng một cách tương-đối rất rộng-rãi, và số danh-từ mới có loại-danh *cái* không phải là nhỏ (*cái máy lạnh, cái hỏa-tiễn, cái đĩa bay, cái tôi và cái không-tôi*, v.v...). Sự-kiện này đi đôi với sự chết dần của danh-từ *cái* 'người mẹ' và của cải-từ *cái* 'lớn', mà ta chỉ còn thấy trong một số thành-ngữ đóng, không có thêm đẻ từ nhiều thế-hệ :

• *cái* (từ A)	• *cái* (từ C_A)
con dại cái mang	*vợ cái, con cột*
	ngón cái
	cột cái
Vua Bố Cái	*nhà cái*

Loại-danh */con/* có tính-cách nội-triển so với */cái/* : những danh-từ dùng loại-danh */con/* không nhiều bằng

(1) Về phương-diện ngữ-lí-học lịch-sử */cái/* và */con/* là hai biến-thể của cùng một tiếng gốc là **akal*.

Trần Ngọc Ninh — Thương thảo với ông Bình Nguyên Lộc về từ-nguyên của hai tiếng *cái* và *con* — *Bách Khoa*, 357 : 45, 1971.

Về phương-diện ngữ-lí-học cơ-cấu, */cái/* và */con/* có chung một dạng-vị là */c-/* [k-].

danh-từ dùng loại-danh /*cái*/ ; và nếu không xảy ra một sự-kiện lịch-sử nào tương-tự như những sự-kiện đã đem vào việt-ngữ những danh-từ kiểu *con sư-tử*, *con kì-lân*, hoặc *con vi-trùng*, và *con kăng-gu-ru*, thì chắc rằng số danh-từ có /*con*/ cầm đầu cũng khó mà tăng thêm lên được. Nhưng có lẽ chính vì thế mà hai từ *con* kia vẫn có một đời sống mạnh-mẽ. Người ta vẫn nói *đứa con*, *thằng con* (*con*, biệt-danh), vẫn xưng *con* (*con*, từ A), và vẫn dùng từ C_A *con* 'bé, nhỏ' đối lại với *lớn* (*miếng con*, *củ con*...).

2.6.1.2. Hai loại-danh /*cái*/ và /*con*/ thường được coi là đối nghịch. Ý-nghĩa của sự đối-nghịch này sẽ được giảng giải cho chính-xác trong những đoạn sau.

Sự đối-nghịch trên bình-diện hình-thức có thể khẳng định được một cách vững-vàng, vì có hai nhóm danh-từ hoàn-toàn khác biệt nhau, một là những danh-từ dùng tiếng /*cái*/ làm loại-danh, và hai là những danh-từ dùng /(*cái*) *con*/ làm loại-danh.

Ở bình-diện nội-dung, cũng có một sự đối-nghịch giữa hai loại danh-từ này. Những danh-từ dùng /(*cái*) *con*/ làm loại-danh như *con ong*, *con mắt*, *con thuyền*, đều chỉ những vật được cho là linh động. Ngược lại, những danh-từ dùng /*cái*/ làm loại-danh đều chỉ những sự-vật mà người ta không nhận là linh-động, như *cái bàn*, *cái mũi*, *cái xe*....

Bảng 19 trình bày sự đối-nghịch giữa hai từ A trong toàn diện.

Từ A *cái* ± (A_2) + A_1 (A_2 ≠ *con*)	Từ A (*cái*) + *con* + A_1 (A_2 = *con*)
• *Tính*	0
• *Tình (lòng)*	0
• *Sự (nỗi, niềm, mối)*	0
• *Mùi, Vị*	0
• *Tiếng*	0
• *Chất* : *Hơi*	0
Nước, Dầu	0
Đất, Đá	0
• Vật không-sống không-linh-động	• Vật không-sống, được coi là linh-động
Tất cả : *Cây, Cỏ*	0
Núi, Hồ, Ao, Bể	*con sông, con nước* *con đường,*
Đồ : *cái xe*	*con thuyền, con dao*
cái kim	*con quay (vụ), con chỉ*
cái thư, cái dấu	*con dấu, con tem (cò)*
cái tượng	*con giống, con ráy*
Hình : *cái chữ*	*con số, con chữ*
cái tiếng	*(con năm, con tám)*
Công-việc : *cái tính*	*con tính*
Quan-niệm trừu-tượng :	
cái hồn, cái phách	*con tì, con vị, con tim*
cái đẹp, cái giỏi	
cái ma	*con ma, con quỉ*
	V. Ch.— *con tạo*

• Bộ-phận trong cơ-thể : *cái mình, cái đầu* *cái ruột, cái dạ-dày...* và tất cả các bộ-phận, các cơ-quan trong người, (trừ hai ngoại-lệ kể ở cột bên)	• Bộ-phận trong cơ-thể : *con mắt* *con ngươi* Trong cơ-thể người đàn ông, còn có một bộ-phận nữa được coi là linh-động và dùng loại-danh (*cái*) *con* (1). Trong cơ-thể người đàn bà, không có một cơ-quan linh-động nào khác, ngoài *con mắt*, và trong con mắt, *con ngươi* (2).
• 0 con vật có sự sống, trừ *cái ghẻ* (3)	• Các con vật có sự sống : *con voi, con muỗi*

(1) Thơ của Hồ Xuân Hương có câu :

Chàng bảo chịu, thiếp rằng chưa chịu,
Thua thì thua, quyết níu lấy con

Con này là 'cái con ấy'.

(2) Truyện cổ-tích kể : một người đàn bà được chồng yêu nên nảy ra ý muốn rằng cái của mình cũng được gọi là *con*, và phong cho nó cái tên là *con đù đì* (hay *con tù lì*), rồi bắt anh chồng đi khắp nơi để nói cái tên mới ấy cho mọi người nghe. Nhưng không có một ai biết cái « con » ấy là con gì cả.

Xem Nguyễn Văn Ngọc — *Truyện Cổ Nước Nam.*

(3) *Cái ghẻ* (Sarcopte) là trường-hợp độc nhất trong đó một động-vật bị gọi là *cái*, và không được gọi là (*cái*) *con*. Sự lầm-lẫn

• 0 người trừ con gái nhỏ : *cái Tũn, cái Hĩm* (đứa con gái nhỏ tên là *Tũn*, là *Hĩm)*	Người khi còn nhỏ : *con Hai* *con gái, con trai* Cồ { *con đứa* *con đỏ* *con cháu* Người với ý khinh thị *con đĩ, con bạc* *con buôn, con bệnh* *con ở, con vú, con đòi, con sen.*

Bảng 19. — *Lãnh-vực của hai loại-danh bẩm-sinh* cái *và (cái)* con.

Sự phân-biệt *con / cái* dĩ-nhiên không phải là một sự phân-biệt theo đúng khoa-học ngày-nay. /*con*/ và /*cái*/ chỉ là hai dạng-vị đã được dùng bởi việt-ngữ để diễn một sự đối-nghịch ngữ-lí mà nay ta gọi là 'linh-động' /

---

này đã được sửa lại : nay ta gọi là *con cái ghẻ*. Trong cấu-tạo của danh-từ này, loại-danh /*con*/ đứng trước loại danh /*cái*/ và là một chứng-tích về sự tiến-bộ trong tự-nhiên-học của người dân.

Ngược lại, *cái dấm, cái mẻ* vẫn là loại /*cái*/. Tiếng /*cái*/ này chưa chắc đã là một loại-danh bẩm-sinh, mà có thể là một biệt-danh với nghĩa là 'mẹ', được đôn lên làm loại-danh khi *cái dấm, cái mẻ* được chấp nhận là danh-từ (chứ không còn là '*cái* của dấm', '*cái* của mẻ' nữa).

'không-linh-động', chỉ vì không có những tiếng khác và hơn để mà gọi. « Linh-động » và « không-linh-động » đối nhau trong một cái vũ-trụ-quan cổ-sơ biểu hiện trong ngôn-ngữ của người Việt. Sự đối-nghịch ngữ-lí ấy, như tất cả các sự đối-nghịch khác, bị chi phối bởi sự tương-đồng và sự tương-phản.

Loại-danh */cái/* và */con/* đều chỉ được dùng khi cái-được-chỉ bởi danh-từ là một vật-thể hiển-hiện, hầu hết là với một hình-thù và một khối-lượng mà giác-thức có thể nhận ra được. Đó là sự tương-đồng làm nền-móng cho sự đối-nghịch. Những cái không có hình-khối tự mình như *nước, lửa, hơi*, những cái hoàn-toàn trừu-tượng như *tình, ý*, những cái có tính-cách thuần-túy tinh-thần như *thần, thánh, ma, quỉ*, đều ở ngoài vòng của hai loại-danh */cái/* và */con/*, trừ những trường-hợp có một sự thể-hiện rõ-ràng mà người nói cũng như người nghe đều đã chấp nhận là có thực, chẳng hạn như :

— *cái nước chè mạn sen lúc nãy*
— *cái ý muốn của nó*
— *cái ông thành-hoàng-làng làng bên*
— *con quỉ dâm-dục ấy*
— *con ma cây gạo*
— *con nước ; (cái) ngọn lửa ; (cái) luồng hơi*

Trong cái khuôn-khổ của sự tương-đồng này, sự tương-phản được đặt ra. Tính-cách đối-nghịch về nội-dung giữa hai loại-danh */cái/* và */con/* rất có thể không còn ở trong ý-thức của những người nói tiếng Việt ngày nay nữa. Trong đời sống bình-thường, chắc-chắn rằng

không có ai thường-xuyên đặt vấn-đề đối-nghịch này cả. Nhưng bất cứ lúc nào, vào bữa cơm, trong một buổi đi chơi ngoài đồng cỏ, hay khi đọc sách ngâm thơ, nếu thấy nói đến *cái vịt*, *cái sáo*, *cái cờ*, tự nhiên ta hình dung ngay ra một cái gì đó, khác biệt với *con vịt*, *con sáo* và *con cờ* : sự khác-biệt ấy chính là sự tương-phản nội-dung nằm trong sự đối-nghịch ngữ-lí *cái/ con* và được mở rộng ra cho bao trùm cái ý-nghĩa của danh-từ dùng một trong hai tiếng ấy làm loại-danh. Sự đối-nghịch *cái/ con* không bộc lộ trong ý-thức của ta, nhưng vẫn tiềm tàng và vẫn là cái căn-bản để đánh dấu một số ngữ-hiệu thuộc loại từ A, về cả phương-diện hình-thức lẫn phương-diện ý-nghĩa.

2.6.1.3. Trong việt-ngữ, đối-nghịch *cái/ con* có một vài tính-cách đặc-biệt. Những tính-cách này có thể lộ ra rõ hơn nếu ta so sánh việt-ngữ với những ngôn-ngữ khác, hoặc cùng nguồn-gốc, hoặc xa-lạ và không có liên-hệ lịch-sử gì với ngôn-ngữ việt-nam theo ngữ-lí-học hiện-đại.

Trên thế-giới, việt-ngữ không phải là ngôn-ngữ độc-nhất phân biệt sự linh-động hay không-linh-động của các vật-thể để dùng làm một hình-thức ngữ-lí. Một số rất lớn các ngôn-ngữ thuộc gia-đình môn-việt như mường, bahnar, stieng, bru, chrau,... tức là hầu hết chi đông của ngữ-tộc đều có sự phân-biệt ấy (1). Đó là một sự-kiện gần như tất-nhiên, vì việt-ngữ cũng phát xuất từ gia-đình ngữ này. Sự liên-hệ thân-tộc ở nguồn-gốc giữa việt-ngữ

(1) Trần Ngọc Ninh — *Nguồn-gốc Việt-ngữ*.

và các ngữ của khối bahnar-mường đã được chứng minh bởi những tương-quan âm-vị trong những tiếng cùng-gốc và bởi một số cơ-cấu căn-bản của ngữ-pháp, trong đó phải kể đối-nghịch linh-động / không-linh-động.

Tuy nhiên, môn-ngữ không dùng sự đối-nghịch ấy trong cấu-tạo của các danh-từ (1), và là một ngoại-lệ đáng kể trong ngữ-tộc môn-việt. Vì không trực-tiếp nghiên cứu ngôn-ngữ này và các thổ-ngữ thân cận ở Miến-điện, Thái-lan, nên tôi không biết rằng môn-ngữ đã bỏ cái phạm-trù của danh-từ này đi hay là không có phạm-trù ấy ngay từ nguồn-gốc. Dầu sao, đây cũng là không điều đáng ghi nhớ.

Ngay cạnh ngữ-tộc môn-việt, ngữ-tộc thái (bao gồm thái-ngữ, nùng-ngữ, thổ-ngữ, dioi-ngữ) cũng có phát biểu một sự đối-nghịch 'linh-động' / 'không-linh-động' trong hình-thức của danh-từ. Nội-dung của sự đối-nghịch này có một vài điểm nhỏ không giống (2) như trong việt-mường-ngữ ; nhưng điều quan-trọng là cũng có một cặp loại-danh để biểu hiện sự đối-nghịch ấy, và giả-thuyết về một liên-hệ thân-tộc khu-vực rất có thể được nêu ra ở đây để giảng giải sự-kiện ngữ-lí đó.

Hoa-ngữ và mãlai-indonêsi-ngữ trái lại không biểu hiện sự đối-nghịch 'linh-động' / 'không-linh-động' trong cơ-cấu danh-từ (2), tuy các ngữ này cũng có một hình-

---

(1) H.L. Shorto — Thông-báo riêng cho tác-giả (1972).

(2) Trần Ngọc Ninh — *Nguồn-gốc Việt-ngữ*.

thức gần giống như loại-danh, mà tôi gọi là *số-danh*. Những số-danh này chỉ được dùng khi số-lượng của vật-thể được xác định một cách rõ-ràng trong lời nói. Chúng không biểu lộ sự đối-nghịch nhị-nguyên của việt-ngữ mà diễn tả một quan-niệm đa-phương về vũ-trụ, với nhiều loại vật-thể khác nhau về công-dụng và hình-dáng (dài-ngắn, tròn-méo, dầy-mỏng, v. v..). Những số-danh này hầu như là không có trong cổ-văn hoa-ngữ và chỉ mới xuất hiện một cách dè-dặt từ đời Hán. Vì lẽ ấy, tôi nghĩ rằng số-danh có thể là loại-danh trong nguồn-gốc và là một sắc-thái ngữ-lí mà các dân-tộc miền Nam, nói một cổ-ngữ dòng môn-việt hay thái, đã đem vào hoa-ngữ trong thời lịch-sử, nghĩa là mới vào khoảng hai mươi lăm thế-kỉ trở về đây là cùng mà thôi. Nhưng sau đó, với sự bành-trướng và công-cuộc thực-dân của khối hán-tộc, thì một số những số-danh của hoa-ngữ lại được truyền lại vào việt-ngữ, thái-ngữ, và làm đảo lộn cái hệ-thống loại-danh của các ngôn-ngữ này.

Đối-nghịch 'linh-động' / 'không-linh-động' còn được thấy trong santali-ngữ (1), một ngữ thuộc tộc dravidian ở Ấn-độ. Tamul-ngữ (2), cũng thuộc ngữ-tộc này, lại không có sự đối-nghịch trên, nhưng cũng chấp nhận một sự đối-nghịch là 'người' / 'không-người'. Trong việt-ngữ, chrau-ngữ, bru-ngữ, sự đối-nghịch thứ hai này cũng có và nằm dưới phạm-trù *con*. Vì lí-do ấy,

(1) Heuman, E. (theo Gabelentz, G.V.D — *Die Sprachwissenschaft*).

(2) Bindseil, H. E. : *Abhandlungen zur allgemeinen vergleichenden Sprachlehre*, 1838, 1 cuốn.

nhiều nhà ngữ-lí-học như Hjelmslev (1956) (1) coi hai sự đối-nghịch ấy là hai phạm-trù ngữ-pháp liên hệ với nhau một cách rất chặt-chẽ.

Bên bờ bên kia của Thái-bình-dương là địa-hạt xưa của các ngôn-ngữ Mĩ-châu, đối-nghịch 'linh-động' / 'không-linh-động' có trong những hệ-thống danh-từ của các ngữ tiêu-biểu sau đây : algonkin, (Müller, 1882) (2), cherokee, maya-kice, totonak, misték, sapotek, tarask, páez, yunka. Một số ngữ liên hệ với các ngữ trên cũng có sự đối-nghịch ấy ; chẳng hạn như cree, narraganset, delaware (3) là những ngữ cùng thuộc một ngữ-tộc với ngữ algonkin. Nhưng cũng có nhiều ngoại-lệ. Có ngữ không dùng đối-nghịch này nữa, mà lại đổi sang dùng đối-nghịch 'người' / 'không-người', như miskito-ngữ và nahuatl-ngữ (Müller) (4). Và sau cùng, một vài ngữ thuộc nhóm arawak ở khu Bolivi dùng cả hai sự đối-nghịch trên trong hình-thức danh-từ.

Trong địa-hạt Phi-châu, ngữ-tộc bantu, bao gồm nhiều ngôn-ngữ của miền tây-nam lục-địa, cũng chấp nhận đối-nghịch 'linh động' / 'không-linh-động', và dưới đối-nghịch này, lại còn những phân-loại như người, vật, cây, trái, đồ. Hình-thức ngữ-lí là những tiếp-đầu-phần đặc-biệt đính vào các căn mà làm thành những danh-từ.

---

(1) Hjelmslev, L. — *Animé et inanimé, personnel et non-personnel*. Travaux de l'Institut de Linguistique, Paris, I : 155-199, 1956.

(2) Müller, F.— *Grundriss der Sprachwissenschaft*, Quyển 2, Wien, 1882.

(3) Bindseil, *S.đ.d.*

Những tiếp-đầu-phần này có thể coi là tương đương với loại-danh trong việt-ngữ hay số-danh trong hoa-ngữ (1). Cũng ở Phi-châu, lại có một vài ngôn-ngữ như bariba dùng tiếp-vĩ-phần làm dạng-vị chỉ loại cho các danh-từ.

Ngữ-tộc chamito-semitic ở Bắc-Phi và Trung-Đông trái lại không có đối-nghịch 'linh-động' / 'không-linh-động'. Nhưng trong ngữ-tộc này, ngữ hebreu lại có một sự đối-nghịch 'đực' / 'cái' vô-cùng phức tạp trong cấu-tạo của danh-từ.

Đối-nghịch 'linh-động' / 'không-linh-động' đã được chứng tỏ là một sắc-thái cốt-yếu của ấn-âu-ngữ nguyên-thủy (2). Nhưng các ngôn-ngữ bắt nguồn từ nguyên-ngữ ấn-âu đã biến đổi theo nhiều chiều-hướng khác nhau. Cái hệ-thống đầu-tiên theo Meillet và Vendryes (1924) là :

- linh-động (không-trung-hòa)
  - dương (đực)
  - âm (cái)
- không-linh-động (trung-hòa)

---

(1) Chẳng hạn : *Ouganda* = nước (Ou) - *ganda*
Baganda = người (Ba) - *ganda*
louganda = tiếng (lou) - *ganda*.

(2) Bindseil : *S.đ.d.*

Meillet, A.— *Recherches sur l'emploi du génitif-accusatif en vieux slave*, Thèse, 1897.

Meillet, A. et Vendryes, — *Tralté de grammaire comparée des langues classiques* 1924.

Hjelmslev, L. — *S.đ.d.*

Cái hệ-thống ấy rất đặc biệt vì kết hợp hai tiểu-hệ, gồm sự đối-nghịch 'linh-động'/'không-linh-động' và sự đối-nghịch 'âm'/'dương'. Cổ-ấn-ngữ và trung-ấn-ngữ còn giữ cái hệ-thống ấy với ba tiểu-loại, âm, dương và trung-hòa. Nhưng rồi hệ-thống này bị bỏ đi ở hầu hết các ấn-ngữ ngày-nay, trừ có vài thổ-ngữ ở miền Tây; lại cũng có một số ngôn-ngữ như singali (Tích-lan) và armeni (miền Caucase) mới trở lại cái hệ-thống nguyên-thủy trong toàn-thể hoặc trong một phần (1). Ở thế-kỉ thứ 6, thứ 7, tokhari-ngữ (nay đã thành tử-ngữ) cũng đã làm như thế. Ngoài ra còn phải kể một số slavi-ngữ (nga, tchek (tiệp)....) nữa.

Lại có một số ngôn-ngữ ấn-âu đã thêu dệt cái hệ-thống trên cho phức tạp hơn, như nhiều ngữ slavi (slovaki, polan, bielo-nga, ukrain). Hệ-thống phức-tạp nhất là hệ-thống của sorab-ngữ, cũng thuộc ngữ-tộc này (2). Một vài ngôn-ngữ lại biến cải cái đối-nghịch nguyên-thủy đi, như hittit-ngữ và scandinavi-ngữ thì dùng đối-nghịch 'chung'/'trung-hòa'; hoặc bulgari-ngữ thì dùng đối-nghịch 'người'/'không-người'. Những đối-nghịch tân-

---

(1) Bloch, J.— *L'indo-aryan du Véda aux temps modernes* (theo Hjelmslev, *S.đ.d.*).

(2) Hệ-thống phân-loại danh-từ trong ngữ-pháp sorab là:

- linh-động
  - dương
    - linh-động
      - người
      - không người
    - không l.đ.
  - âm
- không-linh-động

(theo Hjelmslev, 1956)

tạo này, tuy vậy, vẫn còn có thể coi là những biến-thể của đối-nghịch 'linh-động'/'không-linh-động' được.

Cũng có những ngành ấn-âu bỏ luôn cả cái đối-nghịch 'linh-động'/'không-linh-động' của ngôn-ngữ thủy-tổ đi, mà giữ lại cái đối-nghịch nhị-cấp là 'âm'/'dương', và đồng thời tước bỏ gần hết cái ý-nghĩa của 'âm'/'dương', là 'cái'/'đực' đi. Đó là trường-hợp của các ngữ celtic (cổ-celt, irelan, gaelic, wels, breton, cornwall), các ngữ roman (itali, espanha, catalan, latin, pháp), albani, lettuani và lituani-ngữ.

Sự giản-dị-hóa có thể đi xa nữa, như trong anh-ngữ: mặc dầu các ngữ germanic (đức-ngữ, icelan-ngữ và neerlan-ngữ) vẫn giữ hệ-thống phân-loại danh-từ của nguyên-ngữ ấn-âu, nhưng anh-ngữ, cũng thuộc họ germanic, lại bỏ hẳn cái hệ-thống ấy trong các danh-từ. Tuy nhiên, sự phân-biệt 'linh-động'/'không-linh-động' và 'âm'/'dương' vẫn còn để dấu-tích trong hệ-thống đại-danh-từ. Các danh-từ thì đều dùng tiết-từ *the* cả, nhưng những tiếng thay thế thì phải phân biệt:

linh-động			không-linh-động
người		không-người	
who		*which*	*which*
who		*what*	*what*
dương	âm		
he	*she*	*it*	*it*

2.6.1.3. Về phương-diện nội-dung, cặp *cái/ con* biểu hiện sự đối-nghịch 'linh-động' / 'không-linh-động' như được chấp nhận trong việt-ngữ.

Theo sự hiểu-biết của chúng ta ngày nay, thì sự đối-nghịch ngữ-lí này quả có những chỗ sai-lầm thực. Như *con đường*, thì đâu có tự-nhiên linh-động mà cũng gọi là « *con* » như *con sông* ; vì như Pascal đã viết : « sông là những con đường tự-nhiên di chuyển ». Hoặc *con quay* (*con vụ*), *con thuyền*, *con dao*, *con mắt*, nếu mà có động đậy được thì chỉ là vì người ta làm cho nó động, nào có khác gì *cái diều*, *cái xe*, *cái chầy*, *cái tay*, *cái đàn*, mà cũng thuộc loại « *con* » ; và cuối-cùng thì có một « *con* », thuộc loài sinh-vật, bò được, cắn được, mà lại bị là « *cái* », là (*con*) *cái ghẻ*.

Như đã được trình bày ở trên, sự đối-nghịch *con/ cái* được coi là biểu hiện của sự đối-nghịch 'linh-động' / 'không-linh-động' chỉ vì lí-do thuận-tiện. Các cơ-cấu của ngôn-ngữ thì đã thành hình từ muôn đời về trước, mà cái trí-thức của chúng ta thì biến đổi luôn-luôn ; hơn nữa, sự xử-dụng ngôn-ngữ trong đời sống hằng ngày là một công-việc rất ít khi đòi hỏi phải phân tích và cân nhắc từng tiếng hay từng dạng-vị một. Như vậy thì làm sao mà chẳng có một vài cách nói cổ-xưa di rớt lại trong ngôn-ngữ của ta ngày nay, nhất là trong ngôn-từ của trẻ con (*con vụ*) và của các giới chuộng cổ như các văn-nghệ-sĩ (*con thuyền*, *con đường*...).

Sự-kiện này không phải chỉ riêng có trong việt-ngữ. Trong tất cả các ngôn-ngữ đã được kể ở trên, khi hình-

thức danh-từ biểu hiện một sự phân-loại như 'linh-động'/'không-linh-động', 'người'/'không-người', hoặc 'âm' (cái)/'dương' (đực), thì luôn-luôn có những trường-hợp đứng ra ngoài cái lệ chung. Như trong nga-ngữ chẳng hạn, cũng dùng đối-nghịch 'linh-động'/'không-linh-động' trong sự cấu-tạo danh-từ như việt-ngữ, và cũng lại có những danh-từ dùng hình-thức không-linh-động mà chỉ 'người', như:

výcti zámuž 'lấy chồng'
(đi theo một người đàn ông)

và ngược lại, có những danh-từ có hình-thức linh-động mà lại chỉ cái không-linh-động như:

tuz 'lá bài ách'
trepák 'một điệu vũ'
tumák 'cái bạt tai'
pinók 'cái đá, ngọn cước'

(Người Nga nói *dat' kmú tumaká* 'cho hắn một cái tát'; *dat' komú pinká* 'cho hắn một cái đá': các danh-từ *tumak, pinok* theo sự uyển-biến của danh-từ loại 'linh-động').

Trường-hợp trên đây của nga-ngữ có thể được thay thế bằng tchek-ngữ, hay bằng bantu-ngữ, algonkin-ngữ (1), v.v... Sang đến đối-nghịch 'người'/'không-

(1) Như Algonkin-ngữ (Bắc-Mĩ) cũng phân biệt hai loại danh-từ, linh-động và không-linh-động. Trong loại 'linh-động' (người và giống vật) lại có trái framboise, cái ấm đun nước cái đầu gối (Bloomfield), mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, sấm, tuyết, băng, lúa mì, bánh mì, thuốc lào, xe trượt tuyết, cái bật lửa... (Vendryes). Ngược lại, trái dâu, cái chén, cái chân . . lại vẫn là loài 'không linh-động'.

người cũng thế: việt-ngữ có *ông sao, ông hùm, cái Tũn, cái kiến*, thì ukrain-ngữ cũng xếp các gia-súc vào cả hai loại; iroq-ngữ thì cho đàn ông là loại trên, còn đàn-bà thuộc về loại dưới cùng với súc-vật và đồ vật! Đối-nghịch âm/dương hay cái/đực lại còn cho phép nhiều sự tự-do hơn nữa: trường-hợp của pháp-ngữ về phương-diện này (1) có thể coi là điển-hình, vì hầu hết các danh-từ thuộc «giống đực» không biết «đực» ở điểm nào, và nếu thuộc về «giống cái» thì cũng không có lí-do nào để là «cái» hết (2). Ngay cả đến anh-ngữ cũng thế, vì cái tàu (*ship*) thì được coi là loài người thuộc phái nữ (*she*), còn đứa bé con (*infant, baby, child*) thì thuộc loại không phái (*it*).

Tất cả các sự-kiện ngữ-lí trên tỏ ra là một điều, là cái cơ-cấu ý-thức của con người thay đổi từ dân-tộc này sang dân-tộc kia và trong một văn-hóa, từ thời-đại này sang thời-đại khác. Nếu chúng ta lấy những quan-niệm khoa-học và dùng óc luận-lí của đời nay mà nhìn vào những phạm-trù đã được xây dựng vào trong cơ-cấu của một ngôn-ngữ từ khi chưa có lịch-sử, thì tất-nhiên

---

(1) Theo Vendryes (*Le Langage*, 1923): «Phạm-trù phái-tính theo ngữ-pháp của ta thiếu khả-năng để biểu diễn phái-tính tự-nhiên đến nỗi rằng trong tiếng pháp, phần nhiều ta không có một cách nào để nói lên được sự phân-biệt về phái-tính bằng một hình-thức ngữ-pháp».

(2) Đó là chưa kể những trường-hợp đổi giống như pháp-ngữ *prophète* (nhà tiên-tri), *pape* (giáo-hoàng) ở thời Trung-cổ thì theo giống «cái», nay lại theo về giống «đực»; ngược lại, *ardeur* (sự hăng-say), *horloge* (cái đồng-hồ), trước kia là giống «đực», nay lại được đổi sang giống «cái».

sẽ thấy rằng có những điểm mà chúng ta không thể đồng ý được. Nhưng điều lạ-lùng và kì-diệu là những điểm sai-lệch ấy rất ít và chỉ là những ngoại-lệ mà người ta có thể kê khai ra được; hoặc nếu, (như trong pháp-ngữ, đức-ngữ với phạm-trù trung-hòa /đực/cái), những điểm sai-lệch này rất nhiều, thì đó chỉ là vì chính chúng ta đã có những ý-nghĩ sai-lầm về ý-nghĩa của mấy tiếng « đực », « cái » trong ngữ-lí-học mà thôi.

2.6.1.4. Sự đối-nghịch hình-thức *cái* / *con* mà ta đã cho là tương ứng với sự đối-nghịch ý-nghĩa 'không-linh-động' / 'linh-động' lại còn một sắc-thái đặc-biệt nữa.

Nói rằng /*cái*/ và /*con*/ đối nghịch với nhau thực ra chỉ là vì lí-do tiện-lợi. Sự đối-nghịch hình-thức đầy-đủ phải được đặt rõ là:

cái/ (*cái*) *con*

như đã được trình bày ở đoạn 2.6.1.2. Dạng-vị /*cái*/ có thể đặt trước dạng-vị /*con*/ được, và khi đó thì phải nhận rằng tập-hợp $\{con\}$ thuộc về tập-hơn $\{cái\}$. Cũng bởi vậy, nên /*con*/ không thể thay thế /*cái*/ được, nhưng ngược lại /*cái*/ có thể thay thế /*con*/:

cái Tũn
cái kiến
cái cò

V.Ch.— *Thương nhà mỏi miệng cái da-da* (1)
(Bà Huyện Thanh Quan)

(1) Thí-dụ văn-chương này được đặt ở đây một cách cố ý. *Da-da* là con gà gô, rất ít khi được gọi là *cái da-da*; nhưng tác-giả

Sự-kiện hình-thức trên tỏ ra rằng sự đối-nghịch ý-nghĩa giữa /*cái*/ và /*con*/ không phải là một sự đối-nghịch nhị-nguyên giữa hai phân-loại khuynh loát nhau, mà là sự đối-nghịch giữa toàn-thể và phần-tử: /*cái*/ là một loại-danh có tính-cách bao-quát hơn /*con*/ và bao trùm những danh-từ dùng /*con*/ làm loại-danh. Nói một cách khác, /*con*/ khác /*cái*/ nhưng nằm trong /*cái*/, như một đứa trẻ ở trong lòng mẹ nhưng không thuộc về từng-lớp của mẹ trong hệ-thống thân-tộc. Cái tương-quan này có thể diễn ra được bằng sơ-đồ :

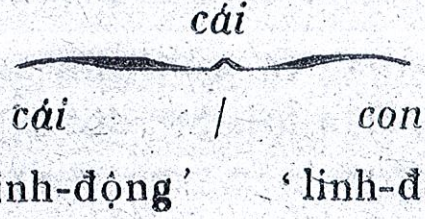

Như thế nghĩa là, trong cái tương-quan ngữ-lí giữa hai loại-danh /*cái*/ và /*con*/, sự đối-nghịch 'không-linh-động'/'linh-động' phụ thuộc vào sự đối-nghịch 'cái bao-trùm'/'cái bị-bao-trùm'.

đã tự cho cái quyền dùng loại-danh /*cái*/ ở đây, để đối chọi *cái da-da* với *con cuốc-cuốc*.

Bài thơ viết theo cách abc, lại đổi chính-tả đi, và viết là :

Nhớ nước đau lòng con quốc-quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia

Đối với thổ-âm miền Bắc, viết như vậy thì cũng không sao cả, vì cách đọc in hệt như khi viết là *cuốc-cuốc* và *da-da*, mà lại giúp để hiểu sự chơi chữ vì *quốc* = nước, và *gia* = nhà. Nhưng đối với thổ-âm miền Nam thì [ja] khác hẳn [za] : hai câu này thành ra khó hiểu.

Sự đối-nghịch 'bao-trùm'/'bị bao trùm' là một cơ-năng rất đặc-sắc của việt-ngữ (1). Những hình-thức tương-đương là 'lớn'/'nhỏ'; hoặc 'toàn-thể'/'phần-tử' được dùng trong những trường-hợp đặc-biệt. Sự đối-nghịch này vượt lên trên sự đối-nghịch 'không-linh-động'/'linh-động', và làm cho hai phạm-trù của cái cơ-năng sau không khuynh loát nhau mà lại cộng tác với nhau. Bởi vậy nên có những trường-hợp trong đó /*cái*/ được dùng thay thế/*con*/, hoặc đi đôi với /*con*/ thành /*cái con*/.

2 6.1.5. Đối-nghịch 'linh-động'/'không-linh-động' (và đối-nghịch 'người'/'không-người') là một cơ-năng ngữ-lí quan-trọng trong nhiều ngôn-ngữ xưa và nay. Đối-nghịch ấy được dùng trước hết là để cấu tạo các danh-từ. Nhưng thực ra thì cái cơ-năng này còn thâm trọng hơn nữa, và phải được coi là một phạm-trù ngữ-lí bao-quát, nằm chìm trong cái cơ-cấu toàn-khối của ngôn-ngữ và chỉ có một phần là hiển hiện, với những hình-thức thay đổi tùy theo mỗi ngữ.

Đối-nghịch 'linh-động'/'không-linh-động' và

---

(1) Ngay cả trong sự liệt-kê, đối-nghịch bao-trùm/bị-bao-trùm cũng biểu lộ, trong những cặp tiếng như *vợ-chồng, rừng-núi, nhà-cửa, tóc-tai*... Cái thứ-tự này có khi ngược lại với thứ-tự trong những cặp tiếng việt.hoa tương-đương (*phu-thê, sơn-lâm*,...) vì cơ-cấu ý-nghĩa của người Trung-Hoa thường dùng sự đối-nghịch 'trên'/'dưới'.

Trong ngôn-ngữ ngày-nay, đối-nghịch này không còn hiệu-quả nữa.

đối-nghịch liên-hệ 'người' / 'không-người' được mở rộng ra cho cả hệ-thống đại-danh-từ và hệ-thống diễn-thuật-từ nữa.

	'Linh-động'		'Không-linh-động'
Từ A	*(cái) con* A_1		*cái* A_1
	'người'	'không-người'	
	người	*con*	*cái*
Từ $ĐA_1$	*ai*	*gì*	*gì*
	hắn	*nó*	*nó*

Bảng 20.— *Cơ-cấu đối-chiếu của danh-từ (từ A) và đại-danh-từ (từ* $ĐA_1$*) qua đối-nghịch linh-động / không-linh-động và đối-nghịch người / không-người.*

Hệ-thống đại-danh-từ của việt-ngữ phản ánh những đối-nghịch căn-bản của hệ-thống danh-từ. Hai tiếng *cái* và *con*, khi được dùng làm từ ĐA, vẫn giữ cái nội dung tiềm ẩn trong sự đối-nghịch *cái / con* của các từ A, nhưng dĩ-nhiên là với những ý-nghĩa rất chính-xác mà hoàn-cảnh và đồng-văn đem lại :

Thí-dụ : — *Mấy con giống này, bà bán làm sao ?*
— *Ba đồng một con, ông mua đi*
(*con* = 'con giống')

Hai tiếng *ai / gì* là những từ Đ biểu hiện sự đối-nghịch 'người' / 'không-người'.

Thí-dụ : — *Ông hỏi ai ?*
(*ai* = người nào)
Ông hỏi gì ?
(*gì* = cái gì, điều gì)
Ông mua gì ?
(*gì* = con gì/cái gì, tùy hoàn-cảnh)

Hai tiếng *hắn / nó* là hai từ ĐA mà nội-dung trùng hợp với cặp 'người' / 'chung : cái + con'. Sự phân-biệt về nội-dung rất đặc-sắc này sẽ được giảng giải sau khi nội-dung của hai cặp *cái / con* và *con / người* được minh xác.

Sự đối-nghịch ngữ-lí diễn ra bởi cơ-cấu của danh-từ không ngừng lại ở các đại-danh-từ, mà còn lan rộng để chi phối cả diễn-thuật-từ (từ B) nữa. Điều này sẽ được giải thích đầy-đủ khi nào từ B được xét đến. Ở đây, tôi chỉ nêu lên một cách ngắn-ngủi hai thí-dụ ; trong thí-dụ đầu, từ B *ngủ* chỉ đi được với một từ A thuộc loại /*con*/ :

Con chó đang ngủ

và không đi được với một từ A loại /*cái*/ (1). Một câu như :

S
Cái bàn đang ngủ

là một câu không được chấp nhận. Trong thí-dụ thứ hai, một từ B có thể đi được với cả từ A thuộc loại /*người*/,

(1) *Nhà ngủ, phòng ngủ* là những từ A có cấu-tạo ($A_2 - A_1$), chứ không phải là những câu có cấu-tạo P(A).— P(B).

loại /*con*/ và loại /*cái*/, nhưng nội-dung của từ B ấy khác đi tùy theo từ A chỉ người, chỉ vật linh-động, hay chỉ vật không-linh-động :

— Từ B *vứt*

Ông ta *vứt đồ-đạc bừa-bãi trên bàn*
A (người) B (ý-nghĩa hoạt-động)

Đồ-đạc *vứt bừa-bãi trên bàn*
A (cái) B (ý-nghĩa thụ-động)

— Từ B *muốn*

Người thợ *muốn về sớm*
A (người) B_3 (ý-nghĩa : ý-chí của đích-tử, là người thợ)

Con gà *muốn toi đến nơi rồi*
A (con) B_3 (ý-nghĩa : sự đoán của người nói)

Cái tường *muốn đổ*
A (cái) B_3 (ý-nghĩa : sự đoán của người nói).

Sự đối-nghịch 'linh-động' / 'không-linh-động' trong việt-ngữ không chỉ thu hẹp trong cấu-tạo của danh-từ với cặp *cái/ con*, mà bao trùm tất cả từ-pháp và cú-pháp của ngôn-ngữ. Hình-thức *cái/ con* chỉ là hình-thức bộc-lộ nhất mà thôi ; những hình-thức liên-hệ ở ngoài hệ-thống danh-từ, tuy không rõ rệt bằng, nhưng cũng có một giá-trị tương-đương về phương-diện ngữ-lí.

Trong tất cả các ngôn-ngữ khác, sự chấp-nhận đối-nghịch 'linh-động' / 'không-linh-động' (hay một đối-nghịch gần giống, như 'người' / 'không-người', hoặc 'âm' / 'dương') trong từ-pháp của danh-từ, cũng đem

lại những biến-đổi hình-thức của những từ khác trong cả câu và trong đồng-văn. Những biến-đổi hình thức quan-trọng và phức-tạp nhất là những biến-đổi có tính-cách dạng-âm-vị-học trong các ngôn-ngữ uyển-biến như slavi-ngữ, đức-ngữ, pháp-ngữ, sanskrit-ngữ... Việt-ngữ ngày nay là một ngôn-ngữ gần hoàn-toàn cách-thể, nên hầu như không có một cách uyển-biến nào ngoài những qui-luật hình-thức được kể ở trên.

2.6.1.6. Về phương-diện hình-thức, sự đối-nghịch *cái/ con* được thể hiện một cách rõ-ràng nhất trong trường-hợp của những danh-từ cùng dùng một dạng-vị làm biệt-danh, nhưng khác nhau vì một đằng dùng /*cái*/ làm loại-danh, và một đằng thì dùng /*con*/ làm loại-danh.

Thí-dụ :

con diều là một giống chim, bay lượn rất cao ở trên trời (1) ; *cái diều* là một vật nhân-tạo, có cánh, thường được cho bay lượn trên trời theo chiều gió.

con sáo là một giống chim biết hót, hay đậu cành tre (thường được vẽ với cành tre) ; *cái sáo* là một nhạc-cụ bằng ống trúc, thổi lên ra tiếng như tiếng hót của con sáo.

cái ma là một sức mạnh vô-hình, có thể nhập vào

(1) Thường gọi là *diều-hâu*. Trong *Truyện Cổ Nước Nam* (Nguyễn Văn Ngọc) cũng như ở thôn-quê, chỉ gọi vắn tắt là *con diều*. Anh-ngữ cũng có một trường-hợp tương-tự với danh-từ *kite* [kait] vừa chỉ 'một giống chim biết lượn' vừa chỉ 'cái diều'.

một người và cho người này có một năng-lực siêu-nhiên ; *con ma* là hồn một người chết hiển hiện lại trên cõi dương, và biểu lộ một ý-chí và một năng-lực dị-thường.

con mắt là cơ-quan linh-động nhất trên mặt người, vừa nhìn bằng nó, vừa lộ được ý-muốn bằng nó ; *cái mắt* là một vật rỗng, hình con mắt (*mắt lưới, mắt xích*), hoặc là phần trong-suốt để thu hình-ảnh cho một quang-cụ (*mắt kính, mắt ống nhòm*).

cái vú là một bộ-phận làm ra sữa ở người mẹ ; *con vú* (*người vú*) là một người bán sữa mình để nuôi con một người khác.

Người ta có thể kể thêm nhiều thí-dụ nữa của một *cái vật* khác một *con vật*, mà cái tên trùng nhau là để chỉ một tính-cách đặc-biệt hay nhắc lại một huyền-thoại nguyên-ủy : *cái chìa vôi* và *con (chim) chìa-vôi* (chân nhỏ như cái chìa vôi) ; *con hến, con ngao* và *cái hến, cái ngao* (hình vỏ hến, vỏ ngao để đựng) ; *con bầu, con vịt* và *cái bầu, cái vịt* (bình nhỏ có mỏ, để đựng nước) ; *con cá* và *cái cá* (cái chốt hình con cá để ghép hai tấm gỗ) ; *con sâu* và *cái sâu* (cái chuỗi làm bởi nhiều khúc, nhiều đốt, như *sâu tiền, sâu hạt, sâu cá*), *con nai* và *cái nai* (cái bình sành mình to cổ dài, để đựng rượu), *con ốc* và *cái ốc* (cái tù-và, cái đinh-ốc), *con cò* và *cái cò* (cò súng), *con cầy* và *cái cầy, con chim* và *cái chim, con cuốc* và *cái cuốc, con quỉ* và *cái quỉ, con ve* và *cái ve, con mối* và *cái mối, con cờ* và *cái cờ, con số* (tiếng dùng để đếm) và *cái*

số (định-mạng), *con vị* (nguyên-lí về cái bao-tử theo y-lí trung-hoa) và *cái vị* (cảm-giác nếm), *con dấu* (dụng-cụ để in biểu-hiện) và *cái dấu* (vết khác thường ở da; miếng giấy có dấu xin ở đền để cho con bệnh uống, thường gọi là *lá dấu*), *con bệnh* và *cái bệnh*, *con vồ* và *cái vồ*, *con cốc* và *cái cốc*, *con vạc* và *cái vạc*, *con giống* và *cái giống*,...

2.6.1.7 Các loại-danh bẩm-sinh của việt-ngữ làm thành một hệ-thống. Trong cốt-tủy, hệ-thống loại-danh bẩm-sinh có thể hình dung là :

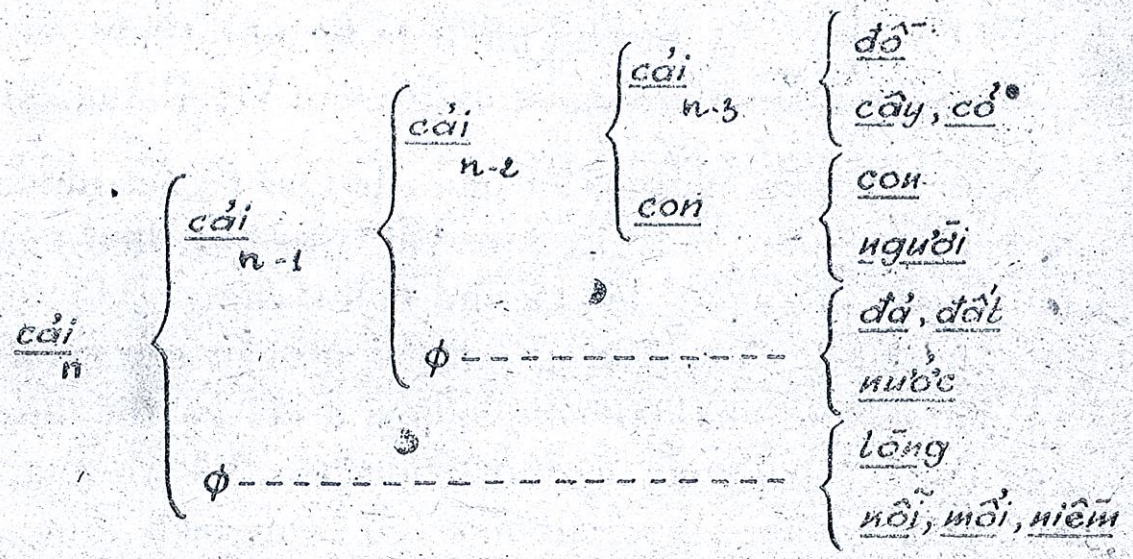

Bảng 21.— *Hệ-thống loại-danh bẩm-sinh.*

Hệ-thống loại-danh bẩm-sinh này không biết đã thành hình vào lúc nào trong lịch-sử của việt-ngữ. Sự nghiên-cứu triết-ngữ cũng như sự khảo-sát ngữ-lí xuyên-thời chỉ cho phép khẳng định rằng những tiếng được dùng làm loại-danh kể trên không bắt nguồn ở hoa-ngữ và cũng không phải là tiếng vay mượn từ mãlai-ngữ. Hầu hết chúng có những tiếng cùng-gốc trong những ngữ thuộc ngữ-tộc môn-khmer. Tính-cách hệ-thống của các

loại-danh môn-khmer chưa được chứng minh cho tất cả các ngữ của ngữ-tộc, nhưng ít ra cũng đã được khẳng định cho một vài ngữ này, rõ-ràng nhất là cho chrau-ngữ. Vì những lẽ đó và nhiều lí-do khác không thể trình bày được hết ở đây, tôi nghĩ rằng cái hệ-thống loại-danh bẩm-sinh của việt-ngữ là một nét di-truyền của dòng môn-khmer, và đã phải thành hình trước năm —2500 (đối chiếu huyền-thoại Sơn-tinh Thủy-tinh, với giả-thuyết rằng Thủy-tinh thuộc chủng Mã-lai). Vào khoảng ấy, sự trồng-nuôi chắc-chắn là đã bắt đầu. Cái hệ-thống loại-danh bẩm-sinh như đã được lập ra cho phép ta hé nhìn thấy một phần cái vũ-trụ-quan thái-cổ của người dân Việt (Bảng 22).

Chân trời của người Việt-nam thái-cổ (1) tất-nhiên là còn rất hẹp, nhất là trong khu-vực văn-hóa, khu-vực của những cái mà người tạo ra cho người dùng : khí-cụ, ý-niệm, định-chế, v.v... Nhưng qua cái cơ-cấu của ngôn-ngữ và đặc-biệt là của danh-từ, người ta đã có thể thấy được cả một vũ-trụ-quan và một khoa-học. Vũ-trụ-quan còn đơn giản và khoa-học chỉ mới có tính-cách thực-dụng. Một nhận-định lạ-lùng là tính-cách suy-luận và phân-tích của ngôn-ngữ trong cơ-cấu danh-từ thuần việt.

---

(1) Danh-từ *người Việt-nam thái-cổ* được dùng ở đây với nghĩa là những người sống trong địa-bàn của trung-thổ Sông Cái và nói ngôn-ngữ gốc của việt-ngữ. Danh-từ này không có nội-dung chủng-tộc trong đoạn này.

Danh-từ *Lạc-Việt* cũng được dùng ở đây với một nghĩa tương-tự, là dân Việt trong thời Lạc, tức là trước cuộc xâm-lăng đầu-tiên của người Trung-Hoa.

Vũ-trụ được chia ra hai cõi, trên dưới khác nhau (1).

Ở trên, tạm gọi là **Cõi Trên**, có những linh-thể. Các linh-thể, hoặc nhìn thấy, hoặc nghe thấy, được gọi bằng những tên riêng; sau này, mượn của người Trung-Hoa những cách xưng danh-tính theo tôn-ti rồi thì các linh-thể đều được nâng lên hàng *Ông* (hay *Bà*) và trở nên những danh-từ có phái-tính : **Biệt-danh vẫn là tiếng việt cổ**. *Giời* (*Trời*) và *Giăng* (*Trăng*) được phân biệt trước và được nhân hóa. Sự nhân-hóa này khác sự nhân-hóa của người Trung-Hoa. Khi gặp gỡ với người Trung-Hoa rồi, ta thêm một loại-danh cho *Giời* và *Giăng*, và gọi là *Ông Giời*, *Ông Giăng*, (hay *Ông Mặt-Trời*, *Ông Mặt-Trăng*), mặc dầu người Trung-Hoa cho rằng Giăng là một lão-bà. Các tinh-tứ khác, không có biệt-danh, đều được gọi gồm là *Sao* (*Ông Sao*). Chúng ta không biết gì về hệ-thống sao của người Việt thái-cổ. Trong tất cả các Sao, chỉ còn có tên « *Sao Hôm* », « *Sao Mai* », và chùm sao « *Tua Rua* » là còn truyền tụng lại đến ngày nay mà thôi.

Thấp hơn các tinh-tú là *Sấm* và *Sét* (*Ông Sấm*, *Ông Sét*). Người Việt-nam không coi mưa, gió, sông, biển, là những linh-thể; những « *Thần Mưa*, *Thần Gió*, *Hà-bá*, *Long-vương* » mà người Trung-Hoa đem sang sau này đều ở ngoài tín-ngưỡng của dân Việt thái-cổ và không được phong « *Ông* ». Có lẽ rằng, sống trong vùng Á-châu

(1) Tất cả các danh-từ kể ra trong phần dưới đều được viết theo cách nói hiện-tại của người Việt-nam và không theo kiểu của những hình-thức tái-lập.

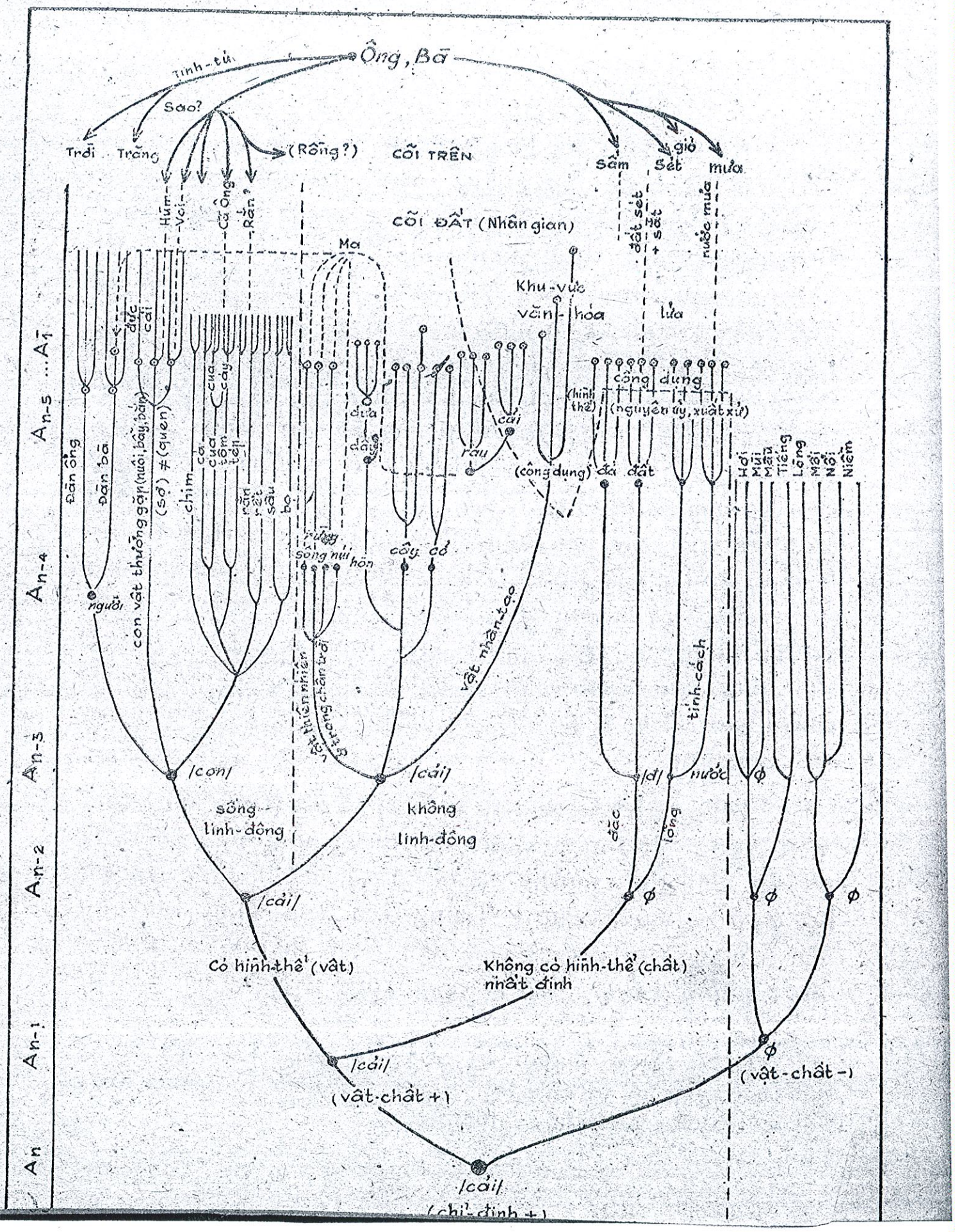

Ông, Bà
Tinh-tú
Sao?
Trời
Trăng
(Rồng?)
CÕI TRÊN
Sấm
Sét
giỏ
mưa
Hùm
Voi
Cá Ông
Rắn?
CÕI ĐẤT (Nhân gian)
đất sét + sắt
nước mưa
Ma
Khu-vực
văn-hóa
lửa
công dụng
(hình thể)
(nguyên ủy, xuất xứ)
(công dụng)
đá
đất
Hơi
Mùi
Mầu
Tiếng
Lông
Mỗi
Nổi
Niềm
Đàn ông
Đàn bà
đức
cái
con vật thường gặp (nuôi, bầy, bắn)
(sợ) ≠ (quen)
chim
cá
cua
tôm
tép
cua
cây
rắn
rết
sâu
bọ
dưa
dây
cái
rau
sông núi
hòn
cây
cỏ
người
vật thiên nhiên
ở trong chân trời
vật nhân-tạo
tính-cách
/con/
/cái/
/đ/
nước
sống
linh-động
không
linh-động
đặc
lỏng
/cái/
Có hình-thể (vật)
Không có hình-thể (chất)
nhất định
/cái/
(vật-chất +)
(vật-chất −)
/cái/
(chỉ-định +)
An
An-1
An-2
An-3
An-4
An-5 ... A1

gió mùa, người ta đã sớm nhận định thấy tính-cách định-kì của mưa gió, nên từ chối không cho những hiện-tượng này là linh-thiêng. Trái lại, Sấm, Sét được coi là linh-hiển, vì hiện-tượng thực là phi-phàm (tiếng động vang rền, ánh chớp sáng lòa) và tạo những hậu-quả cũng thực là ghê-gớm. Sự hiển-linh của Sét không những tạo ra sự kinh-hoàng mà còn thu hút, quyến rũ (1), vì có thể biến đổi được thể-chất. Người ta cho rằng *đất sét* là do sét đánh mà thành và phải lấy trộm (*thó*) mà dùng. *Sắt* cũng được quan niệm là liên quan đến sét ; cái vỏ ở ngoài các cục sắt được gọi là *cái sét* là vì lí-do đó. Những tín-ngưỡng này không phải riêng cho dân Lạc-Việt, mà lưu hành ở nhiều nơi khác trong buổi bình-minh của các dân-tộc.

Cõi nhân-gian là phần vũ-trụ trong đó con người được phép tổ chức sự sống. Tổ chức, đối với người cổ-sơ, có nghĩa là phân chia địa-hạt, phân biệt phương-hướng và phân định vật-loại. Ngôn-ngữ và trong ngôn-ngữ, hệ-thống danh-từ nguyên-thủy, phản ánh những ý-nghĩ của người cổ-sơ về cõi sống của cộng-đồng.

Cõi nhân-gian không hoàn-toàn cách biệt với Cõi trên trong quan-niệm của người sơ-thủy. Sự linh-thiêng

Bảng 22.— *Vũ-trụ-quan của dân Lạc-Việt theo hệ-thống loại-danh* (xem trang 84).

(1) Theo R.Otto : *Das Heilige* (Linh-thiêng) : Linh-thiêng là cái Bí-mật Kinh-hoàng (*Mysterium Tremendum*) và Quyến-rũ (*Fascinans*).

vẫn có thể hiển hiện ra trên thế-gian bằng những hiện-tượng phi-thường có tính-cách đe dọa. Hơn nữa, lại có những giống vật có tính-chất thiêng-liêng sống ngay trong cái phong-cảnh của đời sống. Sự sợ-hãi và kiêng-nể những giống vật ấy biểu lộ ra trong những danh-từ dùng để chỉ chúng: *Ông Hùm, Cá Ông*, và có lẽ cả một vài giống rắn nữa.

Trong Cõi nhân-gian, có ba địa-hạt chính là *người, con* và *cái*.

Bắt đầu, nhận định rằng cùng sống trong cộng-đồng có những *người* (tự-căn /*-ươi*/? *đười-ươi* là 'con vật gần thành người'?). Ngoài chính mình ra, thì là /*người*/ với những tên là *Bố*, là *Mẹ*, là *Anh*, là *Em* ở vòng trong của cộng-đồng; và với những tên riêng là *Kèo*, là *Cột*, là *Tũn*, là *Hĩm*, là *Cả*, là *Chắc*, là *Nhì* (1), là *Ba* ở vòng ngoài của cộng-đồng. Còn xa hơn nữa, ở những cộng-đồng kia khác, thì gọi bao gồm là /*kẻ*/: *kẻ nọi, kẻ sặt, kẻ lũ, kẻ chợ*,...).

Không thuộc vào cộng-đồng và không phải là *người*, thì là tất cả các *cái* khác. Có lẽ /*cái*/ ban đầu là một dạng-vị bao gồm tất cả những gì có hình-thể. Quan-niệm rất khái-quát này, ngày nay còn thấy trong tiếng mường là một tiếng cùng-gốc và rất gần với tiếng việt nguyên-thủy cho tới khoảng thế-kỉ thứ I sau K.T. Mường-ngữ cũng dùng /*cái*/ làm danh-từ và làm loại-danh.

---

(1) *Chưng Chắc, Chưng Nhì* là những tên thái-cổ-việt. Người Trung-Hoa phiên âm là *Cheng Tse* và *Cheng Ni*, và ta lại phiên âm lại là *Trưng Trắc, Trưng Nhị*.

Nhưng từ rất sớm trong việt-ngữ, đã có sự phân-biệt giữa */cái/* và */con/* : */con/* để chỉ những vật có thể tự-nhiên động đậy được ; */cái/* để chỉ những vật khác, không có tính-cách linh-động tự bản-thân.

Những đứa trẻ chưa được chấp nhận vào trong cộng-đồng thì chưa là */người/* và vẫn còn là */con/*. Trong các bộ-lạc và thị-tộc, sự trưởng-thành phải được đánh dấu bằng một lễ vào đời, như ở nhiều dân-tộc sơ-khai khác. Chỉ có con trai mới được khai tâm để chịu lễ, nên khi gần trưởng thành, con trai được gọi là */thằng/*, để rồi sau đó, trở nên */người/*. Còn đối với con gái, không có lễ vào đời, thì vẫn cứ là */con/* hay */cái/* cho đến khi thành mẹ.

Không những tiếng việt gọi trẻ là */con/* như thể một giống vật và không phân biệt trai-gái, tiếng anh cũng gọi trẻ là */it/*, một đại-danh-từ riêng dùng cho các vật và không chia đực-cái ; tiếng đức gọi đứa trẻ là *das Kind*, đứa con gái là *das Madchen*, và cả hai đều thuộc phái trung-hòa. Đó là những sự tồn-tại của một quá-khứ u-minh trong ngôn-ngữ hiện-đại.

Các con vật mà ngày nay ta gọi là động-vật đều có loại-danh */con/* trừ một vài ngoại-lệ (gọi là */Ông/* : (*Ông Hùm*) hay là */cái/* : (*cái ghẻ*)). Những sinh-vật quan-trọng nhất cho đời sống của cộng-đồng có biệt-danh đi theo ngay tiếng */con/* : *con gà, con vịt, con công, con cò*, trong các loài chim ; *con lợn, con bò, con trâu, con ngựa, con chó, con khỉ, con hươu, con cóc*, trong các loài muông ; *con ong, con kiến, con ruồi, con muỗi, con tằm, con chấy*, trong các loài côn-trùng. Nhưng ra ngoài cái môi-trường gần ấy, còn có bao nhiêu giống vật khác ở thiên-nhiên, mà nhu-cầu đặt tên dần-dần đã hiện ra.

Những danh-từ đợt ba xuất phát từ đó : *con chim sẻ, con chim gáy, con chim di* chẳng hạn ; hay *con cá chép, con cá quả, con cá trắm ; con rắn ráo, con rắn nước, con rắn run ; con bọ cạp, con bọ xít, con bọ hung*... Danh-từ 4 đợt và 5 đợt cũng bắt đầu có : *con chim bồ câu, bồ cu, bồ các, bộ cắt, bồ nông ; con chim sáo sậu, sáo đen ; con rắn cạp nong, cạp nia, hổ mang, hổ lửa*, là vài thí-dụ. Loại càng ngày càng nhỏ, tên càng ngày càng dài.

Trong quan-niệm của người Việt nguyên-thủy, thì ở thiên-nhiên, giống *chim* là gần người ta nhất. Chim có xã-hội chim, có làng chim, có tổ chim ; chim có phong-tục, có văn-hóa. Các huyền-thoại nguyên-ủy và các tục-ngữ, ca-dao (những câu cô-đặc một chuyện cổ) đều cho loài chim một vị-trí rất gần với người. Bởi thế nên cách đặt biệt-danh cho chim cũng rất gần với việc gọi tên người : lấy nhà của nó (*di đá*), lấy hình-dạng nó (*chìa vôi, vàng anh, sáo đen*), lấy tiếng nó (*tu-hú, cuốc, bắt-cô-trói-cột*), lấy sự sinh-hoạt của nó (*bói cá*) mà chỉ nó.

Sau *chim, cá* cũng có xã-hội, họ-hàng, và có cả những con cá vô-kỉ-luật (*cá rô*) (1). Biệt-danh của các loài cá cũng theo những nguyên-tắc như biệt-danh của loài chim : tên gọi chỉ hình-dáng (*cá voi, cá mập*), chỉ điệu-bộ (*cá chép*) v.v..., nhưng những tên này nhiều khi gần như vô-nghĩa với phần lớn chúng ta, hoặc vì là tiếng cổ, hoặc vì đã được truyền lại bởi những người không cùng

(1) « *Cá rô rạch ngược* » (Tục-ngữ) — Xem *Truyện Cổ Nước Nam*, (Nguyễn văn Ngọc).

gốc với dân Việt-nam ở đất liền, thí-dụ như */thờn bơn, thia-lia, đuối, trắm, tra, lóc, bống, rô.../*.

Cua và một loài liên-hệ là *cáy* được ghi nhận, nhưng sự phân loại chưa lập ra được nhiều biệt-danh (*cua bể, cua đồng...*). *Tôm* và *tép* cũng thế, chỉ mới có được vài tiểu-loại (*tôm hùm, tép riu...*). Sự liên-hệ về hình-dạng của các loài nhỏ này được phản ánh bởi cấu-tạo âm-vị-học của các tên gọi : *cua* với *cáy*, *tôm* với *tép* là những tiếng có những âm-vị đầu giống-nhau đôi một.

Những loài trườn mình trên mặt đất được gọi là *rắn, run,* và *rết*, ba tiếng cùng bắt đầu bằng âm-vị [r-]. Những tiếng này lại là những loại-danh ; */rắn/* là loại-danh cai quản nhiều biệt-danh nhất : */run, ráo, nước, hổ mang, hổ lửa, cạp nong, cạp nia, mai gầm/* v v..., và một giống mà ngày nay ta không xếp vào loại rắn nữa, là */thằn-lằn/*. */Run/* cũng có nhiều giống */đất, đũa, kim/*.

Bọ và *sâu* là hai loại-danh khá quan-trọng, với nhiều biệt-danh : */dừa, ngựa, hung, xít.../* ở trong loại *bọ* ; */róm, rau, dâu, kèn../* trong loại *sâu*. Ngoài ra còn có rất nhiều côn-trùng được gọi thẳng là *con* (*ruồi, muỗi, rận, chấy...*) nữa.

Đối lại với */con/* là */cái/*, chỉ những vật không-linh-động. */Cái/* có ba khu-vực.

Khu-vực thứ nhất là những vật **thiên-nhiên**. Ở trong cõi sống của con người, có *sông*, có *đồi*, có *núi*, có *gò*, có *rừng*, có *bể*. Đặc-biệt nhất là *sông*, di chuyển được, nổi giận được, và ở trong mạch sống của dân-tộc, nên

có khi gọi là *con sông*, hoặc gọi là *Sông* với một tư-danh đi theo.

Trên đất, trong núi, thiên-nhiên lại tạo thành những lồi-lõm. Những chỗ lõm vào rất quan trọng cho đời sống; để chỉ những chỗ này, có cả một chuỗi danh-từ, dùng dạng-vị /*h*-/ khởi đầu: *hố, hốc, hõm, hầm, hang* (1).

Ngược lại với những chỗ lõm, là những *ụ*, những *gò*, những *mô*, những *đồi*, những *non*, những *núi*: các tiếng này không liên hệ với nhau về hình-thức, nhưng cũng có một điểm đặc-biệt, là hai từ A *ụ* và *gò* có từ B tương-ứng là *u* và *gồ*. *Ụ* và *gò* là những chỗ nhô lên tương-đối nhỏ nhất của mặt đất. *Non* là một từ A cổ, ngày nay chỉ còn được nhắc tới là vì có một vài thành-ngữ còn được truyền tụng lại (*núi - non, non - sông, Cao Biền dạy non*).

Khu-vực thứ hai của loại-danh /*cái*/ được làm thành bởi các **thực-vật**. Một thực-vật là một *cái cây*; Gần với *cây (cối)* và đối-nghịch trong tính-cách, là *cỏ*. Trong các giống cây, quan-trọng nhất cho sự sinh-sống hàng ngày là *bầu* với *bí*, và *dưa* [zmə] với *rau* [zăw]. *Cây/cỏ, bầu / bí, dưa / rau* là những cặp dạng-vị liên hệ với nhau, nên được gọi bằng những tiếng có chung âm-vị khởi-đầu. Những tiếng này là những danh-từ, và cũng

(1) *Hổng* có lẽ là do hoa *khổng* (= lỗ), và vì thế phải coi là một tiếng vay mượn và mới hơn những tiếng *hố, hốc, hõm, hang*. Bởi vậy, ta nói: *lỗ hổng, khe hổng*, chứ ít khi nói *cái hổng* Hoa-ngữ *khổng* đã biến dịch để nhập vào trong hệ-thống việt-ngữ.

lại là những loại-danh ; mỗi loại-danh cầm đầu một số biệt-danh thích-hợp để làm thành những danh-từ chỉ những giống thực-vật quan-trọng trong đời sống. Danh-từ bậc ba, bậc bốn, bậc năm, bậc sáu có thể được tạo ra với những loại-danh này :

cái cây
— *cây chuối*
— *cây chuối tiêu*
— *cây bí*
— *cây bí ngô*
— *cây dưa gang*
— *cây rau*
— — *rau muống*
— — *rau cải*
— — — *cải bẹ*
— — — *cải tầu trâu*

Về phương-diện thực-dụng, *rau* là những cây nhỏ có lá ăn được ; *cải* là những thứ rau trồng để ăn. */Cải/* là một tiếng mượn của hoa-ngữ (*thái*) và tỏ ra rằng đến điểm này, khu-vực văn-hóa của dân Việt đã bắt đầu chịu ảnh-hưởng của Trung-Hoa.

Tới đây ta vào khu-vực văn-hóa. Những cây được tay người trồng (*rau cải*) là cái gạch nối giữa thiên-nhiên và nhân-tạo. Khu-vực thứ ba của những */cái/* không-linh-động là những **vật nhân-tạo,** thành-quả của văn-hóa : *cái rìu, cái búa, cái gáo, cái nồi* ... Tất cả những danh-từ này đều có loại-danh là */cái/*. Những biệt-danh

đầu-tiên là những tiếng mới (*búa* ? *riu* ? *gáo* ?) gán vào cho mỗi vật, và do đó mà có một nội-dung.

Trong cõi nhân-sinh, ngôn-ngữ lại phân biệt vật với chất. Quan-niệm **chất**, đối lại với **vật**, có tính-cách trừu-hóa hơn. Vật có định-hình, chất thì không có định-hình. Ngôn-ngữ việt nguyên-thủy rất đơn sơ về các chất. Không những rằng các danh-từ thuần việt chỉ chất ít-ỏi, mà sự phân-loại cũng chưa lên quá bực hai hay bực ba. Loại-danh của các chất là ∅ : ở nguyên-thủy, chất không dùng loại-danh, trái lại với vật có loại-danh là /*cái*/.

Hai phạm-trù giác-thức đầu-tiên là «đặc» và «lỏng», được dùng để phân biệt chất : « đặc » là /*đất*/, và « lỏng » là /*nước*/. Trong *đất* lại phân biệt /*đá*/, thành ra có những thể đơn-thuần là *đá*, *đất* và *nước*, đi từ cái cứng nhất đến cái lỏng nhất. Trong mỗi loại, có thể còn chia ra hơn nữa, theo nguyên-ủy (*đất sét* hay *đất thó*, *đất bồi* ; *nước lã*, *nước mắt*, *nước mưa*), theo tính-chất (*đá ong*, *đá vôi*, *đá hoa*, *đất thịt*, *đất bùn*), hay theo công-dụng (*đá lửa*, *đá mài*).

/*Hơi*/ là một loại chất không những không có định-hình mà lại có vẻ như không thể giữ được. *Hơi* bay lên khi hơ, khi hà, khi hóng, ở những chỗ hở, chỗ hổng. Âm-vị [h-] cũng được dùng cho loại chất này. *Hơi* có vài loại : *hơi nước*, *hơi thở*, *hơi nóng*...

Ngoài ra còn có /*mùi*/, có /*mầu*/, có /*tiếng*/, có /*lửa*/. Sự hiểu-biết về chất chưa quá giai-đoạn giác-thức, và sự nghèo-nàn của tiếng việt nguyên-thủy về địa-hạt này là một sự tất-nhiên.

Trong địa-hạt tâm-linh cũng vậy. Người ta bắt đầu phân biệt /*nỗi*/, /*niềm*/, /*lòng*/ và /*mối*/ ở khu-vực tâm-tình (*nỗi buồn, niềm vui, lòng nhớ*...) và trí-năng (*mối lo*). Tuy-nhiên, sự phân-tích chưa đi đến được những quan-niệm rõ-ràng để có thể biện biệt được các hoạt-động tâm-lí.

2.6.2. Loại-danh bẩm-sinh làm thành một hệ-thống mô-hình cây : sự-kiện ấy có lợi mà cũng có hại. Lợi là vì sự sắp-xếp có hệ-thống cho phép nhận định tính-cách của các sự-vật một cách dễ-dàng khi ta biết những căn-bản của sự phân-loại và các nguyên-tắc cấu tạo danh-từ. Từ A trong việt-ngữ với cấu-tạo $\Sigma (A_n - A_{n-1})$ là những danh-từ theo những nguyên-tắc mà Linné đã dùng để đặt tên cho các giống vật trong phép phân-loại của ông. Bởi vậy, ta cũng có thể nói rằng từ A việt-ngữ là chứng-tích của một khoa-học phôi-thai. Sự hiểu-biết làm căn-bản cho công-việc sáng tạo các từ A thuộc hệ-thống bẩm-sinh đã thực-sự vượt lên trên trình-độ của ma-thuật, và đạt tới một vài nguyên-tắc có giá-trị trong khuynh-hướng khách-quan, và hợp với lí-trí của đời nay.

Nhưng hệ-thống trở nên phiền-toái nếu có quá nhiều chi, nhiều nhánh. Khi ấy một danh-từ có thể là một chuỗi tiếng rất dài và nặng-nề (như *cái cây rau cải tàu trâu, cái con khỉ đột*...). Dầu có thể xóa bỏ đi một vài loại-danh trong cấu-tạo của những từ này, tính-cách hệ-thống cũng chỉ mờ đi chứ không mất hẳn, và danh-từ cũng còn khá cồng-kềnh nếu cần phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Hơn nữa, nếu chỉ giới hạn trong lãnh-vực tự-nhiên-học, thì sự phân-loại theo hệ-thống cũng còn

quan niệm được, và việc đặt danh-từ để chỉ các loại tự-nhiên cũng không đến nỗi khó-khăn lắm. Nhưng khi vào lãnh-vực văn-hóa và nhất là với những ý-niệm trừu-tượng mà người ta dựng lên để miêu tả hay giải thích các sự-việc, thì sự phân-loại theo hệ-thống đã gặp nhiều vấn-đề nan-giải.

Từ đó, các loại-danh đã bắt đầu trở nên hỗn-tạp và mất tính-cách hệ-thống. Sự tiếp-xúc với mãlai-ngữ, thái-ngữ và nhất là hoa-ngữ có lẽ là cái nguyên-nhân đã thúc đẩy sự chuyển-hướng này của việt-ngữ. Chúng ta thấy rằng một số khá lớn các loại-danh mới là những tiếng vay mượn hay phỏng dịch từ ba ngoại-ngữ này sang tiếng ta. Tuy vậy cái hệ-thống bẩm-sinh vẫn còn sót lại, trước nhất là ở dạng-vị /*cái*/, mà người ta vẫn dùng làm loại-danh tổng-quán.

Các loại-danh đợt-sau vẫn nhận sự cai-quản của dạng-vị /*cái*/. Dầu là một loại-danh vay-mượn như /*quản*/, /*quyển*/, /*sự*/, hay một loại danh tân-tạo theo từ-pháp việt như /*miếng*/, /*mảnh*/ (do căn /*miệng*/ mà thành), dạng-vị /*cái*/ vẫn có thể trùm ở trên. Thí-dụ :

cái quản bút
cái quyển vở
cái mảnh vải
cái miếng võ

Và cả đến /*chất*/, /*thứ*/, /*loại*/ cũng bị chi phối bởi /*cái*/ :

cái chất nhựa
cái thứ kẹo
cái loại kim-khí

/Cái/ vẫn là loại-danh của các loại-danh, trong việt-ngữ đương-thời.

2.6.2.1. Về phương-diện nội-dung, loại-danh đợt-sau thường có tính-cách siêu-dụ. Sự-kiện này nhiều khi không còn rõ nữa, vì ý-nghĩa nguyên-thủy của dạng-vị được dùng làm loại-danh đã mất, như */tấm/* trong *tấm vải*, */đốc/* trong *đốc dao*. Nhưng trong nhiều trường-hợp, khi dạng-vị loại-danh còn được dùng với một chức-vụ ngữ-pháp khác, thì tính-cách siêu-dụ của dạng-vị loại-danh hiện ra rất rõ-rệt. Đặc-biệt nhất trong các trường-hợp này, là những dạng-vị có thể dung làm biệt-danh được, và làm loại-danh cũng được, như A_1 *trái* 'quả của cây' và A_2 */trái/* trong *trái núi, trái nhà, trái phá*; hoặc A_1 *lưỡi* 'cơ-quan' và A_2 */lưỡi/* trong *lưỡi dao, lưỡi câu, lưỡi cày* (1).

---

(1) Ý-nghĩa-học các loại-danh chưa được khảo sát tường-tận. Lấy một dạng-vị X có khả-năng làm biệt-danh A_1 được, và làm loại-danh A_2 cũng được. Khi là A_1, thì ý-nghĩa của X là tập-hợp của những nghĩa-vị $\{a, b, c, \ldots g\}$ Khi là A_2, thì ý-nghĩa của X sẽ chỉ còn là $\{a\}$ hoặc $\{a, c\}$ mà thôi : sự siêu-dụ có hiệu-quả giản lược, trừu-hóa, trích yếu vào ý-nghĩa của X trong cái diễn-trình đổi X (A_1) thành X (A_2). */Lưỡi/* trong */Lưỡi dao, lưỡi cày...* khác và giống */Lưỡi/* trong *cái lưỡi*, là thế.

Loại-danh X (A_2) lại phải được đối chiếu với các loại-danh Y,Z... được dùng với cùng một biệt-danh. Chẳng hạn như */lưỡi/* trong */lưỡi dao*; */lưỡi/*, trong đồng-văn này, đối nghịch với các loại-danh */cán/* (*chuôi*), */sống/*, */mũi/* (theo thứ-tự ấy). Định nghĩa loại-danh */lưỡi/* trong */lưỡi dao*, thì sẽ phải nói rằng A_2 */lưỡi/* trích một số nghĩa-vị của A_1 */lưỡi/* để đối lại với các A_2 */cán, chuôi, sống, mũi/* trong cái đồng-văn là A_1 */dao/*.

Về phương-diện hình-thức, điều quan-trọng là có một hàm-số giữa loại-danh A_2 và biệt-danh A_1 : với mỗi biệt-danh A_1, chỉ có một số dạng-vị A_2 là thích hợp để dùng được làm loại-danh, và ngược lại, với mỗi loại-danh A_2, chỉ có một số dạng-vị A_1 là thích hợp để làm được biệt-danh. Loại-danh */lưỡi/* chẳng hạn cai quản không tới mười biệt-danh trong số đó có biệt-danh */dao/* (1) ; biệt-danh */dao/* ngược lại, chỉ chấp nhận có vào khoảng bảy, tám loại-danh, trong số đó có loại-danh */lưỡi/* (và *cán, chuôi, đốc, sống, mũi, nhát, con*).

Cũng như các loại-danh bẩm-sinh (*cái, con, người, thằng, nước, chim, cá, bọ*, v.v...), các loại-danh đợt-sau giới hạn biệt-danh trong một số dạng-vị nào đó, và bằng

---

(1) Các biệt-danh thích hợp với một loại-danh bị hạn chế trong một số dạng-vị. Trong cổ-văn, các tác-giả rất hay lợi dụng sự-kiện này và tạo ra những từ A mới với một loại-danh qui-ước và một thành-ngữ dùng làm biệt-danh ; thành-ngữ này là một hình-ảnh văn-chương, được đồng hóa với một biệt-danh qui-ước bởi tương-quan vị-trí với loại-danh. Thí-dụ :

V. Ch.— *Khuôn trăng đầy-đặn, nét ngài nở-nang* (K)
(*Khuôn mặt*) (*nét mày*)
mặt ví với *trăng* ; *mày* ví với con tằm (*ngài*)
— *Làn thu-thủy, nét xuân-sơn*
(*làn mắt*) (*nét mày*)
mắt ví với nước hồ mùa thu
mày ví với đường cong của ngọn núi, về mùa xuân.

Đó là một hình-thức siêu-dụ đặc-sắc của văn-chương việt-nam.

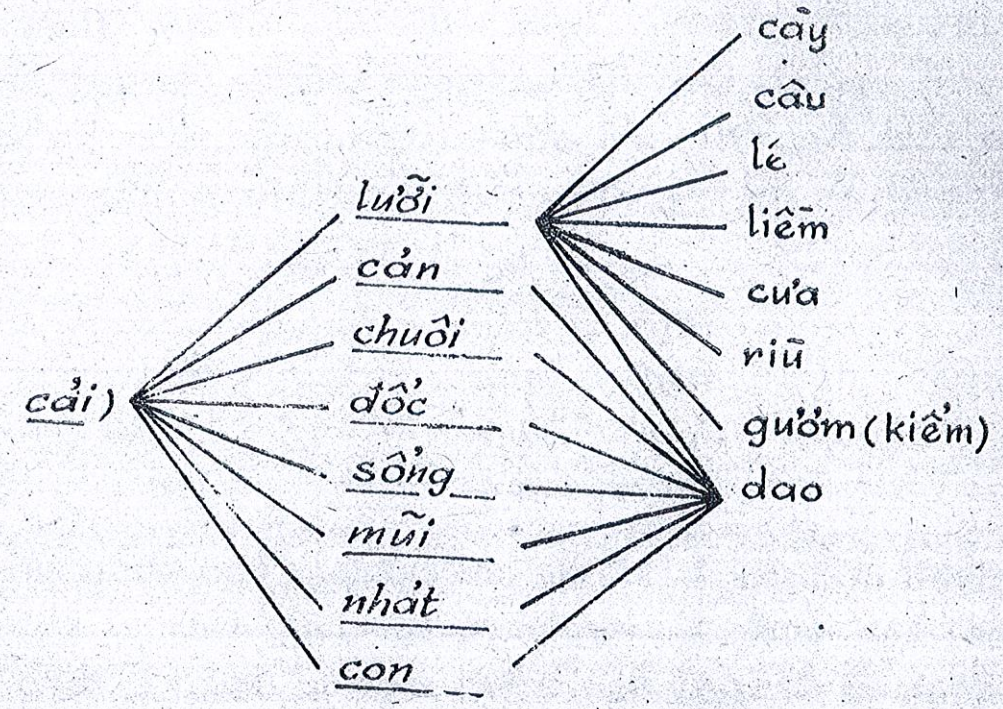

cách ấy, làm cho dạng-vị biệt-danh không bị hiểu lầm với các dạng-vị đồng-âm của nó. Chẳng hạn như từ A *lưỡi lê*, với A_2: */lưỡi/*, và A_1: */lê/*. Dạng-vị */lê/* trong *lưỡi lê* có một vài tiếng đồng-âm, quan-trọng nhất ở đây là */lê/* trong *cây lê, hoa lê, đóa lê, cành lê, trái*[N] *(quả)*[B] *lê*... Loại-danh */lưỡi/* đã làm cho dạng-vị */lê/* được hiểu là một vật khác với */lê/* trong chuỗi từ A trên.

Tuy-nhiên, phải nói ngay rằng những lí-do làm cho một dạng-vị $/A_1/$ được phân biệt với các dạng-vị đồng-âm không giống nhau trong trường-hợp $/A_2/$ là một loại-danh bẩm-sinh (kiểu *cái, con*), và trong trường-hợp $/A_2/$ là một loại-danh đợt-sau (kiểu *lưỡi, quả*...). Loại-danh bẩm-sinh $/A_2/$ chỉ cái loại trong đó cái phân-loại được chỉ bởi biệt-danh $/A_1/$ đã được xếp vào: */chép/* thuộc loài */cá/*, */cá/* thuộc loài */con/* là vậy. Còn như A_1 */lê/*, */dao/*, */cưa/*, */cày/* thì không thuộc loài A_2 */lưỡi/*;

A_1 /*núi*/, /*đồi*/, /*đấm*/, /*cật*/, /*chuông*/ không thuộc loài A_2 /*trái*^{N}/ (*quả*)^B ; A_1 /*thư*/, /*tranh*/, /*ảnh*/, /*màn*/,... không thuộc loài A_2 /*bức*/ ; A_1 /*đèn*/, /*roi*/, /*gió*/, /*cỏ*/,... không thuộc loài A_2 /*ngọn*/, v.v... Trong các từ A như :

A_2	—	A_1
lưỡi		*lê*
trái		*núi*
bức		*thư*
ngọn		*đèn*

loại-danh đợt-sau A_2 không chỉ cái loại bao trùm cái loại chỉ bởi biệt-danh A_1, và chỉ có tác-dụng vào sự xác-định biệt-danh là dạng-vị nào trong một số dạng-vị đồng-âm, vì có một sự hạn-chế mà mỗi loại-danh, theo qui-ước của ngôn-ngữ, đã bắt buộc các dạng-vị khả-dĩ làm biệt-danh phải theo.

2.6.2.2. Các loại-danh đợt-sau cũng như các loại-danh bẩm-sinh, thường được thấy sau một số-từ (như *một, tám, hai mươi ba*), một lượng-từ (*mỗi, những*), một lượng-số-từ (*mọi, các*). Thí-dụ :

ba	*nhát*	*búa*
mỗi	*bức*	*thư*
các	*bó*	*đuốc*

L — (A_2 — A_1)

M,LM

Vì lí-do ấy, loại-danh của việt-ngữ có thể bị quan niệm lầm là một thứ số-danh như các *số-danh* (numérales) của hoa-ngữ :

(hoa)— *nhất lưỡng xa* 'một cỗ xe'

Nhưng số-danh của hoa-ngữ chỉ có khi nào người ta đếm, và khi đó bắt-buộc phải có một số-từ (*nhất, nhị*, v.v..). Còn loại-danh của việt-ngữ thì không bắt-buộc phải có một số-từ, lượng-từ hay lượng-số-từ đi trước.

Những xây-dựng như :

Bức thơ tôi gởi anh tuần trước....
Cuốn sách này đã được khen.....

V.Ch — Giã nhà, đeo *bức chiến-bào* (Ch.Ph.)

không phải là hiếm : trong những xây-dựng này, những từ A như *bức thơ, cuốn sách, bức chiến-bào*, đều không có số-từ đi kèm, và vì thế không thể coi dạng-vị A_2 là số-danh được.

Một số khá quan-trọng loại-danh trong việt-ngữ được vay mượn từ các số-danh của hoa-ngữ, như :

	(Wade-Giles)	(pinyin)	
Hoa-ngữ	*tao*	*dào*	*đạo* Việt-ngữ
	kuan	*guăn*	*quản*
	pao	*bào*	*bao*
	chien	*jian*	*kiện*
	fêng	*fèng*	*phong*
	chia	*jià*	*giá*
	pên	*bèn*	*bản*
	tso	*zuo*	*tòa*

(*đạo quân, quản bút, bao tải, kiện hàng, phong thư, giá áo, bản văn, tòa nhà*).

Không những rằng các tiếng này có thay đổi nội-dung (một điều rất thường trong toàn thể ngữ-lí-học xuyên-thời), chúng lại còn thay đổi cả cái lãnh-vực chi phối, — tức về phương-diện hình-thức, cái danh-sách các dạng-vị biệt-danh mà mỗi tiếng này cai quản —, khi chúng được chuyển sang việt-ngữ thành loại-danh. Như tiếng /*đạo*/ chẳng hạn : Khi là số-danh (*đào*) trong hoa-ngữ, thì áp dụng cho «*luồng* (gió)», cho «*dòng* (sông)», cho «*món* (ăn)», cho «*lượt, lớp* (sơn)», cho «*tia* (sáng)», cho «*con* (đường)», cho «*đạo* (công-văn)» ; đến khi thành một loại-danh trong việt-ngữ, thì bỏ đi hết, chỉ còn lại có *đạo chỉ dụ, đạo luật*, và lại thêm có *đạo quân, đạo binh*. Các tiếng này thành loại-danh, như các loại-danh bẩm-sinh của việt-ngữ, và vì thế các từ A dùng những loại-danh này như *đạo quân, giá sách, bao thuốc, kiện hàng, ngôi sao, gian nhà, bình sữa*, có thể theo số đơn và được chỉ định :

đạo quân này
bình sữa của em bé

Các loại-danh mới lại cũng có thể được dùng để thay thế cho danh-từ như một đại-danh-từ (ĐA) khi đồng-văn và hoàn-cảnh cho phép :

— *Nhà có mấy gian ?* (*gian* = *gian nhà*)
V.Ch.— *Đạo ra Vô-tích, đạo vào Lâm-chuy* (K.)
(*đạo* = *đạo quân*)

Những biến-đổi hình-thức trên đã cho các loại-danh vay mượn từ các số-danh hoa-ngữ nhập tịch hẳn vào trong cơ-cấu của việt-ngữ. Đó cũng là trường-hợp của những loại-danh vay-mượn, lấy một vĩ-phần của danh-từ hán-ngữ như :

(bà) */-bà/* → */bà/* 'người đàn bà'

Hán-Việt	*lão-bà*	Việt	*bà lão*
			bà cụ
			bà nguyệt (ông tơ)
			bà chằng

(gia) */-jia/* → */nhà/* 'người chuyên môn về'

Hán-Việt	*văn-gia*	Việt	*nhà văn*
	kĩ-nghệ-gia		*nhà kĩ-nghệ*
	thương-gia		*nhà buôn*

(viện) */-yuàn/* → */viện/*

Hán-Việt	*đại-học-viện*	Việt	*viện đại-học*
	hải-học-viện		*viện hải-học*
			viện uốn tóc

(hoa) */-huà/* → */hoa/*

Hán-Việt	*mai-hoa*	Việt	*hoa mai*
			hoa tay
			hoa mắt
			hoa đèn
			hoa tình thương

(xa) */-che/* → */xe/*

Hán-Việt	*khí-xa*	Việt	*xe hơi*
	hoả-xa		*xe lửa, xe hoả*
	cơ-xa		*xe đạp, xe máy*
			xe lết
			xe lam
			xe tăng

(chủ-nghĩa) */-zhuyi/* → */chủ-nghĩa/*

Hán-Việt	*duy-vật chủ-nghĩa*	Việt	*chủ-nghĩa duy-vật*
	cá-nhân chủ-nghĩa		*chủ-nghĩa cá-nhân*
			chủ-nghĩa đớp-hít

Trong một vài trường-hợp, việt-ngữ lại mượn một tiếng của hoa-ngữ để thay thế một loại-danh đồng-nghĩa nhưng bắt nguồn từ một ngôn-ngữ khác ; như *quả núi* B, dùng loại-danh /*quả*/ là một tiếng gốc hán, để dịch một loại-danh gốc mãlai /*buah*/ cũng có nghĩa đen là 'trái, quả', và được mãlai-ngữ dùng với biệt-danh /*gunong*/ chỉ 'núi'.

Mãlai-ngữ	*buah*	*gunong*	: *quả núi*
	buah	*bukit*	: *quả đồi*
	buah	*hati*	: *quả tim*
	buah	*pinggang*	: *quả cật*

Tất cả các loại-danh vay-mượn, một khi đã nhập tịch việt-ngữ, đều bị chi phối bởi cơ-cấu ngữ-pháp của việt-ngữ, giống như các loại-danh bẩm-sinh. Về phương-diện hình-thức, sự khác-biệt duy-nhất giữa loại-danh nhập-tịch và loại-danh bẩm-sinh là cái mô-hình của hệ-thống các dạng-vị loại-danh : hệ-thống loại-danh bẩm-sinh thì theo mô-hình cây với những sự phân-biệt lưỡng-nghi rất rõ-rệt ở giai-đoạn khởi-đầu ; còn hệ-thống loại-danh nhập-tịch (đợt sau) thì tuy cũng thuộc lãnh-vực của loại-danh tiên-khởi /*cái*/, nhưng không theo mô-hình cây. Do đó, ta có thể nói được rằng mỗi dạng-vị loại-danh bẩm-sinh A_{n-1} chỉ một loại sự-vật nằm trong cái loại sự-vật được chỉ bởi dạng-vị loại-danh bẩm-sinh tương-ứng lớp trên A_n ; dạng-vị cuối-cùng A_1 trong cấu-tạo của một từ A là dạng-vị biệt-danh chỉ chính cái loại sự-vật được nói tới, và loại sự-vật này nằm trong cái loại được chỉ bởi loại-danh lớp trên A_2 nếu loại-danh A_2

là một loại-danh bẩm-sinh. Nhưng khi dạng-vị A_2 là một loại-danh nhập-tịch, thì sự thuộc-về của dạng-vị biệt-danh A_1 chỉ có tính-cách hình-thức và không liên hệ đến nội-dung của các dạng-vị (Bảng 21).

Dạng-vị loại-danh bẩm sinh	Dạng-vị loại-danh đợt sau
Hệ-thống cây nhị-nguyên 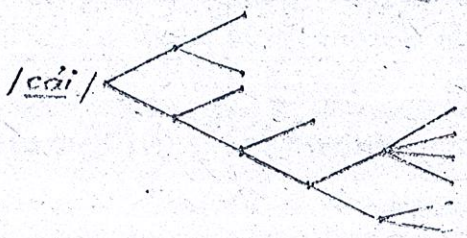 $A_n A_{n-1} \cdots A_2 A_1$	Hệ-thống tạp-biệt 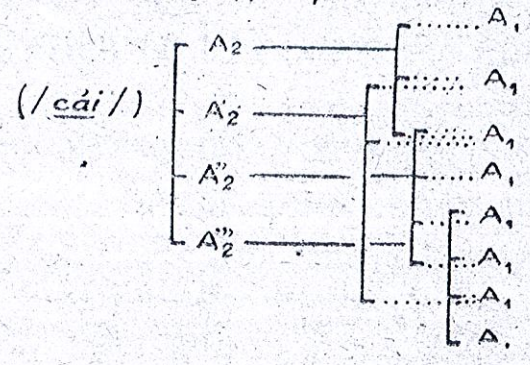
$/A_n/ \supseteq \{/A_{n-1}/\}$ $[A_n] \supseteq \{[A_{n-1}]\}$	$/A_2/ \supseteq \{/A_1/\}$

Bảng 21.— *So sánh loại-danh bẩm-sinh và loại-danh đợt-sau trong sự phân-phối, hình-thức và nội-dung.*

2.6.2.3. Không phải tất cả các loại-danh đợt-sau đều là loại-danh nhập-tịch (bằng cách vay-mượn hay

bằng cách phiên-dịch). Trong việt-ngữ ngày nay, còn có những loại-danh không theo hệ-thống cây, mà cũng không phải là tiếng vay-mượn. Một số những dạng-vị loại-danh này lại được cấu tạo theo những mô-hình từ-pháp rất đặc-biệt, có thể coi là đặc-thù của việt-ngữ. Theo thiển-ý, chúng là những dạng-vị tân-tạo theo phép tiếp-nhánh.

Sau đây là một vài bó dạng-vị quan-trọng nhất trong các dạng-vị loại-danh này.

2.6.2.3.1. Bó */miếng, miềng*^{N}, *(mảnh)*^{B}, *manh, mảng, món, mụn, múi, mẩu/*.

Bó loại-danh này gồm một số dạng-vị dùng âm */m-/* đầu. Nội-dung chung của tất cả các loại-danh trên là 'đơn-vị được biệt lập ra từ một cái nguyên-khối'. Hình-thức */m-/* có thể nói là liên hệ với cái nội-dung chung đó.

Cái cách biệt lập ra đơn-vị được chỉ bởi các loại-danh trên không giống nhau, và do đó, có thể nói rằng hình-thù của mỗi loại đơn vị cũng không giống nhau. Những vần đi theo */m-/* được dùng để chỉ những sự khác-biệt này. Chúng ta có thể phân ra:

/mụn/: hình nhỏ, không đáng kể

/múi, mẩu/: hình dầy và ngắn (do sự tỉa, cắt, bẻ, tách rời)

/manh, mảnh, mảng/: hình mỏng và rộng (do sự xé, sự bóc)

/miếng, miềng, món/ : hình phức-tạp (do sự cắn, nổ, hoặc do sự đắp, nặn).

Những nội-dung trên chỉ là để hướng dẫn và không có tính-cách chính-xác. Điều quan-trọng ở đây là sự liên-hệ hình-thức giữa các dạng-vị loại-danh thuộc bó này.

Sự liên-hệ hình-thức rõ-ràng nhất có lẽ là giữa *miếng, miềng*^{N}, *mảnh*^{B}, *manh*. Hai tiếng [*miềng*] và [*mảnh*], có lẽ chỉ là hai thể của cùng một dạng-vị, trong hai thổ-ngữ nam và bắc: nơi nào dùng tiếng [*miềng*] thì không dùng tiếng [*mảnh*], và ngược lại. Có nhiều từ A dùng */miềng/* và */mảnh/* với những ý-nghĩa in hệt nhau (*mảnh đạn, mảnh kính = miềng đạn, miềng kiếng*). Tuy nhiên, sự phát-triển của hai loại danh này cũng đã khác biệt từ mấy thế-kỉ, nên có *mảnh vườn, mảnh trăng, mảnh bằng*, mà không có ^{S} *miềng vườn*, ^{S} *miềng trăng*, ^{S} *miềng bằng*. Đó là chưa kể những *mảnh* không có hình như *mảnh tình, mảnh hồng-nhan, mảnh đời* (là những cái mỏng-manh còn lại sau khi cái khối nguyên-thủy đã bị sứt mẻ hay gặm nhấm), hoặc nếu có hình thì cũng không được chú ý tới, như *mảnh chồng, mảnh con*....

Miềng và *mảnh* là hai cái khuyên móc nối bốn tiếng trên với nhau để làm thành một tông. Những từ A thông-thường được gặp với các loại-danh A_2 này là :

miếng ăn
miếng thịt
miếng cơm

miếng đất		*mảnh vườn*	
miếng kính	*miềng kiếng*	*mảnh kính*	
miếng sắt (gỗ)	*miềng sắt*	*mảnh sắt*	
	miềng đạn	*mảnh đạn*	
miếng vải		*mảnh vải*	*manh áo*
miếng giấy		*mảnh giấy*	
		mảnh tình	
		mảnh đời	

Các loại-danh A_2 còn lại cho một số từ A, thường thấy nhất là :

mảng tường, mảng da
múi cam, (bưởi, chanh, quít), múi phổi
mẩu bánh, mẩu xương, mẩu gỗ, mẩu sắt
mụn vải, mụn con
món ăn, món thịt, món cá, món đồ, món quà, món tiền

2.6.2.3.2. Bó/*củ, cục, cọc, cột, cây, que, cuộn, cuốn, quyển*/.

Bó loại-danh này dùng âm-vị đầu là [k-], và chỉ những vật-thể có hình viên-trụ, dài ngắn khác nhau. Trong các loại-danh này, /*củ*/ và /*cục*/ thường dùng để chỉ những vật tự-nhiên, thuộc loài thực-vật hay không-thực-vật :

củ khoai	*cục đất*
củ cải	*cục chì*
củ lạc	*cục phân*
củ gừng	*cục vôi*

Các dạng-vị loại-danh còn lại thường dùng để chỉ những vật nhân-tạo : ngắn nhất là *cuộn*, nhỏ nhất là *que*, sâu nhất là *cọc*, cao nhất là *cột*, và thường nhất là *cây* :

cây nêu		*cột cờ*	
cây gỗ		*cột gỗ*	*cọc tre*
cây sắt		*cột đồng*	
cây dù		*cột mỡ*	
cây kem	*que kem*		
cây tăm	*que tăm*		
cây củi	*que củi*		
cây viết		*cột đèn*	

cuộn dây
cuộn chỉ
cuộn giấy
cuộn vải
cuộn băng
cuộn phim

Hai loại-danh còn lại chỉ dùng để chỉ những sản-phẩm văn-hóa. Cả hai tiếng đều đã được vay mượn từ hoa-ngữ, nhưng cũng được xếp vào bó này vì cũng dùng phụ-âm đầu [k-]. Ngày xưa, các *cuốn* và *quyển* cũng có hình viên-trụ, nhưng nay thì không.

cuốn sách	*quyển sách*
cuốn ngữ-pháp	*quyển kinh*
	quyển vở
cuốn phim	
cuốn băng	

2.6.2.3.3. Bó */thoi, thỏi, thanh, then/*.

Các loại-danh này chỉ những vật dài và cứng. */Thoi/*, */thỏi/* tương-đối nhỏ hơn và ngắn hơn */thanh/* và */then/* :

thoi vàng	*thỏi sắt*	*then sắt*	*thanh sắt*
			thanh gỗ
			thanh củi
			thanh quế
		then cửa	*thanh đao*
		then ngang	*thanh kiếm*

Ngoài ra, có lẽ còn phải kể */thìa/* ~ */chìa/* (*thìa khóa, thìa vôi*) trong bó này.

2.6.2.3.4. Bó */tờ, tầu, tấm, từng, (tầng)/* chỉ những vật rộng có mặt phẳng, thường được coi là toàn-khối :

tờ giấy	*tầu lá*	*tấm vải*	*từng đất*
tờ báo		*tấm các-tông*	*từng nhà*
tờ cáo-bạch		*tấm gỗ*	*từng gác*

Trong bốn dạng-vị loại-danh này, chỉ có *từng* (*tầng*) là bắt nguồn ở hoa-ngữ.

2.6.2.3.5. Bó */nắm, núm, nấm/*.

Ba loại-danh này rất gần nhau trong cấu-tạo âm-vị-học. Những vật được chỉ bởi những từ A có một trong những loại-danh này thường có hình tròn. Các */nấm/* và

/*núm*/ thường thì còn dính bởi một cái đáy rộng vào một vật :

núm cửa *nấm đất*
núm vú
núm vung

Còn /*nắm*/ thì chỉ dính bằng một cái cuống hẹp (*nắm tay, nắm đấm*) hay đã hoàn-toàn biệt lập (*nắm nem, nắm đất*).

2.6.2.3.6. Những bó loại-danh chỉ tập-hợp có thể xếp thành bảng như sau :

/ *chồng, chuỗi, chùm, chòm* /
/ *đống, đụn, đàn, đám, đùm* /
/ *bó, bị, bì, bao, bọc ; mớ*/
/ *xếp, thếp, đệp*/
/ *cụm, túm, rúm, núm, nắm, ôm, đám*/

Mỗi bó lấy một phụ-âm đầu (/č-/, /d-/, /b /) hay một vần cuối (/ ep/ , / um/, /ʌm/, /om, /am/) để làm căn chung.

Các tập-hợp chỉ bởi các dạng-vị loại-danh này có thể được lập thành một cách cẩn-thận và thứ tự, hoặc là hỗn-độn và vô-thứ-tự.

Kết-quả là những khối khác nhau về hình-thể và cấu-tạo : hoặc có cái bao bọc bên ngoài, hoặc không có ; và nếu không có bọc ngoài thì làm thành những tập-hợp theo một chiều cao hay dài, theo hai chiều, hoặc theo ba chiều. Bảng 22 tóm lược những sự phân-biệt trên.

	Có bao bọc	Không bao bọc			
		Ba chiều	Hai chiều	Theo một chiều	
				Dài	Cao
Thứ-tự +	*bó* *bị, bì* *bao* *búi* *bọc*	*chùm*	*chòm* *đội* *đoàn* *toán*	*chuỗi*	*chồng* *xếp* *thếp* *đệp*
Thứ-tự —	*mớ* *mối*	*túm* *rúm* *cụm* *nắm* *ôm*	*đàn* *đám* *tốp* *tụi*		*đống* *đụn*

Bảng 22. — *Dạng-vị loại-danh chỉ tập-hợp.*

Thí-dụ : *bó củi, bó giấy, bó rau, bó lúa, bó rơm, bó hoa, bó tiền*
bị thóc, bị gạo, bị than, bị tiền
bì đạn, bì thơ
bao gạo, bao cát
búi tóc
bọc tiền, bọc giấy, bọc vải
mối chỉ, mối tình, mối lo, mối nguy
mớ rau, mớ tóc, mớ quần áo, mớ tiền

V.Ch.— *Ba đồng một mớ đàn ông*
chùm-râu, chùm nho, chùm nhãn
chòm sao, chùm râu
chuỗi hột, chuỗi tràng
chồng sách, chồng báo, chồng bát, chồng đĩa
đội lính, đội vòi rồng, đội quân
đoàn quân, đoàn người, đoàn thanh-tra, đoàn ăn mày
đàn chim, đàn gà, đàn voi, đàn trẻ nhỏ
đám ma, đám cưới, đám rước
đống gạch, đống rác, đống tiền, đống phân
đụn rạ
đùm rẻ rách, đùm mắm tôm
xếp (xấp) giấy bạc
thếp giấy, thếp vải
đệp giấy, đệp bánh chưng
tốp lính
tụi cướp, tụi du-côn, tụi cao-bồi
toán lính
túm vải
rúm muối, rúm thóc
cụm hồng, cụm cây, cụm cỏ
nắm gạo, nắm thóc, nắm giấy bạc; (nắm nem)
ôm tiền

2.7. Để kết luận, dưới đây là danh-sách các dạng-vị A_n (với $n > 1$), nghĩa là những dạng-vị dùng làm loại-danh thường gặp nhất trong việt-ngữ ngày-nay.

2.7.1. Danh sách thứ nhất (Bảng 23) dựa vào những phạm-trù ý-nghĩa và không có tham-vọng là đầy-

đủ. Sự nghiên-cứu thông-kê có thể áp dụng được vào các dạng-vị này, và nếu được thực hiện, sẽ có thể soi sáng nhiều vấn-đề dính líu đến cơ-cấu ý-nghĩa-học của các từ A trong việt-ngữ.

Bảng 23. — *Danh-sách những loại-danh thông-thường của việt-ngữ (theo ý-nghĩa).*

	ĐƠN-TÍNH	TẬP-TÍNH
Người :		
không phân-biệt. . . .	*Người, Kẻ, Đứa, Con*	*Đàn, Kẻ*
phân biệt nam/nữ :		
Nam. . .	*Thằng, Ông, Lão, Anh*	*Đám*
Nữ. . . .	*Con , Bà, Mụ, Chị*	*Đoàn* *Đội*
phân biệt tôn-ti . . .	*Đấng (Đứng)*	*Bọn*
	Đức	*Tốp, Tụi*
	Vị	*Toán*
	Viên	*Tập-đoàn*
	Đồ, Quân	*Lũ, Nhóm*
		Phường
phân biệt nghề-nghiệp		*Quân*
Sĩ + nông + thương.	*Nhà*	*Ban, Bộ*
Công	*Thợ, Phu*	*Hội*
Binh	*Lính*	*Gánh*
Nghề đáng khinh. .	*Con*	*Lớp*

	ĐƠN-TÍNH	TẬP-TÍNH
Vật linh-động	*(Cái) con*	
* **Sinh-vật**	*Con*	
phân biệt giống (tiêu-chuẩn chính : môi-sinh-học)		
giống bay trên trời	*Chim*	*Đàn*
giống bơi dưới nước (kể cả *cá voi, cá sấu*)	*Cá*	*Đàn*
	Cua — Cáy	
	Tôm	
	Tép	
giống sống trên cạn (kể cả một vài thứ chim (*gà, vịt, ngỗng*), các muông-thú (*trâu, bò, lừa, ngựa, hổ, báo, voi...*)	∅ (loại-danh 0)	*Bầy, Đàn, Lũ*
các loài rắn rết	*Rắn, Rùa*	*Đàn*
	Rết, Run	
các loài sâu bọ	*Sâu*	*Ổ*
	Bọ	
	Ruồi, Muỗi	
	Ong	*Tổ*
	Kiến	
* **Vật-thể linh-động**	*Con (mắt, ngươi, thuyền, quay...)*	

	ĐƠN-TÍNH	TẬP-TÍNH
Vật-thể không linh-động (*Cái*)		
* **Thực-vật : Loại :**		
Cây — 0 — *Dưa*	*Gốc*	*Bụi, Bè*
		Chùm
		Cụm
		Đám
Rau — 0	*Cọng, Ngọn, Sợi*	*Hàng*
		Rặng
Cải		*Rẫy*
Cỏ	*Cọng, Ngọn*	*Bó*
Hành		
Lúa		
Khoai		
Mít, Ổi, v.v...		
Dây		
* **Chung (thực-vật và không-thực-vật)**		
Phân-biệt — phần-tử	*Miếng, Món*	
	Mảnh, Mảng	
	Mụn, Múi, Mầu	
	Khẩu	
toàn-thể (đơn-vị)	*Tấm*	
	Chiếc	
	Phiến	
	Khối	

Phân-biệt: Không định-hình / Có định-hình	ĐƠN-TÍNH	TẬP-TÍNH
I- Vật-thể có hình		
— Theo hình-thù (đại-khái) của vật-thể		
- Tròn và đặc (từ lớn đến nhỏ)	*Quả (Trái)*	*Chùm*
	Hòn	*Chòm*
	Viên	*Chuỗi*
	Hột, Hạt	*Dây*
		Sâu
- Tròn, thiếu đều đặn	*Củ*	*Đống*
	Cục	
- Tròn bản và dài	*Quản*	
	Cuộn, Quận	*Bó*
	Cây	
	Que	
	Cột	
	Cọc	
	Đốt, Đoạn, Đẵn	
	Đòn	
- Tròn và nổi lên cao (hình nón úp)	*Nắm*	*Nắm*
	Núm	*Rúm*
	Nấm	*Túm*
	Gò	*Cụm*
	Mô, Mấu	
- Tròn và dẹp	*Bánh*	
	Vừng, Vầng	
	Vòng	

	ĐƠN-TÍNH	TẬP-TÍNH
- Tròn và rỗng	*Ống*	
	Bóng, Bọng	
- Dài	*Chìa, Thìa*	*Chùm, Chòm*
	Thoi, Thỏi	*Chuỗi*
	Thanh	*Tràng*
	Giải, Dải	*Sấu*
- Rộng và vuông-vắn (Từ dầy đến mỏng)	*Bức*	*Kiện*
	Bàn	*Bao*
	Bánh	*Bì, Bị*
	Tấm	*Bó*
	Tờ	*Bụi*
	Lá	*Bọc*
	Khăn	*Túi*
		Gói
		Hộp
- Một đầu nhỏ, một đầu to	*Mũi*	*Chồng*
	Ngọn, Ngón	*Đệp*
	Ngòi	*Xếp*
	Đỉnh	*Thếp*
- Một bên mỏng một bên dầy	*Lưỡi*	
	Sống	
- Dài và mềm	*Dây*	*Bó*
	Sợi	*Búi*
	Chỉ	*Con*
		Mối, Mớ
		Cuộn

	ĐƠN-TÍNH	TẬP-TÍNH
— Theo cấu-thức		
- Đơn-vị cấu-tạo	*Tầng, Từng*	
	Lớp	
	Thớ	
	Sợi	
Thành-phần (1)	*Cán*	
	Cần	
	Báng	
	Đầu	
	Mặt	
	Mắt	
	Miệng	
	Mũi	
	Tai ~ Tang	
	Lưỡi	
	Sống	
	Đốc	
	Gốc	
	Ngọn	

(1) Một số loại-danh chỉ thành-phần có thể được dùng để chỉ cái toàn-thể (giống như số-danh của hoa-ngữ) :

Thí-dụ : *đầu* người — *ngọn* cỏ
nóc gia — *lưỡi* kiếm
mái nhà — *khẩu* súng

hoặc là để chỉ một hành-động :

Thí-dụ : *mũi* dao 'nhát đâm, nhát dao'
ngọn roi ' cái quất bằng roi '

	ĐƠN-TÍNH	TẬP-TÍNH
	Bả ~ Chả	
	Cổ	
	Cánh	
	Tay	
	Chân	
	Vòi	
	Lòng ~ Nòng	
	Quai	
	Đít	
	Đáy	
	Đế	
	Đũng	
	Thành	
	Bậu	
	Bờ	
	Bìa	
	Ria, Rìa	
	Bực, Bậc	
	Cạnh	
	Ven	
	Mép	
— Theo công dụng	*Đồ*	
• Xây-dựng :	*Nhà*	
	Chòi	
	Đài	
	Toà	

	ĐƠN-TÍNH	TẬP-TÍNH
	Viện	
	Trường	
	Xưởng	
	Kho	
	Quán	
	Sân	
• Tổ-chức	*Cửa* (*Tiệm*, *Hiệu*, *Hàng*)	
• Binh-khí	*Cỗ* (*Súng*)	
	Cây	
	Chiếc	
	Thanh	
• Cơ-khí	*Máy*	
	Khung	
• Nhạc-khí	*Cây* (*Đàn*, *Sáo*, *Kèn*)	
	Trống	
• Phương-tiện vận-chuyển		
Phân-biệt có bánh	*Xe*	*Cỗ*
Phân-biệt không bánh	*Tầu*	*Toa*
Phân-biệt không bánh	*Thuyền*	*Đoàn, Đội*
• Phương-tiện chứa đựng đặc-biệt	*Hộc*	
	Hộp	*Bộ*

	ĐƠN-TÍNH	TẬP-TÍNH
	Thạp	
	Thùng	*Khay*
	Bể	
	Bình	
	Bầu	
	Bát	
	Chum	
	Chậu	
	Chai	
	Chén	
	Vại	
	Lu	
	Lon	
	Li, Cốc	
	Hũ	
	Choé, Chĩnh	
	Bình	
	Nậm...	
• Sản-phẩm văn-tự	*Sách*	*Bộ*
	Cuốn	*Pho*
	Quyển	
	Tập	
	Bài	
	Bản	
	Tờ	

	ĐƠN-TÍNH	TẬP-TÍNH
2 - Chất	*Chất - ∅*	
Phân biệt		
Lỏng... *Nước*	*Giọt*	*Vệt*
Lỏng... *Dầu, Rượu*	*Hụm, Ngụm*	*Vốc*
	Hớp	*Vục*
	Miếng N	*Vũng*
		Giòng
Đặc — Mềm... *Đất*	*Nắm*	*Vùng*
Đặc — Mềm... *Đất*	*Miếng, Mảnh*	*Cõi*
Đặc — Mềm... *Đất*	*Hòn*	
Đặc — Cứng .. *Đá*	*Cục*	
Đặc — Cứng .. *Gỗ*	*Phiến*	
Đặc — Cứng .. *Gỗ*	*Tảng*	
3 - Thời-gian		
	Ngày	*Cỗ*
	Hôm	*Khóa*
	Ban	*Tuần*
	Bữa	
	Buổi	
	Ván	
	Vụ	
	Giấc	*Đời*
	Giờ	
	Canh	
	Khoảng	

	ĐƠN-TÍNH	TẬP-TÍNH
	Khi	
	Hồi	
	Lúc	
	Thời	
	Trang	
	Chuyến	
	Trận	
	Cuộc	
4 - Ý-niệm	*Điểm*	
	Điều	
	Tính	
	Trí	
	Lòng	
	Mối	
	Nỗi, Niềm	
	Sự	
	Việc	*Công-cuộc*
	Vấn-đề	*Nền*
	Cách, Thuật	*Khoa*
	Phép	*Môn*
	Phương-pháp	
	Luật	*Thuyết*
	Nguyên-lí	*Hệ, Hệ-thống*
	Lẽ	*Chủ-nghĩa*
	Bệnh	
	Chứng	*Hội-chứng*
	Tật	

Danh-sách này được lập trên căn-bản ý-nghĩa. Nội-dung của các loại-danh, trong nhiều trường-hợp, cũng không tách rời từ-nguyên quá xa, nên danh-sách này cũng không đến nỗi sai-lạc lắm.

2.7.2. Tuy-nhiên, về phương-diện ngữ-pháp và trên nguyên-tắc hình-thức, danh-sách trên không những thiếu sót mà lại còn làm cho ta có thể lầm tưởng rằng ngôn-ngữ là một cái gì cứng-ngắc vì phải theo những khuôn-khổ của ý-nghĩa.

Danh-sách dưới đây (Bảng 24) lập lại hầu hết danh-sách trên, theo sự phân-phối của mỗi loại-danh. Chúng ta sẽ thấy rằng có nhiều những kết-hợp bất-ngờ mà lí-trí không giảng nổi và chính điều này là một sự chứng-minh quan-trọng cho tính-cách thiên-biến vạn-hóa của ngôn-ngữ :

Bảng 24. *Danh-sách những loại-danh thông-thường (theo sự phân-phối)* (1)

A_2 *Anh*	kết hợp với	A_1 :	*học trò, bạn, khóa, chàng*
Ánh		A_1 :	*nắng, sáng, đèn, lửa, đuốc, gương*
Áo		A_1 :	*dài, cánh, lót, khoác, bà-ba, măng-tô, vải, gỗ, quan, xe*
Bà		A_1 :	*lão, già, xã, vợ, quan, sư, ăn mày; lớn* (quan), *cả, bé* (vợ).

(1) Những biệt-danh A_1 chỉ được gặp trong văn-chương (cổ-văn) và chưa được chấp nhận trong ngôn-ngữ thông-thường được đề sau kí-hiệu V.Ch.

A_2 *Bả* ~ *Chả* kết hợp với A_1 : *vai.*

Bãi A_1 : *cát, đất, bể, đờm, nước miếng, phân*

Ban $_1$ A_1 : *hát, cải-lương, kịch ; kinh-tài, ám-sát, kiểm-sát (Ch.)*

Ban $_2$ A_1 : *mai, ngày, chiều, tối, đêm*

Ban $_3$ (Y) A_1 : *cua, trắng, đỏ*

Bàn A_1 : *đọc, viết, ăn, học, thờ* (1), *là (ủi), chải, thạch, gỗ, đá, giấy ; toạ, tay, chân ; chông, cờ, tính*

Bản A_1 : *thảo, in, vỗ ; nhạc, ca*

Báng$_1$ A_1 : *súng*

Báng$_2$ (Y) A_1 : *thịt, nước*

Bánh A_1 : *bao, bẻ, chưng, dầy, ít, tráng, lá, mì, đa, tây, xe ; chè ; sà-bông*

Bao A_1 : *tải, vải ; gạo, cát, thơ, (thư*B), *súng, đạn*

*Bát*B (*Tô*N) A_1 : *nước, cơm, phở, gạo ; sành, sứ (xứ)*

Bắp A_1 : *ngô, cải ; chuối, thịt, cơ, đùi...*

---

(1) Trong một hệ danh-từ, loại-danh thường là một tiếng không nhấn, như đã được giải thích.

Một đôi khi, loại-danh còn có thể bị dị hóa, như trong trường-hợp của A *bàn thờ*, thường được phát âm là *ban thờ* ; do đó, lại tạo ra từ A *ban* :

— *Anh để hộ em cái bình hoa lên trên ban.*

A_2 *Bầu* kết hợp với A_1 : *trời ; rượu ; không-khí ; nhiệt-huyết, máu nóng*

Bể A_1 : *khổ, ái ; học*

Bì A_1 : *thư, đạn*

Bị A_1 : *bông, thóc, gạo, than, tiền*

Bìa A_1 : *sách, rừng*

Bình A_1 : *nước, hơi, rượu, thuốc, điện, thủy, hoa*[B], *bông*[N]

Bịnh[N] (*Bệnh*[B]) A_1 : *lao, kiết, lậu, lậu kén, tim-la, thấp, tim, gan, phổi* (Y) ; *nghèo, kiết*

Bó A_1 : *củi, lúa, đũa, tiền, giấy, đuốc*

Bọ A_1 : *dừa, hung, xít, cạp, ngựa, chó*

Bọc A_1 : *trầu, giấy, tiền, quần áo, nước*

Bọn A_1 : *cướp, giặc, học-trò, trẻ con, quỉ-sứ, lính-tráng, đầu trâu mặt ngựa*

Bóng$_1$ A_1 : *đèn* (A_3 *cái*), *tròn, bầu-dục* (A_3 *quả*[B], *trái*[N])

Bóng$_2$ A_1 : *ma, ngựa ; trăng, mặt trời, mát, dâm, đen ;* V. Ch. *hồng, thỏ, cờ, tinh, quang-âm.*

Bộ A_1 : *áo, cánh, sách, máy, khuy ; tiêu-hóa, hô-hấp, lòng, xương; lễ, binh, hộ, chỉ-huy, thông-tin, giáo-dục* (Ch.)

A_2 *Bờ* kết hợp với	A_1 : *sông, bể, ruộng ; hè, rậu, rào, đê*
Bụi	A_1 : *cây, cỏ, tre, gai, xương rồng ; rậm*
Búi	A_1 : *tóc, tó, chỉ*
Buổi	A_1 : *trưa, sáng, tối ; chầu, cầy, học*
Buồng$_1$	A_1 : *chuối, cau, gan, phổi*
Buồng$_2$	A_1 : *học, ngủ ; the ; trò, giấy*
Bữa	A_1 : *ăn, trưa, tối, cơm, quà*
Bức	A_1 : *ảnh, tranh, họa, màn ; hoành ; tường, vách ;* V. Ch. *mành-mành, chiến-bào*
Bực (*Bậc*^{N})	A_1 : *thang, thềm, cửa ; ông, cha ;* V. Ch. *công-danh, phù-đồ, tài-danh, phú-quí.*
Bướu	A_1 : *đầu, cổ ; hiền, ác ; xương, thịt, óc*
Cá	A_1 : *chim, đuối, quả, chép, kình, cơm, sấu, voi, ông ; gỗ*
Cách	A_1 : *làm, pha, trộn, viết, nói, ăn-mặc*
Cái	A_1 : *búa, cầy, ghe, diều, ma, chăn ; con (...), kiến, ong, cò, da-da ; ghẻ ; cây, hoa ; mầu, mùi, tiếng ; sự, lòng*
Cải	A_1 : *bẹ, bắp, củ, cúc, tàu trâu, sọong* (A_3 *cây, rau*)

A_2		A_1
Cán kết hợp với		A_1 : *dao, chổi, cuốc, mai, gáo, cân*
Canh$_1$		A_1 : *riều, thịt, cần, rau muống*
Canh$_2$		A_1 : *bạc; một, ba;* V.Ch. *đầu, tà, tàn*
Cánh		A_1 : *tay, khuỷu, quạt; đồng, rừng; cửa; gà; buồm; hoa, sen, chè; diều, chuồn, trả*
Cạnh		A_1 : *bàn, giường; khế; thước*
Căn$_1$		A_1 : *nhà, phố*^{N}, *phòng, bếp*
Căn$_2$		A_1 : *bệnh, số, chữ; bình-phương*
Cần		A_1 : *câu*
Cây		A_1 : *lúa, rau, ngô, gạo, bàng, thông; nêu, dù, gậy, trượng, đèn, nến; bút, viết; phúc, đức...*
Cở		A_1 : *lau, gà, thi, may, khâu, mần-chầu,...*
Cọc		A_1 : *tiền, bạc; gỗ*
Cõi		A_1 : *trời, đất, phật, tiên, âm, dương, trần, đời, sống, chết, sơn-hà, u-minh;* V. Ch. *người ta*
Con		A_1 : *trai, gái, đứa, đòi, ở, sen; buôn; người, vật, giống, khỉ, chó, sâu, bọ, cáy, kiến; mắt, thuyền, đường, ráy, số*
Cọng		A_1 : *rau, cỏ*
Cô		A_1 : *bé, em, ả, dâu, hồn*
Cổ		A_1 : *hũ, họng; tay, chân; chai, lọ; chày*

A_2 *Cỗ* kết hợp với A_1 : *bài ; máy, súng ; ngựa ; áo, ván, quan-tài ; kiệu ; lòng*

Công-cuộc A_1 : *bình-định, trị-an ...*

Cột A_1 : *nhà ; đồng ; cờ, buồm, đèn ; mỡ*

Cơn A_1 : *mưa, gió ; đau, sốt, động kinh ; ghen ; nghiền, khủng-hoảng*

Củ A_1 : *đậu, khoai, cải, gấu, chuối,* A_1 (thô-tục)

Cua A_1 : *đồng, bể, dạm, dễ, gạch, thịt, nước*

Cục A_1 : *đất, gỗ, than, phân ; cưng*

Cụm A_1 : *cây (dâm-bụt, ruối), hoa, cỏ*

Cuộc A_1 : *đời, đỏ-đen, đua, thi, tình-duyên, khủng-hoảng ;* V. Ch. *thành-bại*

Cuốn A_1 : *sách, kinh, tự-điển ; gấm, giấy*

Cuộn A_1 : *chỉ, băng, phim*

Cuống A_1 : *lá, chiếu ; họng, rún*

Cửa A_1 : *hàng, hiệu ; công, quan, quyền, Không, Phật, Khổng ;* V. Ch. *thiền, thánh, trời ; bể, khẩu ; mệnh, mình, ải ; tiền, hậu, chẵn, lẻ.*

Chai A_1 : *nước, rượu, dầu, dấm, si-rô*

Chân A_1 : *giữ két, thủ-quĩ, thư-kí ; què, giò ; vịt ; núi, đê, giường, quì, vạc ; trời, mây, sóng*

A_2 *Chất* kết hợp với	A_1 : *muối, acid, khí, rượu, nước; nổ, lỏng, đặc; nóng*
Chậu	A_1 : *hoa, nước; thau; giặt*
Chén	A_1 : *nước, rượu, gạo, cơm*
Chí	A_1 : *cả, lớn, cương-quyết; làm ăn, đi buôn*
Chị	A_1 : *bạn, vú, sen, người làm; ruột, họ, dâu, chồng*
Chỉ	A_1 : *bộp; khâu, thêu; ngũ-sắc; tay;* V. Ch. *hồng, thắm*
Chìa (Thìa)	A_1 : *vôi, khóa; ngoáy*
Chiếc	A_1 : *giày, dép, đũa; bánh; thuyền,* V. Ch. *bách; bóng*
Chim	A_1 : *sẻ, chích, khuyên, vàng-anh, bói-cá, diều-hâu, di-đá*
Chĩnh	A_1 : *gạo, mắm*
Choé	A_1 : *rượu*
Chòm	A_1 : *sao; râu*
Chồng	A_1 : *bánh, sách, gạch, ngói, giấy, bạc*
Chủ-nghĩa	A_1 : *xã-hội, tự-do, đa-thê, cộng-sản, đớp-hít*
Chùm	A_1 : *nho, chìa khóa*
Chum	A_1 : *nước, vàng*
Chuỗi	A_1 : *hạt, ngọc, trai, tiền, cá; tiếng*
Chuyến	A_1 : *tàu, đò, đi, du-lịch, hàng*
Chứng	A_1 : *đau bụng, nói lắp, làm biếng*

A_2 *Dải* kết hợp với A_1 : *lụa, áo, yếm ; rút ; cờ ; đất, sông, Ngân-hà, cầu vồng, giang-sơn ;* V.Ch. *trường-giang*

Dây A_1 : *leo, sắn, khoai, muống : thép, gai ; lưng, đàn, mực, tam-cố, tơ-hồng.*

Dầu A_1 : *lạc, chổi, dừa, hồi, vừng, quế ; cá ; hôi, hỏa, tây ; thơm, nóng*

Dòng A_1 : *nước, sông ; chữ ; đời, lịch-sử ; họ, quan, đạo ;* V.Ch. *liu-điu*

Dưa$_1$ A_1 : *gang, bở, hấu, chuột*

Dưa$_2$ A_1 : *cải, hành, giá, góp*

Đá A_1 : *hoa, ong, bọt, mài, cuội, vôi ; lửa, năm-châm*

Đài A_1 : *sen, hoa ; rượu, trầu ; kỉ-niệm, thiên-văn ;* V.Ch. *gương, trang*

Đám A_1 : *ma, rước, lễ, ăn-hỏi, tang, cháy ; mây*

Đàn$_1$ A_1 : *(ông, bà), em, anh ; chim, gà, bò, voi*

Đàn$_2$ A_1 : *lễ, chay, nam-giao*

Đàn$_3$ A_1 : *nguyệt, bầu, tranh, ghi-ta ;* V.Ch. *cầm*

Đạo$_1$ A_1 : *quân, binh ; Khổng, Phật, Hồi-hồi, Gia-tô (Ki-tô)*

Đạo$_2$ A_1 : *sớ, sắc, chỉ-dụ, công-văn*

A_2 *Đáy*	kết hợp với	A_1 : *nước, bể, ao, sông, lọ, túi*
Đẫn		A_1 : *mía*
Đấng[N], *đứng*[B]		A_1 : *Từ-bi, anh-hùng, trượng-phu, Tạo-hóa, Tối-cao, minh-chúa,* V.Ch. *tài-danh*
Đất		A_1 : *sét, thó, bùn, bạc*
Đậu, đỗ		A_1 : *đen, xanh ; đũa, ván, cô-ve, hòa-lạn ; phụng, nành, tương*
Đầu		A_1 : *người ; kim, mũi tên, gậy ; vú, gối, lưỡi, mấu ; đinh (đanh)*[N] *; đề, bài*
Đế		A_1 : *giày, bình, đèn, lọ*
Đệp		A_1 : *bánh, sách, giấy*
Điếu		A_1 : *thuốc, (thuốc lá, thuốc phiện) ; cầy, ống*
Điều		A_1 : V. Ch. *tình-ái, tà-dâm ; phi-pháp* (Ch.)
Đỉnh		A_1 : *núi, đồi ; chùa, tháp ; đầu*
Đít		A_1 : *lọ, bát, chum, vại ; quần*
Đoạn		A_1 : *cây, dây, roi, tre ; văn ; đời,* V. Ch. *khổ, sầu, thảm.*
Đoàn		A_1 : *người, xe, tàu, quân, dõng,* V. Ch. *phiên-binh*
Đòn		A_1 : *gánh, càn, sóc, tay ; ngầm, hội-chợ*
Đồ$_1$		A_1 : *gỗ, đồng, sắt tây, ăn, làm, dùng, chơi, thờ, bày biện, trang-sức ;* V. Ch. *tế-nhuyễn*

A_2 *Đồ*$_2$ kết hợp với A_1 : *khốn, tồi, ăn mày, ăn cắp, sở-khanh*

Đốc A_1 : *dao, kiếm, gậy, giáo, cờ*

Đời A_1 : *sống ; người, vua, cha, con ;* V. Ch. *tài-hoa*

Đùm A_1 : *mắm tôm, gạo, cơm*

Đốt A_1 : *mía, tre, xương, ngón tay, ngón chân*

Đũng A_1 : *quần*

Đứa A_1 : *trẻ, bé, con, con trai, con gái ; ở, ăn mày ;* V. Ch. *phong-tình, vô-tri*

Đức A_1 : *Phật, Thánh, Vua, Bà, Ông, Phu-tử ; ông chồng*

Đường$_1$ A_1 : *phèn, cát, trắng, tây, cục, miếng*

Đường$_2$ A_1 : *cái ; đi ; đời ; kiếm, roi ; công-danh, tử-tức ;* V. Ch. *mây, thế-đồ*

Gã A_1 : *đàn-ông, thợ cày, ăn mày*

Gánh A_1 : *củi, hàng, gạo, đất, nước, hát, xiếc ;* V. Ch. *càn-khôn, tương-tư, đàn ông*

Gân A_1 : *gót ; mặt, tay ; gỗ ; chữ*

Gò A_1 : *đất ; má ;* V. Ch. *bồng-đảo*

Gói A_1 : *đồ, bánh, kẹo, quà, quần-áo, hàng, tiền*

A_2 *Gỗ*	kết hợp với	A_1 : *lim, mun, gụ, trắc, thao-lao....*
Gốc		A_1 : *cây, cau ; họ ;* V.Ch. *dương, liễu, thông, tử*
Giấc		A_1 : *ngủ, mộng ;* V.Ch. *bướm, điệp, hoa, hoè, nồng, hương-quan, nam-kha, vu-sơn,*
Giọt		A_1 : *nước, mưa, gianh (tranh), mực, máu, lệ ;* V.Ch. *châu, sương, đồng, ba-tiêu*
Giờ		A_1 : *ăn, tấn-công, tranh-đấu*
Hàng		A_1 : *nước, cơm, quà, bánh, hoa, xén, ngang, tôm, cá, xáo, sách, tạp-hóa*
Hạt ~ hột		A_1 : *thóc, gạo, cơm, sen, cải, nhãn, giống ; dái ; mưa, móc, sạn, trai, vàng ; điện-tử ;* V. Ch. *châu, lệ*
Hiệu		A_1 : *thợ may, thuốc, sách*
Hòn		A_1 : *đất, đá, sành, gạch, chì ; núi, đảo ; dái ; bi, đạn*
Họng		A_1 : *súng, cối, cột*
Học		A_1 : *gạo*
Hồi		A_1 : *chuông, trống, loa, còi ; tuồng, truyện ; đỏ-đen.*
Hội		A_1 : *buôn, nghiên-cứu, kín, y-học ;* V. Ch. *đoạn-trường, long-vân, trường-văn*
Hội-chứng		A_1 : *mất-nước, sưng-màng-phổi*

A_2 *Hộp*	kết hợp với	A_1 : *phấn, thuốc, bột, sữa, bút ; ấn, mực*
Hơi		A_1 : *nước, men ; lạnh, nóng ; thở, nói*
Hớp		A_1 : *nước, rượu*
Hũ		A_1 : *rượu, mắm, nước hoa*
Hụm ~ ngụm		A_1 : *nước, rượu*
Kẻ		A_1 : *cắp, cướp, khó, sang ; chợ, Noi, Sặt, Lũ*
Kèn		A_1 : *tây, đám ma, hơi*
Kiến		A_1 : *cánh, đỏ, đen, chúa ; lửa, gió*
Kiện		A_1 : *hàng, vải, sợi, sách*
Khay		A_1 : *chén, đèn, trầu, nước,*
Khăn		A_1 : *quàng, xéo (chéo), sô, ngang, mỏ-quạ, đầu-rìu, mặt, tay, chầu*
Khẩu		A_1 : *trầu, mía ; súng*
Khí		A_1 : *trời, âm ; lạnh, nóng*
Kho		A_1 : *tiền, bạc, thóc, hàng*
Khoa		A_1 : *ăn, nói, tán, làm bếp, thi ; cách-trí, vạn-vật, địa-dư*
Khóa		A_1 : *cửa, đồng, sắt, chữ ; nước*
Khoảng		A_1 : *không, cách, trời-đất ; thời-gian, một giờ, mười năm*
Khối		A_1 : *đá, gỗ, gạch, vàng, thịt ; tình ;* V. Ch. *tì-sương*
Khúc		A_1 : *gỗ, cây, cá ; đường, sông ; ca,*

nhạc, hòa-tấu ; V. Ch. *vàng, đoạn-trường, nhồi*

A_2 *Khung* kết hợp với A_1 : *ảnh, diều, đèn, cảnh; cửi*

Lá A_1 : *cây, sen, chuối, thư, đơn, số, bùa, cao; bài; (xương lá) mía; cờ; chắn; phổi, gan*; V. Ch. *màn*

Làn A_1 : *sóng, gió, nước, không-khí*; V. Ch. *thu-thủy*

Lão A_1 : *già, chủ, thư-ki, công-sứ*; *ăn-mày* (A_3 *ông, bà*)

Linh A_1 : *thú, kín, khố-đỏ, cứu-hỏa, cảnh-sát, dù, cậu*

Lon A_1 : *gạo, sữa, nước, dã cua*

Lòng A_1 : *tin, thành, trung, ngay-thẳng, hiếu-thảo, sốt-sắng, yêu-nước.*

Lớp A_1 : *ngói, gạch, đất, nhà; người, xung-phong; sóng; học, vạn-vật*; V. Ch. *cùng-thông*;

Lu A_1 : *nước mắm*

Lũ A_1 : *trẻ, con, người, chuột*; V. Ch. *thổ, ác-nhân*

Lúa A_1 : *gạo, mì, mạch, ngô, chiêm, mùa, thần-nông*

Luật A_1 : *gia-đình, hình, hộ* (Ph)

Lúc A_1 : *trẻ, già; sớm, trưa, tối; suy, thịnh; no, đói, vui, buồn*; V. Ch. *tỉnh, mê; thanh-nhàn*

A_3 *Lưỡi* kết hợp với A_1 : *dao, kiếm, cưa, lê; cuốc; gà, trai*

Mái A_1 : *nhà, hiên; tóc, đầu; ngói, gianh (tranh); chèo*

Màn A_1 : *sắt, tre, nhung (A_3 bức); ảnh; phủ;* V. Ch. *sương, bí-mật*

Mảng A_1 : *tường, trần; da, cỏ;* V. Ch. *áo tơi*

Manh A_1 : *vải; áo, quần*

Mảnh A_1 : *vải, gỗ, sắt, giấy, kính, gương; bát, chai; đất; áo; tình; đời; hồng - nhan; chồng;* V. Ch. *hương-nguyền, vũ-y*

Máy A_1 : *in, may, giặt, tính, lọc nước; điện, dầu; ô-tô; tạo, huyền-vi*

Mặt A_1 : *trời, trăng (giăng), nguyệt; đất, nước, hồ, bể; bàn; kính; đồng-hồ; đồng tiền, chẵn, lẻ; vải; rổng; nạ*

Mắt A_1 : *kính; cáo, xích, lưới; tre, nứa; cá (A_3 cái)*

Mẩu A_1 : *thịt, bánh; thuốc lá*

Mấu A_1 : *cây, gỗ, xương; đòn gánh, tre; vải*

Mép A_1 : *giải; bàn, giường; vết thương; vải*

Miệng A_1 : *hùm; chén, ống nhổ; súng; ăn*

A_2 *Miếng* kết hợp với A_1 : *ăn; đậu, cơm, thịt, chả, nước, nước bọt, than, vải, sắt, gỗ; đất; vỏ*

Món A_1 : *ăn, sào, nấu; chân giò, thịt, ba-ba*

Mô$_1$ A_1 : *đất, đá*

Mô$_2$ (Y) A_1 : *mềm; xương, liên-kết, thần-kinh*

Mối A_1 : *chỉ, hàng; lo, sầu, ưu-phiền; tình, thù;* V. Ch. *cương-thường*

Môn A_1 : *học, võ, toán, thiên-văn; thuốc*

Mớ A_1 : *rau; cá, cau, áo; tóc*

Mũi A_1 : *kim, dao, tên; thuyền; đất; chích, tiêm*

Mụn$_1$ A_1 : *vải; con*

Mụn$_2$ (Y) A_1 : *nhọt, đầu đinh, trứng cá*

Nắm A_1 : *tay; đất; cơm, gạo, bỏng*^{B} *(phỏng)*^{N}, *nem; xương; lông*

Nấm A_1 : *hương, rạ, rơm, đông-cỏ; đất, cỏ*

Nậm A_1 : *rượu*

Nền A_1 : *nhà, văn-chỉ; gạch; văn-hóa, kinh-tế, dân-chủ, phú-quí.*

Niềm A_1 : *thương, vui; trung; tâm-sự*

Nỗi A_1 : *buồn, khổ; thù; lòng*

Nụ A_1 : *cười*

A_2		A_1
Núm kết hợp với		A_1 : *gạo, thóc; vú, cau*
Nước$_1$		A_1 : *lã, lũ, mưa, bể, suối, mắt, miếng, máy; đái; canh, hàng; đá; hoa, mắm*
Nước$_2$		A_1 : *cờ, đời; kiệu, đại; da, sơn*
Nước$_3$		A_1 : *quân-chủ, độc-tài; ngoài; Việt-nam*
Ngày		A_1 : *giỗ, tết, nghỉ; xưa, nay, sau, mai, kia (mốt)*^{N}
Ngề (Nghề)		A_1 : *thợ, buôn, dệt; làm ruộng; thầy thuốc*; V.Ch. *chơi*
Ngòi		A_1 : *bút; pháo; ống; loạn*
Ngọn		A_1 : *cây, cỏ, núi; cờ; bút; lửa, đèn, gió, sóng*; V.Ch. *tiểu-khê, ải*
Ngón		A_1 : *chân, tay; cái, út; đàn; chơi*
Ngối		A_1 : *vua, chủ-tể; sao; mả; chùa*; V.Ch. *báu, phi-tần*
Ngụm ~ *Hụm*		A_1 : *nước, rượu*
Người		A_1 : *đàn-ông, đàn-bà; học-trò, ăn-mày, lực-điền, phu, thợ; ở, làm*
Nhà		A_1 : *sàn, trệt, gác; tầng; cầu; in, trường. hội-đồng, mồ, cưới; máy: chùng; trai, gái*; V.Ch. *huyên, thông; nghề, trò, nho, binh, phật, văn, khoa-học, chính-trị; tôi; quê, mùa*

A_2 *Nhát* kết hợp với A_1 : *dao, gươm, búa; riu, chổi, chẻm, đâm; gừng*

Nhóm A_1 : *người, thanh-niên - Vô-cánh* (S)

Ong A_1 : *bầu, mật, nghệ, ruồi, vò-vẽ*

Ổ A_1 : *chuột, gà, chim ; khóa; bánh, buôn người*

Ông A_1 : *vải, công, trời, tiên, sao, địa, tơ, già, thầy, sư, đồng, giáo, cống, nghè, thủ-chỉ, tiên-sư, kễnh, hùm, ba-mươi, kẹ, bình vôi*

Ống A_1 : *tre, nứa, sậy; chân, quần, tay áo ; sáo, quyển, bút, khói; nhòm, nhổ, nghe, tiêm, máng, si-đồng*

Phép A_1 : *tiên, thánh, phù-thủy; tính, đo, cộng; nhà, công, nước, vua; điện-giải*

Phiến A_1 : *đá, gỗ, sắt*

Pho A_1 : *sách, tượng*

Phu A_1 : *trạm, xe, hồ, làm đường*

Phường A_1 : *vải, buôn, tuồng;* V. Ch. *lầu-xanh, trăng-hoa, lợi-danh, kim-môn*

Quả A_1 : *cau, cam, táo, na, vải, bồ-hòn, phật-thủ; tạ, cân, chuông, đất; mứt, chè, trầu, núi, đồi; đấm; thụi, phật-thủ; thận, mật, tim; lắc ; cấm*

A_2 *Quải* kết hợp với A_1 : *ấm, bị, giỏ, chảo, nón, chèo ; hàm, bị* (Y)

Quản	A_1 : *bút.*
Quân	A_1 : *cờ, bài ; ăn-mày ; ăn-cướp, giết người, vô-lại, khốn-nạn.*
Que	A_1 : *củi, diêm, nứa ; kem*
Rạp	A_1 : *hát, xiếc, chớp bóng*
Rau	A_1 : *muống, má, húng, mùi, thơm, kinh-giới, cải, cải-soong, sà-lách.*
Rắn	A_1 : *gió, nước ; giun, giáo, giâu ; hổ-mang, hổ-lửa ; cạp-nong, cạp-nia ; thằn-lằn.*
Răng	A_1 : *cửa, nanh, hàm, cấm ; bừa, cưa, lược*
Rặng	A_1 : *núi ; cây, tre, lau, thông*
Rẫy, giẫy	A_1 : *núi, đồi, cây, cột, người, nhà, phố*
Ria	A_1 : *sông, mép*
Ria	A_1 : *bàn, ba ba*
Rúm, nhúm	A_1 : *vải, thóc, gạo, tóc*
Run[B] *, trùn*[N]	A_1 : *đất, nước, kim, đũa*
Rượu	A_1 : *đế, tăm, ngọn, bào, nếp ; đậu, vang, thuốc, chổi ; huýt-ki*
Sáo$_1$	A_1 : *sậu, đen, ngà* (A_3 : *con*)
Sáo$_2$	A_1 : *diều, tây* (A_3 : *cái*)
Sâu$_1$	A_1 : *rau, róm, đo, keo* (A_3 : *con*)
Sâu$_2$	A_1 : *tiền, hạt ; người* (A_3 : *cái*)

A_2 *Sống* kết hợp với A_1 : *dao, lá, đất, núi ; mũi, lưng, áo*

Sợi A_1 : *gai, dứa, tơ, tóc, chỉ, lạt, dây, thuốc*

Súng A_1 : *hỏa-mai, thần-công, tay, lục, sáu, ca-nông, trái-phá, máy*

Sự A_1 : *đời*, V. Ch. *lòng ; lạ, thật ; học-hành, trầm-lặng, hi-sinh, sống, chết ; tử-hóa* (V)

Tai A_1 : *trâu, nheo ; lọ, ấm, hồng, cối, trống (tang trống)*

Tảng A_1 : *đá, băng, nước đá, núi*

Tay A_1 : *áo ; ghế, ngai, xe ; co ; vịn, lái, thước ; ngang, tổ, mơ, anh-chị, tướng-cướp*, V. Ch. *thày, ăn mặn*

Tấm A_1 : *gỗ, ván, vải, lụa ; vé, ngân-phiếu ; bé ; áo ; thân ; chồng ; lòng* ; V. Ch. *thương, trăng*

Tấn A_1 : *tuồng, kịch*

Tầng[N], *Từng*[B] A_1 : *nhà, gác, núi, mây*

Tập A_1 : *thơ, văn, vở, sách, bản thảo*

Tập-đoàn (Ch) A_1 : *tham-nhũng, quan-lại*

Tật (Y) A_1 : *thọt, lồi, sứt môi ; sa đi ; lười ; sa tiền*

Tàu, Tàu$_1$ A_1 : *lá (cải, chuối, sen), giấy*

Tàu$_2$ A_1 : *ngựa, voi*

Tầu$_3$ kết hợp với	A_1 : *bay, hỏa, chiến, buôn, dầu*
Tia	A_1 : *nắng, sáng, lửa, đạn, nước, máu, la-de (laser)*
Tiệm	A_1 : *cây, nước, buôn, may, hớt tóc*
Tiếng	A_1 : *động, vang, nói, khóc, rên, hú, cười ; pháp, anh, tầu*
Tính$_1$	A_1 : *bướng (bướng-bỉnh), lười, lẳng-mạn, chơi-bời, ăn vặt, thương người ; đàn-hồi* (V)
Tính$_2$	A_1 : *cộng, chia*
Toa$_1$[N]	A_1 : *tàu ; máy ; chở hàng*
Toa$_2$, *Phái*[T], *Đơn*[B]	A_1 : *thuốc, hàng*
Tòa	A_1 : *nhà ; án ; sứ, đốc-lí, hành-chánh, sen, ngự ;* V. Ch. *đô-sát, hàn-lâm, thiên-nhiên*
Toán	A_1 : *người, quân, cướp, cao-bồi*
Tổ	A_1 : *chim, chuột, tò-vò, chấy ; trộm-cướp, cờ-bạc ; kinh-tài, nghiên-cứu* (Ch.)
Tốp ≈ *tóp*	A_1 : *người, lính, phu, thợ*
Tờ	A_1 : *giấy, giấy bạc, khai, sức, cáo-bạch, truyền-đơn, biên-lai, quảng-cáo, báo ;* V. Ch. *mây, hoa-tiên*
Tuần	A_1 : *rượu, trăng, chay, hương, lễ ;* V. Ch. *cập-kê, đố-lá*
Túi	A_1 : *áo ; vải ; giấy, trầu, bạc, gạo, cơm, thơ ;* V. Ch. *thơ, tham*

A_2: *Túm* kết hợp với A_1 : *tóc, lá, cỏ*

Tuổi — A_1 : *trẻ, già; tôi; vàng*; V.Ch. *hạc, xanh*

Thanh — A_1 : *đao, gươm; củi, quế, tre, sắt*

Thành — A_1 : *bể, giếng, vại, ban-công*

Thạp — A_1 : *gạo*

Thằng — A_1 : *người, dân; bé, con (trai), cháu; ở, ăn trộm; khốn-nạn, đến*; V.Ch. *mán, mường*

Thân — A_1 : *cây, người; áo, lọ, kim*; V.Ch. *lừa, lươn, phù-thế*

Thếp ~ xấp ~ xếp — A_1 : *giấy, vàng lá, tiền, hồ-sơ*

Thoi — A_1 : *bạc, vàng, mực, phấn, sáp*

Thỏi — A_1 : *vàng, đất, thịt*

Thói — A_1 : *đời, nhà, quê; quen, xấu*; V.Ch. *quan-nha, hồng-nhan; bốc-rời*

Thớ — A_1 : *thịt, gỗ, người*

Thợ — A_1 : *nề, mộc, nguội; máy, nhà in, lò rèn*

Thời ~ thì — A_1 : *nhỏ, trẻ; trẻ tuổi; loạn, xưa; sau, trước*

Thủa ~ thuở — A_1 : *trẻ, nhỏ, thơ-ấu, xưa, trước*; V.Ch. *trăng-tròn*

Thúng — A_1 : *thóc, gạo, đất*

Thùng — A_1 : *nước, rượu, dàu, nước mắm; thóc; phân*

Thuốc — A_1 : *bệnh (bịnh)* [N], *bổ, độc, chủng, ruộm, nước, bột, tễ; viên,*

dấu, cao ; tẩy, xổ ; sốt, cảm ; chuột, run ; lào, lá, phiện ; tím, đỏ ; súng, pháo

A_2 *Thuyền* kết hợp với A_1 : *rồng, chài ; thúng, độc-mộc, buồm* (A_3 *cái, chiếc*)

Thuyết A_1 : *chính-danh, hiện-sinh, nguyên-tử*

Trang$_1$ A_1 : *sách, sử*

Trang$_2$ A_1 : *anh-hùng, hào-kiệt* ; V. Ch. *đài-các, thục-nữ*

Trận A_1 : *giặc, đánh ; gió, bão, phong-ba ; đòn ; cười*

Trí A_1 : *nhớ, khôn, thông-minh*

Trống A_1 : *đồng, bỏi, cơm, chầu, ngực, khẩu ; quân, canh ; ngực*

Vạc A_1 : *dầu* (A_3 *cái*)

Ván$_1$ A_1 : *cờ, bài, tứ sắc* ; V. Ch. *cơm sôi* (cổ)

Ván$_2$ A_1 : *cây, ép*

Ve A_1 : *sầu, trâu, chó ; mắt*

Vết A_1 : *thương, mổ, sẹo, hằn ; bẩn (dơ), bùn ; roi, mực ; chân, bánh*

Vệt A_1 : *nước, máu, vôi*

Vị$_1$ A_1 : *Phật, Bồ-tát, thánh, thần, quan*

Vị$_2$ A_1 : *cay, chua, đắng, ngon, ngọt, thơm*

A_2		A_1
Việc	kết hợp với	*vua, quan, binh-bị, lính-tráng, làng, nước, nhà, công*
Viên		*chức, tri-phủ, tri-huyện*
Viện		*sách, hàn-lâm, đại-học, uốn tóc*
Vòi		*voi, bướm, muỗi ; ấm, siêu ; rồng*
Vòng		*tay, cổ, cổ tay, bụng ; bánh ; vây ; tròn, xoắn ; công-danh, hoạn-nạn ;* V. Ch. *danh-lợi, trần-ai, phu-thê*
Vốc		*nước, gạo, cát*
Vở		*tuồng, kịch*
Vụ		*mùa, chiêm, lụt, đói, đảo-chính, lường-gạt*
Vũng		*nước, máu, bùn, lầy, tàu*
Vực		*bát, đầu ; nước*
Vừng[B], *vầng*[N]		*trăng, ánh sáng ;* V. Ch. *đông, kim-ô*
Xe		*cút-kít ; bò, ngựa, dê ; điện ; song-mã, thổ-mộ, tay, hơi, lửa ; máy, máy dầu ; đạp, kéo ; ô-tô, buýt ; điếu*
Xưởng		*cưa, dệt, in, lọc dầu ; gỗ, thép*

Chữ viết tắt : N : *thổ-ngữ Nam* ; B : *thổ-ngữ Bắc* ; T : *thổ-ngữ Trung* ; S : *Sinh-học* ; V : *Vật-lí* ; Y : *Y-học* ; Ch : *Chính-trị* ; Ph : *Pháp-luật* ; V. Ch : *Văn-chương*.

Danh-sách trên đã bỏ qua nhiều trường-hợp trong đó có thể có sự kết-hợp của hai loại-danh và một biệt-danh (1), theo công-thức $A_3 — A_2 — A_1$.

Thí-dụ :

A_3	—	A_2	—	A_1
tấm		*lòng*		*trinh-bạch*
đứa		*con*		*gái*

Một số những loại-danh A_2 kể trên quả có chấp nhận một loại-danh A_3 trong một vài trường-hợp thực. Tuy-nhiên, ngoại trừ những loại-danh bẩm-sinh ra, thì số loại-danh cho phép xây dựng một hệ từ A có hơn hai dạng-vị cũng không nhiều lắm.

Các loại-danh lại có thể xếp thành từng cặp đối-nghịch, hoặc trong nội-dung, hoặc trong lãnh-vực phân-phối. Chẳng hạn như A_2 /*tấm*/ và A_2 /*mảnh*/ : hai loại-danh này đối nhau như 'nguyên-vẹn' đối lại với 'không-nguyên-vẹn', trong những trường-hợp nào hai dạng-vị A_2 này có chung một dạng-vị A_1 (/*vải, áo, gỗ, ván, trăng, chồng, tinh*/). Cũng thế, là những đối-nghịch *bộ* /*chiếc, mái*/ *mớ*,...

Đối-nghịch *bó*/ *sợi, thanh, cây* điển hình cho một sự phân-biệt khác, là 'tập-thể' / 'đơn-vị'. Trong sự phân-biệt này còn có thể kể *bọn, tụi*/ *thằng* ; *đống*/ *cục hòn*, v.v...

---

(1) Những hệ từ A này phải được phân biệt với những thành-phần danh P(A) kiểu :

$$\Sigma A — (A_2 — A_1)\ C_A$$

Cái bánh xe đạp

ít ra là về phương-diện lí-thuyết. Trong thực-tế thì nhiều khi rất khó phân biệt hai mô-hình xây-dựng này (Thí-dụ : *trái cam sành, bông hoa cúc ; vết thương lòng . . .*).

Đối nghịch trong lãnh-vực phân-phối thì như /*lá*/ và /*tờ*/. Cả hai loại-danh này đều chỉ những vật mỏng và rộng ; nhưng những biệt-danh đi được với /*lá*/ thì không đi được với /*tờ*/, và ngược lại. Thậm chí đến những vật cùng làm bằng giấy, mà cũng phân biệt :

/*lá*/ *thư, đơn, sớ, bùa, bài, thuốc* (*cao*)
/*tờ*/ *giấy, khai, sức, cáo-bạch, báo, mây*

Điều này không có nghĩa là /*tờ*/ và /*lá*/ không thể đi được với nhau ; trong một trường-hợp, người ta phân biệt *tờ báo* và *lá cải*, nhưng người ta lại nói *tờ lá cải*. Lí-do là vì trong xây-dựng này, /*lá-cải*/ được dùng làm cải-từ cho từ A *tờ* theo công-thức

$$A - (\Sigma A)\, C_A$$
tờ *lá* *cải*

(cũng như *giấy lộn*).

Trong các loại-danh đã được kể, có một số loại-danh hầu như chỉ chấp nhận có một biệt-danh, như /*bả*/ (*vai*), /*báng*/ (*súng*), /*điếu*/ (*thuốc*), /*quản*/ (*bút*), và vài tiếng nữa chỉ những vật chứa đựng như /*choé*/, /*nậm*/ (chỉ dùng cho *rượu*), /*thạp*/, /*hộc*/, (chỉ dùng cho *gạo*), /*lu*/ (chỉ dùng cho *mắm*). Ngược lại, có một số loại-danh rất thông dụng và còn được dùng để tạo ra những danh-từ mới, như /*cái*/ , /*sự*/ , /*xe*/ , /*thuốc*/ , /*máy*/, v.v... Giữa hai cái thái-cực này là các loại-danh khác. Trên căn-bản ấy, người ta có thể phân biệt 1- những loại-danh nội-triển, cai quản những chuỗi danh-từ đóng (như /*bả*/), và 2- những loại-danh ngoại-triển (như /*sự*/), cai quản những chuỗi danh-

từ mở. Các cặp dạng-vị loại-danh tương-đương và đối-nghịch nhau như /*tờ*/ và /*lá*/ có thể được xét theo cách đó, để đi đến một kết-luận về triển-độ tương-đối. Trong trường-hợp của /*tờ*/ và /*lá*/, thì phải nhận rằng /*tờ*/ ngoại triển hơn /*lá*/.

Trên đây là một chương-trình cho tương-lai. Với những toán-cơ điện-tử, tôi tin rằng chúng ta sẽ có thể viết lại được một chương về dạng-vị-học từ A đầy-đủ hơn là tất cả những gì đã được viết ra ở trên. Tôi ước mong rằng trong giới ngữ-lí-học trẻ, sẽ có những người có đủ sự hiểu-biết để lập ra được những chương-trình cho máy toán mà khảo sát ngôn-ngữ của người Việt-nam cho đến nơi đến chốn.

2.8. CÚ-PHÁP VÀ VĂN-PHÁP

2.8.1. Từ A đã được xét trong cấu-tạo dạng-vị-học, trên hai bình-diện biểu-hiện và nội-dung.

Tới đây, từ A đã được hiểu như một hình-thức ngữ-lí cô-lập, ở ngoài mọi đồng-văn và hoàn-cảnh. Từ A trừu-xuất này có một giá-trị (1), là cái giá-trị theo từ-pháp-học của các từ A nói chung, bỏ ra ngoài các sự phân-biệt riêng, chứa đựng trong ý-nghĩa theo tự-vựng của mỗi hình-thức.

Các hình-thức gọi là (dạng-vị) từ A này lại được

(1) Trong ngữ-lí-học cơ-cấu, *giá-trị* của một dấu-hiệu là tập-hợp các đối-nghịch của dấu-hiệu này với các dấu-hiệu khác trong cùng một hệ-thống.

đặt vào trong những xây-dựng có tính-cách câu, để làm từ chủ-chốt trong một thành-phần danh P(A) của câu.

Chỉ khi nào đã được an vị trong một thành-phần danh rồi, thì hình-thức khả-dĩ là từ A mới thực là từ A. Trong cái cơ-năng chủ-chốt của một thành-phần danh, từ A có một giá-trị trọn-vẹn, cộng hợp cái giá-trị tự-vựng của hình-thức /A/, cái giá-trị từ-pháp của cấu-tạo $A_n - \ldots A_2 - A_1$ (đầy-đủ hoặc giản-ước), và cái giá-trị mà cú-pháp cho nó.

/A/	((/*cá*/ =/= /*cua*/) =/= *tôm*) =/= *chim*
$\{A_2 - A_1\}$	/ *con cá* =/= /*cái cá*/
P(A) ⊇ /A/ A =/= B	*cái con cá* =/= *con cá* =/= *cá* *đánh cá ngựa*

Bảng 25. — *Giá-trị tự-vựng, từ-pháp và cú-pháp của từ A*
Thí-dụ : *từ A* **cá**

Chẳng hạn như từ **A** *con cá* trong câu :

— *Anh nhìn con cá kia !*

Từ A này trước hết có một giá-trị tự-vựng như được định bởi những đối-nghịch trong nội-dung giữa dạng-vị /*cá*/ và dạng-vị đồng-loại là /*cua*/ ; hai dạng-vị này lại đối lại với dạng-vị /*tôm*/ ; và cả ba lại đối lại với /*chim*/, v.v.... Về hình-thức, dạng-vị *cá* [ká] đối nghịch

với *cả* [kả] (trong *con cả con kế*), với *ke* [kɛ], *kê* [ke], v.v... với *gá, gả*, v.v...

Từ A *con cá* lại có một giá-trị từ-pháp mà cấu-tạo dạng-vị-học của nó cho nó. Về phương-diện này, *con cá* đối nghịch lại với *cái cá* 'cái chốt' *người cá, rau cá, mắt cá*... Dầu loại-danh /*con*/ minh hiển hay không minh hiển trong cấu-tạo của từ A, các đối-nghịch trên vẫn có, và làm thành một lớp giá trị nữa của từ A *con cá*.

Sau cùng là giá-trị cú-pháp của từ A *con cá*. Trong xây-dựng $\triangle_1$, *con cá* là từ chủ-chốt của một thành-phần danh, và vì lí-do ấy, *con cá* đúng là một từ A. Từ A *con cá* trước hết đối nghịch với những từ A như *cái con cá* trong :

$\triangle_2$— *Cái con cá anh chỉ cho tôi lúc nãy đẹp thực là đẹp.*

hay *cá* trong :

$\triangle_3$ — *Tôi đi câu cá.*

$\triangle'_3$— *Cá là một loài sống ở dưới nước.*

Từ A *con cá* lại đối nghịch lại với *con cá* dùng làm từ CA (*cái đuôi con cá*), và với *cá* từ B :

$\triangle_4$ — *Tôi cá với anh nhé.*

$\triangle'_4$— *Dám cá không ?*

Đó là chưa kể đến sự đối-nghịch giữa hai từ A *cá*, với hai chức-vụ cú-pháp khác nhau, như được diễn trong hai câu $\triangle_3$ và $\triangle'_3$.

Các dạng-vị A-tính lại có thể, trong một thành-phần P (A), có những tương-quan minh định một chức-vụ

phụ-thuộc vào từ A chủ-chốt thành-phần. Chẳng hạn như *cá* trong :

Δ_5— *Cẩn thận xương cá, con nhé*
A — Ac

Trong câu Δ_5, *cá* là một dạng-vị A- tính, phụ thuộc vào từ A *xương*, và vì lí-do ấy, được coi là một cải-từ C_A trong chức-vụ (công-thức viết là A_c, nghĩa là từ A làm cải-vụ).

Ra ngoài thành-phần danh, dạng-vị A-tính có thể là thành-phần của một khúc được dùng làm cải-từ của từ B, như :

— *Nó làm một hơi, hết tô cháo*
(một-A)C_B
— *Lát mới biết*
(A)C_B

hoặc, đôi khi, được dùng làm chính từ diễn-thuật của câu, như :

— *Tôi chủ báo*
ĐA - (A - A_c)B
— *Ông ta sách vở lắm*
(A — A')B
— *Cô đã năm con rồi kia à,*
ĐA S — (M - A) B—C_B
— *Hai người xa nhau đã cả mười năm nay*
(Δ)↔(S – (K — M — A — C_A)B

Trong cú-pháp việt-nam, dạng-vị A-tính có thể nói là có tính-cách ưu-thắng.

2.8.2. Cú-pháp-học và các liên-hệ hình-thức và cơ-năng giữa từ A và các từ khác trong câu.

2.8.2.1. Liên-hệ quan-trọng nhất trong cú-pháp là giữa từ A và từ B (tức là danh-từ và diễn-thuật-từ) thuộc cùng một câu. Có ba hình-thức chính của liên-hệ này.

2.8.2.1.1. Hình-thức đầu-tiên là hình-thức của liên-hệ (đích-tử)-(diễn-tử) :

	A_d	$\leftrightarrow$	B_d	$(\pm A_b)$
Thí-dụ :	*Hoa*		*nở*	
	Con trâu		*kéo*	(cày)
	Mặt trời		*mọc*	(đằng đông)
	Cậu học-trò		*đi học*	
	Cô Năm		*bị phạt*	

Liên-hệ (đích-tử) - (diễn-tử) được biểu hiện bởi hình-thức trên, trong đó từ A đích-vụ đứng trước từ B diễn-vụ. Cái tương-quan vị-trí giữa hai từ này là hình-thức chính định đoạt cơ-năng của mỗi từ trong xây-dựng câu.

Tuy-nhiên, có một số từ B cho phép một hình-thức đảo-nghịch của liên-hệ (đích-tử)-(diễn-tử). Với những từ B này, mô-hình của câu có thể là :

$A_d \leftrightarrow B_d$ hoặc $B_d \leftrightarrow A_b$

đều được cả :

Tiền	*nhiều*	|	*Nhiều*	*tiền*
Cuộc vui	*đã tàn*	|	*Đã tàn*	*cuộc vui*

Ông Năm thật^{B} *(thiệt)*^{N} *mà Cô Tú nhất* | *Thật ông Năm mà Nhất cô Tú*

V.Ch.— *Vườn xuân, hoa nở đầy giàn,*
Ngăn con ong lại, kẻo tàn nhị hoa (Cd)
B — A

— *Ngày xuân, hoa nở, hoa tàn mấy phen*
A — B
(*Bích-câu kì-ngộ*)

Sự đảo-nghịch có thể cho từ B một sắc-diện hơi khang-khác trong nội-dung. Chẳng hạn như hai câu :

Chú Ba khổ quá	*Khổ chú Ba quá*
Thằng Năm chết rồi	*Chết thằng Năm rồi*
A — B — C_B	B — A — C_B

Các câu theo mô-hình A — B — C_B đều là những câu xác định về một sự-trình có thực. Còn câu theo mô-hình B—A—C_B thì nói lên ý-nghĩ rằng có thể như thế, với rất nhiều xúc-cảm. Nhưng đó chỉ là những giá-trị do cú-pháp tạo nên : sự-kiện ngữ-lí quan-trọng được nói tới ở đây là có thể có những xây-dựng đảo-nghịch đồng-trị hay gần như đồng-trị, với một vài từ B đặc-biệt.

Lại có một vài trường-hợp hầu như thường-xuyên dùng một mô-hình câu đảo-nghịch. Điển-hình nhất là từ B có trong những xây-dựng như :

— *Có ai trong nhà không ?*
B — A

(*Trong nhà có ai không ?*)

B — A

Chú ý : /ai/ thường được coi là một từ ĐA (đại-danh-từ). Ở đây, /ai/ được đồng hóa với một từ A.

So sánh với :

— *Ông chủ có nhà*

P(A) — B

Sự đảo-nghịch từ A đích-vụ rất hiếm, ngoài những trường-hợp được kể ở trên. Trong ngôn-ngữ thường ngày, hình-thức

$$A_d \longleftrightarrow B_d$$

vẫn có thể được coi là hình-thức qui-ước để biểu diễn liên-hệ (đích-tử) — (diễn-tử).

2.8 2.1.2. Mô-hình

$$P(A)_1 \longleftrightarrow B - P(A)_2$$

được thấy với một số từ B_2 (từ B miêu-tả) có tính-cách được-bổ-túc (Bổ-túc +).

Hình-thức đáng chú ý trong mô-hình câu này là B — $P(A)_2$, trong đó từ A đi sau từ B. Liên-hệ biểu diễn bởi hình-thức này là liên-hệ (diễn-tử) — (bổ-tử), trừ khi thành-phần $P(A)_2$ là một trong những khúc sau đây :

một lúc	*một mẻ*
một lèo	*một mạch*
một hồi	*một mách*
một chốc	*một chút*
một quẳn	*một tí*

(Các khúc này đều có cấu-tạo *một-Á*, trong đó Á luôn-luôn bị thâu rút và chỉ còn lại một dạng-vị, chọn trong những tiếng */lúc, lèo .... chút, tí/*).

Liên-hệ (diễn-tử) — (bổ-tử) là một liên-hệ đặc-biệt của từ B có bổ-túc. Một số lớn từ B có bổ túc này là từ B động và chuyển-tác :

$$\Delta \rightarrow\rightarrow P(A)_d \leftrightarrow P(B)_d \quad — \quad P(A)_b$$

Thí-dụ :		
	chèo	*thuyền*
	câu	*cá*
	lấy	*vợ*
	ăn	*ba bát cơm*
	tìm	*các lí-do*
	biết	*nhiều thứ tiếng*

Một nhóm từ B động và chuyển-tác lại cho phép có hai từ Á bổ-vụ đi sau, theo một thứ-tự nhất-định (trừ khi từ A sau-cùng được vắt lên đầu câu). Với những từ B này, mô-hình của câu là :

$$\Delta \rightarrow\rightarrow P(A)_1 \leftrightarrow P(B)_d — P(A)_2 — P(A)_3$$

Thí-dụ :			
	cho	*anh*	*một tờ*
	đưa	*người ta*	*một lon gạo*
	hỏi	*ông thầy*	*mấy câu*

Từ B có bổ-túc cũng có thể thuộc một nhóm từ B không có nội-dung động và chuyển-tác. Mô-hình của câu vẫn là :

$\Delta \rightarrow\rightarrow P(A)_đ \leftrightarrow P(B)_đ - P(A)_b$

Thí-dụ :

giống	*cha*
đau	*bụng*
sốt	*ruột*
mát	*cái mặt*
phải	*đạn*

Trong các xây-dựng trên, các từ B có thể có những nội-dung khác nhau, nhưng về hình-thức thì không thể phân biệt được một từ B như *lấy* trong *lấy vợ*, và một từ B như *đau* trong *đau bụng* bằng những phương pháp cơ-cấu cổ-điển. Vì vậy, các từ B này được cả ghi là (Bổ-túc ┼).

Từ A bổ-vụ trong các xây-dựng trên luôn-luôn có thể giao hoán được với /*ai*/ hoặc /*gì*/, tùy theo hệ-loại tiền-phóng của từ A bổ-vụ. Trong sự giao-hoán này, một câu theo định-thể được biến cải thành một câu theo vấn-thể.

Một số từ A bổ-vụ đã kết hợp hẳn với từ B đi trước để làm thành những thành-ngữ khá đặc-biệt. Chẳng hạn như :

B →→	(B — A_b)
làm	*phách*
mặc	*cả* 'trả giá'
lấy	*nê*
đánh	*đĩ*
đánh	*hơi*
vỡ	*lòng*

Mỗi thành-ngữ trên (gồm hai tiếng) có thể được nhận là một từ B, khi không cho phép một dạng-vị nào đứng xen vào giữa hai tiếng của thành-ngữ mà không làm mất cái ý-nghĩa của thành-ngữ đi. Thí-dụ :

làm một cái phách ≠ *làm phách*
mặc được cả ≠ *mặc cả*
đánh con đĩ ≠ *đánh đĩ*

Liên-hệ (diễn-tử) — (bổ-tử) có thể có một hình-thức bất-thường, là :

$P(A)_b$ — P(B)

Thí-dụ : *tiền* *mất*
tật *mang* (Tng)
cơm *no*
bò *cưỡi* (Tng)

Hình-thức này đối lại với hình-thức thông-thường, và chỉ được thấy trong một số thành-ngữ. Đó là lí-do tồn-tại của hình-thức nghịch-đảo này. Cách nói suôi cũng vẫn được dùng :

P(B) — $P(A)_b$
mất *tiền*
mang *tật*
no *cơm*
cưỡi *bò*

V.Ch. — *Mất tiền thật, mua của giả* (Tng)
— *Làm ra mang tiếng con người nhỏ nhen* (K)
— *No cơm ấm cật* (Tng)
— *Kìa bà quản tượng cưỡi voi bành vàng* (Cd)

Người ta không biết vì lí-do gì mà việt-ngữ lại có một số câu trong đó từ A bổ-vụ được đảo lên trước từ B diễn-vụ như vậy. Cho rằng đây là một vấn-đề văn-pháp không phải là một sự giải-thích ổn-thỏa. Văn-pháp chỉ có khi dụng ý của tác-giả được thấy rõ, như trong câu ca-dao :

— *Cờ-bạc là bác thằng bần ;*
ruộng vườn, bán hết,
A_b — B — C_B
tra chân vào cùm (Cd)

hoặc trong một vài câu thơ, như :

— *Lửa phiền, càng dập, càng khêu mối phiền* (K)
(A_b ↔ T — B) T — B = A_b

— *Tin sương, luống những rày mong, mai chờ* (K)
A_b B B'

— *Nước dương, muốn rẩy nguội dần lửa duyên* (CO)
A_b — B_3 — B_2 — B_1 — C_B

Còn trong mấy câu tục-ngữ kể ở đoạn trên, ngoài sự nói lối ra, thì không thấy rõ tác-dụng của sự đảo-nghịch. Phải chăng rằng, có một lúc nào đó trong quá-khứ, hình-thức A_b — B (với bổ-tử đứng trước diễn-tử) đã được dùng một cách thông-thường, và chính là trong cái thời ấy mà những tục-ngữ trên đã được tạo ra, rồi từ đó, đã được truyền tụng lại cho tới ngày nay ??

2.8.2.1.2.1. Có một số dạng-vị A-tính có thể được dùng làm biệt-danh không nội-dung, chỉ để biểu lộ một sự phán-xét chứa đựng tình-cảm. Loại-danh của các biệt-danh này thường là /*cái*/, hay /*cái con*/.

Thí-dụ : — Anh thì biết *cái quái* gì
— Nó thì làm được *cái con khỉ khô* gì
— Chẳng thấy *cái mẹ* gì cả
— Mày định làm *cái thá* gì ở đây thế ?

Những tiếng /*quái, quỉ, thá, khỉ, cóc, cứt, mẹ*/, có hoặc không có một từ C_A riêng đi cùng, được chêm vào trong cấu-tạo của một thành-phần danh bổ-vụ trước từ $Đ_2$ *gì* để phát biểu ý-kiến nghi ngờ và không tán đồng của người nói đối với cái sự-trình được diễn thuật.

2.8.2.1.3 — Một mô-hình câu rất thường gặp là :

$$\Delta \rightarrow\rightarrow P(A) \mid P(A)_d \leftrightarrow P(B) - P(A)_b$$

Thí-dụ : *Ngày xưa*, có hai anh em nhà kia
Bữa trước, hai người đi đâu (với nhau)
Một ngày nào đó, các anh sẽ hiểu
Bên kia (sông), có người đang gọi

Các khúc đầu câu đều có một từ A chủ-chốt, và vì thế cũng là những thành-phần P(A). Các thành-phần này liên hệ với thành-phần P(A) của câu để chỉ vị-trí trong thời-gian và không-gian của sự-trình diễn thuật bởi từ B.

Những từ A thường gặp nhất ở khúc đầu câu là *khi, lúc, bữa, hôm, ngày, tháng, năm, hồi, khoảng, dạo*, ... trong số các từ chỉ thời-điểm. Các từ A chỉ địa-điểm tạp biệt hơn (*bên, chỗ, đằng ~ đường, phía, vườn, nhà, bờ*, v.v...).

Nếu có cả hai loại từ A định-vị trong một câu, thì khúc chỉ thời-điểm thường đi trước khúc chỉ địa-điểm.

Một đôi khi, các thành-phần danh này được đặt trong câu, sau (hay trước) từ B. Thí-dụ :

— Hai người đi đâu *bữa đó*

— Chúng tôi có đi đâu *bao giờ* đâu

Vị-trí này có thể tùy ý (*bữa đó*), nhưng có khi bắt buộc (*bao giờ*)

2.8.2.2. Trong thành-phần danh P(A), từ A chủ-chốt có thể có một từ A phụ-thuộc đi kèm. Hình-thức thông-thường của liên-hệ này là :

$$a \text{ — } P(A) \rightarrow\rightarrow X \text{ — } A \text{ — } A_c$$

trong đó A là từ chính của thành-phần P(A), A_c là từ A phụ thuộc từ A chính, còn X thì là những dạng-vị tiền-A mà từ-loại sẽ được phân định về sau.

Hình-thức *a* như đã được viết ra ở trên, là hình-thức bình-thường, qui định bởi sự thông-dụng (1).

---

(1) Hình-thức này rất giống hình-thức của hệ từ A là :

$$\Sigma A \rightarrow\rightarrow A_2 - A_1$$

Trong sự phát-triển của ngôn-ngữ, có một khuynh-hướng di chuyển các khúc ($A - A_c$) thành ($A_2 - A_1$) ; dạng-vị cải-vụ A_c bị thu hút vào trong cấu-tạo của từ A để thành một dạng-vị biệt-danh. Những danh-từ như *cá voi, bọ dừa, rắn nước, gạo mùa, xe ngựa* là kết-quả của sự danh-từ-hóa hấp-thụ rất đặc-biệt này. Phép danh-từ-hóa hấp-thụ có thể mở rộng cho cả những khúc $A - C_A$, trong đó từ C_A không phải là một dạng-vị A-tính. Thí-dụ : *bánh chưng, bọ hung, cây viết, ống nhổ* . . .

Sự phân-biệt giữa hệ danh-từ và từ A có cải-từ là một vấn-đề thuộc cú-pháp-học.

$$P(A) \rightarrow\rightarrow A \leftarrow A_c$$

Thí-dụ :

Thuốc	*nước*
Nhà	*tranh*
Vách	*đất*
Người	*đời*
Võ	*rừng*

Thành-phần A có thể được dựng lên với một từ A chính bổ túc bởi một từ A phụ; từ A phụ này lại được bổ túc bởi một từ A phụ nữa. Công-thức của xây-dựng là :

$$P(A) \rightarrow\rightarrow A \leftarrow (A_c \leftarrow A_{cc})$$

Nhà	*mái*	*tranh*
Cậu bé	*tóc*	*rễ tre*
Bộ	*võ*	*rừng*

Các từ A phụ-thuộc được gọi là từ A cải-vụ. Chúng đồng trị với một cải-từ C_A, và làm chức-vụ của từ C_A trong xây-dựng của thành-phần P(A).

Bên cạnh hình-thức bình-thường theo thông-lệ, lại có một hình-thức bất-bình-thường của từ A phụ-thuộc, là :

$$(A_c \rightarrow A)$$

vương - quốc (vua-nước)
gia - nhân (nhà-người)
luật - khoa (luật-khoa)
xa - lộ (xe-đường)
Thiên - chúa (Trời-chúa)

(với nghĩa là 'nước có vua'

'người nhà'
'khoa (học về) luật'
'đường (riêng cho) xe'
'Chúa Trời'.

Mỗi hình-thức bất-bình-thường này được coi là một danh-từ; chúng cư xử như những từ A về phương-diện cú-pháp; chúng có thể được dùng ở đích-vụ, ở bổ-vụ hay ở cải-vụ. Chúng lại cũng có thể có một cải-từ đi sau:

A	—	A_C
Vương-quốc		*Chàm*
xa-lộ		*mới*

và trong nhiều trường-hợp, cho phép có một loại-danh đứng trước. Trong trường-hợp này, chúng thành một dạng-vị biệt-danh:

kẻ gia-nhân
đường xa-lộ
Đức Thiên-chúa

(Trong sách này, tất cả những hình-thức bất-bình-thường này đều được viết với một vạch nối, và sau này, sẽ được viết liền, thành *xalộ*, *luậtkhoa*, v.v...).

2.8.2.3. Trong thành-phần P(B), một dạng-vị A-tính cũng có thể được dùng như một từ C_B, phụ thuộc từ B: Từ $(A)C_B$ này thường đi sau từ B:

P(B) →→ B	—	$(A)C_B$
chạy		*một mạch*
đọc		*một lèo*
kể		*con cà con kê*

nhưng cũng có khi đi trước từ B:

P(B) →→ (A)C_B — B

một mực *kêu oan*

Hình-thức nổi của những thành-phần P(B) như *chạy một mạch, làm một mách*, giống những P(B) trong đó từ B có một từ A bổ-vụ, như *nói một lời, làm một việc, đánh một cái, đọc một quyển, kể một chuyện.* Nhưng trong các trường-hợp sau, từ A bổ-vụ có thể đảo lên trước được, thành *(một) lời nói, việc làm, cái đánh, quyển đọc, chuyện kể.* Còn trong trường-hợp trên, sự đảo từ A đi sau lên vị-trí trước từ B không được chấp nhận, vì không tạo tác ra được một xây-dựng có ngữ-pháp-tính (s *một mạch chạy,* s *một lèo đọc, . . .).*

2.8.2 4. Một hình-thức hoàn-toàn giống một từ A về phương-diện dạng-vị-học, đôi khi có cả một hay nhiều dạng-vị hiệu-kí tiền-A đi cùng, có thể được dùng để làm từ chủ-chốt của một thành-phần P(B).

Thí-dụ : — *Tội chủ báo, anh cũng chủ báo nữa!*
— (Xin giới thiệu với cô) : *Ông X, nhà ảo-thuật trứ-danh của thế-kỉ.*
— (Thưa ông), *hôm nay thứ năm ạ*
— *Thằng ấy hai mang.*

Trong những câu trên, mỗi thành-phần diễn-thuật được làm thành bởi một hình-thức A-dạng(1). Sự phân-tích các thành-phần này, nếu bỏ qua chức-vụ cú-pháp của chúng, thì sẽ là :

(1) Xem *Cơ-cấu Việt-ngữ*, Quyển IV.

— *chủ báo*
($A - A_c$)

— một *nhà ảo-thuật* trứ-danh của thế-kỉ
($M - (A_2 - A_1) - C_A - (| - A)C'_A$)

— *thứ năm*
($A_2 - C_A$)

— *hai mang*
($M - A$)

nhưng tất cả đều là P(B) trong chức-vụ.

Để giúp cho sự nhận-diện tính-cách diễn-thuật của các khúc này, một hoặc nhiều dạng-vị hiệu-kí của từ diễn-thuật có thể được dùng để đóng khung những khúc này lại. Trước mỗi khúc, thường có những hiệu-kí là /*cũng, đã, vẫn,...*/, và sau mỗi khúc lại có thể có /*rồi*/. Sau chót, lại có thể có một đoạn-từ cuối câu như /*đấy, ạ, à...*/). Thí-dụ :

— *Anh cũng chủ báo đấy à ?*

— *Bây giờ đã năm giờ rồi*, mà chưa thấy động tĩnh gì cả.

— *Nó còn trẻ con lắm*

— *Năm nay tôi đã năm mươi tuổi rồi*

V.Ch.— *Về nhà, em đã năm con cùng chàng* (Cd)

$$P(A)_1 \leftrightarrow \underline{S - M - A} - | \; w - A_2$$
$$B$$

Trong việt-ngữ lại có một số từ B được cấu thành bởi sự kết-liên của hai dạng-vị A-tính, như *đanh-đá,*

sắt-đá, điếu-đóm, sấm-sét, mây-mưa, chim-chuột, chăn-gối, đàn-địch...

Thí-dụ : — Ông ấy rất *sách-vở*,

C_B — B

— Nó *đóm-điếu* cho ông ta đã lâu

B_2 — B_1 — A_b

— Ta lại *lều-chõng* một phen nữa

S — B

Rất nhiều những từ này có gốc hán-việt, và được thấy trong văn-chương, như những từ B hay từ C_A. Nếu ta hiểu từ C_A là một từ B biến-cải, được cài vào một thành-phần danh để phụ thuộc vào từ A chủ-chốt (1), thì từ B hay từ C_A cũng vậy. Chẳng hạn như *phong-trần* (gió-bụi), *phong-sương* (gió-sương), *đạo-đức*, *mâu-thuẫn* (giáo-khiên), *tâm-tình* (tim-tình),...

Thí-dụ : *Dạo này, nó phong-trần lắm*

$P(A)_1$ — B — C_B

Hai điều mâu-thuẫn với nhau

B —| W — $ĐA_b$

V.Ch. — Tiếc thay, trong giá trắng ngần,

đến phong-trần, cũng *phong trần* như ai!(K)

T — B_2 — B_1 — $ĐA_b$

— Cơ trời *dâu-bể đa đoan* (K)

$(A — A_c) \leftrightarrow$ B — C_B

(1) Xem *Cơ-cấu Việt-ngữ*, Quyển 1 : 135-139.

Cuối-cùng, là trường-hợp của những dạng-vị A-tính được dùng làm từ B một cách siêu-dụ. Phần lớn các từ B này được đặt ra bởi giới học-sinh và chỉ dùng trong giới học-sinh :

Thí-dụ : — *Nó gạo lắm* 'học chăm'
B — C_B

— *Ớt quá nhỉ* 'cay'
B — C_B

— *Nó chỉ tủ thôi* 'học cầu may'
T — B — C_B

Nhưng cũng có một vài từ B theo kiểu này đã vào trong ngôn-ngữ thông-thường như *chim, cua, cá...*

— *Nó chim được con bé xinh đáo-để*
B_2 — B_1 — $(A_2—A_1)$ — C_A — C_c

Các trường-hợp trên này có vẻ bất-thường chỉ vì tính-cách danh-từ của /*gạo, ớt, tủ, chim...*/ còn quá nặng, và ngược lại, tính-cách diễn-thuật-từ thì còn quá mới. Thực ra, thì phải nhận rằng có rất nhiều dạng-vị, khởi đầu thì là từ A, nhưng đã thành từ B vì thông-lệ như *xe, đục, cưa, khoan, bào, cày, bừa, cuốc...*

Thí-dụ : *Anh xe hộ tôi cái tủ này về.*

Ngược lại, cũng có một số dạng-vị có lẽ là từ B theo từ-nguyên, nhưng đã thành những biệt-danh, như *chấm, điểm...*, hoặc đầy-đủ hơn : *bức họa, cây viết, bản khắc, sự đẹp.* Những trường-hợp này rất thông thường trong ngữ-pháp việt-nam.

2.8.3. Trong một thành-phần danh, từ A có thể là từ chủ-chốt của thành-phần, hoặc có thể là từ phụ-thuộc của từ chủ-chốt này. Sự phụ-thuộc có khi lên đến bực hai. Thí-dụ :

Con chú thằng Năm là *bạn nhà tôi*

$A - A_c - (A_1 - A_0)_{cc} - B - A - A_c - ĐA_{cc}$

Trong câu trên, có hai thành-phần danh. Thành-phần danh thứ nhất có một từ A chủ-chốt là *con* ; một từ A phụ thuộc *con*, là *chú* ; và một từ A phụ thuộc *chú*, là *thằng Năm* (với cấu-tạo $A_1 - A_0$). Thành-phần danh thứ hai cũng có một từ A chủ-chốt là *bạn*, với một từ A phụ thuộc bực một, là *nhà*, và một từ A phụ-thuộc bực hai, là *tôi*. (Từ cuối-cùng này thường được gọi là đại-danh-từ, hay từ $ĐA_1$). Từ chủ-chốt là từ được tiền giả thiết bởi từ phụ-thuộc đứng sau ; từ phụ-thuộc này lại được tiền giả thiết bởi từ phụ-thuộc bực hai đứng sau chót. Cái tương-quan vị-trí như vừa được trình bày là cái hình-thức biểu-hiện của liên-hệ chọn-lựa giữa các từ A thuộc một thành-phần danh.

Hình-thức $A - A_c - A_{cc}$ thực ra là một cơ-cấu nổi tương ứng với cơ-cấu chìm :

$$\begin{cases} A_c \textit{ của } A \\ A_{cc} \textit{ của } A_c \end{cases}$$

Do cái cơ-cấu chìm này, với A : (*người*) *con*, A_c : (*người, ông*) *chú*, A_{cc} : (*thằng*) *Năm*, ta có thể có :

1— *Người con của ông chú của thằng Năm*

2— *Người con của (ông) chú thằng Năm*

3—*(Người) con ông chú của thằng Năm*

4—*(Người) con (ông) chú thằng Năm*

5— *Con chú thằng Năm*

Các xây-dựng 1-5 đồng trị với nhau, và cho thấy rằng mỗi từ A phụ-thuộc (*chú, thằng Năm)* trong xây-dựng 4 và 5 thực ra là kết-quả của một sự biến-cải qua một diễn-trình có bốn từng như sau :

1) Chắp nối (lồng) hai câu hạch-tâm của cơ-cấu chìm vào với nhau, theo một thứ-tự trước-sau, đúng với qui-ước của việt-ngữ.

2) Xóa bỏ một từ B *của*. Sự xóa-bỏ này thường bắt đầu với từ B *của* thuộc khúc phụ-thuộc bực hai, và cho câu 2; nhưng đôi khi cũng có thể áp dụng cho từ B *của* thuộc khúc phụ-thuộc trên, và cho câu 3.

3) Xóa-bỏ từ B *của* còn lại. Câu 4 và câu 5 là kết-quả của sự xóa-bỏ thứ hai này.

4) Các loại-danh cũng có thể bị xóa bỏ. Sự xóa-bỏ các loại-danh thường cũng đi từ phải sang trái, nghĩa là từ khúc phụ-thuộc bực hai đến khúc phụ-thuộc bực nhất, rồi cuối-cùng đến từ A chủ-chốt. Sự xóa-bỏ này có tính-cách tùy-ý, nhưng khi nào mà có hại cho sự khả-lí thì không thể xóa bỏ được. Như trong trường-hợp *chú thằng Năm*: nếu xóa bỏ loại-danh /*thằng*/ thì khúc này sẽ thành *chú Năm*, và sẽ được hiểu là một từ $A_1 - A_0$. Nhưng nếu thay thế *thằng Năm* bằng *nó*, hoặc *cô ta*, thì sự xóa-bỏ không bị ngăn cản. Sự xóa-bỏ

thường đi từ phải sang trái theo chiều của liên-hệ chọn-lựa (nghĩa là từ cái phụ-thuộc đến cái được tiền-giả-thiết). Do đó, ta thấy rằng danh-từ có loại-danh thường là danh-từ đi đầu trong một thành-phần danh, hay đúng hơn, là danh-từ chủ-chốt được chỉ định bởi đồng-văn:

Người con của chú thằng Năm

2.8.4. Về phương-diện dạng-vị-học, mỗi từ A có một hoặc nhiều dạng-vị loại-danh minh hiển hoặc tàng-ẩn.

Nhưng về phương-diện cú-pháp-học, thì sự minh-hiển hoặc tàng-ẩn của loại-danh trong một từ A thuộc một câu là một vấn-đề qui-ước ngữ-pháp. Đoạn trên (2.8.3) trình bày và giảng giải cái qui-ước ấy qua thí-dụ. Đoạn này (2.8.4) là một cố-gắng để trình bày cái qui-ước ấy trong toàn-thể.

Qui-ước này không có tính-cách bắt-buộc và chỉ có tính-cách tùy-ý. Có bốn yếu-tố khách-quan qui-định sự hiện-hữu hay không-hiện-hữu của loại-danh trong danh-từ là: 1-cấu-tạo dạng-vị-học của danh-từ; 2- đồng-văn trực-tiếp, tức là cái mô-hình ngữ-pháp và sự thực-hiện âm-vị-học của câu; 3- đồng-văn gián-tiếp, tức là những câu và phát-ngôn có trước câu; 4- hoàn-cảnh của phát-ngôn trong đó có câu được xét (câu mà từ A được xét). Một khía-cạnh đặc-biệt của cái hoàn-cảnh này là sự khác-biệt giữa nói và viết: các từ A trong lời viết tương-đối ít loại-danh hơn là trong lời nói. Ngoài ra lại còn những yếu-tố chủ-quan, như trình-độ học-thức, tâm-trạng, tình-cảm v.v... của người nói, mà ta phải đặt ra ngoài ngữ-

pháp. Một khu-vực quan-trọng của phần này là văn-pháp, và sẽ được xét riêng trong một đoạn sau.

Qui-ước cú-pháp về loại-danh có thể phát biểu được trong ba điều.

2.8.4.1. Điều 1 : khi A-tính của một dạng-vị biệt-danh A_1 không được minh bạch, hoặc vì những tiếng đồng-âm dị-loại, hoặc vì cấu-thức âm-vị-học của câu, hoặc vì cả hai lí-do, thì sự hiện-hữu của loại-danh có tính-cách cần-thiết. Từ A, trong những điều-kiện dạng-vị-học và cú-pháp-học ấy, được thực hiện với cấu-tạo A_2 — A_1.

Biệt-danh có thể có một hay nhiều dạng-vị đồng-âm. Trong trường-hợp này, loại-danh thường hiện diện trong cấu-tạo của từ A, như một hiệu-kí chỉ dẫn. Chẳng hạn như A_1 /*hung*/ trong A (*con*) *bọ hung*, A_1 /*sành*/ trong A (*quả*) *cam sành* ; A_1 /*là*^{B}, *ủi*^{N}/ trong A *bàn là*, *bàn ủi*... Các dạng-vị A_1 /*hung*, *sành*, *là*, *ủi*/ có những tiếng đồng-âm. Tiếng đồng-âm này có thể là đồng-loại A_1 như *sành* (*hòn sành*) ; khi ấy, loại-danh sẽ cần thiết để phân-biệt *cam sành* với *hòn sành*. Tiếng đồng-âm cũng có thể dị loại ; /*hung*/ còn là từ C/B 'dữ' ; /*sành*/ cũng là từ C/B 'biết tốt xấu' ; *là*, *ủi* cũng là từ C/B 'làm cho bằng-phẳng' ; loại-danh làm cho những tiếng này được dễ-dàng nhận diện là một dạng-vị A-tính.

Cũng có khi dạng-vị A_1 là một từ A trong cỗi-rễ, như *sành* 'chất gốm' trong *cam sành*, *dừa* 'loài cây' trong *bọ dừa*, *chày* 'cái cây để giã' trong *cà chày*, *chùa* 'nơi thờ Phật' trong *nhà chùa*. Khi ấy, cũng cần phải

có một dạng-vị A_2 để chỉ rõ rằng cái-được-chỉ không phải là $[A_1]$, mà là $[A_2 - A_1]$, nghĩa là từ A với cái cấu-tạo đầy-đặn của nó.

Cấu-tạo của câu có khi cũng có thể làm cho một dạng-vị A-tính bị nhận diện lầm là một từ B. Nếu dạng-vị này lại rất có thể là một từ B được (như *gánh, cưa, cầy, cuốc, viết, nói,...*) thì sự hiện-hữu của loại-danh càng cần thiết hơn nữa. Sự cần-thiết này có nhiều mức-độ. Chẳng hạn :

— *Xếp bớt ra cho gánh đỡ nặng*

Từ-tính của /*gánh*/ trong câu trên có thể không được rõ-ràng lắm. Mặc dầu không có gì bắt-buộc, câu này cũng thường được phát biểu là :

— *Xếp bớt ra cho cái gánh đỡ nặng*
A

hoặc : — *Xếp bớt ra cho đỡ nặng gánh*
A

để cho dễ hiểu hơn.

Nhưng khi một câu có hai nghĩa tùy theo sự hiểu một tiếng là từ A hay từ B, thì bắt-buộc phải có một loại-danh để chỉ rõ A-tính của từ A. Trong trường-hợp này, sự không có một dạng-vị loại-danh là một hiệu-kí chỉ tiếng này là một từ B.

Thí-dụ 1 *a— Cho tôi cái cày*
B — $ĐA_b$ — A_b

b— Cho tôi cày
B —$(ĐA_a — B)_b$

Thí-dụ 2 a— *Tôi muốn mượn chú cái xe đi Thủ Đức*
A
b— *Tôi muốn mượn chú xe đi Thủ Đức*
A_d — B

Trong thí-dụ 1, câu *a* và câu *b* khác nghĩa nhau, tùy theo ta nói là *cày* hay *cái cày*. Vì vậy, trừ khi người nói định cày thực, còn nếu không thì phải thêm loại-danh /*cái*/ vào, để /*cày*/ được hiểu là một từ A và câu được hiểu cho đúng ý.

Trong thí-dụ 2, câu *a* và câu *b* cũng khác nghĩa nhau như thế; nhưng sự dùng từ A *cái xe* trong câu *a* còn có tác-dụng chỉ rằng sự *đi Thủ Đức* liên hệ đến đích-tử của câu là *tôi* theo cơ-cấu chìm là:

a { *Tôi muốn mượn chú cái xe*
{ *Tôi đi Thủ Đức* (bằng cái xe của chú)

Còn câu *b*, với *xe* là một từ B, thì nói rõ rằng sự *đi lên Thủ Đức* liên-hệ đến đích-tử ở ẩn-thể (*chú*), theo cơ-cấu chìm là:

b { *Tôi muốn mượn chú*
{ (chú) *xe đi Thủ-Đức*
∅

2.8.42 Điều 2: khi cấu-tạo của câu có những hình-thức thêm-thừa cho phép nhận diện một dạng-vị là từ A rồi, thì sự dùng loại-danh không cần thiết nữa (và được để tùy theo đồng-văn gián-tiếp và hoàn-cảnh)

Cấu-tạo của câu có thể đưa đến sự dùng một loại-danh để tăng thêm sự khả-lí của xây-dựng như đã được

nói ở đoạn trên. Cấu-tạo của câu cũng có thể cho phép sự xóa-bỏ một loại-danh khi tính-cách danh-từ của biệt-danh đã rõ rệt. So sánh hai câu :

a— *Đưa cho tôi cái búa*
b— *Đưa búa cho tôi*

Mặc dầu *búa* (1) là một dạng-vị thường được coi là từ A, nhưng trong câu *a*, người ta vẫn phải nói là *cái búa* để tránh sự hiểu *búa* là một từ B, theo mẫu :

c— *Đưa cho tôi xem* (*làm, mua, chơi...*)

Loại-danh */cái/* được dùng ở đây (câu *a*), như một hiệu-kí mạnh của từ A. Những loại-danh khác, nếu có, cũng đều phải đứng sau một loại-danh mạnh như */cái, con, người, đứa.../*.

a'— *Đưa cho tôi cái cần câu*
cái bánh dẻo
(cái) con dao

và trong những hoàn-cảnh thích-hợp, một từ M :

a'' — *Đưa cho tôi một cái cần câu*
$M - (A_3 - A_2 - A_1)$

để tính-cách danh-từ trở nên rõ-rệt và vững-chắc.

Trong câu *b*, thì tính-cách danh-từ của *búa* được nhấn mạnh bởi mô-hình của câu : giữa một từ B động,

(1) Cũng có một tiếng *búa* là từ B hay thành-đề của từ B (*Bài này búa lắm ; Sách này hóc búa lắm*) nhưng tiếng *búa* này chưa ra khỏi cái lãnh-vực tiếng lóng của giới học-trò.

chuyển-tác, như *đưa*, và từ B *cho*, không thể có một từ nào khác là một từ A. Bởi vậy nên *búa* có thể đứng một mình, không cần có loại-danh để chỉ dẫn về A-tính của mình. Câu :

b — *Đưa búa cho tôi*

B_2 — A' — B_1 — A

không cho phép có sự hiểu lầm. Ngay cả khi dạng-vị được dùng làm từ A' có một tiếng đồng-âm B-tính, như *cưa, đục, báo...*, cũng không bắt-buộc phải có một loại-danh đi cùng (loại-danh có tính-cách tùy-ý) :

b' — *Đưa cưa cho tôi*

B_2 — A' — B_1 — A

Và chỉ khi nào liên-hệ giữa loại-danh và biệt-dauh là một liên-hệ rất chặt, không cho phép tách rời biệt-danh ra mà không làm thành một từ hoặc vô-nghĩa, (trong cái đồng-văn trên), hoặc có một ý-nghĩa khác, thì sự hiện-hữu của loại-danh mới trở nên cần-thiết. Đó là trường-hợp của (*con*) *bọ hung*, (*con*) *bọ ngựa*, (*chuỗi*) *hạt*... Các câu :

b'' — *Đưa con bọ ngựa cho tôi*

— *Đưa chuỗi hạt cho tôi*

phải dùng danh-từ dưới hình-thức đầy-đủ và thêm-thừa, là để phân-biệt với

b''' — *Đưa ngựa cho tôi*

— *Đưa hạt cho tôi*

Có một vài mô-hình câu như câu *b*, chỉ rõ từ-loại của mỗi người dạng-vị trong xây-dựng. Khi các dấu-hiệu

ngữ-pháp cho phép hiểu một từ là từ A một cách rõ-ràng rồi, thì sự dùng hay không dùng loại-danh trong từ A này là một vấn-đề tùy-ý.

Một thí-dụ nữa, là mô-hình câu :

A— *là* —A'

Khi câu dùng từ B /*là*/ để chỉ một liên-hệ luận-lí (1) giữa hai vế câu trước và sau /*là*/, nếu vế thứ hai là một từ A thì vế thứ nhất cũng là một từ A, bất kể hình-thức của vế này như thế nào.

Từ chủ-chốt của vế thứ nhất có thể là một từ A theo tự-vựng hoặc theo cấu-tạo dạng-vị :

Thí-dụ — *Nguyễn Trãi là một vị anh-hùng của dân-tộc*

— *Cuốn sách ấy là một tác-phẩm lớn của nền văn-chương việt-nam.*

Nhưng, cũng có khi từ-tính của từ chủ-chốt trong vế thứ nhất không được rõ-ràng lắm, nếu chỉ bằng vào cấu-tạo dạng-vị của từ. Cú-pháp-học cho phép nhận diện từ ấy là một từ A nếu từ chủ-chốt trong vế thứ hai là một từ A, và mô hình câu diễn một phương-trình luận-lí, như đã được trình bày ở trên :

---

(1) Trường-hợp này cần được phân biệt với những trường-hợp dùng /*là*/ như một đoạn-từ không cần thiết trong cơ-cấu của câu, như :

— *Cử-động của tôi rất là chính-đại, quang minh*

(Lời Phan-Bội-Châu, 23-11-1925).

Thí dụ : — *Sạch-sẽ là một tính tốt*

— *Thống-nhất là cái ước-vọng chung của toàn dân*

— *Xô-đẩy những ai không đồng ý với mình về phía đối-phương không phải là việc làm của một chính-quyền dân-chủ* (Báo TS 19-6-1970).

Các câu theo mô-hình trên diễn một liên-hệ luận-lí có thể được viết thành phương-trình là :

$$A \subseteq A'$$

('A thuộc về loại A')

và vì thế, trong nhiều trường-hợp, có thể viết ra được một danh-từ với cấu-tạo :

$$\Sigma A \rightarrow\rightarrow (A' - A)$$

tính sạch-sẽ
cái ước-vọng thống-nhất
việc xô-đẩy
. . . . . .

Về phương-diện tâm-ngữ-lí-học cũng như về ngữ-pháp biến-cải, danh-từ của vế thứ hai chính là loại-danh (tàng-ẩn) của vế thứ nhất, nên trong vế thứ nhất của các câu có từ B *là*, không cần phải có sự hiện-hữu của loại-danh.

• Liên-hệ luận-lí được diễn bởi câu có mô-hình :

$$A \textit{ là } A'$$

có khi là :

$$A = A'$$

Đó là trường-hợp biên-giới của phương-trình $A \subseteq A'$.

Trong trường-hợp biên-giới này, từ chủ-chốt của vế trước vẫn là từ A, nếu từ chủ-chốt của vế sau là một từ A

Thí-dụ : — *Người là một cây sậy biết suy tư*

V.Ch — *Dân là dân nước, nước là nước dân*

(Phan Bội Châu)

kể cả khi từ-tính của từ chủ-chốt trong vế trước không được minh bạch :

Thí-dụ : *Đoàn-kết* là *mẹ thành-công.*

Trong trường-hợp này, không thể thực hiện được một sự biến-cải như trong trường-hợp trên. Mặc dầu vậy, sự đồng-loại của hai từ chủ-chốt thuộc hai vế của phương-trình vẫn được tiếp nhận.

• Phương-trình đảo-nghịch về hình-thức cũng có khi được diễn bởi mô-hình câu trên.

Thí-dụ : *Mục-đích* là *thâu hồi chủ-quyền quốc-gia*

A — B — A'

Trong trường-hợp này, sự biến-cải danh-từ-hóa cũng cho một danh-từ có cấu-tạo là A — A' :

Mục-đích thâu hồi chủ-quyền quốc-gia

$\Sigma A \rightarrow\rightarrow ($ A — A' $)$

và vế thứ hai cũng được nhận là một từ A, mặc dầu cơ-cấu nổi không có loại-danh minh-hiển.

• Một trường-hợp nữa, cho phép xóa bỏ loại-danh trong cấu-tạo của danh-từ, là khi có nhiều danh-từ tập-hợp trong một thành-phần danh.

Khi có một chuỗi danh-từ tập-hợp như thế, thì sự lầm-lẫn giữa từ A và từ B được giảm đi. Chuỗi danh-từ được nhận diện một cách vững-chắc nhất khi có hơn hai từ A tập-hợp, và khi một trong các từ tập-hợp có A-tính một cách tuyệt-đối. Thí-dụ :

— *Bàn, ghế, tủ, giường,* tất cả đều gọn gàng ngăn nắp

— Trên giường ngủ, la liệt *sách, vở, giấy, bút*

— Thợ mộc phải có đủ *cưa, búa, tràng, đục.*

Khi chỉ có hai từ A tập-hợp, tính-cách danh-từ cũng khá mạnh và cho phép xóa bỏ loại-danh. Thí-dụ :

— *cửa ngõ* phải đóng chặt

— *trời đất* âm u

— *nhà cửa* vui vẻ

Tuy-nhiên, cũng có khi hai danh-từ được chắp với nhau mà làm thành một diễn-thuật-từ hay một cải-từ, thí-dụ như *chăn-gối, bọt-bèo, cờ-bạc.* Khi ấy, sự biến-cải những từ ghép này thành danh-từ vẫn sẽ phải dùng một loại-danh như /*sự*/, /*việc*/....

việc chăn-gối
phận bọt-bèo
sự cờ-bạc

cũng như *sự đoàn-kết, việc chăn-nuôi,* v.v...).

28.43. Điều 3 : Đồng-văn và hoàn-cảnh cho phép phân biệt hai hình-thức của từ A : từ A có-chỉ-định và từ A không-chỉ-định. Sự lựa-chọn giữa hai hình-thức này đôi khi rất tế nhị và có tính-cách tùy-ý.

Từ A không-chỉ-định là từ A chỉ một loại vật-thể hay sự-trạng rất chung, với một nội-dung rộng-rãi. Thí-dụ :

Tôi đi câu cá
Bà ấy buôn kim-cương
Con múc nước tưới cây đi, con.

Trong những câu trên, các từ A *cá*, *kim-cương*, *nước*, *cây* chỉ những loại vật-thể không định rõ trong chi-tiết và cá-tính. *Cá* là bất cứ loài cá nào ở nơi câu ; *kim-cương* là tất cả các loại kim-cương không kể nước, cân-lượng và hình-dáng, v.v... Các từ A này không có loại-danh (1) (trừ khi là một từ A có loại-danh bắt-buộc như *bọ gậy*) :

Tôi đi bắt bọ gậy cho cá
A A

Ngay cả những danh-từ thường có loại-danh cũng có thể bỏ loại-danh đi để có một ý-nghĩa về chất-liệu, hay đúng hơn, về quan-niệm loài-giống :

---

(1) Phân biệt với trường-hợp danh-từ có chỉ-định nhưng cũng không có loại-danh vì được dùng làm đại-danh-từ (*anh, ông, cô, chị* : đại-danh-từ ngôi thứ 2 ; *cụ Giáo, cô Tú, cậu Thơm* : tư-danh-từ đồng hóa với đại-danh-từ ngôi thứ 3), hoặc vì có một đại-từ qui-chiếu đi sau (*bà ấy, cô ta* : coi như đại-danh-từ ngôi thứ 3 ; *kẻ này* : coi như đại-danh-từ ngôi 1).

— *Tôi buôn cam, Cô buôn vải*
— *Cam này bà bán bao nhiêu tiền một ki ?*

Vì lí-do trên, các câu tục-ngữ thường dùng những danh-từ dưới hình-thức tối-thiểu, không loại-danh. Những danh-từ này đều có những nội-dung bao-gồm, không-chỉ-định :

V.Ch.— *Chở củi về rừng* (Tng)
Gánh vàng đi đổ sông Ngô (Cd)
Cơm đâu cũng gạo nhà này (Cd)

Nhưng khi từ A có một loại-danh, thì ý-nghĩa của từ A thành cụ-thể. Khi ấy, cái-được-chỉ là một sự-vật chỉ định bởi đồng-văn và hoàn-cảnh.

Thí-dụ : *Cho tôi mượn thanh củi*
Tôi câu được ba con cá diếc bữa nay
V.Ch.— *Tiếc thay hột gạo trắng ngần* (Cd)
(*Hột gạo* chỉ một cá-nhân đặc-biệt).

Sự phát-triển danh-từ bằng cách thêm lên một từng loại-danh nhấn mạnh tính-cách vật-thể cụ-tượng và được chỉ-định của cái được-chỉ :

— *Mua lấy rặm cây cải củ về muối dưa*
— *Đưa tôi cái thanh củi lúc nãy*
$A_3 — A_2 — A_1$
V.Ch.— *Mười hai bà mụ ghét chi nhau*
Đem cái xuân-tình vất bỏ đâu
$A_2 — A_1$
(Hồ Xuân Hương : *Bơn Quan Thị*)

Vì thế sự chú-ý của người nghe được kéo về danh-từ có loại-danh nghĩa là có chỉ-định. So sánh :

1 — *Mở nắp va-li lên*

(Trường-hợp thường)

và *Mở nắp cái va-li lên*

(Trường-hợp nhấn về *cái va-li*, chứ không phải cái cặp chẳng hạn).

2— *Giường có lò so êm lắm*

(Trường-hợp thường)

và *Giường có cái lò-so thì lại gẫy*

(Trường-hợp nhấn mạnh về *cái lò-so*, bị gãy)

3— *Chó cắn áo rách*

(Trường-hợp thường)

'Chó cắn người nghèo mặc áo rách ;
Người nghèo thường gặp việc rủi : sự thực vĩnh-cửu'

và *Chó cắn cái áo rách*

(Trường-hợp nhấn về thực-thể *cái áo rách* : Chuyện nhất-thời).

Danh-từ có loại-danh là danh-từ mà nội-dung được cụ thể hóa và cá thể hóa, để chỉ một vật-thể nhất-định mà người nói cũng như người nghe đều đã biết. Có khi hoàn-cảnh chỉ định vật-thể ấy :

— *Anh đưa tôi cái bút chì*

(có nghĩa là 'cái bút chì đó, cái bút chì hai người dùng chung mà anh đang giữ').

Và có khi vật-thể được chỉ định bởi đồng-văn :

— *Anh cho tôi mượn cái bút chì của anh*

— *Tôi không quen ngồi máy lạnh,*
cô làm ơn tắt hộ cái máy lạnh đi

(*Máy lạnh*$_1$ có nghĩa chung 'tất cả các máy lạnh' ;

máy lạnh$_2$ có nghĩa riêng, là 'cái máy lạnh đang chạy đó', vì có thêm loại-danh /*cái*/).

— *Cái đau nó còn ở chỗ này. Nó cứ một cái chỗ này thôi.*

(*Cái chỗ*, là để nhấn mạnh về tính-cách chỉ-định của *chỗ*. *Cái đau* là cái đau cụ-thể mà tôi đã nói với ông).

Tính-cách chỉ-định của danh-từ trong việt-ngữ còn có thể có một ý-nghĩa khác, là sự chỉ-định về lượng-số. Khi danh-từ được chỉ định về số-lượng, thì tính-cách vật-thể và cá-thể của cái-được-chỉ bởi danh-từ cũng được công nhận. Trong trường-hợp ấy, danh-từ thường cũng có loại-danh trong cấu-tạo :

Thí-dụ : — *Cô cho tôi một cái bút chì*
— *Ông có ba người con*
— *Mấy cậu học-trò đứng lại bàn tán.*

Sự chỉ-định về lượng-số có ảnh-hưởng đến cấu-tạo

của danh-từ thường là sự chỉ-định bởi một từ M (số-từ), như *một, ba, răm, vài, mấy*. Các từ L (lượng-từ) như *những, mỗi* có một tác-dụng ép buộc nhẹ hơn. Những câu như:

(Thí-dụ) — *Những người bạn tốt của tôi*

$$L - (A_2 - A_1) - C_A - (\mid 8 - C_A)$$

Mỗi cậu học trò

$$L - (A_2 - A_1)$$

thường được nghe thấy nhiều hơn là:

Những bạn tốt của tôi
Mỗi học trò.

Các từ LM (lượng-số-từ) *các, mọi* không có tác-dụng gì trong vấn-đề này (1), và các danh-từ đi sau từ LM có thể không có loại-danh, giống như những danh-từ không-chỉ-định và có nội-dung bao-gồm:

Thí-dụ: *Các bạn của tôi*
Các học-trò

và cũng có thể có loại-danh, giống như những danh-từ có-chỉ-định:

Thí-dụ: *Các người bạn (của tôi)*
Các cậu học-trò (của lớp này)

Từ K (*nhiều, ít, tất cả...*) cũng trung-hòa trong vấn-đề này.

---

(1) Trong đoạn này, chỉ xét đến một khía-cạnh của các từ K,L,M,LM, đối với từ A mà thôi. Các vấn-đề cơ-cấu khác cũng như các vấn-đề ý-nghĩa-học đều được đặt ra ngoài sự khảo-sát hiện-tại.

2.8.5. Tất cả các điều được trình bày ở trên là những nhận-xét có tính-cách xác-suất, trên một khối lời của ngữ nói tự-nhiên. Không có một điều nào trong những điều này có thể đưa ra được để làm một khuyến-lệnh văn-phạm, (và cả cuốn ngữ-pháp cơ-cấu này là ở ngoài cái mục-đích ấy).

Trong văn-chương, những nhận-xét trên cũng vẫn đúng trong đại-cương, nhưng với một số sai-biệt vì những lí-do sau đây:

a— Nói chung, thì ngữ viết ít dùng loại-danh hơn ngữ nói, vì cơ-cấu của câu viết được diễn ra trong không-gian chứ không phải trong thời-gian. Sự-kiện này cho phép phân tích bằng cả mắt lẫn tai, nên sự kiệm-ngôn có thể lớn hơn là khi nói.

b— Trong văn-chương, dùng nhiều danh-từ hán-việt hơn là trong ngữ nói. Các danh-từ này phần lớn có một cấu-tạo dạng-vị-học chỉ rõ danh-từ-tính. Vì vậy, sự dùng loại-danh được giảm thiểu thêm một từng nữa, nhất là khi về phương-diện tiết-điệu, các danh-từ hán-việt có hai vần rất thuận lợi cho cái nhịp đôi là nhịp thông-thường của câu việt-nam. Thêm một loại-danh vào, sẽ làm mất cái nhịp điệu này đi (trừ khi dùng những loại-danh hai-vần như */vấn-đề/*, */chủ-nghĩa/*, */giải-pháp/*, */phong-trào/*, v. v. . .).

c— Các nhà văn được tự-do trong sự xử-dụng ngữ-pháp để viết hơn là những người thường trong sự thông-giao hằng ngày bằng lời.

Bình-thường thì các tác-giả cũng viết theo ngữ-pháp. Tự-vựng có thể rất phong phú, cách dùng chữ có thể hình dung và táo bạo, xây-dựng câu có thể dài dòng và phức tạp, nhưng ngữ-pháp vẫn được tôn trọng để giúp cho độc-giả lí hội được câu văn.

Nhưng, một tác-giả cũng có thể dụng tâm, trong những trường-hợp đặc-biệt, hoặc là xử dụng quá đa một qui-luật, hoặc là xô đẩy cái thông-lệ của ngữ-pháp, để tạo ra một tác-dụng văn-chương. Khi ấy, ngữ-pháp bị vượt qua để vào văn-pháp.

2.8.6. Văn-pháp (1) là cái sắc-thái mà một tác-giả đem vào trong lời văn để làm thành cái kiểu viết riêng, đặc thù cho tâm-tư và hoài-vọng của chính tác-giả.

Văn-pháp tận dụng tất cả những khả-năng của ngôn-từ, trong đó có ngữ-pháp. Chúng ta sẽ đặc-biệt chú ý đến một vài khía-cạnh liên quan đến ngữ-pháp của danh-từ.

2.8.6.1. Sự cụ-thể-hóa một danh-từ là một tác-dụng văn-chương mà một nhà văn có thể dụng tâm tạo ra.

Phép cụ-thể-hóa danh-từ dựa vào một thông-lệ của ngữ-pháp việt-nam. Trong một câu, danh-từ có-loại-danh thường là một danh từ có chỉ-định. Nếu loại-danh ấy lại ở một bực cao, và hơn nữa, nếu loại-danh này lại được

(1) Trong định-nghĩa này, *văn-pháp* (style) đối lại với *bút-pháp* (écriture), và cả hai được đối lại với *ngữ-pháp* (grammaire).

chồng lên một loại-danh thấp hơn để tăng thêm cái bực cao của loại-danh trên, thì sự chỉ-định danh-từ càng thêm mạnh.

Thí-dụ 1 : Loại-danh không-cần-thiết, được chắp vào cấu-tạo của danh-từ để danh-từ nặng hơn về tính-cách chính-xác :

— *Cái ngày chúng mình mới biết nhau*
$(A_2 - A_1) - (\quad) C_A$

So sánh với một câu tương-tự nhưng trung-hòa, trong đó danh-từ không được nhấn mạnh về tính-cách chỉ-định :

— *Hồi chúng mình mới biết nhau*
$A - (\quad) C_A$

Thí-dụ 2 : Loại-danh không-cần-thiết và có tính-cách bất-thường khi đối chiếu với biệt-danh :

— *Cái rượu này ngon thực.*

/Rượu/ là một dạng-vị thường được dùng làm một từ A mà không cần một loại-danh nào đứng trước. Sự thêm loại-danh */cái/* làm cho */rượu/* có một ý-nghĩa chỉ-định và chính-xác hơn.

Thí-dụ 3 : Loại-danh không-cần-thiết, và ở một bực cao so với biệt-danh.

— *Rõ thật, cái ông này*

— *Cái cô này, mắt để đi đâu mà xô vào người ta như thế.*

Thí-dụ 4 : Loại-danh được chồng chất và cùng chỉ vào một vật-thể :

— *Cái câu chuyện* tôi nói với anh bữa nọ, anh nhớ chứ ?

$A_3 — A_2 — A_1 — (\quad) C_A$

— *Cái ngày hôm* tôi đưa tiền cho anh...

— *Cái nhà ông này*, khéo ỏm ờ !

— Anh có gặp lại *cái cô sinh-viên* bữa nọ không ?

Trong văn-chương, dụng-tâm cụ thể hóa danh-từ đôi khi cũng được thấy, và các tác-giả thường cũng dùng những phương-thức ngữ-pháp trên.

Câu văn có thể không khác gì một câu nói thường, trong sự diễn-tả một kỉ-niệm đậm-đà :

— *Cái đêm hôm ấy* đêm gì,
Bóng dương lồng bóng đồ-mi trập trùng (CO)

Thường-thường thì văn-pháp có phần khúc-mắc hơn.

• Ôn-như-hầu Nguyễn Gia Thiều biến một ý-niệm trừu-tượng thành một hình-ảnh bởi một loại-danh, rồi lại làm cho cái hình-ảnh ấy thành một vật-thể đích-xác với dạng-vị /*cái*/ trùm lên toàn-khối :

— Mùi tục-lụy, dường kia cay đắng,
Vui chi mà đeo đẳng trần-duyên ?
Cái gương nhân-sự chiền-chiền,
Liệu thân này, với cơ thiền, phải nao ? (CO)

Danh-từ có thể chỉ một vật-thể có thực, mà văn-chương phải làm cho thực hơn nữa, như :

— Muốn tắm mát, lên ngọn *cái con sông đào*,
Muốn ăn xim chín thì vào rừng xanh (Cd)

Nguyễn Khuyến nói một cách khiêu-khích nhờ cái phương-sách ấy :

— Quyết chí phen này trang trải nợ,
cho đời rõ mặt *cái thằng lao*.

Nguyễn Du rất ít dùng loại-danh */cái/* trong văn-thơ của ông. Nhưng khi uất hận cho cái số-kiếp của nàng Kiều, Nguyễn-Du đã không tránh không nguyền rủa được:

— Chém cha *cái số hoa đào*,
gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi ! (K)

Cái số hoa đào là cái mảnh đời thực, cái mảnh đời cụ-thể đang vùi dập nàng Kiều.

Còn Ôn-như-hầu thì rắn dọng một cách hằn-học, chua-chát, trong lời nói của nàng cung-phi bị bỏ rơi :

— Vốn đã biết *cái thân cậu trô* :
Cá no mồi, cũng khó nhử lên ! (CO)

Sự nhấn mạnh về cụ-thể-tính của cái cụ-thể là để nói ra được cái nỗi lòng thầm-kín của tác-giả và đã thật-sự tạo ra được những tác-dụng lạ-lùng đối với kẻ đọc văn.

• Sự cụ-thể-hóa có một tác-dụng mạnh-mẽ khi một loại-danh như */cái/* được ghép vào với một biệt-danh không chỉ một vật-thể hữu-hình.

Tột-độ của thuật này là một câu tục-ngữ, ngắn-ngủi và sắc-bén trong ngôn-từ :

— *Cái khó* bó *cái khôn* (Tng)

Phương-thuật ấy đã được phổ biến bởi câu ca-dao (mà Nguyễn Công Trứ đã mượn trong một bài hát nói) :

— Chơi xuân kẻo hết xuân đi,
Cái già sồng-sộc nó thì theo sau.

Và văn-chương cũng phỏng theo :

— *Cái túng*, xem ra đệ nhất ông,
có ai là bậc thứ nhì không ?
(Vũ Duy Thanh)

Ôn-như-hầu ai-oán viết một hơi ba danh-từ theo cách đó :

— Đêm năm canh, lần nương vách quế,
Cái buồn này ai dễ giết nhau ;
giết nhau, chẳng *cái Lưu-cầu*,
giết nhau bằng *cái u-sầu*, độc chưa ! (CO)

Trong ba danh-từ trên, thì hai là chỉ những trạng-thái của tâm-hồn mà loại-danh /*cái*/ đã làm cho thành có hình có sắc ; những âm-hưởng mà *cái u-sầu* tạo ra còn nặng nề hơn là *con* dao Lưu-cầu, mà tác-giả gọi một cách khinh-thường là *cái Lưu cầu*.

• Bất ngờ hơn nữa là những danh-từ chỉ vật rất cụ-thể, mà một tác-giả tạo ra với một biệt danh trừu-tượng, ghép vào với loại-danh /*cái*/ để chỉ dẫn rằng đó là một thứ đồ rất thực, như trong hai liên thơ của Hồ Xuân Hương :

— Mười hai bà mụ ghét chi nhau
đem *cái xuân-tình* vứt bỏ đâu..
(Thơ bỡn viên quan thị)

— Đôi lứa như in tờ giấy trắng:
Nghìn năm còn mãi *cái xuân-xanh*
(Thơ đề tranh)

• Nhưng ác nhất, có lẽ là một danh-từ lấy loại-danh /*cái*/, mà Nguyễn Khuyến dải ra gần hết hai câu thơ và ta phải đọc liền một hơi để lột ra được cái buồn vô-vọng của người đàn bà lấy lẽ :

— Bực gì bằng *cái chực-phòng-không*
tơ-tưởng-ai-chung-một-tấm-chồng !

• Và sau cùng, là bài thơ tặng Cô Tư Hồng, cũng của Nguyễn Khuyến, trong đó chữ *tiếng* được nhắc lại hai lần, lần đầu không có loại-danh (*biết tiếng*), nhưng lần thứ hai với loại-danh /*cái*/, để chính xác hóa và cụ thể hóa chữ *tiếng* trên theo một ý-nghĩa đặc-biệt :

— Khắp cõi trời Nam đều biết tiếng
nghìn thu, *cái tiếng : của bà to.*

2.8.6.2. Sự phát biểu tình-cảm qua loại-danh là một tác-dụng rất đặc-biệt của thuật viết văn.

Theo ngữ-pháp, thì mỗi biệt danh được định vị-trí bởi một chuỗi loại-danh thích-ứng. Trong lời nói, loại-danh nào gần nhất với biệt-danh thì thường được dùng một cách ưu-thắng, như A_1 *bẹ* thì lấy A_2 là *cải* (*cải bẹ*) ;

A_1 *cải* thì lấy A_2 là *rau* (*rau cải*) ; A_1 *rau* thì lấy A_2 là *cây* (*cây rau*). . .

Lên trên nữa, thì sự phân-biệt /*cái*/ và /(*cái*) *con*/ thường được nhận trong lời nói. Biệt-danh nào đi với /*cái*/ và biệt-danh nào đi với /*con*/ không lẫn lộn được với nhau : *Kiến* thì là *con kiến*, *lều*, thì là *cái lều* ; trong ngôn-ngữ nói, có lẽ không bao giờ được thấy ai dùng từ *cái kiến* (ca-dao) hay *con lều* (Nguyễn Bỉnh Khiêm) cả.

Trong văn-chương, loại-danh /*con*/ có thể được đổi thành loại-danh /*cái*/. Sự thay-đổi loại-danh này có khi là vì lí-do âm-luật trong thơ. Chẳng hạn như :

Nhớ nước, đau lòng con cuốc-cuốc,
Thương nhà, mỏi miệng cái da-da.

(Bà Huyện Thanh-Quan)

Cái da-da ở đây chỉ là để đối lại với *con cuốc-cuốc*, chứ không có một dụng-ý gì đặc-biệt của tác-giả cả.

Nhưng cũng có những trường-hợp bất-thường trong đó sự di chuyển /*con*/ thành /*cái*/ có chứa đựng một tình-cảm đặc-biệt của tác-giả. Chẳng hạn như, trong ca-dao, để nói lên cái bé-bỏng đáng tội-nghiệp, cái thân-phận cực nhọc và bị rẻ rúng, của một người con gái (được gọi bằng tên một con vật tượng-trưng) :

— Cái cò lặn lội bờ sông,
gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ-non

Hoặc, bẻ ngược cái hình-ảnh trên lại một cách trào-phúng, để trêu ghẹo :

— *Cái cò là cái cò quăm,*
chửa đi đến chợ, đã lăm ăn quà.

Cũng có khi, là để trách móc :

— *Cái kiến mày kiện củ khoai,*
mày chê tao khó, lấy ai cho giàu.

hay để nâng niu, dỗ dành một đứa em còn nhỏ :

— *Cái ngủ mày ngủ cho lâu,*
Mẹ mày đi cấy đồng sâu chưa về.

Đó là những thuật phát biểu tình-cảm bằng cách chuyển loại, trong ngôn-ngữ nào cũng có : /*người*/ chuyển thành /*con*/ và /*con*/ chuyển thành /*cái*/(1).

• Sự chuyển loại-danh có khi lại là phương-thuật để hạ giá. Cũng vẫn là phương-thuật trên về hình-thức, nghĩa là /*người*/ thành /*con*/ như :

con bệnh 'người bệnh, trong con mắt của ông thầy thuốc không có lòng nhân'.

con buôn 'người đi buôn, tham lời quá, đến nỗi mất cả nhân-cách' — đối lại với *nhà buôn*.

con bạc 'người chơi bạc một cách đam-mê'

con đĩ 'người bán dâm chuyên nghiệp'.

V. Ch.— Mồ cỏ thương vay : *con đĩ-đượi,*
Dưới hoa mê tít : cậu đồ choai
(Nguyễn Hữu Khánh : *Vịnh Kiều*)

(1) Như trong pháp-ngữ, *mon lapin, mon chou, mon coco* chỉ người, *mon bijou* chỉ con vật.

con vợ 'người vợ, bị khinh thị'

V.Ch.— Thất thủ, muốn liều cho vẹn tiết,
Ngặt vì *con vợ* bận chưa an.
(Nguyễn Văn Lạc)

Sự hạ-giá bởi cách chuyển loại-danh có khi được nhấn mạnh thêm bởi sự chồng-chất hai, ba loại-danh, thành /*cái con*/ như *cái con ranh con*, /*cái thằng*/ như *cái thằng ăn mày* :

V.Ch.— *Cái thằng chồng em* nó chẳng ra gì,
Tổ tôm, sóc đĩa, nó thì chơi hoang (Cd)

/*cái ông*/ như *cái ông thần vì* :

V.Ch.— Miệng em khóc, tay em bế ẵm
cái ông thần vì (Cd).

Một vài thí-dụ văn-chương về sự chuyển loại-danh để hạ giá có một giá-trị lịch-sử đặc-biệt như : *chữ* bị hạ xuống thành *cái chữ* trong một thời mà chữ-nghĩa bị coi rẻ :

V.Ch. — Nào có ra gì, *cái chữ nho*,
Ông nghè, ông cử cũng nằm co.
(Trần Tế Xương)

còn văn-chương ái-quốc cũng bị bỏ rơi, đến nỗi *văn* ấy mà phải thành ra *cái văn* :

V.Ch.— Khúc ruột gan này, ai chẳng có,
Có ai nghĩ đến *cái văn* này ?
(Phan Bội Châu)

Tuy-nhiên, cũng trong thời ấy, những kẻ chuộng bằng-cấp, ham lợi-danh đến nỗi quên cái nhục của nước, cũng vẫn bị vạch mặt bởi chính các vị khoa-bảng :

V.Ch.— Cậy *cái bảng vàng* treo nhị giáp
Nẹt *thằng mặt trắng* lấy tam nguyên.
(Nguyễn Khuyến)

Dưới ngòi bút của một nhà nho như cụ Nguyễn Khuyến, mà *bảng vàng* của vua bị hạ xuống thành *cái bảng vàng*, vì sau đó có « thằng mặt trắng », thì cũng đáng ghi lại làm một giai-thoại để treo gương cho hậu-thế.

3. PHẠM-TRÙ CỦA TỪ A

Từ A, như đã định nghĩa và phân tích trên hai bình-diện biểu-hiện và nội-dung, là một loại từ căn-bản trong ngữ-pháp. Có thể nói rằng, trong quan-niệm ngữ-pháp hình-thức lấy sự định từ-loại làm mục-tiêu, thì tất cả các loại từ sẽ được định nếu **câu** và **từ A** đã được định nghĩa. Tất cả các loại từ khác khi đó sẽ được định nghĩa bởi những tương-quan hình-thức với từ A trong cơ-cấu của câu (1).

Tuy-nhiên, trong quan-điểm của ngữ-pháp thành-phần và ngữ-pháp biến-cải, sự khảo-sát về một loại dạng-vị hay từ vẫn chưa đầy đủ, nếu chưa công thức hóa được các phạm-trù của loại dạng-vị/ từ này.

---

(1) Từ A có thể có liên-hệ với từ B trong câu. Vì vậy nên những gì vừa được nói về từ A cũng đúng cho từ B.

Sự xây-dựng một ngữ pháp trên hai định-nghĩa cơ-bản về *câu* và *danh-từ* đã được thực hiện bởi nhà luận-lí-học polan Ajdukiemicz (1935) và nhà ngữ-lí-học do-thái Bar-Hillel (1964).

Phạm-trù (catégorie) là một tiếng mượn của tự-vựng triết-học, được dùng ở đây với nghĩa là những tính-cách được gán cho một hình-thức ngữ-lí và được biểu hiện trong cơ-cấu của hình-thức ngữ-lí ấy. Phạm-trù của từ A là những gì mà cơ-cấu hình-thức của từ A biểu lộ ra.

Sự biểu-hiện của một phạm-trù có thể được thấy ngay trong cấu-tạo dạng-vị-học của từ A; khi ấy, ta sẽ ghi là nội-cấu (+). Ngược lại, nội-cấu (—) là khi nào cấu-tạo dạng-vị-học của từ A không biểu hiện phạm-trù (1).

Sự biểu-hiện của một phạm-trù thuộc từ A lại có thể được thấy trong cấu-tạo của thành-phần P (A). Cũng như trên, ta sẽ ghi là nội-hợp-từ (+). Trường-hợp không có sự biểu-hiện của phạm-trù này trong thành-phần P (A) sẽ được ghi là nội-hợp-từ (—).

Khi một phạm-trù của từ A ảnh hưởng sang tới thành-phần P (B), thì phạm-trù này sẽ được ghi là ngoại-cơ (+). Nếu phạm-trù không được phản ánh bởi thành-phần P (B), thì ta ghi là ngoại-cơ (—).

Theo những tiêu-chuẩn hình-thức này, các phạm-trù của từ A sẽ được miêu tả như sau (Bảng 26):

---

(1) Ý-nghĩa theo tự-điển được bỏ ra ngoài những nhận-xét ngữ-pháp này.

PHẠM-TRÙ	Nội-cấu	Nội-hợp-từ	Ngoại-cơ
HỆ-LOẠI (Classe)	+	−	+
LƯỢNG-SỐ (Nombre)	−	+	+
GIỚI-PHÁI (Genre)	+	−	−
CỠ-VÓC (Taille)	+	−	−

Bảng 26. — *Các phạm-trù của từ A.*

3.1. PHẠM-TRÙ HỆ-LOẠI.

3.1.1. Cơ-cấu dạng-vị-học của danh-từ đã cho ta thấy cái tương-quan cơ-năng giữa các dạng-vị thành-phần của từ. Hình-thức là biểu-hiện của nội-dung ; trong trường-hợp này, thì tương-quan vị-trí chính là cái dấu-hiệu của tương-quan cơ-năng.

Từ A được định nghĩa trên hai phương-diện biểu-hiện và nội-dung bởi một cấu-thức hệ-thống trong đó tiếng đi sau chỉ một cái thuộc về cái-được-chỉ-bởi-tiếng-đi-trước, và tiếng đi sau-cùng là cái biệt-danh để bổ túc cho thành một từ mà chỉ chính cái-được-chỉ. Viết ra theo biểu-hiệu luận-lí thì là :

Công-thức : $\Sigma A_n \rightarrow\rightarrow A_n - A_{n-1} \ldots\ldots\ldots - A_1$

với : $A_n \supseteq A_{n-1} \ldots\ldots\ldots \supseteq A_1$

$n \leqslant 5$

Với mỗi cái-được-chỉ, tương-quan vị-trí trước-sau giữa các dạng-vị trong nội-bộ của một hệ danh-từ không bao giờ thay đổi. Nếu vị-trí của hai tiếng trong hệ danh-từ bị đảo lộn, cái-được-chỉ sẽ không còn nữa. Thí-dụ:

cải bẹ =/= *bẹ cải*
lúa bắp =/= *bắp lúa*
quả cam =/= *cam quả*
con người =/= *người con*

Kết-quả của sự đảo-lộn, nếu vẫn là một danh-từ, thì vẫn có một nội-dung chỉ định bởi công-thức trên, nhưng là một loại vật-thể khác, như ta thấy với các thí-dụ trên. Phần nhiều kết-quả là một mớ tiếng vô-nghĩa: sự mất hình-thức đã làm mất nội-dung. Thí-dụ:

đám cháy **cháy đám*
trống bỏi **bỏi trống*

Mặc dầu rằng trong thực-tế, những hệ danh-từ đầy-đủ ít khi được dùng, và ta thường chỉ dùng những danh-từ có cấu-thức tối-thiểu trong những hoàn-cảnh bình-thường, nhưng trong mỗi trường-hợp, sự xây-dựng lại danh-từ trong hệ-thống vẫn có thể thực hiện được bằng ý-tưởng.

Sự xây-dựng này có thể làm được, trước hết vì tính-cách suy-luận của hệ-thống danh-từ bẩm-sinh trong

việt-ngữ. Theo sự suy-luận ấy, với mỗi biệt-danh hay danh-từ tối-thiểu, ta luôn-luôn có một loại-danh bực trên, và với mỗi loại-danh này, ta lại có thể có một loại-danh bực trên nữa, cứ thế mãi cho tới khi tới những loại-danh chung nhất là ∅ (chất) */cái/ con/ người.*

Nếu là một danh-từ không thuộc hệ-thống bẩm-sinh, thì cũng có một loại-danh hoặc minh-hiển, hoặc tàng-ẩn nhưng luôn-luôn khả-dĩ-tái-lập. Cái liên-hệ giữa biệt-danh A_1 và loại-danh A_2 chỉ còn tính-cách hình-thức mà thôi, nhưng sự chỉ-định về ngữ-pháp bởi A_2 cũng vẫn rõ-ràng như với các loại-danh bẩm-sinh. Chẳng hạn như với từ A *tờ báo*, ta hiểu ngay rằng đây là một cái thuộc loại */tờ/*, chứ không thuộc loại */con/* ; với *tờ mây* (1), ta cũng đoán được rằng đây không phải là một *đám mây.*

Đây là phạm-trù thứ nhất mà ngôn-ngữ công nhận cho danh-từ. Danh-từ là những hình-thức ngữ-pháp có một cấu-tạo dạng-vị đặc-biệt, để chỉ những cái có thể xếp loại được. Trong một hệ từ A, liên-hệ cơ-năng giữa tiếng trước và tiếng sau hay giữa loại-danh bực trên và loại-danh bực dưới (hoặc biệt-danh) là một liên-hệ chỉ-định.

3.1.1.1. Sự quan-trọng của loại-danh trong cấu-tạo của danh-từ việt-ngữ là một điều đã được trình bày trong chương trên về dạng-vị-học của từ A. Những dạng-vị này là những dạng-vị biểu hiện phạm-trù hệ-loại của từ A.

(1) Trong câu :

Chiếc thoa với bức tờ mây,
Duyên này thì giữ vật này của chung (K)

Phạm-trù hệ-loại của từ A không phải chỉ riêng biệt cho việt-ngữ. Như đã được nói ở một đoạn trên, môn-khmer-ngữ, mãlai-indonesi-ngữ, hoa-ngữ, thái-ngữ, đều có những hình-thức tương-đương của phạm-trù này. Ấn-âu-ngữ cũng chấp nhận hệ-loại trong cơ-cấu ngữ-pháp; và ngay cả anh-ngữ, pháp-ngữ, là những ngữ đã giảm thiểu sự biểu-hiện của phạm-trù này đến tối-đa, mà cũng vẫn còn những dấu-tích thâm-sâu của phạm-trù hệ-loại trong hình-thức của danh-từ và đại-danh-từ.

Trong việt-ngữ, sở dĩ phạm-trù hệ-loại đã phát triển ra một cách lớn-rộng hơn ở nhiều ngôn-ngữ khác, là vì hai lí-do ; 1-Việt-ngữ đã thành một ngôn-ngữ không uyển-biến tuy chưa hoàn-toàn, nhưng cũng đã khá sâu-đậm ; 2- Mặc dầu đã chịu ảnh-hưởng của hoa-ngữ trong hơn hai mươi thế-kỉ, nhưng việt-ngữ vẫn không thu nhận hẳn cái cách tạo danh-từ với những dạng-vị vĩ-phần theo hoa-ngữ. Tính-cách không uyển-biến của việt-ngữ đã làm cho trong ngôn-ngữ của ta, có rất nhiều tiếng đồng-âm. Chẳng hạn như tiếng /*báo*/ : có khi là từ B (*báo ân, báo cô ; báo tin, báo hỉ ; báo đáp, báo đền ; thông báo, báo cáo*), và có khi thì là một dạng-vị của từ A. Loại-danh trước hết là một dạng-vị A-hóa, để phân biệt /*báo*/, dạng-vị của từ A với *báo*, từ B. Dạng-vị /*báo*/ trong *tờ báo* có thể là một trong hai dạng-vị /*báo*/ được dùng làm từ B (*báo tin ? báo ân ?*). Vì không có một hình-thức uyển-biến hay tiếp-nhánh nào để làm dấu-hiệu cho sự biến-cải từ B thành từ A, việt-ngữ đã dùng loại-danh để làm cái công-việc ngữ-pháp đó. Dạng-vị A_2 /*tờ*/ đi trước biến dạng-vị /*báo*/ đi sau thành một biệt-danh A_1.

Hoa-ngữ cũng dùng những số-danh để làm một công-việc tương-đương với loại-danh của việt-ngữ. Nhưng đồng-thời, hoa-ngữ lại phát triển một phép tạo danh-từ, dùng những dạng-vị vĩ-tiếp như */-nhân/*, */-gia/*... cho người; */-tử/*... cho cả người và vật; */-tính/*, */-đề/*, */-học/*, */-chủ-nghĩa/*... cho những trừu-tượng.

Thí-dụ : *văn-nhân*
nho-gia
hài-tử
nhân-tính
vấn-đề
khoa-học
tam-dân-chủ-nghĩa

Khi được chuyển sang việt-ngữ, thì các danh-từ này phần nhiều đã được dịch cho hợp với cái cấu-thức truyền-thống của từ A, là :

$\Sigma A \rightarrow \rightarrow A_2 - A_1$

nhà	*văn*
nhà	*nho*
lòng	*nhân*
đề	*thi*
chủ-nghĩa	*tam-dân.*

Trong rất lâu, việt-ngữ không chịu nhận các danh-từ vay mượn này theo đúng cái cấu-tạo có vĩ-phần của chúng trong hoa-ngữ. Hầu hết các danh-từ này đều được việt hóa, không những trong cách phát âm, mà cả trong cấu-thức nữa.

Sự-kiện này đã bắt-buộc phải có thêm nhiều loại-danh nữa để diễn tả được những ý-niệm mới. Mỗi loại-danh trong cấu-tạo của một danh-từ không những là một hiệu-kí cho A-tính của từ, mà còn được dùng để nói một ý-niệm về hệ-loại của cái được chỉ bởi từ A, và bằng cách ấy, giúp vào sự chỉ-định từ A này.

Như *tờ báo*, thì là một từ A để chỉ một vật mỏng và rộng (/*tờ*/), mang cái biệt-danh là /*báo*/ để chỉ cái nhiệm-vụ của nó. Vật này, vì là một /*tờ*/, nên khác với vật được chỉ bởi từ A *con báo*, thuộc loại /*con*/.

Những danh-từ có vĩ-phần của hoa-ngữ cũng có được lấy bởi việt-ngữ, nhiều nhất là từ thời báo *Nam-phong* ; hơn nữa, từ hồi độc-lập, lại có thêm nhiều danh-từ theo mô-hình này, một phần là vay mượn, một phần nữa là do chính người Việt, theo đường-lối bác-học, đã tạo ra để dịch những quan-niệm mới của Tây-phương. Những từ A như *vấn-đề, dân-quốc, chính-khách, chủ-nghĩa, nghị-viện, hiệp-ước*, v.v... tràn ngập trong xã-hội việt-nam, và phần nhiều không cần có một loại-danh nào dẫn đầu cả, nhất là trong văn-chương. Thực ra thì hoa-ngữ còn có cả những danh-từ được cấu tạo với hai (hay ba) thành-đề gần như ngang nhau về tính-cách ngữ-pháp. Những danh-từ như *dân-chủ, kinh-tế* thuộc nhóm này, và cũng đã được nhập tịch vào việt-ngữ theo đúng những hình-thức đó.

Trong việt-ngữ ngày-nay, có hai khối danh-từ khác nhau, về cơ-cấu dạng-vị-học : một (như *con cóc, tờ báo*) có cơ-cấu là :

$$\Sigma A \rightarrow\rightarrow A_n - A_{n-1} \ldots\ldots A_1$$

và một như *vấn-đề*, *đảng-viên*, có cơ-cấu là :

$$A \rightarrow\rightarrow (X - \alpha)$$

với X : dạng-vị căn

α : dạng-vị vĩ-tiếp

hoặc như *kinh-tế*, *cộng-hòa*, *đồng-chí*, có cơ-cấu là :

$$A \rightarrow\rightarrow X - X'$$

với X và X' là hai dạng-vị dùng làm thành-đề của từ.

Ngôn-ngữ nói vẫn tiếp tục theo cái truyền-thống từ-pháp dùng loại-danh. Những danh-từ mới, khi được tiếp thu vào trong ngữ nói, sẽ được chụp bởi những loại-danh thích-ứng, và thành :

nhà chính-khách
ông nghị-viên
bản hòa-ước
tờ chúc-thư
nền kinh-tế
nước cộng-hòa

nhiều khi một cách thêm-thừa ; nhưng đó chính là điều-kiện để các danh-từ vay-mượn được hoàn-toàn việt hóa và chấp nhận bởi đại-chúng việt-nam : danh-từ việt-ngữ phải có một dấu-hiệu của phạm-trù hệ-loại trong cấu-thức (1).

(1) Với những danh-từ vay-mượn ở pháp, anh ngữ cũng thế. Cạnh những từ A như (*cái*) *boong*, *bơm*, *tivi*, lại có những từ A dùng những loại-danh như *trái*^{N}, *quả*^{B} {*bom*, *banh*}, *cây* {*cam*, *ba-toong*} ; *nồi* {*súp-de*}, *bánh* {*bích-qui*, *ba-tê*} ; *rượu* {*vang*, *huýt-ki*}, v.v...

3.1.2. Phạm-trù hệ-loại được biểu hiện bởi một hay nhiều dạng-vị trong cấu-tạo của từ A (nội-cấu +). Ra ngoài cấu-tạo của từ A, phạm-trù hệ-loại lại ảnh hưởng cả vào thành-phần diễn-thuật P(B), và vì lí-do ấy, phạm-trù này được coi là ngoại-cơ +.

Phạm-trù hệ-loại của từ A ảnh hưởng vào thành-phần diễn-thuật P(B) trên cả hai bình-diện, nội-dung và biểu-hiện.

3.1.2.1. Về phương-diện nội-dung, ảnh-hưởng của phạm-trù hệ-loại làm cho từ B có thể bị biến thể hay lệch nghĩa. Trường-hợp này được thấy khi từ A ở chức-vụ đích-tử. Thí-dụ :

a— *Ông xã để cây nến lên bàn thờ*
b— *Cây nến để trên bàn thờ tắt rồi*

Trong hai xây-dựng này, ta thấy rằng với cùng một từ B *để*, nếu từ A đích-vụ thuộc hệ-loại 'người' như được chỉ bởi loại-danh */ông/* (*ông xã*), thì *để* có một nội-dung động và chuyển-tác ; và nếu từ A đích-vụ thuộc hệ-loại 'cái' (như được chỉ bởi loại-danh */cây/ (cây nến)*, thì *để* có một nội-dung thụ và không-chuyển-tác. Chúng ta nói rằng từ B *để* đã biến thể, mặc dầu hình-thức âm-vị-học của từ không thay đổi.

Thay từ B *để* trong câu *a* bằng từ B *tắt (Ông xã tắt cây nến)*, ta cũng đi đến một kết-luận in hệt như thế. Trong câu *a*, *tắt* là một từ B động và chuyển-tác ;

trong câu *b*, *tắt* cũng lại biến thể và thành một từ B thụ và không-chuyển-tác (1).

Ảnh-hưởng của phạm-trù hệ-loại của từ A đích-vụ lại có thể làm lệch nghĩa của từ B_3 đi sau (2). Chẳng hạn như từ B_3 *muốn* trong hai câu :

a— *Thằng bé muốn đổ li nước*
b— *Li nước muốn đổ*

Trong câu *a*, *muốn* chỉ rằng *thằng bé* (thuộc hệ-loại 'người' với loại-danh */thằng/*) 'có ý định'; còn trong câu *b*, với một từ A đích-vụ thuộc loại 'cái' (*cái li*), từ B_3 *muốn* có nghĩa là 'có lẽ sắp sửa, theo ý-nghĩ của tôi'.

Thay từ B_3 *muốn* trong hai câu trên bởi *phải*, *dám*, ta cũng thấy một sự biến-đổi nội-dung tương-tự. Đồng thời, cũng lại có một sự biến-thể của từ B_2 *đổ*, từ thể động và chuyển-tác trong câu *a*, sang thể thụ và không-chuyển-tác trong câu *b*.

Sự biến-thể (trong nội-dung) hoặc lệch-nghĩa của

---

(1) Vấn-đề thực ra còn phức tạp hơn nữa, vì hoàn-cảnh có khi cho phép một từ B biến thể, mặc dầu từ A thuộc loại 'người'. Chẳng hạn như trường-hợp của hai người bạn cùng đi chụp hình để dán vào học-bạ. Trong tiệm chụp hình, họ nói với nhau :

— *Thế nào? Anh chụp trước hay tôi chụp trước đây?*
— *Thôi anh chụp trước đi*

Trong cả hai câu trên, *chụp* là từ B thụ, không-chuyển-tác, mặc dầu */anh/*, mà ta tạm nhận là từ A, thuộc hệ-loại 'người'.

(2) Cho tới nay, sự-kiện này chỉ mới được thấy trong việt-ngữ miền Nam.

từ B dưới ảnh-hưởng của phạm-trù hệ-loại thuộc từ A đích-vụ chỉ có với những từ B chấp nhận đích-tử là những từ A thuộc bất cứ hệ-loại nào, 'người', 'con' hay 'cái'.

3.1.2.2. Phạm-trù hệ-loại của từ A đích-vụ lại ảnh hưởng cả vào hình-thức của thành-phần P (B).

Ở một đoạn trên, các từ A đã được chia thành ba khu-vực, không theo mẫu-hình nhị-nguyên mà theo mẫu-hình bao-trùm (hay phụ-thuộc). Ba khu-vực này tức là ba hệ-loại chính của từ A: {*cái*} bao trùm {*con*}, {*con*} bao trùm {*người*}; hoặc ngược lại, {*người*} phụ thuộc {*con*}, và {*con*} phụ thuộc |*cái*|

Từ A

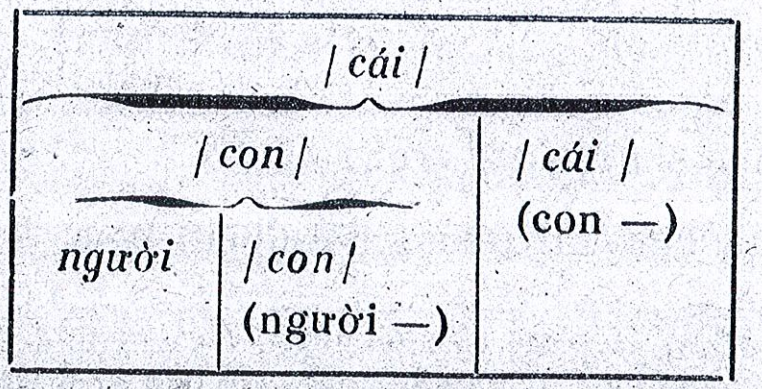

Bảng 27. — *Ba khu-vực của từ A theo phạm-trù hệ-loại.*

Các từ B của việt-ngữ phản ánh sự phân-phối này cũng có thể chia được ra thành ba khu-vực, theo một mẫu-hình bao-trùm đối-xứng với mẫu-hình từ A. Khu-vực thứ nhất là những từ B động chấp nhận tất cả

các từ A ở đích-vụ. Khu-vực thứ hai là những từ B động không chấp nhận những từ A đích-vụ thuộc hệ-loại {*cái*}. Khu-vực thứ ba là những từ B động không chấp nhận những từ A đích-vụ thuộc cả hệ {*cái*} và hệ-loại {*con*}.

TỪ A ĐÍCH-VỤ

III	*người* +	*con* —	*cái* —
II	*người* +	*con* +	*cái* —
I	*người* +	*con* +	*cái* +

TỪ B (động +)

Bảng 28. — *Sự điều-hợp từ B động với phạm-trù hệ-loại của từ A.*

Điển hình cho những từ B khu-vực thứ nhất là *đứng, nằm, bị, muốn.* Điển hình cho những từ B ở khu-vực thứ hai là *cắn, ăn, đi, thấy.* Điển hình cho những từ B ở khu-vực thứ ba là *nói, nghĩ, thương, buồn.*

Sự điều-hợp từ B theo phạm-trù hệ-loại của từ A đích-vụ không có tính-cách cần-thiết và bất-biến, vì văn-pháp có thể làm thay đổi ngữ-pháp được. Chẳng hạn như khi những từ B ở khu-vực thứ ba được dùng một cách bền-vững cho một từ A thuộc hệ-loại '*cái*' hay '*con*', thì ta nói rằng cái được chỉ bởi từ A này đã được nhân cách hóa. Thí-dụ :

— *Con vật càng nghĩ càng buồn cho thân-phận của mình.*

Hoặc nếu không phải là sự nhân-cách-hóa, thì tức là người đã nhồi cái tâm của mình vào vật, như :

V.Ch.— *Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,*
Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ ? (K)

Phạm-trù hệ-loại là một phạm-trù cốt-yếu của từ A và hơn nữa, chính là một phạm-trù lớn trong toàn thể ngữ-pháp.

3.2. PHẠM-TRÙ LƯỢNG-SỐ.

Vật-chất có lượng-số. Lượng-số là phạm-trù khả-giác chung nhất của vật-chất. Danh-từ là những hình-thức ngữ lí thường được coi là liên hệ với các quan-niệm về vật-chất. Vì lí-do ấy, trong nhiều ngôn-ngữ, danh-từ cũng là từ có mang những dấu-hiệu của phạm-trù lượng-số.

Trong việt-ngữ, phạm-trù lượng-số cũng có biểu-hiện. Nhưng những hình-thức biểu hiện phạm-trù lượng-số không có trong chính cấu-tạo của danh-từ, mà lại được thấy trong thành-phần danh ngoài danh-từ và trong thành-phần diễn-thuật ngoài diễn-thuật-từ.

3.2.1. Trong thành-phần danh P(A), hình-thức của phạm-trù lượng-số là các từ tiền-A. Các từ này, mà ta sẽ chia ra thành bốn loại K, L, M, LM, có thể được gọi chung là hiệu-kí lượng-số của từ A.

Thí-dụ :

Mười *cái ghế*
Nhiều *người*
Lắm *kẻ*
Mỗi *nơi*
Các *vấn-đề*

Các từ A được chia thành hai nhóm, tùy theo khả-năng kết hợp với một trong những loại từ này, là từ M, điển hình là *hai, vài, mấy*. Những từ A có thể kết hợp với các từ M sẽ được gọi là **từ A đếm-được (comptables)** ; Thí-dụ : *que, hòn, đám, chùm, hồn, vấn-đề*. Ngược lại, **từ A không-đếm-được (non-comptables)** là những từ A không kết hợp được với các từ M ; thí-dụ : *đá, đất, mây, dưỡng-khí, đạo-đức*. Từ A không-đếm-được (1) có thể lấy một từ A đếm-được thích-hợp làm loại-danh ; chẳng hạn như *đá*, lấy */hòn/* làm loại-danh, hoặc *mây*, lấy */đám/* làm loại-danh. Khi ấy thì các hệ ΣA *hòn đá, đám mây* sẽ theo loại-danh và được xếp vào nhóm từ A đếm-được (*ba hòn đá, mấy đám mây*).

Ngược trở lại, từ A không-đếm-được có thể đứng làm loại-danh trong một hệ ΣA như *đá hoa, đất bùn*. Khi ấy, hệ ΣA cũng theo loại-danh và thuộc nhóm từ A

---

(1) Muốn cho thực chính xác, thì phải viết là : Một dạng-vị, thường được dùng làm từ A và khi đó thì thuộc nhóm từ A không-đếm-được, có thể trở thành một biệt-danh sau khi lấy một dạng-vị khác, thường được coi là một từ A đếm-được, làm loại-danh, để tạo thành một hệ ΣA.

Để tránh sự rườm rà, tác-giả đã phải hi sinh sự chính-xác, và xin các độc-giả hiểu cho.

không-đếm-được. Loại-danh là hình-thức quyết-định về tính-cách đếm-được hay không-đếm-được của các hệ từ A.

Các dạng-vị dùng làm danh-từ hoặc loại-danh trong một hệ danh-từ có thể có những tiếng đồng-âm. Tính-cách đếm-được hoặc không-đếm-được của hai dạng-vị A-tính cho phép phân biệt hai dạng-vị này trong một vài trường-hợp. Chẳng hạn như dạng-vị /*nước*/. Nếu là *nước đá, nước lã, nước miếng, nước mắm,* thì là từ A không-đếm-được. Nhưng nếu là *nước dân-chủ,* hoặc *nước cờ,* hoặc *nước sơn,* thì là những từ A đếm-được. Do đó, ta có thể nói rằng có ít nhất là hai tiếng /*nước*/ khác nhau trong ngữ-pháp : một tiếng /*nước*/ là dạng-vị loại-danh của những từ A không-đếm-được, và một tiếng /*nước*/ là dạng-vị loại-danh của những từ A đếm-được. Sự phân-biệt này hoàn-toàn căn cứ vào ngữ-pháp hình-thức và bỏ những vấn-đề như từ-nguyên và ý-nghĩa ở ngoài.

3.2.2. Từ M và các từ tiền-A khác diễn tả phạm-trù lượng-số của từ A.

Số-từ (từ M) là những từ đứng liền ngay trước danh-từ được định về lượng-số : Thí-dụ :

một người
năm người
vài người
mấy người

Lượng-từ (từ L) là những từ cũng đứng trước danh-

từ được định lượng-số, nhưng cho phép chêm một số-từ ở giữa trong một vài trường-hợp. Thí-dụ :

những (năm) tháng
mỗi (ba) tháng

Lượng-số-từ (từ LM) là những từ đứng ngay trước danh-từ được định lượng-số (cũng như số-từ) nhưng không chấp nhận có một lượng-từ đứng trước, và cũng không chấp nhận có một số-từ đứng sau. Thí-dụ :

các vật
mọi vật

Đứng trước cả ba loại từ này là một loại từ nữa, cũng có nội-dung về lượng-số, và được gọi là **ước-từ (từ K)**, chẳng hạn như *nhiều, bao nhiêu, cả, tất cả* . . . .

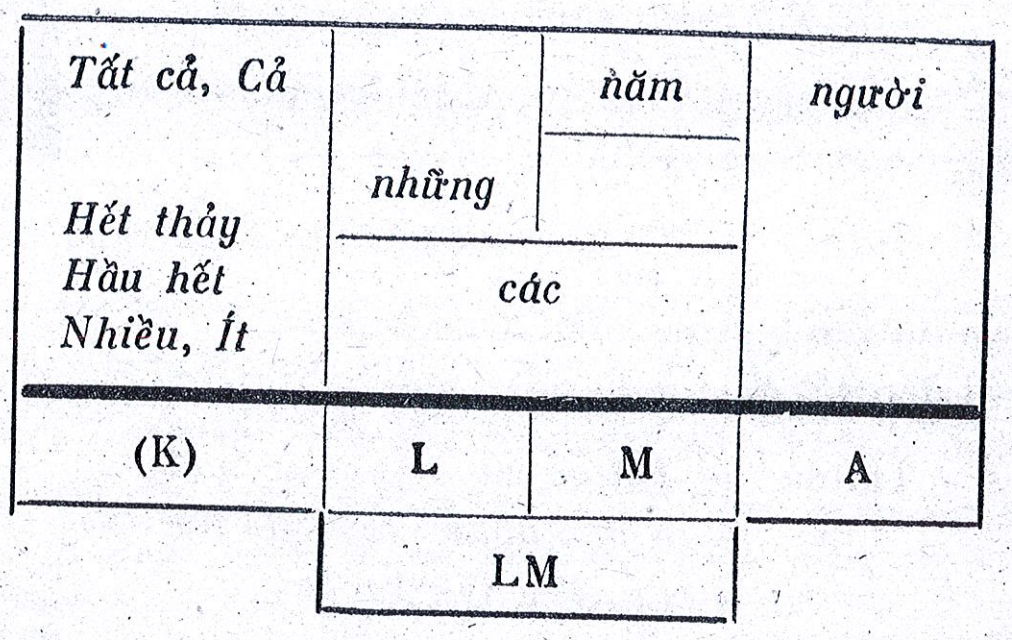

Từ M, từ L, và từ LM là những từ thích hợp với các từ A đếm-được và chỉ với các từ A đếm-được mà thôi. Các từ này không bao giờ đi với một từ A không

đếm được. Nói ^{S}*các mây*, ^{S}*mỗi đá*, ^{S}*vài đất*, ^{S}*ba tình yêu* là một điều không được chấp nhận bởi ngữ-pháp việt-nam. Người ta chỉ nói:

các đám mây
mỗi tảng đá
vài miếng đất
ba mối tình

với những từ A có loại-danh đếm-được.

Từ K thích hợp với cả từ A đếm-được lẫn từ A không-đếm-được. Nhưng nếu là một từ A không-đếm-được thì từ K phải đứng ngay trước từ A, không có một từ L, M, LM nào đứng xen vào giữa:

— *Tất cả mây trên trời...*
— *Tôi thích nhiều nước, nhiều nước mới ngon*

Còn nếu là một từ A đếm-được, thì từ K có thể đứng ngay trước từ A:

Thí-dụ: — *Nhiều người không hiểu chuyện*

hoặc là đứng trước một trong những từ L, M, LM rồi mới đến từ A.

Thí-dụ: — *Tất cả các người có mặt...*
— *Nhiều những món đồ đắt tiền...*
— *Cả năm thứ thuốc...*

Những nhận-xét trên cho phép kết luận rằng có một phạm-trù lượng-số liên kết với từ A, và được biểu hiện bởi các dạng-vị tiền-A. Chính từ A thì không có

hình-thức dạng-vị minh-hiển nào để chỉ lượng-số, nhưng những tương-quan phân-phối giữa các từ A và các dạng-vị lượng-số tiền-A cho phép nhận định hai nhóm từ A là:

1— những từ A đếm-được:

— cho phép có từ M;

— cho phép có từ L, LM;

— cho phép có từ K đơn-độc hoặc kết liên với một từ L, M hay LM.

2— những từ A không-đếm-được:

— không cho phép có từ M, L và LM;

— chỉ cho phép có từ K đơn-độc đứng trước.

3.2.3. Phạm-trù lượng-số được quan niệm thế nào trong việt-ngữ, là một điều không được rõ rệt lắm.

3.2.3.1. Đối với những ngôn-ngữ uyển-biến như các ngữ thuộc khối ấn-âu, phạm-trù lượng-số thuộc danh-từ được biểu hiện bởi những hình-thức minh-hiển trong cấu-tạo của danh-từ, nên quan-niệm về phạm-trù này có thể được làm cho sáng tỏ bởi sự phân-tích hình-thức. Thí-dụ như trong thái-cổ-hilạp-ngữ, có sự phân-biệt giữa ba hình-thức của danh-từ *lúkos* 'con chó sói':

ho lúkos : con chó sói
tô lúkô : hai con chó sói
hoi lúkoi : các con chó sói

và nhờ vậy, ta biết rằng thái-cổ-hilạp-ngữ có ba số là số đơn, số đôi, và số nhiều (1). Đến thời văn-hào Homer, thì số đôi tàn tạ đi và mất hẳn sau đó.

Nhìn vào các ngôn-ngữ lớn của Âu-châu ngày nay, ta lại thấy có những dấu-tích của một hệ-thống lượng-số gồm có số đơn, số nhiều và số cộng-hợp (2) :

Pháp	Đức	Anh	Ý	Đan-mạch
1 — Số đơn				
aieul ciel oeil	*Mark*	*penny*	*muro*	*stav*
2 — Số nhiều				
aieuls ciels oeils	*Marke*	*pennies*	*muri*	*stave*
3 — Số cộng-hợp				
aieux cieux yeux	*Mark*	*pence*	*mura*	*staver*

Hệ-thống đầy-đủ cả ba lượng-số bây giờ chỉ còn tồn tại với một số danh-từ không tăng thêm nữa. Một hệ-thống giản-dị hơn, với hai lượng-số là số đơn và số nhiều, đã thay thế hệ-thống trên, như pháp *cheval* (đơn), *chevaux* (nhiều), *boeuf* [bœf] (đơn), *boeufs* [bø] (nhiều). Trong nhiều trường hợp,

(1) Eskimo-ngữ và cổ-hebreu-ngữ cũng có ba số, đơn, đôi và nhiều, như thái-cổ-hilạp-ngữ.

Fidji-ngữ còn phân biệt thêm một số bộ-ba nữa.

(2) Kru-ngữ (ở nước Liberia, Phi-châu) cũng có một số đơn và hai số nhiều : một số nhiều dành chung cho bất cứ tập-hợp nào có hơn hai vật-thể ; và một số nhiều nữa để cho một loại tập-hợp có tính-cách đặc-biệt của những vật-thể ấy. Hệ-thống này không khác hệ-thống ba lượng-số của các âu-ngữ là bao.

sự phân-biệt này cũng không còn có trong ngữ nói và chỉ dựa vào sự uyển-biến của dạng-vị tiền-danh-từ (1):

(la) *femme*	(les) *femmes*
(un) *mouton*	(des) *moutons*
(ce) *garçon*	(ces) *garçons*

3.2.3.2. Trong việt-ngữ, không có sự uyển-biến của từ A, nên sự khảo-sát về nội-dung của phạm-trù lượng-số không căn cứ được vào từ A, mà phải căn cứ vào những hình-thức ngữ-lí khác.

Bốn trường-hợp được phân biệt:

1. Trong câu, không có một hiệu-kí lượng-số nào cả. Liên hệ với từ A trong thành-phần danh, không có từ K,L,M hay LM nào trước từ A. Và cũng không có một dấu-hiệu về lượng-số nào trong thành-phần diễn-thuật.

Thí-dụ: *a— Tổng-thống đi kinh lí miền duyên-hải*

$$P(A)_1 \longleftrightarrow P(B) - P(A)_2$$

b— Ông quận đã gửi bức thư đi rồi

$$P(A)_1 \longleftrightarrow P(B) - P(A)_2 - P(B).$$

Đây là trường-hợp thông-thường nhất. Các danh-từ trong những thí-dụ trên (*Tổng-thống, Ông quận, miền duyên-hải, bức thư*) là những danh-từ đã được chỉ định bởi hoàn-cảnh hay đồng-văn. Mỗi danh-từ chỉ một vật-thể thuộc loại đếm-được, và đã được chỉ định một cách không thể lầm lẫn.

---

(1) Dạng-vị /-s/ chỉ số nhiều của danh-từ trong pháp-ngữ là một dấu-hiệu chỉ có trong ngữ viết và không có trong ngữ nói.

Danh-từ được-chỉ-định theo số đơn trong những thí-dụ trên. Danh-từ được-chỉ-định cũng có thể theo số nhiều. Phần nhiều, không có một hình-thức bắt-buộc nào cho phép ta nhận định, khi nào thì là số nhiều và khi nào thì là số đơn. Trong thí-dụ *c*, *thủy-thủ* có thể ở bất cứ số nào :

Thí-dụ : *c*— *Thủy-thủ hãy nghe ta nói*
A — P (B)

Danh-từ đích-vụ lại có thể là một danh-từ cộng-hợp trong nội-dung. Cái-được-chỉ, trong trường-hợp này, cũng vẫn là một vật-thể hay quan-thể đếm được, và vì thế, từ A này cũng có tính-cách chỉ-định như trong các trường-hợp trên :

Thí-dụ : *d*— *Quần-chúng vẫn yên lặng*
đ— *Nhân-dân sẽ không chấp nhận*
P (A) ⟷ P (B)

Cũng có khi từ A thuộc về loại không-đếm-được. Khi ấy, lượng-số có thể coi là vô-định.

Thí-dụ : *e*— *Anh lại còn chở củi về rừng*
A A
g— *Nước chảy siết quá, không bơi được*
A
h— *Gió thổi từng luồng, càng ngày càng mạnh*
A A

Trong tất cả các trường-hợp trên, không có một

hiệu-kí lượng-số nào trong thành-phần danh hay trong thành-phần diễn-thuật cả, và mô-hình của câu có thể coi là hoàn-toàn không chỉ dẫn gì về phạm-trù lượng-số hết thảy. Những sự giảng-giải ở trên về các số (đơn, nhiều), (cộng-hợp, vô-định) của từ A chỉ căn cứ vào ý-nghĩa phỏng-đoán của từ A trong mỗi trường-hợp và không được chứng minh về hình-thức.

2. Có hiệu-kí lượng-số trong thành-phần danh ; không có hiệu-kí lượng-số tương-ứng trong thành-phần diễn-thuật :

$$\Delta \rightarrow\rightarrow \quad \underset{+}{P(A)} \quad - \quad \underset{-}{P(B)} \quad - \quad \underset{+}{P(A)}$$

Thí-dụ :

— *Hai bên bằng lòng những điều sau đây*
(M — A) — P(B) — (L — A)

— *Mỗi người mang theo ít tiền*
(L — A) — P(B) — (K — A)

— *Bao nhiêu người đi ?*
(K — A) — B

— *Anh dùng nhiều rượu quá*
A — B — (L — A) — C_B

Trong những trường-hợp này, cũng không có một kết luận gì về phạm-trù lượng-số được cả, ngoại-trừ sự phân-biệt hai nhóm từ A, đếm-được và không-đếm-được.

Các từ chỉ lượng-số của từ A đều có ý-nghĩa, tức là có những nội-dung tuyệt-đối như được định bởi tự-

điển. Nhưng về phương-diện ngữ-pháp, vẫn không (hay chưa) thấy sự khác-biệt trong hình-thức của từ A, từ B, hay của mô-hình câu khi ta đổi *nhiều* thành *ít*, *hai* (hay *những*) thành *một*, *mỗi* thành *các* (hay *những*), *bao nhiêu* thành *một* (hay *chín*).

3. Không có hiệu-kí lượng-số trong thành-phần danh; có hiệu-kí trong thành-phần diễn-thuật

$$\Delta \rightarrow\rightarrow P(A) \leftarrow\leftarrow P(B) - P(A)$$
$$+$$

Thí-dụ :

— *Nhân-dân đều nức lòng với cuộc kháng chiến*
P(A) — (+) — B

— *Nhân-viên hỏa-xa tổng đình công ba ngày*

— *Sinh-viên Sài-gòn tổng bãi khóa vô-hạn-định*
P(A) — (+) — B — C_B

Phạm-trù lượng-số bắt đầu có một hình-thức; hình-thức này là số nhiều, hay **số cộng-tập (collectif)**.

Trong các thí-dụ trên, */đều/*, */tổng/*, ở vị-trí tiền-B, là những hiệu-kí chỉ rằng danh-từ đích-vụ ở số nhiều (*nhân-viên*, *sinh-viên*), nếu không thì là một danh-từ cộng-tập (*nhân-dân*). Từ B có thể có một định-từ *không*, *chẳng*, *chưa* đi cùng, ở trước (định-chế phủ-định) hoặc ở sau (vấn-thể); điều này không làm thay đổi tính-cách cộng-tập hoặc số nhiều của từ A đích-vụ :

— *Nhân-dân đều không muốn có chiến-tranh*

— *Sinh-viên không tổng bãi khóa*

Các thành-phần P(B) có một trong những từ *đều, tổng* (và *đồng)* không cho phép dùng một từ A số đơn ở đích-vụ.

Vấn-đề hơi phức tạp hơn với những hiệu-kí lượng-số hậu-B như *hết, hết thảy, hết cả, sất cả (tất cả).* Danh-từ đích-vụ có thể ở số nhiều hay ở số cộng-tập :

a— Con ông ta ở ngoại-quốc cả (không đứa nào ở nhà)
(+)

b— Gia-đình hắn đi hết (không còn một ai)
(+)

nhưng cũng có thể ở số đơn :

c— Vợ ông ta biết hết (không chừa một điều gì)
(+)

d— Ông Năm không biết gì sất cả
(+)

Về phương-diện hình-thức, tất cả mấy câu trên (*a, b, c, d*) đều theo chung một mô-hình trong thành-phần diễn-thuật, nên không có cách nào để phân biệt các lượng-số của danh-từ đích-vụ qua hình-thức của thành-phần diễn-thuật. Tuy-nhiên, về phương-diện nội-dung, cũng có thể nói rằng có sự khác nhau, vì trong *a, b,* hiệu-kí lượng-số nhằm vào từ A đích-vụ, còn trong *c, d,* hiệu-kí lượng-số nhằm vào một từ A bổ-vụ minh-hiển hay tàng-ẩn. Ngữ-pháp biến-cải có thể giảng giải sự-kiện này bằng cách lập lại cái cơ-cấu chìm của mỗi câu trên. Như :

a— Con ông ta ở ngoại-quốc (tất) cả

thì là một hình-thức nổi, biến-cải của :

$$a \begin{cases} 1 — \textit{Ông ta có tất cả là (n) con} \\ 2 — \textit{Tất cả (n) con đều ở ngoại quốc} \end{cases}$$

Câu a_1 đã được biến cải thành thể thụ (*con của ông ta*), và được cài vào câu a_2 rồi từ /*của*/ được xóa bỏ đi, thành P(A) *con ông ta*. Từ K (*tất cả*) lại được chuyển xuống vị-trí hậu-B như một từ C_B, để thành :

hoặc là : *Con ông ta đều ở cả ngoại quốc*
hoặc là : *Con ông ta đều ở ngoại quốc cả*
P(A) $— C_B —$ B —

Còn thí-dụ sau :

c — Vợ ông ta biết hết

thì là hình-thức nổi, kết-quả của sự biến-cải áp dụng vào cái cơ-cấu chìm, là :

$$c \begin{cases} 1 — \textit{Chuyện ấy có nhiều điều} \\ 2 — \textit{Vợ ông ta biết hết tất cả các điều (của chuyện ấy)} \end{cases}$$

Từ C_B *hết* của câu *c* thực ra là từ K *hết* (*tất cả*) của thành-phần danh $P(A)_b$ trong *c2*. Sự xóa-bỏ thành-phần $P(A)_b$ này có thể được thực hiện làm nhiều giai-đoạn : 1 — *của chuyện ấy* được xóa bỏ trước, rồi đến 2 — *các điều*, rồi đến 3 — *tất cả*. Sở dĩ xóa bỏ được như vậy, vì /*hết*/ gọi và báo trước /*tất cả*/ ; *hết tất cả* lại gọi và báo trước một từ A, và hoàn-cảnh cho phép nói được từ A này là gì (*các điều của chuyện ấy*).

4. Thành-phần-danh P(A) và thành-phần diễn-thuật P(B) đều có hiệu-kí lượng-số. Các hiệu-kí lượng-số của hai thành-phần điều hợp với nhau. Trường-hợp này chỉ được thấy khi từ A thuộc loại đếm-được và ở số nhiều.

Hiệu-kí lượng-số ở thành-phần P(A), là từ L,M,LM, hoặc/và từ K.

Các từ này đều có vị-trí tiền-A và đều phụ thuộc vào từ A đứng sau. Khi từ A số nhiều thuộc loại đếm-được, thì đứng trước có thể có bất cứ một từ nào thuộc bốn loại trên (trừ từ M/*một*/ và /*không*/). Nhưng khi từ A thuộc loại không-đếm-được, thì chỉ có thể có từ K đứng trước mà thôi.

$$\underbrace{K - \begin{cases} \frac{L - M}{LM} \\ \varnothing - \varnothing \end{cases}}_{\text{TIỀN-A}} - A \quad \begin{matrix} \text{(A đếm-được)} \\ \text{(A không-đếm-được)} \end{matrix}$$

Hiệu-kí lượng-số ở thành-phần P(B) là một trong ba tiếng tiền-B /*đều*/, /*tổng*/, /*đồng*/. Hiệu-kí này điều hợp với hiệu-kí tiền-A trong thành-phần P(A) đích-vụ khi từ A thuộc loại đếm-được.

Ngoài ra còn có một hiệu-kí lượng-số của thành-phần P(B) nữa là /*nhau*/. Hiệu-kí này ở vị-trí hậu-B và cũng điều hợp với lượng-số của từ A đích-vụ.

Những hiệu-kí hậu-B khác như /*cả*/, /*tất cả*/ (*sất cả*),/*hết cả*/... không có giá-trị điều hợp và không phải là dấu-hiệu của lượng-số chiếu vào từ A đích-vụ.

Sơ-đồ (Bảng 29) tóm tắt những nhận-xét trên :

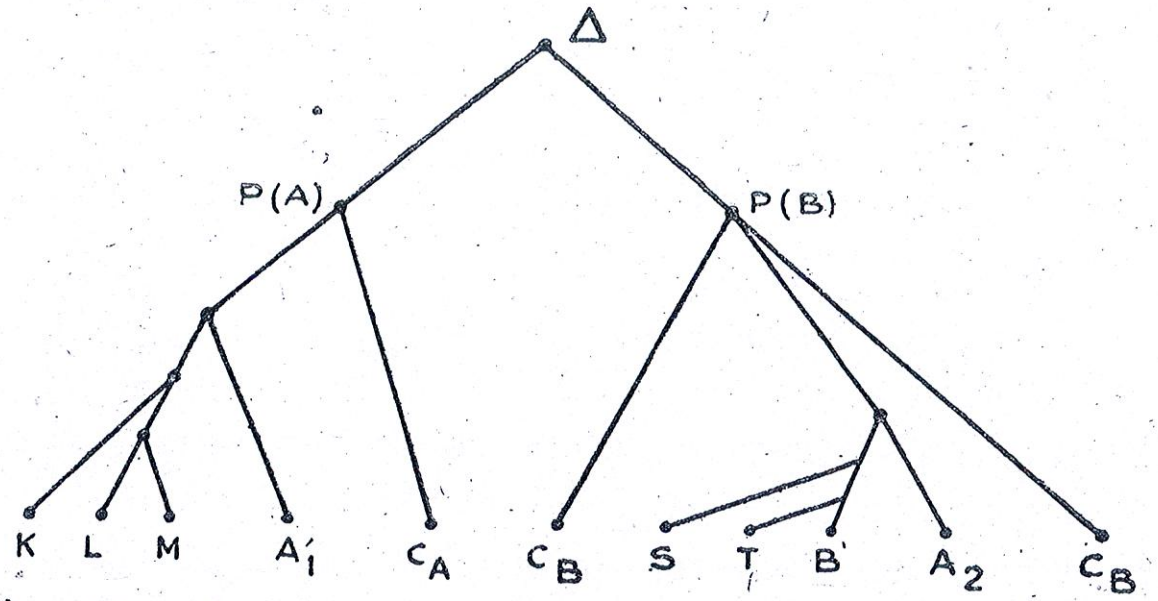

nhiều những hai	*đều* *nhau*
vài	*đồng*
mấy	*tổng*
mọi	
các	
HIỆU-KÍ THUỘC P (A)	**HIỆU-KÍ ĐIỀU-HỢP TRONG P(B)**

Bảng 29.— *Sơ-đồ các hiệu-kí chỉ phạm-trù lượng-số của từ A đích-vụ theo sự phân-phối cú-pháp.*

Sự điều-hợp giữa lượng-số của từ A đích-vụ như được chỉ bởi các từ tiền-A, và hiệu-kí lượng-số trong thành-phần P(B), cho phép nhận định những số sau đây trong phạm-trù lượng-số thuộc từ A của việt-ngữ :

$$\text{Số nhiều (Plural)} \begin{cases} \text{Số hơn-đôi (Plural)} \\ \text{Số đôi (Dual)} \end{cases} \Big\} + \text{Số cộng-tập tạp (Collectif)}$$

$$\text{Số không-nhiều (Implural)} \begin{cases} \text{Số đơn hay một (Singular)} \\ \text{Số không (?)} \end{cases} + \text{Số cộng-tập thuần (Collectif)}$$

Số nhiều là số được biểu hiện trong thành-phần P(A) bởi sự nhắc lại từ A (*người người*), hoặc bởi những hiệu-kí tiền-A là :

từ M : *hai, ba, bốn.....*
vài, mấy
bao nhiêu, bây nhiêu, bấy nhiêu
từ L : *những, mỗi*
từ LM: *các, mọi*
từ K : *nhiều, hằng-hà-sa-số*

và trong thành-phần P(B) bởi :

từ C_B : *đều, tổng, đồng* ở vị-trí tiền-B

Thí-dụ : — *Các công-chức đều được tăng lương*
— *Tất cả những người có mặt đều sẽ được tuyển dụng*
— *Người người đều mỏi mệt*
— *Mỗi người đều có quà đem về*
— *Mọi người đồng ý rằng.....*

Trong số nhiều lại có thể lập ra một **số đôi** với

hai hình-thức. Hình-thức số đôi tuyệt-đối có hiệu-kí là :

từ M */hai/*

và từ $ĐA_1$ bổ-vụ */nhau/* (1)

Thí-dụ : — *Hai bên đánh nhau mấy năm liền*

— *Hai nước kí kết với nhau*

Trong một vài trường-hợp, không có từ M */hai/*, nhưng có một cặp danh-từ tập-hợp :

Thí-dụ : —*Loan và Dũng yêu nhau*

V. Ch. : —*Mẹ chồng, nàng dâu,*
chúa nhà, người ở,
khen nhau bao giờ (Tng)

Mặc dầu không còn là số đôi (mà là hai danh-từ tập-hợp), nhưng từ ĐA/*nhau*/ trong thành-phần P(B) cho phép nhận định sự tương-đương giữa hai cách nói.

Hình-thức tương-đối của số đôi cũng được chỉ bởi từ $ĐA_1$/*nhau*/ ở vị-trí hậu-B, nhưng đồng-thời cho phép dùng tất cả các hiệu-kí của số nhiều ở thành-phần P (A) hay P(B), trừ */hai/*, */mỗi/*, và */tổng/*.

Thí-dụ : — *Các con phải thương yêu nhau*

— *Nhiều người còn chưa đồng ý với nhau về chiến-lược.*

---

(1) */Nhau/* không những là biểu-hiện của số đôi, mà còn là biểu-hiện của thể tương-tác đối với từ B đứng trước. Xem *Cơ-cấu Việt-ngữ*, quyển III (Từ B) và quyển IV (từ ĐA).

Về từ-nguyên của tiếng *nhau*, xem *Nguồn-gốc Việt-ngữ*.

— *Mọi người trong xã-hội đều bị ràng buộc với nhau*

Vì số đôi, trong trường-hợp sau, chỉ có tính-cách tương-đối, nên một đôi khi còn có thêm dạng-vị đoạn-từ */lẫn/* đi cùng với từ $ĐA_1$ */nhau/* :

— *Các con phải thương yêu lẫn nhau*

Số cộng-tập không có biểu-hiện trong thành-phần P (A). Từ A thuộc nhóm có số cộng-hợp không khác gì một từ A chỉ đơn-vị cá-vật cả. Nhưng khi một từ A cộng-hợp được dùng làm đích-vụ của câu, thì trong thành-phần P(B) có thể có một trong những hiệu-kí tiền-B của số nhiều.

Thí-dụ: — *Toàn dân đều phẫn nộ trước hành-động khiêu-khích của đế-quốc.*

— *Dân-tộc Việt-nam đồng tâm tranh đấu cho nền độc-lập của tổ-quốc.*

— *Liên-đoàn sẽ tổng đình công nếu các yêu-sách không được thỏa mãn.*

Tất cả các hiệu-kí của số nhiều (hay số cộng-tập) như được kể ở trên đều không có tính-cách bắt-buộc : sự hiện-hữu của những hiệu-kí này có một giá-trị tuyệt-đối, nhưng sự khiếm-khuyết của chúng không có một ý-nghĩa nhất-định nào cả. Khi không có hiệu-kí hình-thức của số nhiều, thì hoàn-cảnh, đồng-văn, và ý-nghĩa theo tự-vựng là những yếu-tố quyết-định.

Bảng 30 tóm tắt các dạng-vị của số nhiều (trong hai cách : số đôi và số hơn-đôi), và số cộng-tập.

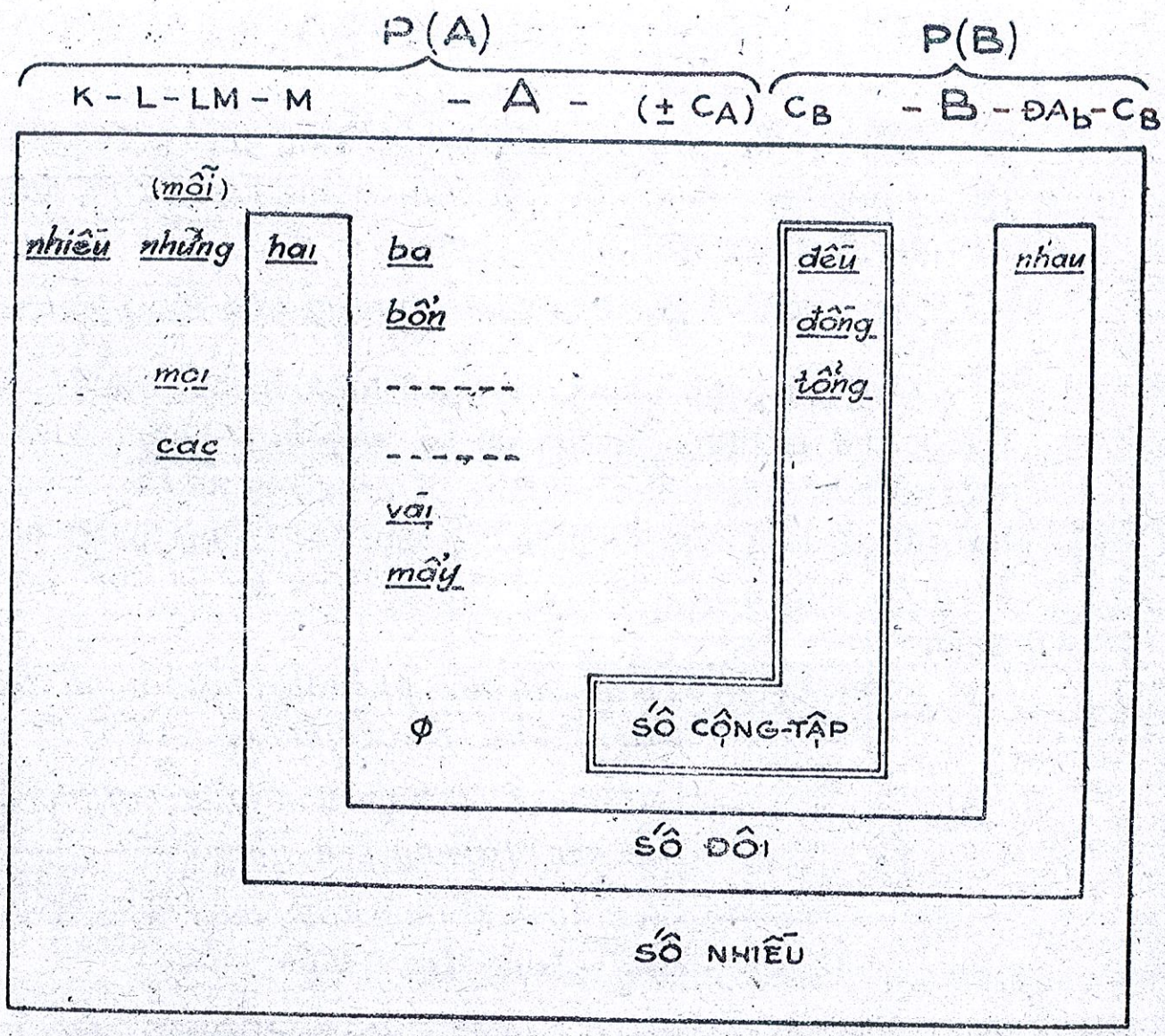

Bảng 30.— *Số nhiều, số đôi và số cộng-tập theo cú-pháp.*

Số không-nhiều là số được biểu hiện trong thành-phần P(A) bởi

Từ M : *không (một)*
một

và không có hình-thức biểu-hiện nào trong thành-phần P(B) cả.

Trong số không-nhiều, ta lại có thể biệt lập ra hai số, tạm gọi là số đơn (một) và số không.

Số đơn (hay **số một**) được định bởi từ M *một* khi từ A không được chỉ định, và sự vắng từ tiền-A khi từ A được chỉ-định.

Số không được định bởi hai hiệu-kí trong thành-phần danh là

từ M : *không* (hoặc *chẳng*)

và từ C_A : *nào / gì*

Thí-dụ : — *Không một sức mạnh nào có thể làm lay chuyển được ý-định ấy.*

— *Không người nào dại gì lại nhận*

— *Không một cái gì mà ông ta không có cả.*

Trong thành-phần diễn-thuật, lại có thể có một trong những từ C_B *cả, hết cả, sất cả, hết thảy,* ở vị-trí cuối câu, theo những mô-hình giống như khi danh-từ đích-vụ thuộc số nhiều. So sánh :

Các anh (đã) hiểu cả	*Không anh nào hiểu cả*
Mọi người đi cả	*Không người nào đi cả*

Hai sự nhận-xét trên phân biệt số không với số đơn (một). Số đơn (một) không bắt-buộc phải dùng từ C_A *nào, gì* trong thành-phần P(A) ; và số đơn cũng không dùng những mô-hình câu như trên :

— *Một người có thể làm lay chuyển được ý-định ấy.*

3.2.3.3. *Ý-nghĩa của sự điều-hợp về số nhiều và số cộng-tập trong việt-ngữ.*

Trong một số ngôn-ngữ uyển-biến, có thể có sự điều-hợp giữa danh-từ và các từ phụ-thuộc tiền và hậu-danh-từ ; lại có thể có cả sự điều-hợp giữa danh-từ và diễn-thuật-từ có chia đi sau.

Chẳng hạn như trong pháp-ngữ :

— *Tous les trois enfants malades ont été...*

Adj — Art — Num — Nom — Adj — V

Tiền-danh-từ | Hậu-danh-từ

\+ + + + + +

Tất cả các từ trong thành-phần danh cũng như các từ chính trong thành-phần diễn-thuật đều có dấu của số nhiều, nếu danh-từ ở số nhiều. Sự điều-hợp với danh-từ đích-vụ là một hình-thức thêm-thừa (redondance) trong ngôn-ngữ uyển-biến này.

Việt-ngữ không có sự điều-hợp theo hình-thức đó.

Cái mà tôi gọi là sự điều-hợp trong việt-ngữ là một sự tương-ứng có một hình-thức và một nội-dung khác. Đây không phải là một sự thêm-thừa, mà là một điều không-bắt-buộc nhưng có ý-nghĩa.

Sự điều-hợp này không bắt buộc. Người ta có thể chọn giữa hai xây-dựng cùng có ngữ-pháp-tính và cùng được chấp nhận, chẳng hạn :

— *Tất cả các công-chức đều phải theo lớp huấn-luyện*

hoặc — *Tất cả các công-chức phải theo lớp...*

Có từ C_B */đều/* cũng được, mà không có từ C_B */đều/* cũng được, câu vẫn được nhận là có ngữ-pháp-tính.

Tuy-nhiên, sự khả-dĩ chọn-lựa này không thể có khi từ A đích-vụ ở số đơn. Khi ấy chỉ có một cách nói, là không có từ C_B */đều/* ở vị-trí tiền-B (1) :

— *Một người công-chức phải theo...*
(số đơn)

— *Không một công-chức nào phải theo*
(số không)

Vì lí-do ấy, */đều/* ở vị-trí tiền-B, đã được coi là một hiệu-kí điều-hợp của số nhiều.

Tuy-nhiên, */đều/* không phải chỉ là một hiệu-kí thuộc thành-phần P(B) để điều hợp với số nhiều của từ A đích-vụ. Từ C_B */đều/* còn có ý-nghĩa trong thành-phần P(B) nữa.

Từ A thuộc số nhiều chỉ một số vật-thể bằng hay trên hai, và nhận rằng đây là nhiều cá-vật có tính-cách riêng-biệt.

Từ C_B */đều/* (và */đồng/ /tổng/*) được đặt trước từ B để biến cái nhiều và tạp của từ A số nhiều cho thành một khối đơn-thuần trước cái sử-trình diễn thuật bởi từ B.

Như vậy, ta có thể nói rằng nội-dung của sự điều-

(1) Trừ khi từ A là một danh-từ cộng-tập (*dân-chúng, toàn-dân...*). Điều này đã được nói tới ở trên và không được nhắc lại ở đây để tránh sự rườm-rà.

hợp bởi từ C_8 /*đều*/ là làm liền trong hành-động cái không-liền trong thể-chất. Thể-chất là cái-được-chỉ bởi từ A, hành-động là cái-được-chỉ bởi từ B. Hai từ được điều hợp theo cái ý-nghĩa đó.

Bởi vậy nên /*đều*/ không phải là một hiệu-kí bắt-buộc của phạm-trù số nhiều ; chỉ khi nào có sự đồng-nhất trong sử-trình được chỉ bởi từ B và được làm bởi từ A số nhiều, thì mới dùng hiệu-kí /*đều*/ (hay /*tổng*/ /*đồng*/) mà thôi.

Nếu từ A thuộc nhóm danh-từ cộng-hợp, thì nội-dung đồng-nhất đã có ngay trong từ A. Hiệu-kí /*đều*/, /*tổng*/, /*đồng*/ lại càng không cần thiết ; trong trường-hợp này, /*đều*/, /*tổng*/, /*đồng*/, nếu có, là có với tính-cách thêm-thừa và để nhấn mạnh (1). So sánh :

Dân-chúng muốn rằng	*Dân-chúng đều muốn rằng*
Số đông nói thế	*Số đông đều nói thế*

3.3.— PHẠM-TRÙ GIỚI-PHÁI.

3.3.1. Quan-niệm giới-phái là một quan-niệm được coi là rất phức tạp trong ngữ-lí học. Trong nhiều ngôn-ngữ, giới-phái là một phạm-trù khó hiểu đến mức

---

(1) Trong nhiều ngôn-ngữ khác, cũng có những sự thay-đổi tương-tự để biểu hiện sự khác-biệt giữa cái đồng-nhất và cái tạp-biệt. Thí-dụ như trong pháp-ngữ.

La foule l'acclame ≠ Une foule de gamins l'acclament
'Quần-chúng hoan-hô' 'Một đoàn trẻ ranh hoan-hô hắn'
(Số đơn) (Số nhiều)

thành một sự phi-lí. Sở dĩ như vậy, là vì giới-phái đã được hiểu lầm là phái-tính.

Trong tự-nhiên, phái-tính chỉ có với các sinh-vật. Sinh-vật trước hết là người: sự phân-biệt nam-tính và nữ-tính ở mỗi người trong xã-hội là một vấn-đề trọng-đại. Ở nhiều xã-hội tự-nhiên, trong buổi sơ-khai, sự phân-biệt ấy không những căn cứ vào cách phục-sức mà còn vào cách sống: các người nam-phái ở những khu riêng, biệt lập với các người nữ, và hai bên không được chung đụng nhau trong công-việc, như được chỉ trong hai danh-từ *đàn-ông*, *đàn-bà*: /*đàn*/ là những khối người hay vật ăn ở chung với nhau. Đó là cái nghĩa nguyên-thủy của loại-danh /*đàn*/ trong hai danh-từ này.

Đối với các động-vật, vấn-đề phái-tính tự-nhiên cũng rất quan trọng với những động-vật nuôi trong nhà. Những động-vật ấy khởi-thủy là những con vật nuôi để ăn thịt. Sự liên-hệ chủng-loại giữa con đực và con cái nhiều khi không được nhận ra bởi những người sơ-khai, nên trong một vài ngôn-ngữ, danh-từ chỉ con đực và danh-từ chỉ con cái khác hẳn nhau, như pháp-ngữ *coq* 'gà trống' /*poule* 'gà mái'; *boeuf* 'bò đực' /*vache* 'bò cái', hoặc anh-ngữ *ox* 'bò đực' /*cow* 'bò cái'.

Sự hiểu-biết về phái-tính của các thực-vật là một điều mới-mẻ mà khoa-học tự-nhiên đã xây dựng trong một thời gần đây, nên không ảnh hưởng gì đến ngôn-ngữ dân-gian cả.

Sau cùng là các vật-thể không có sự sống, dầu có

trong thiên-nhiên hay được cấu tạo bởi văn-hóa. Các vật-thể này đều không có phái-tính tự-nhiên.

3.3.2. Ngữ-pháp âu-tây đặt ra phạm-trù « *genre* » (« *giới-phái* ») vì một sự tương-đồng khá rõ-rệt giữa phái-tính tự-nhiên và giới-phái ngữ-pháp đối với một số sinh-vật. Đã đành rằng « *genre* » (giới-phái) không phải là « *sexe* », (phái-tính); nhưng sự hiểu lầm không thể nào tránh hẳn được, với sự phân-biệt ba « giới-phái » hay « giống » với những tên tương-tự như các tên đặt cho phái-tính của người :

genre masculin : giống đực (*dương*)
genre féminin : giống cái (*âm*)
genre neutre : giống O (*trung-hòa*)

Ngay gần đây, Damourette và Pichon (1) còn cho rằng giới-phái ngữ-pháp phát biểu một ý-niệm siêu-dụ về phái-tính.

Vì sự lầm-lẫn ấy, nên đã không thể nào giải nghĩa được giới-phái của những vật vô-phái trong tự-nhiên như :
Pháp : m — *le soleil, le sol, le pommier, l'encrier*
f — *la lune, la terre, la pomme, la cafetière*
(đực) : mặt trời, đất (thổ), cây táo, cái đựng mực
(cái) : mặt trăng, đất (địa), quả táo, cái đựng cà-phê

Các nhà ngữ-lí-học đương-thời, tìm một nội-dung cho giới-phái ngữ-pháp của những vật vô-phái, đã phải dựng lên những ý-niệm rất trừu-tượng :

(1) Damourette et Pichon — *Des mots à la pensée.*

	Giới-phái dương (+)	Giới-phái âm (–)
Theo *Hjelmslev*	Sự thâu-vào	Sự phát-triển
Theo *Hasselrot*		Giá-trị gia-tăng : một vật lớn hơn, một quan-niệm rộng hơn.
Theo *Brondal*	Sự kết-tinh của những liên-hệ âm Ý-niệm vật	Sự kết-tinh của những hình-thức dương Ý-niệm liên-hệ
Theo *Togeby*	Thụ	Hoạt

Nhưng phần lớn những ý-kiến này chỉ có thể áp-dụng cho một khu-vực của ngôn-ngữ và có lẽ cho riêng pháp-ngữ mà thôi. Vấn-đề giới-phái ngữ-pháp vẫn chưa được giải quyết toàn-diện trong ý-nghĩa-học.

3.3.3. Theo thiển-ý, vấn-đề giới-phái là một giả-vấn-đề : giới-phái chỉ là một hình-thức suy-tàn của hệ-loại và vì thế, không liên hệ gì đến phái-tính, và cũng không có tính-cách lí-trí.

Giới-phái là hình-thức suy-tàn của hệ-loại và vẫn còn giữ những tính-cách của hệ-loại. Trong các ngữ ấn-âu xưa, phạm-trù hệ-loại có biểu-hiện hình-thức trong cấu-tạo của danh-từ và trong những dấu-hiệu điều-hợp tương-ứng. Ở một từng-lớp nào đó của các sự phân-

biệt trong phạm-trù này, ấn-âu-ngữ nhận những đối-nghịch :

$$\left\{\begin{array}{l}\text{trung-hòa}\\ \text{không-trung-hòa}\end{array}\right.\quad\left\{\begin{array}{l}\text{dương}\\ \text{âm}\end{array}\right.$$

Sự phát-triển riêng-rẽ của các ngữ con đã tạo ra những cơ-cấu khác nhau của phạm-trù hệ-loại. Có những ngữ vẫn còn giữ sự phân-biệt linh-động / không-linh-động, và (hoặc) sự phân-biệt người / vật, nhưng không còn sự phân-biệt trung-hòa/âm-dương nữa. Lại có những ngữ bỏ dần các từng-lớp đầu của phạm-trù hệ-loại, để chỉ còn giữ lại có sự phân-biệt mà ngày nay ta gọi là giới-phái mà thôi. Một vài ngữ còn đi xa hơn nữa, và giản lược giới-phái đến mức chỉ còn có đối-nghịch âm / dương (trường-hợp của pháp-ngữ), hoặc là chỉ còn có một giới-phái độc nhất trong cơ-cấu của danh-từ (trường-hợp của anh-ngữ). Dầu là còn nguyên vẹn hay đã được giản ước đến tối-đa, giới-phái cũng vẫn chỉ là hệ-loại, trong nguyên-ủy cũng như trong tính-chất đương-thời : giới-phái này đối nghịch lại giới-phái kia in hệt như hệ-loại đối nghịch nhau. Đó là những đối-nghịch ngữ-lí.

Cũng như hệ-loại (mà giới-phái là một phần), giới-phái là một phạm-trù ngữ-lí trực-tiếp liên hệ với danh-từ hay từ A.

Tùy theo ngôn-ngữ, với những qui-ước khác-biệt làm nền-tảng cho cơ-cấu, phạm-trù giới-phái có thể bao trùm tất cả các danh-từ hoặc có thể bị giới hạn trong một lãnh-vực nhỏ, với một số danh-từ mà thôi. Trong cái toàn-khối hay cái phân-khối ở đó phạm-trù giới-

phái được chấp nhận, lại có thể có hai, ba, bốn hay nhiều giới-phái được phân biệt, theo những mẫu-hình khác nhau. Chẳng hạn như :

Ngôn-ngữ	Giới-phái	Hiệu-kí giới-phái
Đức-ngữ	trung-hòa	*das*
	không-trung-hòa : dương	*der*
	không-trung-hòa : âm	*die*
Pháp-ngữ	trung-hòa + dương	*le*
	âm	*la*
Anh-ngữ	trung-hòa + dương + âm	*the*

Giới phái, cũng như hệ-loại, chỉ là một hệ-thống các dấu-hiệu để phân biệt và để giúp một cách thêm-thừa vào sự nhận-định hình-thức của các danh-từ.

Giới-phái không được quan-niệm theo lí-trí. Nếu thực là theo lí-trí, thì không có lí gì mà phạm-trù giới-phái lại được quan-niệm khác nhau bên này và bên kia sông Rhin, hoặc bên này và bên kia biển Manche. Và cũng không có lí gì mà trong cùng một ngôn-ngữ như pháp-ngữ chẳng hạn,

— một con vật như con hươu cao cổ *giraffe* lại luôn-luôn thuộc giống « cái »,

— trong khi một con vật khác như con tê-giác *rhinocéros* lại luôn-luôn thuộc giống « đực ».

— một đồ vật như cái ấm chè *théière* lại khác giống so với cái hộp phấn *poudrier*, v.v...

Giới-phái là một hình-thức để phân biệt.

Đối với nhiều ngôn-ngữ, danh-từ được định tính là một loại từ không chấp nhận sự đổi giới-phái. Trong pháp-ngữ, danh-từ là một từ có giới-phái nhất-định, đến nỗi rằng ngay cả khi danh-từ được dùng phụ cho một danh-từ khác cũng không cải hình-thức, nghĩa là không cải giới-phái.

Thí-dụ : — *la couleur marron de ses yeux*,
— *une dame professeur*
— *une robe safran*...

● Một danh-từ thường chỉ có một giới-phái trong đẳng-thời ; giới-phái khác chỉ một vật khác, dầu hình-thức hệt nhau, như :

un livre , *une livre*
le vase , *la vase*
le moule , *la moule*
le mode , *la mode*
le mousse , *la mousse*

hay là hình-thức liên-hệ với nhau như :

un bassin , *une bassine*
le vaisseau , *la vaisselle*
un grain , *une graine*
le moissonneur, *la moissonneuse*
l'oranger , *l'orange*
le lion , *la lionne*

hoặc hình-thức hoàn-toàn khác nhau như :

le frère	,	*la soeur*
le coq	,	*la poule*
le boeuf	,	*la vache*
le porc	,	*la truie*

Tính-cách nhất-định của giới-phái danh-từ tỏ sự ưu-thế của từ này là từ đầu đàn của thành-phần danh. Giới-phái của danh-từ lại định đoạt một hình-thức uyển-biến cũng được gọi là giới-phái của tiếp-từ (article), của phụ-danh-từ (adjectif) và của cả đại-danh-từ (pronom) nữa.

3.3.4 Trong việt-ngữ, danh-từ cũng là từ ưu-thế trong thành-phần danh. Sự ưu-thế này cũng được tỏ lộ vì những phạm-trù của danh-từ có thể được phản ánh bởi những từ khác. Trong cấu-thức của danh-từ, loại-danh lại là dạng-vị ngoại-triển, ấn định tính-cách và ý-nghĩa của biệt-danh đi theo.

Vì lí-do ấy, có thể nói rằng phạm-trù chính của danh-từ việt-ngữ là hệ-loại, như được phân định bởi những cặp đối nhau *người/ con, con/ cái, cái/ ∅* 'chất'.

• Phạm-trù giới-phái của danh-từ phụ thuộc vào phạm-trù hệ-loại. Giới-phái bị giới-hạn vào khu-vực đầu-tiên là *người* và rất lưỡng-lự ở khu-vực thứ hai là *con*. Khu-vực *cái, chất* và *sự* không có giới-phái.

Giới-phái	+ : −	±	0
Hệ-loại	*người*	*con*	*cái, chất, sự*

3.3.4 1. Khu-vực đầu-tiên là khu-vực có giới-phái. Khu-vực này được định bởi hình-thức nội-cấu và tương-quan ngoại-cơ của danh-từ.

Về phương-diện nội-cấu, đây là những từ A thuộc hệ-loại chỉ bởi loại-danh bẩm-sinh */người/*.

Về phương-diện ngoại-cơ, những từ A này là từ A giao hoán được với từ $ĐA_1$ */ai/*.

— *Ai nói vậy ?*
— *Ông lí (Ông quận, Bà xã) nói vậy.*

— *Anh nói với ai đấy ?*
— *Tôi nói với anh làm vườn (chú đưa thư)*

— *Ông có biết cái ví này là của ai không ?*
— *Tôi biết, cái ví này là của chị bếp (chị vú)*

Chỉ có những danh-từ dùng để trả lời những câu hỏi về */ai/*, và ở trong tập-hợp của những danh-từ thuộc loại-danh */người/* là có thể có những hình-thức đối nhau về giới-phái. Hai giới-phái được nhận : là dương (+) và âm (—)

(+)			(—)
	ông	*bà*	
	bố, cha	*mẹ, má*	
	anh	*chị*	
	chú	*thím*	
	cậu	*cô*	
	dượng	*dì*	
	rể	*dâu*	
	thằng	*con*	

• Những tiếng này có thể dùng làm biệt-danh hay làm loại-danh. Giới-phái của loại-danh, nếu có, cũng bao trùm hệ danh-từ khi chỉ người :

(+)	*Ông xã*	*Bà lí* (—)
	Ông cụ	*Bà cụ*
	Thầy lang	*Cô hồn*
	Cậu ấm	*Cô chiêu*
	Chú khách	*Thím sẩm*
	Thằng ngô	*Con đĩ*

Khu-vực này, ta gọi là khu-vực hay tập-hợp danh-từ $\{\mathcal{N}\}$.

3 3.4.2. Khu-vực thứ hai là khu-vực được định về phương-diện nội-cấu bởi loại-danh bẩm-sinh /*con*/.

Khu-vực thứ ba là khu-vực được định về phương-diện nội-cấu bởi sự thuộc về các loại-danh bẩm-sinh /*cái*/, /*sự*/, O ~ /*chất*/

Trong cả hai khu-vực này, các danh-từ đều giao hoán được với từ Đ /*gì*/ ~ /*chi*/.

— *Anh có thấy gì không ?*

— *Tôi thấy con chuột nó chạy qua*

— *Tôi thấy tờ giấy này trong thùng rác*

— *Ông dùng gì ?*

— *Cho tôi một li xá-xị.*

Sự giao-hoán của /*gì*/ với những từ A có loại-danh /*con*/ còn gượng gạo và giới hạn trong một số hoàn-cảnh

và một nhóm từ B. Thường-thường, thì ta nói là /*con gì*/. Tuy nhiên, sự khác-biệt với những danh-từ của khu-vực $\{\mathcal{N}\}$ rất rõ-rệt về phương-diện cơ-cấu, vì những danh-từ này không thể giao hoán với từ Đ /*ai*/ được. Các danh-từ của khu-vực này có thể bao gồm thành một tập-hợp với biểu-hiệu $\{\mathcal{C}\}$. Danh-từ $\{\mathcal{C}\}$ là những danh-từ có lưỡng-phái hay phái $\pm$. Muốn minh định giới-phái của danh-từ thì phải dùng thêm một tiếng phụ ở ngoài cấu-thức của từ A:

con trai	/	*con gái*
gà sống ~ *trống*	/	*gà mái*
vịt đực	/	*vịt cái*
chó đực	/	*chó cái*
lợn đực	/	*lợn cái*

Trái lại với những danh-từ $\{\mathcal{C}\}$, các danh-từ thuộc các loại-danh /*cái*/, /*sự*/, /*chất*/ là những danh-từ giao hoán thường-xuyên với từ Đ /*gì*/. Một đôi khi, để nhấn mạnh, người ta nói rõ /*chất gì*/ hoặc /*cái gì*/, nhưng bình-thường thì /*gì*/ là hình-thức không nhấn để gọi một danh-từ ở khu-vực này, mà ta gọi gồm là tập-hợp $\{\mathcal{K}\}$.

Những danh-từ thuộc loại này có giới-phái 0:

cái lọ	*cái bàn*
cây lúa	*cây gạo* (bông)
(*chất*) *nước*	(*chất sắt*
sự đẹp	*sự giàu*
tính xấu	*tình thương*

	$\{\mathcal{N}\}$	$\{\mathcal{C}\}$	$\{\mathcal{K}\}$
Giao hoán với	*Ai*	*(Con) gì*	*(Cái) gì*
Loại-tính	*/Người/*	*/Con/*	*/Cái/, /Sự/, /Chất/*
Phái-tính	+ —	±	0

Bảng 31. — *Ba tập-hợp danh-từ trong việt-ngữ theo phạm-trù giới-phái.*

3.3.5. Ba tập-hợp danh-từ theo phạm-trù giới-phái thực ra không khác gì những nhóm danh-từ theo phạm-trù hệ-loại (Bảng 31), Trong việt-ngữ, phạm-trù giới-phái bị chi phối bởi phạm-trù hệ-loại.

Tuy-nhiên, sự trùng-hợp giữa hai phạm-trù không phải là hoàn-toàn. Vì vậy nên có những trường-hợp ngoại-lệ trong mỗi tập-hợp.

3.3.5.1. Trước hết, phải để ra ngoài những trường-hợp mà tôi gọi là giả-ngoại-lệ. Điển-hình nhất trong các giả-ngoại-lệ là *Ông Hổ* (thường viết hoa). Khi nói là *Ông Hổ* thì không bao giờ phân biệt đực-cái, vì trong hình-thức, đây là một danh-từ có loại-danh */Ông/* và đương-nhiên thuộc phái dương, như *ông cụ, ông tiên, ông trời.* Giới-phái là một hình-thức để biểu hiện một phạm-trù ngữ-lí chứ không phải là để chỉ dẫn về phái-tính. Từ A *Ông Hổ* chứng tỏ điều này một cách rõ-ràng. Ngược lại, người ta cũng vẫn nói *con hổ cái. Con hổ* thuộc về tập-hợp $\{\mathcal{C}\}$, còn *Ông Hổ* thuộc về tập-hợp $\{\mathcal{N}\}$. Giới-

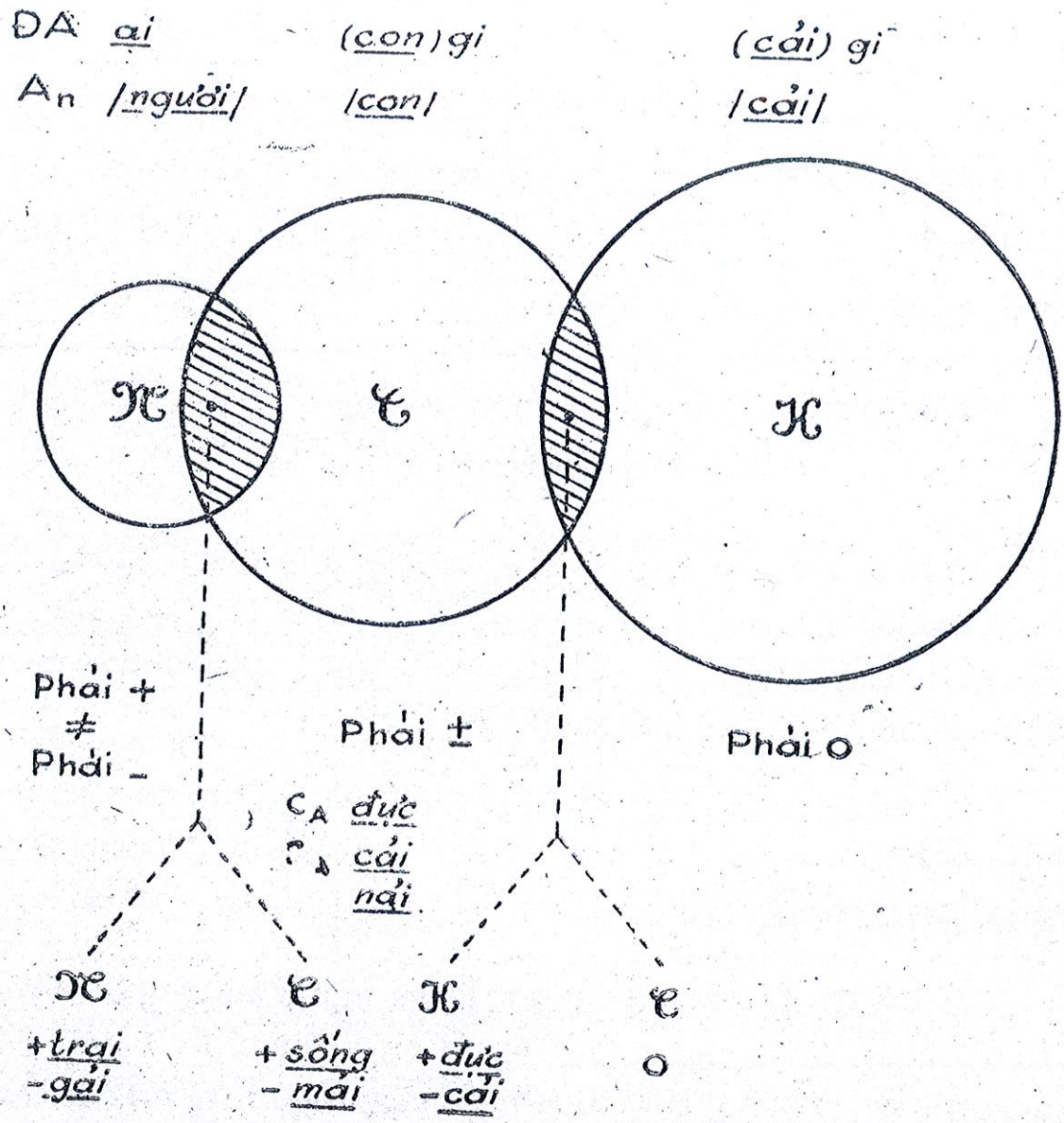

Bảng 32.— *Ba tập-hợp giới-phái của danh-từ và các khu-vực giao-thiết.*

phái của *Ông Hổ* được tiên định trong loại-danh /*ông*/, còn giới-phái của *con hổ* không được biểu hiện trong hình-thức của từ A này, và chỉ được định khi có thêm một từ C_A *cái* hoặc *đực* đi theo.

Trường-hợp của *Ông Hổ* cũng là trường-hợp của

ông đồng trong một truyện ngắn của Khái Hưng. *Ông đồng* là một người đàn bà trong cơ-thể và trên căn-cước, nhưng khi người ta gọi là *ông đồng* thì không còn vấn-đề phái-tính tự-nhiên nữa, mà chỉ còn giới-phái ngữ-lí của danh-từ đó mà thôi. Danh-từ này thuộc giới-phái dương, mặc dầu cái được chỉ bởi danh-từ có thể là một người đàn bà, nghĩa là giống cái.

3.3.5.2. Những ngoại-lệ thực (Bảng 32) trước hết là những danh-từ thuộc hệ-loại chỉ bởi loại-danh */người/* nhưng không thuộc tập-hợp $\{\mathcal{N}\}$ về giới-phái, mà lại thuộc tập-hợp $\{\mathcal{C}\}$.

Thực khó có thể giảng giải được tại sao lại có những trường-hợp này.

Đầu-tiên là tất cả các danh-từ có loại-danh */kẻ/*, mà ta có thể coi là tương-đương nhưng đối-nghịch với */người/*. Nhưng không những không có một danh-từ nào có dùng loại-danh */kẻ/* mà lại có giới-phái âm hoặc dương; những danh-từ này lại không cho phép cả sự dùng một từ C_A như *trai / gái* hay *đực / cái* ở sau để xác định phái-tính của *kẻ*. Trước */kẻ/*, có thể có loại-danh */thằng/ /đứa/*, nhưng không có */con/*. Thí-dụ những */kẻ/* là : *cướp, cắp, khó, gian*, v.v...

Sự-kiện này buộc ta phải kết luận rằng các từ A có loại-danh */kẻ/* không thuộc tập-hợp $\{\mathcal{N}\}$ như một số từ A có loại-danh */người/*.

Phải chăng vì trong thời sơ-thủy, */người/* được

dành cho những nhân-vật trong cộng-đồng của ta, còn /*kẻ*/ thì chỉ dùng để chỉ những nhân-vật thuộc các cộng-đồng khác ? Trong việt-ngữ cổ, /*kẻ*/ còn chỉ một cộng-đồng như trong những danh-từ *kẻ noi, kẻ lũ, kẻ sặt...*, và các người thuộc các *kẻ* này được gọi là *người kẻ noi, người kẻ sặt*, v.v... Ngày nay, các *kẻ cướp, kẻ trộm, kẻ gian,...* tuy có hiện diện ngay trong xã-hội của ta, nhưng ngôn-ngữ vẫn từ chối không nhận họ là thuộc hệ-loại /*người*/.

Trong các từ A thuộc hệ-loại chỉ bởi loại-danh /*người*/, phần lớn đều có giới-phái theo tự-vựng, và có thể sắp xếp thành những cặp đối-nghịch, như *ông/bà, cha/mẹ, (thày/đẻ, ba/má), anh/chị, chú/thím, cậu/mợ* (hay *cậu/cô*), *dượng/dì, rể/dâu,..* Tất cả đều là /*người*/, và thuộc về cái cộng-đồng gần của người ta, là gia-đình.

Nhưng cũng có những từ A có loại-danh /*người*/ mà lại không có giới-phái xây dựng ngay trong cái tiếng dùng làm biệt-danh như những tiếng trên, và lại đòi hỏi một từ C_A như *trai* ~ *giai* hoặc *gái* để chỉ rõ phái-tính : Những từ A này là :

(*người*)	*bác*	:	*bác trai* / *bác gái*
	em	:	*em trai* / *em gái*
	con	:	*con trai* / *con gái*
	cháu	:	*cháu trai*/ *cháu gái*

Vì sao những tiếng này ra ngoài thông-lệ, chúng ta không biết. Chúng ta chỉ nhận rằng, ở thế-hệ trên thì *bác* là giới-phái ±, còn *chú, cậu* là giới-phái +, *thím, mợ*

là giới-phái —; còn ở thế-hệ dưới thì (1) *anh* là +, *chị* là —. nhưng *em* là ±.

33.5.3. Trong số các từ A thuộc hệ-loại được chỉ bởi loại-danh */con/*, hầu hết đều theo giới-phái ± (lưỡng-giới-phái). Sự thêm một từ C_A thuộc cặp *đực/cái* sẽ định tính cho con vật được chỉ bởi từ A này:

(*/con/*)	*chó đực*	/	*chó cái*
	hổ đực	/	*hổ cái*
	sư-tử đực	/	*sư-tử cái*

Đây là tính-cách hình-thức đã cho phép lập ra một tập-hợp danh-từ là $\{e\}$.

Tập-hợp này có ba ngoại-lệ về hình-thức; lí-do là vì hai từ C_A *đực/cái* có những biến-thể.

Biến-thể thứ nhất của *đực/cái* là *trai/gái*. Hai từ C_A *trai/gái* thường chỉ dùng cho một vài từ thuộc hệ-loại *người* nhưng theo về nhóm $\{e\}$ trong biểu-hiện giới-phái, như *bác, em*... Nhưng ngoài ra, còn có những danh-từ lấy dạng-vị */con/* hoặc */đứa/* làm loại-danh. Chẳng hạn với */con/*:

con trai / con gái

---

(1) Về phương-diện từ-nguyên, *ông/bà, bác/cha, cậu/cô, dì/thím anh/chị* và có lẽ *mẹ* là những tiếng vay mượn của hoa-ngữ; *cháu, chắt* là tiếng vay mượn của mã-lai, indonesi-ngữ. Còn lại là *chú, em, rể, dâu,* (*mẹ*?); có lẽ là những tiếng gốc của việt-ngữ.

Với /*đứa*/ (1), cũng có những trường-hợp tương-tự dùng từ C_A *trai/gái*, như :

đứa em trai / đứa em gái
đứa con trai / đứa con gái
đứa cháu trai / đứa cháu gái
đứa ở trai / đứa ở gái

hoặc dùng hẳn từ A *con trai/ con gái* ở vị-trí cải-từ, như :

đứa trẻ con trai / đứa trẻ con gái
đứa nhỏ con trái / đứa nhỏ con gái

Biến-thể thứ hại của *đực/cái* là *trống ~ sống* (2)/*mái*. Biến-thể này chỉ dùng cho (*con*) *gà* và vài loài chim nuôi (*bồ-câu*) :

(/*con*/) *gà trống, gà mái*

Biến-thể thứ ba của *đực /cái* là *đực / nái*, dùng cho loài lợn nuôi :

(/*con*/) *lợn đực, lợn nái*

3.3.5.4. Các danh-từ thuộc loại /*cái*/, thường thì thuộc tập-hợp $\{\mathcal{K}\}$, với giới-phái O. Tuy-nhiên gần đây,

---

(1) Ngày xưa, /*đứa*/ được dùng làm biệt-danh để chỉ giới-phái âm, như trong tục-ngữ :

Con gái, con đứa.

Tiếng /*đứa*/ này được coi là danh-từ âm-tính trong một câu ca-dao :

— Mồ cha đứa có sợ đòn,
miễn là lấy được chồng ròn thì thôi.

(2) *Trống ~ giống* có lẽ là do tiếng *giống*, gốc hoa-ngữ *chủng*. *Gà trống* là *gà giống* hay gà để lấy giống, như ngày nay ta nói *lợn giống, (thóc giống)*.

một số các từ A này đã được chuyển sang tập-hợp $\{\mathscr{C}\}$, với giới-phái $\pm$; như :

(/cái/) cây đu-đủ đực / đu-đủ cái

Sự-kiện này chỉ mới liên hệ đến vài giống cây có phái-tính, như được định bởi khoa thực-vật. Số từ A chỉ những giống cây này còn nhỏ, trong ngôn-ngữ thường-ngày của ta.

Một số danh-từ thuộc loại */con/* như *vi-trùng* cũng thuộc tập-hợp $\{\mathscr{K}\}$, nghĩa là có giới-phái 0.

3.3.6. *Dạng-vị /𝒩/ dùng làm cải-từ chỉ phái-tính.*

Trai ~ giai / gái, trống ~ sống / mái, đực / cái là những cặp từ chỉ giới-phái cho những danh-từ thuộc giới-phái $\pm$. Vị-trí của các từ này bao giờ cũng ở sau danh-từ. Những từ này được gọi là cải-từ của danh-từ, hay từ C_A.

Ngoài những từ C_A này ra, còn có một số từ C_A nữa, nguyên là những từ A thuộc tập-hợp $\{\mathscr{N}\}$, cũng được dùng làm từ C_A chỉ giới-phái.

Ông / bà là những danh-từ hay loại-danh có giới-phái nhất-định. Cặp dạng-vị này lại có thể được dùng làm từ C_A trong một với trường-hợp để định phái-tính cho một danh-từ khác :

Cụ ông / Cụ bà

Khả-năng này cho phép xác định tính-cách ngoại-triển của *ông / bà* so với những cặp *chú / thím, cậu / cô,*

anh / chị.... ; những cặp sau này không dùng làm từ C_A chỉ phái-tính được (1).

(*Cá ông* là một danh-từ, làm thành bởi loại-danh */cá/* và biệt-danh */ông/*, giống như *cá voi, cá chim, cá rô, cá quả, cá mực*. Ta có thể nói : *Một con cá ông cái*). Trong trường-hợp này, *ông* không phải là từ C_A chỉ phái-tính, và cũng không đối nghịch với *bà* vì không có *cá bà*).

Cặp dạng-vị *cha / mẹ* cũng có thể được dùng như những từ C_A chỉ phái-tính.

Thí-dụ : *con gấu cha / con gấu mẹ*

(*/Mẹ/* lại có thể được dùng làm từ C_A phụ thuộc vào những danh-từ loại $\{\mathcal{K}\}$, nhưng khi ấy không chỉ phái-tính nữa. Thí-dụ :

Đất mẹ, Nước mẹ, Băng mẹ, Chất mẹ,
Tế-bào mẹ, Ngôn-ngữ mẹ...

V.Ch. — *Lải mẹ, lải con, sinh đẻ mãi.*
(Nguyễn-Khuyến ; Than nợ)

Khả-năng kết-hợp của *cha / mẹ* ra ngoài khu-vực của các danh-từ loại $\{\mathcal{N}\}$, $\{\mathcal{C}\}$ sang khu-vực $\{\mathcal{K}\}$ tỏ ra một tính-cách ngoại-triển cao-độ của hai từ ấy, vì tập-hợp danh-từ loại $\{\mathcal{N}\}$ và $\{\mathcal{C}\}$ là một tập-hợp đóng,

(1) Gần đây, */cậu/* cũng được dùng làm từ C_A, nhưng không phải để chỉ phái-tính, mà để chỉ giai-cấp : *cu cậu, lính cậu.*

còn tập-hợp danh-từ loại $\{\mathscr{K}\}$ là một tập-hợp mở, với một năng-lực phát-triển không giới-hạn.

Vì những lí-do trên, các dạng-vị /$\mathscr{N}$/ có thể được sắp xếp như sau về triển-độ ngữ-pháp (Bảng 33).

Ngoại-triển	Nội - triển				
	NG	N			
		NG	N		
			NG	N	
				NG	N
mẹ	*cha*	*ông* *bà*	*anh* *chị*	*cậu* *cô*	*rể* *dâu* *dượng* *dì*

Bảng 33.— *Bảng xếp các dạng-vị* /$\mathscr{N}$/.

3.4. PHẠM-TRÙ CỠ-VÓC.

Vật-thể choán chỗ trong không-gian. Sự to-nhỏ hay cái cỡ-vóc là một phạm-trù khả-giác của vật-thể. Phạm-trù này hạn chế trong khu-vực cụ-thể của «*con*» và «*cái*».

3.4.1. Rất nhiều ngôn-ngữ nhận phạm-trù cỡ cho

danh-từ và có những hình-thức gọi là giảm-thiểu của một số danh-từ.

— Sự đối nghịch lớn / nhỏ là một đối-nghịch lưỡng-nguyên giống như sự đối-nghịch đực / cái, nên trong vài ngôn-ngữ phạm-trù giới-phái đã được dùng để biểu hiện phạm-trù cỡ-vóc.

Pháp-ngữ dùng đối-nghịch giới-phái làm dấu-hiệu phụ của sự đối-nghịch về cỡ. Cái lớn khác cái nhỏ về giới-phái ngữ-pháp.

Giới-phái +	**Giới-phái —**
Cỡ lớn	**Cỡ nhỏ**
un ballon	*une balle*
un cycle, bicycle	*une bicyclette*
un grain	*une graine*
un portail	*une porte*
un pruneau	*une prunelle*
un saucisson	*une saucisse*
Cỡ nhỏ	**Cỡ lớn**
un chainon	*une chaine*
un chevreau	*une chèvre*
un dizain	*une dizaine*
un ilôt	*une île*

Nhưng cũng có những trường-hợp hai tiếng cùng một giới-phái; khi ấy thì tiếng có dấu, tức tiếng tạo ra bằng cách thêm một tiếp-vĩ-phần, thường là tiếng chỉ cái cỡ nhỏ:

Cỡ lớn	**Cỡ nhỏ**
un arbre	*un arbuste*
un char	*un chariot*

un chevreau	*un chevrotin*
un jardin	*un jardinet*
un oeil	*un oeillet*
un ours	*un ourson*
une artère	*une artériole*
une botte	*une bottine*
la barbe	*lá barbiche*
une chemise	*une chemisette*
une flotte	*une flottille*
une rue	*une ruelle*
une veine	*une veinule*

tuy cũng có những trường-hợp ngoại-lệ:

Cỡ nhỏ	**Cỡ lớn**
un fil	*un filon*
une porte	*un portique*

Sự hệ-thống-hóa những dấu-hiệu này rất khó vì có tới bốn dấu giao thoa với nhau là đực /cái và vĩ-phần 0 / vĩ-phần +, không kể hình-thức của các vĩ-phần (có tới hơn một chục hình-thức khác nhau). Lại còn có những hình-thức giảm-thiểu không-đều, có từ buổi sơ-khai của ngôn-ngữ, như *le rat/ la souris, le pin/ le sapin.*

Theo sự hiểu-biết của tôi thì có lẽ chưa có một sự giải-thích tổng-quát nào về vấn-đề.

3.4.2. Việt-ngữ cũng nhận phạm-trù cỡ-vóc trong hệ-thống danh-từ và biểu hiện phạm-trù này trong chính cấu-thức của danh-từ.

Trong ngôn-ngữ, ta thấy có một số danh-từ hay đi đôi với nhau làm thành những danh-từ kép, như *cây-cối*, *mình-mẩy*, *da-dẻ*, *cua-cáy*, *mặt-mày*, *mộng-mị*. Một trong hai tiếng làm thành những danh-từ kép này còn được dùng trong ngôn-ngữ ngày nay một cách thông-thường, còn tiếng kia, hầu hết là tiếng thứ hai, không còn được dùng nữa hay rất ít khi dùng đến.

Giả-thuyết mà tôi nêu ra là: những danh-từ này là những danh-từ cộng-tập, làm bởi sự chắp hai từ A liên hệ với nhau về phạm-trù cỡ-vóc.

Nói một cách khác, thì:

1— Những tiếng *cây* và *cối*
mình và *mẩy*
mặt và *mày*, v.v...
là những danh-từ.

2— Các danh-từ này làm thành những cặp danh-từ liên hệ với nhau bởi một âm chung (phụ-âm đầu).

3— Mỗi cặp danh-từ được phân biệt bởi vần, là những vĩ-phần phát biểu sự đối-nghịch lớn/nhỏ.

4— Trong cái cơ-cấu ý-nghĩa-học căn-bản củaviệt-ngữ là sự đối-nghịch giữa cái bao-trùm và cái bị-bao-trùm, có thể nói rằng tiếng thứ hai là tiếng giảm-thiểu của tiếng thứ nhất (cũng như *chợ-búa*, *vườn-tược*, *chó-má*, *gà-qué*, *tiền-nong*, *tóc-tai*...).

5— Sự ghép hai tiếng cùng là danh-từ, không đối nghịch với nhau trong ý-niệm, nhưng đối nhau về cỡ-vóc,

làm thành một danh-từ kép có tính-cách cộng-tập về phương-diện ý-nghĩa-học.

Để điểm 5 ra ngoài, chúng ta có thể đúc kết bốn điểm đầu mà nói rằng đã có một lúc nào đó, việt-ngữ chấp nhận sự dùng tiếp-vĩ-phần giảm-thiểu để tạo danh-từ mới. Tiếp-vĩ-phần ấy có hình-thức gì ?

So sánh *cây-cối, nước-nôi, mình-mẩy, mụn-mạy, cua-cáy, mặt-mày, đất-đai, mộng-mị, da-dẻ*, ta có thể nói rằng /*—ay*/ ~ /*—ai*/ ~ /*—ôi*/ ~ /*i*/ ~ /*—e*/ là những vĩ phần giảm-thiểu hay đúng hơn là những biến-dạng của một dạng-vị vĩ-phần giảm-thiểu.

Mở rộng vấn-đề, ta sẽ thấy một vài hình-thức giảm-thiểu như :

(*con*) *cáy*	giảm-thiểu của *cua*
(*lông*) *mày*	'lông ở phần *mày*' (= trán dưới ?), giảm-thiểu của *mặt* (so-sánh : *tóc mai*)
(*con*) *cầy*	giảm-thiểu của *cáo*
(*cái*) *sẩy*	giảm-thiểu của *sởi*
(*cái*) *vẩy*	giảm-thiểu của *vỏ*
(*cái*) *rẫy*	giảm-thiểu của *răng*
(*cái*) *mẩy*	giảm-thiểu của *mình*
(*cái*) *mẩy* (*mẩy-may*) :	giảm-thiểu của *mảnh*
(*cái*) *nải*	giảm-thiểu của *nang* « túi »
(*con*) *bòi*	giảm-thiểu của *b...*
(*người*) *mọi*	giảm-thiểu của *mán*
(*con*) *ròi*	giảm-thiểu của *ruồi*

(*con*) *côi*	giảm-thiểu của *con*
(*con*) *voi*	giảm-thiểu của *vâm*
(*cái*) *môi*	giảm-thiểu của *mồm*
(*cái*) *bị*	giảm-thiểu của *bao*
(*cái*) *mị*	giảm-thiểu của *mộng*

Dạng-vị /*oc*/ ~ /*ac*/, được gặp trong những danh-từ ghép : *chim-chóc*, *đồ-đạc*, có thể cũng là một tiếp-vĩ-phần giảm-thiểu (như *hốc* < *hang*, *móc* < *mưa*, *vóc* < *vải*, *góc* < *gai*). Suy luận từ đó ra, thì **chóc* là giảm-thiểu của *chim*, **đạc* là giảm-thiểu của *đồ*.

Danh-từ giảm-thiểu làm thành một nhóm từ đóng không tăng thêm nữa. Ngày nay, sự giảm-thiểu được thực hiện bằng từ C_A (*con*, *nhỏ*, *bé*...) (1).

Một điều đáng để ý là những danh-từ giảm-thiểu trong việt-ngữ không chứa đựng tình-cảm như trong pháp-ngữ. Sự phát-biểu tình-cảm được thực hiện ở cải-từ, như ta sẽ thấy sau này.

◑

(1) Danh-từ gốc hán-việt dùng một thành-đề tiền-tiếp như /*tiểu-*/, /*vi-*/ để giảm thiểu (*tiểu-thư*, *tiểu-thuyết*, *vi-trùng*, *vi-khuẩn*).

Một số thành-đề tiền-tiếp khác, như /*đại-*/, được dùng để gia tăng (*đại-nhân*, *đại-quan*).

Lại có một vài thành-đề như /*siêu-*/, được dùng để biến đổi cỡ-vóc, khi thì làm tăng (*siêu-nhân*, *siêu-cường-quốc*), khi thì làm giảm (*siêu-vi trùng*, *siêu-khuẩn*).

4. ƯỚC-TỪ, LƯỢNG-TỪ, SỐ-TỪ VÀ LƯỢNG-SỐ-TỪ (TỪ K, TỪ L, TỪ M VÀ TỪ LM).

4.1. Các *từ K, L, M* và *LM* làm thành một hệ-thống từ phụ của danh-từ ở trong thành-phần danh. Hệ-thống từ này được định tính :

1 – Về phương-diện hình-thức, bởi vị-trí của chúng, ở trước hệ danh-từ và trong thành-phần danh ;

2– Về phương-diện nội-dung, bởi ý-nghĩa của chúng, là những từ mang phạm-trù lượng-số trong thành-phần danh, để chỉ định những danh-từ đếm-được về lượng-số.

Hệ-thống từ này được gọi là *hệ-thống từ lượng-số*

4.1.1. Trong hệ-thống, trước hết có thể phân biệt ba loại từ tùy theo những tính-cách hình-thức sau đây :

1– tương-quan vị-trí giữa các từ này với nhau ;

2— liên-hệ nội-cấu đặc-biệt của số-từ (từ M) mà các từ khác không có ;

3— triển-độ của mỗi loại từ.

Những sự khác-biệt về hình-thức là điều-kiện của các nội-dung khác nhau giữa các từ.

Sự định-loại các từ tiền-A căn cứ hoàn-toàn trên phương-diện ngữ-pháp hình-thức, nghĩa là theo phương-pháp cơ-cấu Những từ giống nhau trong sự phân-phối là những từ được coi là đồng-loại. Các từ được so sánh với nhau, loại này đối chiếu với loại kia và, trong cùng một loại, từ này đối chiếu với từ kia, để tìm những từ đồng-trị và định triển-độ cho mỗi loại từ cũng như cho mỗi từ.

Trong công-việc này, nội-dung và ý-nghĩa được ngoặc lại và để một bên cho đến khi sự phân-tích ngữ-pháp đã tới giai-đoạn chót. Khi ấy ý-nghĩa-học sẽ được soi sáng vì các loại từ đã được phân định.

Ta hãy lấy một thí-dụ (1) :

Mỗi người dân được xử dụng một lá phiếu

Câu này có thể phân tích thành :

Mỗi người dân ⟷ P(B)

$P(A)_1$ ⟷ B ⟵ $P(A)_2$

(1) Những thí-dụ tương-đương có thể được dùng để thay đổi tùy sở-thích. Chẳng hạn :

Mỗi con lợn là một bộ lòng (câu hát trẻ con)

Mỗi thời-đại có một vấn-đề.

Mỗi người một vẻ (K.).

Hai thành-phần danh P(A) trong câu trên làm hai công-việc khác nhau đối với từ B vì $P(A)_1$ đứng *trước* B, còn $P(A)_2$ đứng *sau* B. Đây là một vấn-đề mà ta không xét đến bây giờ.

Vấn-đề hiện-tại của chúng ta là phân tích cái cơ-cấu của hai P(A):

$P(A)_1$: *Mỗi người dân*

$P(A)_2$: *Một lá phiếu*

Hai thành-phần danh này gần như cùng một cấu-thức với nhau, vì đều có thể chia ra thành hai khúc:

$P(A)_1$: *Mỗi người dân*

mỗi— ΣA

$P(A)_2$: *một lá phiếu*

một— ΣA

/*Mỗi*/ và /*một*/ có thể giao hoán được với nhau. Hai khúc

mỗi lá phiếu

một người dân

là hai xây-dựng tương-đương với:

mỗi người dân

một lá phiếu

và theo tiêu-chuẩn ấy, thì /*mỗi*/ và /*một*/ có vẻ đúng là đồng loại.

Nhưng ta cũng lại nhận thấy rằng bốn cách nói sau có thể coi là giống nhau và đều có ngữ-pháp-tính:

— *Mỗi người dân* (được xử dụng) *một lá phiếu*

— *Mỗi lá phiếu* (được xử dụng bởi) *một người dân*

— *Một người dân* (được xử dụng) *một lá phiếu*

— *Một lá phiếu* (được xử dụng bởi) *một người dân*

nhưng bốn cách nói sau đây không được nói và có thể coi là thiếu ngữ-pháp-tính :

(S)— *Một người dân* (được xử dụng) *mỗi lá phiếu*

— *Một lá phiếu* (được xử dụng bởi) *mỗi người dân*

— *Mỗi lá phiếu* (được xử dụng bởi) *mỗi người dân*

— *Mỗi người dân* (được xử dụng) *mỗi lá phiếu.*

Sự giao-hoán không hoàn toàn, tỏ ra rằng /*mỗi*/ và /*một*/ cũng không hoàn-toàn đồng loại. Lượng-số-từ còn cần phải được phân tích thêm.

Quả thế, vì trong những câu trên, /*mỗi*/ có thể phát triển thành /*mỗi một*/, nhưng /*một*/ thì không thể phát-triển hơn được nữa. Hình-thức (S)/*một mỗi*/ không có trong việt-ngữ. /*Mỗi*/ và /*một*/ tương tự như nhau, nhưng không hoàn-toàn đồng trị với nhau.

Sự phân-tích trên cho phép khởi sự cắt các từ lượng-số ra làm hai loại từ khác nhau :

1— lượng-từ (L) : Thí-dụ : /*mỗi*/

2— số-từ (M) : Thí-dụ : /*một*/

Số-từ hay **từ M** có thể đứng trước danh-từ (*năm ngày, ba tật*) và khi ấy, không cho một từ nào khác đứng xen kẽ.

Lượng-từ hay **từ L** có thể đứng ngay trước một danh-từ (*mỗi người*), hay đứng trước một số-từ rồi tới danh-từ (*mỗi một người*).

Một sự phân-tích tương-tự lại cho phép biện biệt ra một loại từ lượng-số thứ ba nữa trong cái khối các từ tiền-A này. Từ tiêu-biểu của loại từ này là */các/*. */Các/* cũng là một từ lượng-số như từ L */mỗi/* và từ M */một/* vì cũng có xây-dựng *các người dân, các lá phiếu*; nhưng */các/* không phải là từ L, vì giữa */các/* và *người dân* không chêm được một từ M nào cả; mà */các/* cũng không phải là từ M vì trước */các/* cũng không thể thêm được một từ L. */Các/* tiêu biểu cho một loại từ nữa, mà ta gọi là **từ LM**, hay **lượng-số-từ**.

Tương-quan vị-trí giữa các từ tiền-A đã là tiêu-chuẩn để phân định ba loại từ là:

từ M, như :	*một, hai, ba...*
	vài, răm, mấy
từ L, như :	*mỗi, những*
từ LM, như :	*mọi, các*

Một nhận-xét quan-trọng là từ M không thể đổi sang vị-trí của từ L và LM được, nhưng hai loại từ L và LM lại rất hay chiếm cái vị-trí liền sát với danh-từ của các từ M.

4.1.2. Sau cùng có một loại từ khác, nhiều khi bị lẫn với các từ lượng-số vì cũng là từ tiền-A với một nội-dung lượng-số, chẳng hạn như *cả, nhiều, lắm,* và các hình-thức phức-tạp như *tất cả, phần nhiều,* v.v... Các từ này có thể đứng ngay trước từ A (*nhiều khi, lắm kẻ, cả nhà*) nhưng khi có một từ L,M hay LM, thì chúng đứng trước cả từ này :

	L	M	A
Cả		*năm*	*người*
Tất cả	*những*		*người*
Hầu hết *Hết thảy*	LM *các, mọi*		*người*

hoặc đứng trước các từ L và LM thôi, như *nhiều (phần nhiều), lắm, ít* :

Ít *Nhiều* *Phần nhiều* *Bao nhiêu* *Lắm*	*những*	∅	*kẻ*
	các		*kẻ*

Tất cả các từ trên đều có thể đứng ngay trước từ A, và khi ấy cũng chỉ những lượng-số. Từ A đi sau mấy từ này có thể là từ A đếm-được :

Cả năm con

Hết thảy mọi người

Nhiều vấn-đề
Lắm khi

và cũng có thể là từ A không-đếm-được :

Nhiều nước, ít cái (*cái* : từ A)
Nhiều hảo-ý
Cả tâm-hồn

Thêm vào đó, những từ này cũng lại còn được gặp ở vị-trí sau diễn-thuật-từ nữa :

Biết nhiều, biết cả, biết hết, biết lắm...

/*Nhiều, cả, hết, lắm,...*/ ở vị-trí tiền-A được bao gồm thành một loại từ, gọi là **ước-từ** hay **từ K.**

Ngữ-pháp biến-cải cho phép nhận định /*cả, hết, hết cả, hết thảy*/ là những từ C_B đổi ngôi, vì

và { *Cả năm người cùng đi*
{ *Năm người cùng đi cả*

và { (*Hầu*) *hết mọi người đã đi*
{ *Mọi người đã đi* (*hầu*) *hết*

là những xây-dựng tương-đương và tùy-ý ; còn /*nhiều, ít*/ thì là từ C_A của những xây-dựng có danh-từ-tính (*phần nhiều, số ít*) đã bị thâu rút lại.

4.2. SỐ-TỪ HAY TỪ M.

4.2.1. Từ M hay **số-từ** là những từ lượng-số luôn-luôn đứng sát danh-từ mà chúng phụ thuộc.

Vị-trí đặc-biệt của từ M là ở ngay trước danh-từ. Trong vị-trí này, từ M chỉ lượng-số dưới khía-cạnh đếm được. Sự đếm giả thiết rằng vật-thể được gọi bằng từ A theo sau là những cá-thể riêng-biệt có thể cộng được với nhau, chẳng hạn như:

hai ả tố-nga
ba bò, chín trâu
bảy nghề
mấy đời, vài nước cờ, trăm năm,
một lí-do, mười hai nhân-duyên.

Về phương-diện hình-thức, ta sẽ nói rằng từ M kết hợp với những từ A đếm-được và chỉ kết hợp với những từ A đếm-được mà thôi. Các từ A thuộc nhóm không-đếm-được (*nước* 'H_2O', *đá, đất, sự học, tình yêu*) không chấp nhận một từ M đứng trước.

Vị-trí và chức-vụ của từ M như được định là vị-trí và chức-vụ chính của loại từ này. Không có một từ nào khác có thể chiếm vị-trí và chức-vụ của từ M, ngoại trừ những từ LM, L, và K, trong những điều-kiện hình-thức đã được kể ở trên.

Ngược lại, các từ M không thể dùng làm từ L hay LM được.

Trong hệ từ tiền-A, từ M có một vị-trí nhất-định, và một nội-dung nhất-định do vị-trí tạo ra: chúng không chỉ những quan-niệm lượng phức-tạp; chúng chỉ quan-niệm số, tức là lượng theo sự đếm.

Khi không có từ M, thì các từ L, LM và K có thể đứng ngay trước từ A, nghĩa là ở vị-trí và chức-vụ của từ M; nội-dung của những từ ấy cũng biến thành lượng-số đếm-được, như các từ M:

Từ M = ∅

Từ K	Từ LM	Từ L	A
		những	*loài*
		mỗi	*người*
	các		*hành-lí*
	mọi		*đồ dùng*
nhiều			*thứ*
ít			*điểm*
tất cả			*của-cải*

Các từ M có thể kết hợp với nhau theo những ước-lệ đặc-biệt của loại từ này, để làm thành một từ M lớp trên. Chẳng hạn như từ M *một trăm mười ba*; về hình-thức thì là bốn dạng-vị, cũng có tính-cách từ M (*một*, *ba*, *mười*, *trăm*), hợp lại với nhau theo một thứ-tự đặc-biệt không thể nào thay đổi mà không làm mất nghĩa hay sai nghĩa đi; như [s] *một ba trăm mười* thì vô nghĩa, mà *ba trăm mười một* thì khác nghĩa. Sự khả-dĩ kết hợp giữa các từ đồng-loại và những qui-ước riêng chi phối các sự kết-hợp này làm cho từ M khác hẳn các từ L hoặc từ LM: các từ thuộc hai loại sau không thể kết hợp với nhau trong cùng một loại được.

Triển-độ của các từ M và của các từ L, LM cũng

khác nhau. Các dạng-vị từ L và LM gần như không ra ngoài được hệ-thống các từ A (1); trái lại, các dạng-vị từ M có thể di chuyển và được dùng trong nhiều vị-trí hay chức-vụ khác. Ở những vị-trí và chức-vụ này, từ M sẽ thay đổi nội-dung và không còn chỉ lượng-số đếm-được nữa : chúng có thể thành cải-từ để chỉ tính-cách thứ-bực (*vợ hai*), thành đại-danh-từ để thay thế cho danh-từ (*lấy năm lấy bảy*), hoặc thành diễn-thuật-từ để diễn thuật (*tôi hai, anh một*).

Sự phân-biệt từ M trong khối từ A như thế là đã được thực hiện vì :

1— Vị-trí trực-tiếp của từ M ở trước danh-từ, đối lại với vị-trí di-chuyển và có thể gián-tiếp của các từ L và LM so với danh-từ;

2— Về phương-diện nội-cấu, từ M có thể được làm thành bởi sự kết-hợp của nhiều dạng-vị cũng có tính-cách là những từ M. Từ L và từ LM thì không thể kết hợp với những từ đồng-loại.

3— Về phương-diện ngoại-cơ, từ M là từ ngoại-triển, còn từ L và LM là từ nội-triển.

4.2.2. Từ M căn-bản hay dạng-vị M.

Từ M căn-bản hay **dạng-vị M** là những tiếng có thể đứng một mình làm một từ M, hay kết hợp với một

(1) Ngoại-lệ độc-nhất là /*những*/, được dùng trong cổ-văn như một từ T.

	L + LM	M
Vị-trí trước danh-từ	• di-chuyển • có thể gián-tiếp tiền-A.	• nhất-định • luôn-luôn trực-tiếp tiền-A.
Tính-cách nội-cấu	• không có kết-hợp (L-L) hoặc (LM-LM)	• có thể kết-hợp (M-M-M...)
Tính-cách ngoại-triển	• không ra khỏi vị-trí tiền-A	• có thể được dùng làm từ khác (C_A, C_B, B)

Bảng 34. — *Tính-cách ngữ-pháp của các từ L, từ M và từ LM.*

dạng-vị M khác mà làm thành một từ M lớp trên. Ta sẽ gọi từ M là khúc trực-tiếp tiền-A làm thành bởi một hay nhiều dạng-vị M.

4.2.2.1. Có 12 dạng-vị M thuộc gốc việt được dùng từ trước khi có sự xâm-nhập của hoa-ngữ, là:

một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín
mười
trăm
nghìn[B] (*ngàn*[N])

Những dạng-vị M còn lại chỉ những hệ-số của 10

cao hơn nghìn; những tiếng này gốc ở hoa-ngữ, nhưng có một sự hoán-chuyển về ý-nghĩa. Đó là:

Việt-ngữ	Hoa-ngữ	Ý-nghĩa
vạn * (*muôn*)	*ức*	10^4
ức * (*mớ*)	*vạn*	10^5
triệu	*tải*	10^6
	triệu	10^7
tỉ		10^9

Ngoài ra, gần đây lại tiếp nhận thêm dạng-vị /*không*/ nữa.

Vấn-đề từ-nguyên của những tiếng trên chưa được hoàn-toàn minh định (môn-khmer?) trừ những tiếng gốc hoa. Giá-trị số-học của những tiếng gốc hoa còn chưa được vững, và chỉ mới gần đây mới có một sự thỏa-thuận chung nhờ sự phổ-thông giáo-dục.

Những tiếng */*muôn*/, */*mớ*/ đã thành cổ và chỉ còn tồn tại trong vài thành-ngữ, như *muôn năm* (*từ B*), *muộn-người-khôn-địch* (từ C).

4 2.2.2 Thêm vào những dạng-vị M trên, còn có những tiếng liên-hệ, có thể coi là những biến-dạng của dạng-vị gốc.

mốt ← *một*
vài ← *hai*
răm, lăm ← *năm*
mươi ← *mười*

Tính-cách không chính-xác về ý-nghĩa-học của những biến-dạng này đi đôi với tính-cách rất nội-triển về phương-diện ngữ-pháp : chúng không thể giao hoán được một cách hoàn-toàn với các dạng-vị M khác trong một từ M.

1— */Mốt/* (1), biến-dạng buộc của */một/*, bao giờ cũng ở vị-trí cuối-cùng của một từ M, như *hai mươi mốt*. */Mốt/* có nghĩa là một đơn-vị ở bậc dưới đơn-vị vừa được nói tới (2). Vậy */mốt/* có nghĩa là 1, nếu dạng-vị M trước thuộc hàng chục ; có nghĩa là 10, nếu dạng-vị M trước ở hàng trăm, vân vân ; đơn-vị này được cộng với số trên.

Thí-dụ : *hai mươi mốt* = 20 + 1
(20 + 1 đơn-vị dưới hàng chục)
ba mươi mốt = 30 + 1
.....
chín mươi mốt = 90 + 1

(1) Tiếng */mốt/* này không liên-hệ gì với tiếng đồng-âm trong *mai-mốt* và *cái mốt* (« *mốt mới* »).

(2) *Hai, Ba, Bốn... Chín* cũng có thể dùng với ý-nghĩa này, nhưng không có biến-thể, vì thế có thể lầm được nếu số-từ ở hàng trăm hay trên nữa : *một trăm hai* có thể là 120 hay 102. Đồng-văn cũng có thể giúp đỡ khỏi hiểu lầm :

V.Ch. *Trời hẹn ngày cho ba vạn sáu,*
Ta chung tuổi mới một trăm hai.
(Nguyễn Khuyến)

Nhưng trong ngôn-ngữ ngày nay, người ta thường phải phân biệt rõ : *một trăm lẻ hai* (102) và *một trăm hai mươi* (120).

Chính dạng-vị */mốt/* cũng có khi được dùng thay thế cho */một/* với nghĩa là 01 : Trường-hợp này xảy ra khi đếm nhanh : *một trăm, trăm mốt, trăm hai, trăm ba,...*

một trăm mốt = 100 + 10 = 110
(100 + 1 đơn-vị dưới hàng trăm)
một ngàn mốt = 1000 + 100 = 1100
(1000 + 1 đơn-vị dưới hàng ngàn)

Công-thức này áp dụng cho cả số bách-phân về tiền-bạc, cân-lượng hay các số đo-lường thường-thức ; về phương-diện cơ-cấu, điều này nghĩa là có thể thay thế những tiếng chỉ hàng như/*mươi, trăm, ngàn*/ bằng những danh-từ *đồng, hào, lạng, thước*...

một đồng mốt = 1 đồng + 1/10 của đồng
một hào mốt = 1 hào + 1/10 của hào
một thước mốt = 1 thước + 1/10 của thước.

2— /*Vài*/, /*răm*/, biến-dạng của /*hai*/, /*năm*/, là những tiếng chỉ đứng được một mình làm từ M :

— *Lấy hộ tôi vài chiếc*

V.Ch.— *Trên cổ đếm đeo răm chuỗi hạt,*
Dưới chân đứng chéo một đôi giầy.
(Cống Quỳnh : *Bà Banh*)

— *Mới trong vài bữa, xem tày mấy niên.*
(*Nh.Đ.M*)

hoặc tập hợp với một dạng-vị M chính-xác, hai dạng-vị vẫn riêng biệt và không ảnh hưởng tới nhau như *một-vài vài-ba, vài-bốn, răm-ba, răm-bảy, răm-mười* :

V.Ch.— *Biết nhau cho chịu một vài buổi*
(Cống Quỳnh)

— *Mua vui cũng được một vài trống canh* (K)
— *Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân* (K)
— *Chép miệng răm ba con kiến gió*
(Lê Thánh-tông)
— *Râu ria lún phún được răm ba sợi như thể ria mèo*
(Nguyễn Văn Vĩnh : *Người Biển-lận*)

hoặc đứng trước một dạng-vị M hệ-số trên của mười, để làm thành một từ M :

vài trăm, vài nghìn (ngàn)^{N}
răm trăm, răm nghìn (ngàn)^{N}

3— */Nhăm/ ~ /Lăm/* là biến-dạng của */năm/* khi đứng hàng đơn-vị trong một từ M lớn hơn 10. Nói cách khác, */nhăm/* và */lăm/* chỉ đi sau */mười/ ~ /mươi/* và không có trong đồng-văn khác. Cả hai đều bị buộc.

Thổ-ngữ miền Bắc dành */lăm/* cho từ M *mười lăm*, và */nhăm/* cho các từ M khác :

hai mươi nhăm
ba mươi nhăm
. . . . . .
chín mươi nhăm

Ngoài ra, còn nói *mươi lăm* với nghĩa là ' vào khoảng mười hay mười lăm '. Thí-dụ :

Vào khoảng mươi lăm năm nữa

Thổ-ngữ miền Nam dùng */lăm/* cho mọi trường-hợp trên mười :

mười lăm
hai mươi lăm
ba mươi lăm....

Biến-dạng này là một hình-thức thêm-thừa để tăng sự khả-lí của lời nói. Không những rằng */lăm/* ~ */nhăm/* giúp để ngắt đoạn :

năm mươi lăm | ngàn || năm trăm | năm mươi | lăm ||

biến-dạng này còn cho phép khỏi lầm */năm/* số-từ với */năm/* danh-từ (*năm 'lăm năm* = '55 năm').

V.Ch. — *Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình* (K)

— *Năm nhăm, ông cũng lão đây mà !*
(Nguyễn Khuyến)

— *Mười lăm năm trong sổ đoạn-trường.*
(Chu Mạnh Trinh)

— *Gẫm duyên cô mười lăm năm chếch mác.*
(Chu Mạnh Trinh)

4 — */Mươi/* là một biến-dạng của */mười/*

Đứng một mình, */mươi/* có nghĩa là 'vào khoảng 10'. Thí-dụ :

— *Mỗi ngày, hơn bù kém, cũng kiếm được mươi đồng.*

V.Ch. — *Cũng muốn sống thêm mươi tuổi nữa*
(Nguyễn Khuyến)

Đứng sau một dạng-vị M nhỏ hơn mười, */mươi/*

có nghĩa là hàng mười, và số-từ là bằng mười lần dạng-vị đứng trước :

Ba mươi, Năm mươi
Mấy mươi, Vài mươi

V.Ch. — *Nhờ trời, văn con mà bán được,*
Chửa biết con in ra mấy mươi.
(Nguyễn Khắc Hiếu)

— *Dưới đời, tri kỷ, mấy mươi tay!*
(Nguyễn Khuyến)

— *Mộng thế, thì bằng tỉnh mấy mươi!*
(Trần Tế Xương)

/*Răm*/ là dạng-vị M dưới mười độc nhất không được thấy ở trước dạng-vị /*mươi*/ để làm thành một số-từ.

Khi đứng sau dạng-vị *hai* hay *ba*, mà đàng sau lại còn một dạng-vị M nữa cũng nhỏ hơn, /*mươi*/ có thể thâu rút lại chỉ còn /*m*/, và đôi khi còn có thể nhập vào với dạng-vị đầu, mà làm thành một tiếng như : /*hăm*/ hoặc /*băm*/ :

hai mươi mốt	→	*hăm mốt*
hai mươi hai		*hăm hai*
. . . . .		
ba mươi mốt		*băm mốt*
ba mươi hai		*băm hai*
. . . . .		
ba mươi chín		*băm chín*

V.Ch.— *Hà-nội băm sáu phố phường* (Tng)

— *Hăm bảy tháng trời là mấy chốc*
(Hồ Xuân Hương)

— *Có tàn, có tán, có hương-án thờ vua, danh-giá lẫy lừng băm sáu tỉnh* (Nguyễn Khuyến)

— *Nước bốn nghìn năm, hồn chửa tỉnh,*
Người hăm nhăm triệu, giấc còn say.
(Trần Tế Xương)

Trên những số hàng 30, có khi cũng vẫn còn nghe thấy âm [m] thay thế cho [mươi] :

bốn m' *lăm*
năm m' *lăm*

nhưng nhiều khi cũng không nghe thấy nữa :

V.Ch.— *Bốn chín chưa qua, năm ba đã tới* (Tng)

Dạng-vị /*mươi*/ ~ /*mười*/ có tác-dụng biến dạng-vị /*năm*/ đi theo thành /*lăm*/ hay /*nhăm*/[B]. Ta nói rằng khi đồng-văn tiền-vị là /*mươi*/, thì dạng-vị /*năm*/ chỉ có dưới hình-thức biến-dạng mà thôi ; nhưng khi /*mươi*/ ở hậu-vị so với /*năm*/, thì /*năm*/ không biến dạng.

4.2.2.3. Sau cùng, phải kể /*mấy*/ là một dạng-vị M, có đầy đủ những tính-cách của một từ M căn-bản. Ý-nghĩa của /*mấy*/ tùy thuộc vào đồng-văn :

Trong một câu xác-định, /*mấy*/ có nghĩa là /*vài*/ hay /*răm*/.

Thí-dụ :

— *Thưa ông, ngoài cửa có mấy người hỏi ông*

Trong một câu phủ-định, /*mấy*/ có nghĩa là 'nhiều', một lượng-số đếm-được nhưng vô-định (thường không lớn lắm) :

— *Việc này chưa có mấy người biết.*

Trong một câu vấn-hỏi, /*mấy*/ là một từ M mở và hậu-định, giống như 'bao nhiêu'. Thí-dụ :

— *Có mấy người cả thảy ?*

— Thưa ông, có *năm* người

— *Đố anh biết, trên trời có mấy ông sao ?*

V.Ch. — *Một đời được mấy anh-hùng ?*
Một nước được mấy đức ông trị vì ? (Cd)

— *Đàn bà, dễ có mấy tay ?*
Đời xưa mấy mặt ? đời này mấy gan ? (K)

/*Mấy*/ cư xử hoàn-toàn như một dạng-vị M trong tất cả những trường-hợp dùng được một dạng-vị M, và có thể giao hoán được với một từ M trong mọi trường-hợp. Thí-dụ :

Có ba người
Có vài người
Có mấy người
Làm một hơi
Làm vài hơi
Làm mấy hơi
Được một tí
Được vài tí
Được mấy tí

Ba mươi người, bạ trăm người
Vài mươi người, vài trăm người
Mấy mươi người, mấy trăm người

V.Ch. — *Chiếc thoa là của mấy mươi* (K)

— *Khóc mấy mươi phen, mấy trận cười ?*
(Đoàn Như Khuê)

— *Nhờ trời, văn con mà bán được,*
Chửa biết con in ra mấy mươi !
(Nguyễn Khắc Hiếu)

Những trường-hợp sau đây không chấp nhận /*vài*/, /*răm*/ nhưng có chấp nhận /*mấy*/. Từ M /*mấy*/ được coi là ngoại-triển hơn *vài*, *răm*, một phần là vì lí-do này :

— *mười ba, trăm ba* S *trăm vài, trăm răm*
mười mấy, trăm mấy

— *sức mấy* S *sức vài, sức răm*
sức mười

— *cháu lên mấy* S *cháu lên vài* (*răm*)
cháu lên bảy

423. Qui-pháp về từ M.

Các dạng-vị M có thể kết hợp với nhau. Tương-quan vị-trí của các dạng-vị định đoạt giá-trị tương-đối của dạng-vị trong từ M. Đó là lí-do chính của sự khác nhau giữa *trăm ba* và *ba trăm*.

Chúng ta chỉ có tất cả thảy là :

17 dạng-vị M chính-xác,

1 dạng-vị M vô-định (*mấy*),

5 biến-dạng của dạng-vị chính-xác, để phát biểu ý-niệm hàng (*mốt, lăm, mươi*) hay ý-niệm đại-khái (*vài, răm*).

Dạng-vị M vô-định (*mấy*) trong những câu vấn-hỏi có nội-dung đi từ 0 (không) đến ∞ (vô-cùng).

Với 17 dạng-vị M chính-xác và 3 biến-dạng của những dạng-vị này, bất cứ một số nguyên nào cũng có thể phát biểu thành một từ M.

Để tránh sự lẫn-lộn về danh-pháp tôi sẽ dùng những danh sau đây trong phần này :

• *số-từ* hay *từ M* = bất cứ một từ đơn hay phức nào thực-sự được dùng trong ngôn-ngữ; có những tính-cách đã được dùng để định nghĩa từ M.

• *dạng-vị* M = dạng-vị căn-bản (17 dạng-vị chính + 3 biến-dạng) dùng để cấu tạo số-từ.

• *số* = ý-nghĩa của từ M như được định bởi tự-vựng và ngữ-pháp.

Chẳng hạn như có một người nói :

hai ngàn bảy trăm sáu mươi lăm (2765)

Ta sẽ ghi số-từ này với một công-thức bảy dạng-vị, mỗi dạng-vị là một tiếng. Bảy dạng-vị trong từ M trên được viết thành công-thức là :

$M \to \to M_1 - M_2 - M_3 - M_4 - M_5 - M_6 - M_7$

với M_1 = dạng-vị */hai/*

M_2 = dạng-vị */ngàn/*

M_3 = dạng-vị */bảy/*

vân vân....

Từ M (số-từ) = M

Số = 2765

Sau đây là qui-pháp số-từ :

Trong qui-pháp số-từ, chỉ có hai tương-quan vị-trí được coi là có ý-nghĩa :

Hoặc là dạng-vị trước lớn, dạng-vị sau nhỏ ;

Hoặc là dạng-vị trước bằng hay nhỏ hơn dạng-vị sau.

Dạng-vị nhỏ có thể thay đổi từ */một/* đến */chín/*.

Dạng-vị lớn bao giờ cũng là một tiếng chỉ một hệ-số của mười, nghĩa là */mươi/*, */trăm/*, */ngàn/*, */vạn/*, */triệu/*.

Các dạng-vị lớn sẽ được viết ngả cho dễ nhận, như M_2.

Qui-pháp là : Khi nào dạng-vị trước lớn, dạng-vị sau nhỏ thì cộng ; khi nào dạng-vị trước nhỏ hơn hay bằng dạng-vị sau, thì nhân.

Qui-pháp này diễn-giải bằng công-thức toán-học như sau :

1 — Khi $M_1 > M_2$ $(M_1 = 10^n)$

thì $M_1 + M_2$

Thí-dụ: *mười một, mười hai,... mười chín.*

trăm một,..... trăm mười,.... trăm mười bảy.....

2 — Khi $M_1 \leqslant M_2$ $(M_2 = 10^n)$

thì $M_1 \times M_2$

Thí-dụ: *hai mươi, ba mươi,.... (mười mươi).*

một trăm,..... chín trăm.

một ngàn,..... chín ngàn.

một triệu,.... ngàn triệu,.... triệu triệu.

3 — Với ba dạng-vị M trở lên, thì phải cắt từ M ra thành hai hay nhiều khúc, mỗi khúc gồm hai dạng-vị, từ trái sang phải; như thế nghĩa là với mỗi khúc có cấu-tạo (M-*M*), dạng-vị thứ nhì trong khúc luôn-luôn là một hệ-số của 10.

Qui-ước 1 và 2 vẫn có hiệu-lực. Vì thế, trong khúc, số là [M] × [*M*]. Số này được cộng với số được chỉ bởi dạng-vị M đi sau, nếu không còn một dạng-vị nào khác nữa; hoặc nếu còn một hay nhiều dạng-vị khác, thì số trên sẽ cộng với số được chỉ bởi cả cái phần còn lại của từ M.

Thí-dụ: *bảy trăm năm mươi ba.*

$M_1 - M_2 - M_3 - M_4 - M_5$

với $M_1 < M_2 > M_3 < M_4 > M_5$

chia khúc: $(M_1 \times M_2) + ((M_3 \times M_4) + M_5)$

Số $= (7 \times 100) + ((5 \times 10) + 3) = 753$

Những từ M có trên 5 dạng-vị cũng theo cách đó, nhưng hơi phức-tạp hơn.

Trong cách nói của người Việt có-học ngày nay, ngôn-điệu cũng hợp với qui-tắc trên. Sau mỗi khúc lại có một điểm ngưng, và sự ngắt khúc này trùng hợp với một sự thay-đổi trong nét giọng, chuyển từ một bực dưới lên một bực trên (về cường-độ và trường-độ).

Bảy trăm năm mươi ba (753) được nói là:



Một triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm năm mươi ba (1 842 753) được nói là:



Ngôn-điệu nói chung, và nét giọng nói riêng, liên hệ liên-đới với cơ-cấu của số-từ: hai cái hỗ tương nhau và tiền giả thiết nhau.

4.2.4. Tính-cách nội-cơ của từ M.

Cơ-cấu nội-bộ của từ M là một tính-cách căn-bản về ngữ-pháp của từ M trong bất cứ một khối lời nào và ở bất cứ một chức-vụ nào của khúc M.

Từ M được nhận diện trước hết vì số dạng-vị được dùng làm từ này được giới hạn trong số 17 dạng-

vị với 3 biến-dạng chính là /*mốt*/, /*lăm*/ và /*mươi*/. Với tổng-số 20 tiếng ấy, mà ta phải học để biết, có thể làm thành một chuỗi số-từ vô-cùng-tận.

Sự bắt-buộc phải học những tiếng căn-bản đã được thực hiện từ khi ta còn nhỏ. Trẻ con chơi đếm sao :

Một ông sao sáng
Hai ông sáng sao
Ba ông sao sáng
Bốn ông sáng sao
.....

hoặc hát đúm :

Thìa la thìa lẩy
Con gái bảy nghề
Ngồi lê là một
Dựa cột là hai
.....

là vừa chơi vừa học, Chúng nhập tâm những hình-thức âm-thanh của các dạng-vị M và sự nối-tiếp đều-đặn của những dạng-vị ấy để dùng trong ngôn-ngữ. Hình-thức và nội-dung được lồng vào với nhau trong tâm-lí từ những tuổi thơ-ấu.

Hai mươi dạng-vị M này kết hợp với nhau trong việc thông-giao theo qui-luật ấn định bởi ngữ-pháp. Ngữ-pháp định đoạt những liên-hệ giữa các dạng-vị và là yếu-tố quyết định ý-nghĩa của mỗi dạng-vị M trong từ M.

4.2.4.1. Liên-hệ tập-hợp.

Liên-hệ tập-hợp, là liên-hệ đã được định nghĩa bởi sự không-tiền-giả-thiết và không-hỗ-tương giữa những ngữ-tố được liên hệ.

Hai từ M có thể đi cùng với nhau trong một liên-hệ tập-hợp.

Liên-hệ tập-hợp này có thể rất rõ-ràng vì giữa hai từ M có một từ ngăn cách như /*và*/, /*hay*/, /*với*/. Thí-dụ:

V. Ch.— *Mười bảy hay là mười tám đây,*
cho ta yêu dấu chẳng rời tay (1)
(Hồ Xuân Hương)

Nhưng nhiều khi sự tập-hợp không rõ-ràng như thế. Chẳng hạn:

— *Tôi sẽ lại anh vào khoảng bảy tám giờ chi đó.*

— *Năm nay con hăm mốt tuổi đầu rồi, chứ còn mười lăm, mười bảy gì cho nó cam.*

V. Ch.— *Đêm qua ba bốn lần mơ,*
Chiêm bao thì thấy, dậy rờ thì không
(Cd)

— *Một khóm thủy-tiên năm bảy trội,*
Xanh xanh như sắp thập-thò hoa
(Nguyễn Khuyến)

---

(1) Trong câu này (của Hồ Xuân Hương), *mười bảy* và *mười tám* có cấu-tạo của số-từ, nhưng được dùng làm diễn-vụ của câu.

— *Răm ba ngày nữa, tin xuân tới,*
Pháo chúc nhà ai, một tiếng đùng.
(Nguyễn Khuyến)

— *Bấm đít bấm trôn mà chịu vậy,*
Một hai tháng nữa đợi anh về.
(Cống Quỳnh)

— *Còn năm ba chữ nhồi trong ruột*
Khéo khéo không mà nữa cũng rơi.
(Trần Tế Xương)

— *Năm bảy bài thơ, gầy gối hạc,*
Một vài đứa trẻ, béo răng nghê
(Phạm Thái)

— *Học-trò răm ba đứa: nửa người, nửa ngợm, nửa đười-ươi*
(Cao Bá Quát)

Trong những thí-dụ trên, ý-nghĩa của dạng-vị M đi sau không phụ thuộc vào dạng-vị M đi trước; hai tiếng, không có tiếng nào tiền giả thiết tiếng nào, hoặc được tiền giả thiết bởi tiếng nào. Chúng là từ M được tập hợp vào với nhau, chứ không phải là hai dạng-vị thành-phần của một từ M.

Liên-hệ tập-hợp được ghi nhận trong những xây-dựng trên vì hai từ tập-hợp là hai từ đồng-trị và tương-đương về phương-diện ngữ-pháp. Tính-cách đồng-trị và tương-đương này được phát biểu bởi :

1 — Sự gần sát nhau trong bực thang các số giữa

hai từ được kể tiếp theo nhau: hai từ này thường liền nhau về trị-giá số-học:

— *Tôi đi vắng chừng một hai bữa thôi*

hoặc chỉ cách nhau một hai bực:

V.Ch. — *Một khóm thủy-tiên năm bảy trội.*
(Nguyễn-Khuyến)

— *Chép miệng năm ba con kiến gió.*
(Lê Thánh Tôn)

Rất ít khi hai từ cách nhau xa hơn trong cái chuỗi liên-tục của các số tự-nhiên:

V.Ch. — *Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường* (K)

Cũng có khi hai từ không liền nhau, nhưng trong thành-phần vẫn phải có hai dạng-vị liền nhau, như:

trăm mốt, trăm hai

2 — Cơ-cấu in hệt nhau giữa hai từ M tập-hợp: nếu là từ M căn-bản thì cùng là từ M căn-bản cả, và nếu là M phức thì cùng là từ M phức ở một hàng giống nhau.

Hai số-từ tập-hợp là hai số-từ đồng-trị và đồng-cấu:

năm ba
vài ba
mười bảy, mười tám
hai trăm, ba trăm
ngàn mốt, ngàn hai

và cũng có thể là:

ba mươi, băm mốt
năm mươi, năm lăm

Sự đồng-cơ-cấu rất rõ-rệt như trên cho phép nhận định liên-hệ tập-hợp giữa hai số-từ.

3 — Nét giọng giống nhau : Hai từ M đồng-trị và đồng-cấu được nói lên với nét giọng in hệt như nhau ;

Chẳng hạn :

mười / bảy, *mười / tám*
ngàn / mốt, *ngàn / hai*

4 — Ý-nghĩa chung của những cặp từ M tập-hợp là một số chưa định rõ, và được phỏng định là ở giữa hai số được chỉ bởi hai từ này.

Để nhấn mạnh tính-cách không-chính-xác của những cặp từ M tập-hợp, một trong hai từ M có thể được biểu hiện là một biến-dạng bất-định : *răm ba, răm bảy, một vài.* Khi ấy, nội-dung của cặp M tập-hợp tăng thêm tính-chất mơ-hồ (1).

---

(1) Sự tập-hợp có thể ghép hơn hai từ M với nhau. Những nhận-xét trên vẫn áp dụng và cho phép hiểu rằng đó là một chuỗi từ M tập-hợp.

Một bài thơ của ông Nghè Tân (Nguyễn Quí Tân) kể một chuỗi từ M tập hợp để tả một bức tranh « nhất ô bách tước» 'một con quạ và trăm con sẻ':

Một chích, một chích, lại một chích,
Ba bốn năm sáu bảy tám chích ;

4.2.4.2. Liên-hệ chọn-lựa.

Liên-hệ chọn-lựa đã được định nghĩa là liên-hệ có sự tiền-giả-thiết và không có sự hỗ-tương giữa hai ngữ-tố.

Khi nhiều dạng-vị M được kết-hợp với nhau thành một số-từ, thì hai tiếng */trăm/*, */mươi/*, theo một thứ-tự và một chu-kì, và hai tiếng */triệu/*, */ngàn/* lại theo một thứ-tự và một chu-kì khác. Đây là bằng-chứng rõ-rệt nhất của sự tiền-giả-thiết. Tiếng đầu-tiên đã nói ra rồi, những tiếng khác sẽ lần-lượt xuất hiện theo đúng thứ-tự và theo một nhịp-điệu đều-đều; nếu có một tiếng vắng, thì tiếng sau lên thay thế chứ không thể có một sự lộn-sộn nào cả.

Có sao ít quạ lại nhiều chim?
Ăn hết nhân-gian nghìn vạn thạch!

(*Một chích* = một chiếc, một con)

Điểm đặc-biệt trong bài thơ này là nếu ta cộng hai câu nhất và nhị lại thì đúng là 101 con:

$$\left.\begin{matrix} 1 + 1 + 1 = 3 \\ (3 \times 4) + (5 \times 6) + (7 \times 8) = 98 \end{matrix}\right\} 101$$

Tiết-điệu câu thứ hai có thể là:

— — — — — — | ‾ || (sáu từ M tập-hợp)

hoặc _/‾ | _/‾ | _/‾ | — || (ba cặp tính nhân cộng lại)

Khi ngâm lên, cách đọc dưới đã đem vào câu thơ một nội-dung đặc-biệt, vì không còn là một chuỗi từ M tập-hợp như ta tưởng, mà là ba cặp số nhân nối nhau: sự khác-thường này làm ta suy nghĩ và do đó mới hiểu được cái dụng của câu thơ.

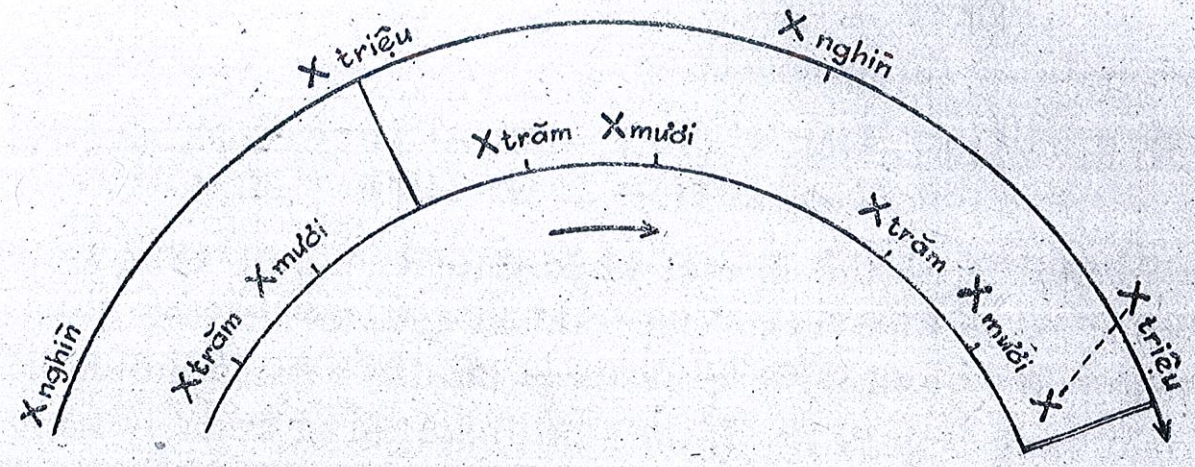

Biểu-đồ (35). *Chu-kì của những tiếng chỉ hệ-số của 10 trong từ M.*

Chú ý: 1— Chu-kì không đều nhau của cặp */trăm/*, */mươi/*, và cặp */triệu/*, */nghìn/*B (*/ngàn/*N)

2— Sự xen-kẽ của những dạng-vị nhỏ dưới mười (X).

3— Khi dạng-vị */mười/* xuất hiện (thanh huyền) thì dạng-vị đi sau là dạng-vị chót của từ M.

Từ M cũng có thể tận cùng bằng */mươi/* hay bất cứ một dạng-vị M nào khác (trừ *vài, răm*).

Liên-hệ chọn-lựa trong một từ M không bắt-buộc phải có một thứ-tự nào của các dạng-vị dưới *mười* ở giữa hai dạng-vị chỉ hệ-số của mười. Trên biểu-đồ, những chỗ đánh dấu X có thể là bất cứ dạng-vị nào từ 0 (*không*) đến 9 (*chín*).

Công-thức để nói một số-từ là:

Với M_0 là bất cứ dạng-vị nào từ 0 đến 9

và $[10^1] =$ */mươi/*

$[10^2] =$ */trăm/*

$[10^3] =$ */nghìn/*^{B} ~ */ngàn/*^{N}

$[10^6]$ = */triệu/*

một số-từ sẽ được đọc là :

i) $M_0 - [10^6] - M_0 - [10^5] - M_0 - [10^4] - M_0 - [10^3]$
$- M_0 - [10^2] - M_0 - [10^1] - M_0$

M_0 đầu lại có thể là một khúc đuôi của một công-thức cũng giống như trên. Những khúc đầu có thể vắng khi $M_0 = 0$ và những khúc ấy được bỏ đi : Nếu có một khúc nào vắng ở giữa từ M, thì phải thay thế cả khúc ấy bằng từ */lẻ/*, */linh/*, hoặc đọc M_0 là */không/*.

Trong cái liên-hệ chọn-lựa giữa những dạng-vị của một số-từ, tính-cách phụ-thuộc của một dạng-vị vào dạng-vị đi trước được diễn bởi những công-thức sau đây (đã được giảng ở trên) :

ii. Khi $M_n > M_{n+1}$, thì $[M_n] + [M_{n+1}]$

iii. Khi $M_n \leqslant M_{n+1}$, thì $[M_n] \times [M_{n+1}]$

Ba công-thức *i*, *ii* và *iii* tóm tắt tất cả hình-thức và nội-dung của từ M.

4.2.4.3. Những cách nói nhấn.

Một vài dạng-vị M có thể được nhấn ngay trong sự phát-biểu Sự nhấn được thực hiện bằng cách nói các dạng-vị ấy một cách khác thường. Thí-dụ :

hai năm mươi (= một trăm),
với nghĩa là 'trăm tuổi' (từ B)

Có khi cả hai cách cùng được nói. Thí-dụ :

— *Cũng được ba bảy hăm mốt ngày là hết*
$(3 \times 7) = 21$

— *Đã được bảy bảy bốn chín ngày rồi đấy :*

$$7 \times 7 = 49$$

Những cách nói nhấn này hạn chế vào trong một số thành-ngữ.

4.2.5. Vị-trí và chức-vụ của dạng-vị M.

Vị-trí thường của từ M là vị-trí ngay trước danh-từ. Vị-trí ấy có thể thu hút được cả các lượng-số-từ khác là từ L và LM ; những từ này, khi ở vị-trí của từ M cũng có một nội-dung như từ M : chúng chỉ những lượng-số đếm được của vật-thể được gọi bởi danh-từ. Ta có thể nói rằng vị-trí từ M là vị-trí có chức-vụ định lượng-số dưới khía-cạnh đếm được của danh-từ.

Dạng-vị M có thể di chuyển sang một vài vị-trí khác. Khi ấy, nội-dung của dạng-vị M thay đổi đi. Sự thay-đổi vị-trí là một sự biến-đổi rất quan-trọng về hình-thức : mặc dầu vẫn là dạng-vị ấy trong hình-dạng, nhưng các tương-quan ngữ-pháp thay đổi làm cho chức-vụ là chức-vụ khác, và nội-dung cũng là nội-dung khác.

4.2 5.1 Dạng-vị M trong thành-phần danh.

A — Trước danh-từ : đó là vị-trí đã được khảo sát của từ M. Ý-nghĩa trong trường-hợp này là một lượng-số đếm-được.

một con trâu	*hai mươi tuổi*	*ba hồn*
bảy cái nhà	*hai mươi bảy cái xuân xanh*	*bảy vía*

Tuy-nhiên cũng có một trường-hợp đặc-biệt, có

thể gọi là ngoại-lệ trong ngữ-pháp : *Ba giờ, mười giờ* không có nghĩa là số giờ, mà là 'giờ thứ ba', 'giờ thứ mười'.

Trường-hợp này là một xây-dựng vay mượn của pháp-ngữ trong một thời gần đây. Trước kia, ta vẫn nói *canh ba, canh năm,* với nghĩa là 'canh thứ ba', 'canh thứ năm', để phân biệt với *ba canh, năm canh* 'số canh'.

B — Sau danh-từ : đó là vị-trí cải-từ (từ C_A), là những từ thu hẹp ý-nghĩa của danh-từ vào một loại nhỏ hơn. Thí-dụ :

con một
vợ hai
nhịp ba, lầu ba, canh ba
con gái mười bảy
máu băm lăm
lớp tám
sức mấy ; sức mười

V.Ch.— *Con gái mười bảy bẻ gẫy sừng trâu* (Tng)

— *Chiếc thuyền nan anh giậm thình-thình,*
Anh thì cầm lái, cô mình phách ba (Cd)

Khi nói về *thứ-bực,* khuynh-hướng của ngôn-ngữ việt-nam là dùng hẳn một chuỗi tiếng khác. Những tiếng này là tiếng gốc hoa : */nhất/, /nhì/... /tư/.* Nhưng sau đó cũng lại vẫn dùng các tiếng về số theo việt-ngữ : */ba/, /năm/, /sáu/... /mười bốn/....* Các tiếng này thường được

đặt sau dạng-vị */thứ/* ; Khúc */thứ* M/ đứng sau một từ A với tính-cách một từ C_A .

Trong một vài trường-hợp, một danh-từ có thể đã thu hút khúc */thứ M/* thành một biệt-danh, như *ngày thứ hai, ngày thứ bảy*. Biệt-danh này có thể đứng riêng-rẽ với chức-vụ của một từ A :

— *Thứ ba trước, anh đi đâu đấy ?*

Với các ngày trong tháng : từ thứ một đến thứ mười thì gọi là */mồng* M/ ; từ thứ mười một đến thứ 31 thì gọi thẳng bằng từ M chỉ số đó, trừ *ngày rằm* là ngày thứ 15 trong tháng ta.

C — Biệt-danh trong một hệ danh-từ : Dạng-vị M có thể được dùng làm một dạng-vị biệt-danh trong cấu-tạo của một từ A.

Thí-dụ : *con số ba*
ông ba mươi 'con hổ'
tháng một 'tháng thứ 11 theo năm ta'
năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba

Những dạng-vị biệt-danh này phần nhiều là những từ C_A chỉ một vị-trí thứ-bực đã bị thu hút vào trong nội-bộ của danh-từ. Tuy-nhiên, cũng có những biệt-danh không chỉ một vị-trí thứ-bực trong nội-dung, như *con số ba, ông ba mươi*, và có biệt-danh thì cũng chỉ thứ-bực, nhưng không theo cái nghĩa thường của dạng-vị, như *tháng một*.

D — Từ M thay thế cho từ A như một từ ĐA :

Thí-dụ : — *Ông nuôi được bao nhiêu gà cả thảy*

— *Tôi nuôi được khoảng ba trăm*

— *Nhãn này bà bán bao nhiêu một trăm?*

— *Hai mươi lăm đồng một trăm, ông mua cho tôi vài trăm đi.*

— *Hai mươi có được không?... hăm mốt, ...thôi hăm hai, bà bán đi.*

V Ch.— *Con gái bảy nghề, ngồi lê là một* (Tng)

— *Bốn chín chưa qua, năm ba đã tới.* (Tng)

— *Bảy mươi chưa què chớ khoe rằng giỏi.* (Tng)

— *Lấy năm thì cũng dành ngồi chánh,*
Dẫu bảy càng thêm vững việc nhà.
(Nguyễn Khuyến)

Những thí-dụ trên chia ra làm hai trường-hợp :

1) Từ M dùng để thay thế cho một từ A đã nói tới rồi ; Từ A này phần nhiều cũng đã có một từ M hay K, L, LM để chỉ số-lượng, nhưng cũng có khi đứng trơn. Dầu sao thì cũng có một đồng-văn để giúp cho sự hiểu nghĩa của từ M.

2) Từ M dùng như một danh-từ, mà không có một danh-từ nào ở trong đồng-văn một cách minh hiển. Trường-hợp này thường chỉ dùng để nói về tuổi, nhưng cũng có khi nói về cái khác (vợ, con...).

Ý-nghĩa được định bởi đồng-văn và hoàn-cảnh :

Những câu nói về tuổi thường được bắt đầu với hai tiếng *năm nay* để tạo hoàn-cảnh. Từ M được dùng trong câu nói đó với ý-nghĩa là số tuổi. Tính-cách đại-danh-từ của từ M được xác định rõ-ràng nhất khi từ M đứng làm bổ-vụ cho diễn-thuật-từ *lên* : đây là trường-hợp nói về trẻ nhỏ dưới 10 tuổi :

— *Năm nay cháu lên mấy ?*

— *Dạ, thưa bác, cháu lên chín ạ.*

Trường-hợp của người trên 10 tuổi không dùng từ B *lên*.

42.5.2. Dạng-vị M và từ M trong thành-phần diễn-thuật.

Trong thành-phần diễn-thuật, số-từ có thể được dùng làm diễn-thuật-từ.

A — Số-từ đứng một mình làm từ chính của thành-phần diễn-thuật, như một từ B :

Thí-dụ : — *Năm nay tôi bốn mươi bảy*

— *Ông ấy đã hai năm mươi* 'Ông ấy đã mất'

V. Ch. — *Mình với ta tuy hai nhưng một*
Ta với mình sao một mà hai
(Nguyễn Khắc Hiếu)

— *Mồm năm, miệng mười* (Tng)

Thực ra, những số-từ này đều có giá-trị của những

đại-danh-từ. Chúng thay thế một từ A, thường-thường thì là *tuổi*, nhưng cũng có khi là một từ A khác mà đồng-văn cho biết ; như trong câu thơ trên, thì là nghĩa-vị chung ẩn trong /*mình*/ và /*ta*/ tức là *người*, (hay *hình* và *thể*).

Trường-hợp danh-từ có một số-từ dẫn trước được dùng trong chức-vụ diễn-thuật là một trường-hợp rất thường thấy :

Như :

— *Năm nay con hăm mốt tuổi đầu rồi* chứ còn non
P(A) — B — C_B
điều chi nữa

— *Bọn nó mấy người* ?

— *Nó hai vợ.*

V.Ch. — *Con gái bảy nghề* (Cd)

— *Về nhà, em đã năm con cùng chàng* (Cd)

Sự dùng một số-từ, với giá-trị của một đại-danh-từ, để làm từ diễn-thuật, chỉ là một trường-hợp đặc-biệt của những xây-dựng trên.

Trường-hợp này không riêng biệt cho việt-ngữ. Anh-ngữ cũng có những xây-dựng tương-tự, trong đó chỉ có một điểm khác là có dùng động-từ *to be* để móc nối hai thành-phần của câu :

— *I am forty eight*

Sự dùng tiếng móc nối /*là*/ không có tính-cách bắt-buộc trong việt-ngữ và mang theo một ý-niệm khác :

— *Tôi với anh là hai, với nó nữa là ba*

B — Có khi hai dạng-vị M được ghép lại với nhau để làm thành một diễn-thuật-từ, với nội-dung là cái ý-nghĩa thoát ra từ sự ghép hai dạng-vị M này với nhau.

Thí-dụ 1 : — *Chết đến nơi rồi, không còn một hai chi nữa.*

/Một hai/ là một từ B miêu tả (từ B_2) có ý-nghĩa là *do-dự, nghi-ngờ, lưỡng-lự*, và ý-nghĩa này chính là cái mẫu-số chung của tất cả các tập-hợp hai từ M liên-cận như đã nói ở trên.

Thí-dụ 2 : — *Mấy anh lính tập, giờ này mà còn một hai một hai.*

/một hai - một hai/ là một từ B có ý-nghĩa là 'bước đều theo nhịp một-hai'. Đây là một từ hài-thanh (giống như : *Con gà cục ta cục tác).*

C — Cũng hình-dạng trên, nhưng dùng trước một diễn-thuật-từ miêu tả, */một - hai/* có ý-nghĩa trái ngược hẳn lại :

Thí-dụ : *Nó cứ một-hai đòi cho kì được mới thôi.*
C_B — B

Ý-nghĩa của */một-hai/* ở đây là 'nằng-nặc'.

Sự biến-đổi ý-nghĩa của */một-hai/* từ 'do-dự' sang 'nằng-nặc' đã hoàn-toàn do sự di-chuyển của từ ghép này, từ vị-trí và chức-vụ một từ B sang vị-trí và chức-vụ một từ C_B.

4.2.6. Triển-độ của các dạng-vị M.

Ra ngoài khối từ tiền-A, các dạng-vị M đều ngoại triển so với các dạng-vị K, L, LM vì, như ta đã thấy, dạng-vị M có thể làm cả những chức-vụ thường dành cho:

từ C_A (cải-vụ cho từ A)
biệt-danh trong một từ A
từ ĐA (thay thế một từ A)
từ B_2 (diễn-vụ)
từ C_B (cải-vụ cho một diễn-thuật-từ)

Các từ và dạng-vị M không đồng nhất về phương-diện này.

Tất cả các dạng-vị M đều có thể dùng làm diễn-thuật-từ miêu-tả được, nhưng riêng */một/*, */hai/* lại có thể kết hợp với nhau để vào làm từ B và từ C_B.

Ngược trở lại, dạng-vị */một/* lại mất khả-năng làm từ C_A và gần như hoàn-toàn bị thay thế bởi */nhất/*, còn */hai/* cũng bị thay bởi */nhì/* nhưng vẫn còn giữ một phần khả-năng làm từ C_A:

hạng nhất	*hạng nhì,*
	hạng hai
thứ nhất	*thứ nhì,*
	thứ hai
lớp nhất	*lớp nhì*
sái nhất	*sái nhì*

/Trăm/, */nghìn/*, */vạn/*, */triệu/* có thể cư xử như

những từ A cộng-tập trong một vài trường-hợp, vì sự tương-tự của những xây-dựng :

ba nắm
ba chùm
ba bó
với *ba trăm*
— *Bà bán cho tôi ba trăm nhãn*

Tính-cách giả-danh-từ (1) của những tiếng này làm tăng thêm triển-độ của chúng.

4.2.7. Những danh-từ chỉ số-lượng đếm được :

Có một số danh-từ thường bị lầm là số-từ. Những danh-từ này là những từ A cộng-tập :

chục, đôi, cặp, tá

Các từ này chỉ dùng với những danh-từ đếm-được mà thôi (*chục cam, đôi lứa, cặp giò, tá quít*).

4.2.7.1. Chúng không kết hợp được với nhau và với

(1) Trường-hợp này rất giống như những tiếng *vingt, cent, mille, million* trong pháp-ngữ, vì những tiếng này có số nhiều như những danh-từ :

quatre-vingts, trois cents, dix milles

Nhưng khi chúng đứng vào giữa một số-từ thì chúng mất tính-cách danh-từ đi.

Trong anh ngữ, những tiếng *hundred, thousand, million* đều không thay đổi khi là những dạng-vị của một số-từ, nhưng chúng cũng là danh-từ khi đứng một mình. Khi đó, chúng có số nhiều :

Thousands of men and women are working on the project.

những dạng-vị M để làm những số-từ. Nguyên-tắc nội-cấu không nhận chúng là những từ M.

Nguyên-tắc ngoại-cơ cũng không chấp nhận chúng là từ M, vì chúng không được dùng làm cải-từ như tất cả các từ M khác.

Tuy-nhiên, /*đôi*/ cũng có thể di chuyển vị-trí mà làm một từ C_B trong một số thành-ngữ rất hạn chế: *sinh đôi, chia đôi...*

V.Ch.— *Vầng trăng, ai xẻ làm đôi,*
A_b /ĐA↔ B_2— B_1 — C_B
nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường (K)

/*Cặp*/, từ C_B, chỉ thấy trong *cá cặp*. Còn /*chục*/, /*tá*/ là những loại-danh không dùng để làm từ C_B được.

Trong số những danh-từ này, /*đôi*/ là tiếng độc-nhất có thể kết hợp theo hai cách với /*mươi*/, làm thành:

đôi mươi và *mươi đôi* (*mười đôi*)
A_2 — A_1 M — A

V.Ch. — *Thân là thân hiếm-hoi là chừng ấy, nỡ nào lấy đôi mươi năm làm một kiếp,...*
(Phạm Thái)

Tuy-nhiên, *mươi đôi* làm thành một số khác 10 + 2; vả chăng từ M ở đây là *mươi* chứ không là *mười* như *mười hai*. Vì vậy, cả trong trường-hợp này, *đôi* cũng không phải là từ M.

/*Chục*/ là một danh-từ chấp nhận có một số-từ đi sau để cải biến :

chục mười hai
A — C_A

V.Ch.— *Lãi mẹ lãi con sinh đẻ mãi,*
Chục ba chục bảy, tính nhiều sao !
(Nguyễn Khuyến)

'chục ba phân lãi, chục bảy phân lãi'.

/*Cặp*/ là một danh-từ cũng chỉ một số-lượng bất-định như /*chục*/ :

cặp gà giò	(cặp = 2)
cặp vợ chồng	(cặp = 2)
cặp chả	(cặp > 2)
cặp sách	(cặp > 2)
cặp tóc	(cặp > 2)

/*Cặp*/ có thể là một diễn-thuật-từ :

— *Hai anh chị cặp với nhau từ lâu.*
B

và cũng có thể dùng làm từ C_B :

đánh cá cặp
$B_3 — B_1 — C_B$

Về phương-diện ngữ-pháp, những danh-từ này khác nhau bởi triển-độ như sau :

	Ngoại-triển	Nội-triển	
Nội-cấu	*đôi*	NG	Nội-triển
Ngoại-cơ		*cặp*	*chục* *tá*

Bảng 36.— *Bảng các danh-từ số-lượng theo tính-cách và triển-độ.*

(Tính-cách nội-cấu : khả-năng kết hợp với những từ M khác).

4 3. LƯỢNG-TỪ (TỪ L) VÀ LƯỢNG-SỐ-TỪ (TỪ LM).

4.3.1. Các từ L và từ LM đều có thể dùng làm từ M được, nghĩa là đứng ở vị-trí ngay trước danh-từ để chỉ lượng-số đếm-được của cái được chỉ bởi danh-từ.

Từ L có thể kết hợp với một từ M; khi ấy, bao giờ từ L cũng đứng trước từ M và bị ngăn cách với danh-từ bởi từ M:

— *Những hai mươi ngày kia à?*

— *Mỗi ba người có một khẩu tiểu-liên.*

Từ LM không kết-hợp được với từ M:

— *Các anh phải cẩn thận*

— *Mọi nhà đóng cửa kín-mít*

Tính-cách này của từ LM phân biệt từ LM với từ L, và cũng phân biệt từ LM với từ M nữa, vì từ M có thể kết hợp được với chính từ M.

	L	LM	M
L	—	—	+
LM	—	—	—
M	+	—	+

Bảng 37.— *Khả năng kết hợp của các từ tiền-A với nhau.*

Chúng ta có thể nói rằng về phương-diện nội-cấu của các từ tiền-A, từ M là từ ngoại-triển nhất, rồi đến từ L, và cuối-cùng là từ LM.

4.3.2. Từ L chỉ có hai tiếng:

/những/ và */mỗi/*

Từ LM cũng chỉ có hai tiếng (1):

/các/ và */mọi/*

Sự đối-chiếu nhau giữa hai cặp từ này rất là rõ-rệt trong ngữ-pháp-học cũng như trong ý-nghĩa-học:

L	*những*	≠	*mỗi*
	≠		≠
LM	*các*	≠	*mọi*

/Những/ là từ L ngoại-triển nhất. Tính-cách ngoại-triển này cho */những/* một ý-nghĩa về lượng rất rộng-rãi và bao-gồm. */Những/* thuộc về số nhiều trái với */mỗi/* là số đơn.

Khi đứng trực-tiếp trước một danh-từ, */những/* là một hiệu-kí của số nhiều thuần-túy, và không có tính-cách chỉ-định đối với danh-từ đi sau. Danh-từ này đòi

(1) Có thể kể thêm */từng/* (*từng người*).

phải có một sự chỉ-định bổ-túc bởi một từ C_A để thu hẹp nội-dung của danh-từ lại. Cơ-cấu gần như bắt-buộc của */những/* là :

những — A — C_A

Thí-dụ : *những cái ấy*
những đồ nhập-cảng
những vấn-đề của chúng ta
những điều mà tôi vừa nói

V.Ch. — *Những điều trông thấy* mà đau đớn lòng (K)

— *Những người lử-khử lừ-khừ*
chẳng ở Đại Từ thì ở Vũ Nhai. (Tng)

— *Những người thắt đáy lưng ong*
đã khéo chiều chồng, lại khéo nuôi con. (Tng)

— *Nhắn những kẻ đường mây bước trước.*
(Dương Lâm)

— *Những cành mới nhánh, đừng vin nặng.*
(Nguyễn Gia Thiều)

Câu Kiều :

— *Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày*

là một câu cô-đặc đến nỗi thành cụt. Nói thường thì câu trên sẽ phải là « Mưu cao ấy vốn đã được rắp ranh từ những ngày nào rồi » để từ A *ngày* được chỉ định một cách rõ-ràng hơn cho hợp với lượng-số */những/*.

Khi đứng trước một từ M, */những/* mới thực là

từ L. /*Những*/$_L$ mang vào cho từ M đi sau cái ý-niệm là rất nhiều, và có thể là quá nhiều :

— *Những mười bốn người thì làm sao mà đủ chỗ ngồi được.*

— *Tôi đặt những tám cái bánh kia.*

— *Phụ-cấp được những chính ngàn đồng một tháng kia à ?*

V.Ch.— *Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,*
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu (Ch.Ph).

Trong thành-phần danh, ở đích-vụ hay ở bổ-vụ, công-thức của từ L /*những*/ là :

những — M — A

/*Những*/ có thể chuyển sang thành-phần diễn-thuật. Khi ấy, /*những*/ đứng trước diễn-thuật-từ, tức là ở vị-trí và chức-vụ của từ $ (sắc-từ) như /*chỉ*/, /*cứ*/, /*cùng*/, /*còn*/, . . .

/*Những*/$ cũng vẫn mang ý-niệm là quá nhiều, một cách rất rộng-rãi và bao-gồm, nhưng nội-dung đã bị ảnh hưởng bởi những từ $ khác (*cứ*, *chỉ*) là những từ có thể giao hoán được với /*những*/$:

Thí-dụ : — *Người ta như thế chứ những như anh thì cả đời vợ con phải khổ.*

V. Ch. — *Vì chồng mới phải mò cua,*
những như thân thiếp thì mua mấy đồng (Cd)

— *Những là rày ước, mai ao* (K)

— *Những là đo đắn ngược suôi* (K)

— *Những mừng được chốn yên thân* (K)

— *Một mình, luống những đứng ngồi chưa xong* (K)

— *Áng công-danh, trăm đường rộn rã,*
những nhọc nhằn, nào đã nghỉ ngơi (Ch.Ph.)

— *Những mong cá nước xum vầy,*
bao ngờ đôi ngả nước mây cách vời (Ch.Ph.)

— *Cớ sao cách trở nước non,*
khiến người thôi sớm thì hôm những rầu.
(Phan Huy Chú, Ch.Ph.)

— *Những mừng thầm cá nước duyên may* (CO)

— *Rình như miếng mộc, những toan hại người* (Nh. Đ. M.)

— *Những sợ anh kình luồn dưới rốn,*
lại lo chú chuối lộn bên hông
(Nguyễn Khuyến)

— *Mưa nhỏ, những kinh phường sổ lá,*

— *Gió to, luống sợ lũ dơi già.* (Nguyễn Khuyến)

— *Năm bảy năm nay những loạn li*
(Phạm-Thái)

— *Thế rồi cây đàn còn những làm sao nữa hở cô?*
(Ng. T.)

/*Những*/$_S$ có thể đi với /*càng*/$_S$ trong thành-phần diễn-thuật: hai tiếng khi ấy đồng tính và đồng trị, trong một xây-dựng mẫu BB có chức-vụ như một diễn-thuật-từ.

Trong xây-dựng này, những từ đi theo /*những*/ và /*cùng*/ là diễn-thuật-từ như :

— (Đời ta) *cứ như thế này mãi, chỉ những lo cùng buồn, thì còn gì là đáng sống nữa,*

Những lo cùng buồn, những khổ cùng đau v.v... là những diễn-thuật-từ xây dựng theo mẫu BB, trong đó $\$_1$ = *những* và $\$_2$ = *cùng* đóng vai trò sắc-từ hô-ứng để chỉ một sắc-thái (liên-tục) của cặp từ B đi kèm là *lo-buồn, khổ-đau* . . .

Xây-dựng theo mẫu *những* A *cùng* A cũng có thể dùng những danh-từ hay những tiếng danh-từ-dạng trong cấu-thức. Vị-trí của xây-dựng vẫn là trong thành-phần diễn-thuật. Nếu có một từ B rồi, thì xây-dựng này là một cặp danh-từ bổ-vụ :

V.Ch. — *Ông ngẫm mình ông thêm ngán nỗi :*
Đi đâu rở những cối cùng chày.
(Nguyễn Khuyến)

Nhưng nếu không có từ B thì chính xây-dựng này có thể làm chức-vụ diễn-thuật :

Thí-dụ : — *Đem tiền đi hỏi ông thày,*
bói ra quẻ này những chả cùng nem
P(A) — P(B) (Cd)

/*Những*/ có thể bị phủ định như những sắc-từ khác :

Thí-dụ : — *Ý-nghĩ đó không những sai, mà còn nguy hiểm nữa.*

Trong xây-dựng này, /*không những... còn*/ cũng làm thành một cặp từ $ hô-ứng. Xây-dựng vẫn theo mẫu BB.

/*Mỗi*/ không ngoại triển như /*những*/. Khi đứng trực-tiếp trước một danh-từ, từ L /*mỗi*/ chỉ một số thường thì là số đơn, và là một đơn-vị trong một nhóm :

— *Mỗi năm lại có hội trong làng*

— *Mỗi người chúng ta phải đề cao cảnh giác*

— *Mỗi ngày hai lần, mỗi lần uống mười giọt*

V.Ch.— *Mỗi người thì có một nghề,*
làm cốt thì ngáp, làm nghê thì chầu (Tng).

Danh-từ đi sau không cần phải có một từ cải-vụ, vì những danh-từ ấy đã được tiền chỉ định bởi hoàn-cảnh và đồng-văn.

Khi đứng trước một từ M lớn hơn *một*, thì /*mỗi*/ là từ L biến số-lượng được chỉ bởi từ M thành một khối. Công-thức là : *mỗi* — M — A

Thí-dụ : — *Cứ mỗi ba năm, lại mở hội một lần.*

— *Mỗi ba ngày, có một tiệc nhỏ,*
mỗi năm ngày, có một tiệc lớn.

— *Mỗi ba dặm, lập một trạm*

So sánh với anh-ngữ /*every*/ và pháp-ngữ /*tous*/

a : — *He comes every three days*

ph : — *Il revienl tous les trois jours*

Nếu sau /*mỗi*/ là từ M *một*, thì /*mỗi*/ là từ thêm-thừa để nhấn mạnh sự một của vật-được-chỉ-bởi-danh-từ :

— *Mỗi một người được một phần.*

— *Phần của tôi chỉ có mỗi một cái thôi à ?*

/*Mỗi*/ thường thì chỉ số đơn, nhưng cũng có thể thành số nhiều khi được nhắc lại hai lần liền, thành /*mỗi mỗi*/ 'về mọi chuyện', với tính-cách một từ C_B :

Thí-dụ : — *Mỗi mỗi đều trông vào kẻ khác.*

Cách nói này rất đặc biệt trong việt-ngữ, nhưng ngày nay không còn được dùng nhiều nữa và có lẽ đang trên đường mai một.

/*Mỗi*/ cũng có thể đứng trước một từ B để làm chức-vụ một sắc-từ (từ S). Sắc-từ này giao hoán được với /*một*/.

Thí-dụ : — *mỗi lúc mỗi khác*

V Ch. : — *Mỗi năm mỗi tuổi, mỗi già,*
Chẳng lo liệu trước, ắt là lụy sau (Cd)

Trong những thí-dụ trên, dạng-vị /*mỗi*/ thứ nhất là từ L ; dạng-vị /*mỗi*/ đứng trước từ B là một từ S. Hai tiếng dùng để điều hợp thời-gian của đoạn dưới với đoạn trên cho thành song-song và đồng-hướng với nhau, nên được coi là tương-buộc.

/*Các*/ và /*mọi*/ là hai từ LM rất giống nhau. Cả hai đều nội triển và chỉ dùng ở vị-trí ngay trước từ A mà thôi. Cả hai cũng lại đều chỉ số nhiều. Hai từ LM này giao hoán được với nhau trong mọi trường-hợp.

Ngày xưa, có thể hai từ được dùng thành cặp như ta còn thấy trong truyện Kiều :

— *Dặn dò hết các mọi đường* (K)

nhưng ngày nay, hai từ luôn-luôn đứng riêng-rẽ.

Về phương-diện ý-nghĩa, /*các*/ chỉ một số nhiều làm bởi những vật khác nhau, được phân biệt trong tâm-lí :

— *Thưa các bạn...*

— (Vấn-đề kinh-tế tài-chánh) *xuất hiện hàng ngày trên mặt báo, qua các bài xã-luận, các hí-họa, các bài phóng-sự, và ngay trong các tin-tức vụn-vặt, như các tin cướp giựt, các tin tự tử vì cùng quẫn và các tin về những thảm-trạng gia-đình mà nguyên-nhân là do sự túng-thiếu.*

(Trích báo ngày 4-7-1970)

V.Ch.— *Sai đi các nẻo, tóm về đầy nơi* (K)

— *Nghe nói khoa sau, sắp đổi thi ;*
Các thày đồ cổ đỗ mau đi.

(Trần Tế Xương)

/*Mọi*/ chỉ một số nhiều bao-quát, không lọt một đơn-vị nào ra ngoài, để làm thành một khối đồng-nhất :

— *Tất cả mọi người đều im lặng.*

— *Mọi vật-giá đều leo thang.*

V.Ch.— *Đã ngoài mọi việc chăng còn ước,*
Ước một tôi hiền, chúc thánh minh.

(Nguyễn Bỉnh Khiêm)

— *Mọi sự, chẳng còn mắc míu*
(Nguyễn Bỉnh Khiêm)

— *Nhưng nhưng mọi sự gác ra ngoài*
(Nguyễn Bỉnh Khiêm)

— *Vườn ao đất cát chừng ba thước,*
Nửa lá, tre pheo, đủ mọi tòa.
(Trần Tế Xương)

— *Lòng ngán ngẩm, buồn tênh mọi nỗi* (CO)

— *Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay* (K)

— *Tính sao cho trọn mọi đường thì vâng* (K)

Về phương-diện ý-nghĩa, những đơn-vị được chỉ bởi /*mỗi*/ được coi như giống nhau.

Sự đối-chiếu bốn tiếng: /*những*/, /*mỗi*/, /*các*/, /*mọi*/, cho ta bảng phân-loại sau đây:

NG	N	
	NG	N
Những	*Mỗi*	*Các* *Mọi*
Từ L		Từ LM

Bảng 38. — *Từ L và từ LM theo triển-độ.*

4.3.3. Ý-nghĩa-học.

Các từ L và LM chỉ dùng khi trong hoàn-cảnh có nhiều nhân-vật cá-biệt.

/*Những*/ và /*các*/ đối nhau về ý-nghĩa khi được dùng trong vị-trí trực-tiếp tiền-A, vì /*những*/ chỉ một nhóm phải định nghĩa cho hẹp lại, còn /*các*/ bao trùm tất cả các đơn-vị trong một nhóm đã được chỉ định bởi hoàn-cảnh và đồng-văn.

Sự so-sánh /*những*/ và /*các*/ ngưng ở đây, vì chỉ có thể so sánh được hai cái gì giống nhau. Những chức-vụ khác của /*những*/ vượt ra ngoài khả-năng kết hợp của /*các*/.

/*Mỗi*/ và /*mọi*/ dĩ-nhiên là liên quan đến nhau, và rất có thể là hai biến-dạng theo cơ-năng của cùng một dạng-vị.

/*Mỗi*/ là từ để cá biệt hóa những đơn-vị của một số nhiều. /*Mọi*/ là từ để bao gồm tất cả các đơn-vị cá-biệt lại làm một khối duy-nhất. /*Mỗi*/ và /*mọi*/ là dấu-hiệu để biện biệt hai ý-niệm đối-nghịch nhau trước một số nhiều.

4.4. NHỮNG TỪ B-C CHỈ SỐ-LƯỢNG: TỪ K (ƯỚC-TỪ).

Sau các từ M, chúng ta đã xét một số những từ A chỉ số-lượng như *đôi, cặp, tá, chục*. Những từ này liên quan đến ý-niệm số và được dùng làm danh-từ cộng-tập.

Sự lầm-lẫn với từ M đã được giải thích và sửa sai. *Đôi, cặp, tá, chục* là danh-từ chứ không phải là số-từ.

Trong phần này, chúng ta đề cập đến một vài từ B/C chỉ số-lượng. Chúng cũng hay bị lầm lẫn với những từ lượng-số vì chúng cũng có thể là từ tiền-A, và chúng cũng chỉ những giá-trị hay những tính-cách có ý-nghĩa lượng-số.

Các từ này đã được gọi là từ K khi là từ tiền-A. Đó chỉ là một ngữ-dụng đặc-biệt của chúng. Thực-chất của chúng là những từ B/C, tức là diễn-thuật-từ và cải-từ. Các từ quan-trọng nhất trong loại từ này là :

nhiều, ít, lắm, cả

Nhiều ngôn-ngữ khác, kể cả những ngôn-ngữ âu-tây, cũng dùng những từ C để diễn phạm-trù số-lượng của danh-từ, chẳng hạn như pháp-ngữ dùng hình-thức nhánh và biệt-biến /*peu*/ của từ /*petit*/ để chỉ số-lượng danh-từ (*peu d'hommes*). Trong anh-ngữ, cũng có /*plenty*/, /*many*/ là những phụ-danh-từ (*they are many, they are plenty*) và phụ-phụ-danh-từ hay phụ-động-từ (*plenty good*), được dùng làm từ chỉ số-lượng (*plenty of goods, many things*) :

— *There are plenty of spoons in the drawer*

• /*Nhiều*/ là một từ B khi ở vị-trí và chức-vụ diễn-thuật :

— *Ở đây, người nhiều mà đất thì hẹp.*

— *Ông ấy nhiều tiền lắm.*

và là từ C_A khi đứng sau và phụ một danh-từ trong một câu đã có một từ khác làm từ diễn-thuật rồi :

— *Trong ngữ-pháp, trên hai là số nhiều*

$B - (A - C_A)$

— *Đây là vấn-đề của những nước người nhiều đất hẹp*

$LM - A - ((A - C_A) - (A - C_A))_c$

/Nhiều/ lại có thể làm một từ C_B hay C_C, nghĩa là cải-từ phụ thuộc diễn-thuật-từ và cải-từ phụ thuộc một cải-từ khác :

C_B : *ăn nhiều, làm nhiều, nói nhiều*

— *Bữa nay cháu đã bớt nhiều rồi*

$A - S - B - C_B - C_B$

C_C : — *Như thế này đẹp hơn nhiều*

$(B - A - C_A)_d - B - C_B - C_C$

Những chức-vụ B, C_A, C_B, C_C liên quan mật-thiết với nhau và được định tính bởi những tương-quan vị-trí trong câu. */Nhiều/* là một từ có thể làm được tất cả những chức-vụ này và vì thế, được nhận định là một từ B/C.

Dạng-vị */nhiều/* chỉ đích-xác là một từ K khi trong một thành-phần danh, */nhiều/* đứng trước từ L */những/*, và từ L */những/* đứng trước một từ A :

Thí-dụ : — *Nhiều những người có mặt tại đó vẫn tưởng rằng ..*

Khi không có */những/* đi theo, */nhiều/* cũng có thể cho là một từ K được, nếu thực là thuộc về thành-phần danh với một danh-từ đứng trực-tiếp sau */nhiều/*.

Thí-dụ: — *Nhiều người không hiểu cứ cho rằng...*

$(K - A) \leftrightarrow (T - B) \leftrightarrow T - B_2 - B_1$

— *Nhiều chuyện đã xảy ra*

$(K - A) \leftrightarrow (S - B_2 - B_1)$

— *Nó kể với tôi nhiều chuyện thú-v*

$(ĐA) \leftrightarrow (B - (|x8 - ĐA) - (K - A - C_A))$

— *Tôi đã nói nhiều lần rằng...*

$(ĐA) \leftrightarrow (S - B_2 - (K - A)C_B - B_1)$

— *Nhiều khi tôi cũng muốn thôi*

$(K - A)C_B - (ĐA) \leftrightarrow (T - B_3 - B)$

Nhưng cũng có khi, mặc dầu có một từ A đi sau, */nhiều/* phải được coi là một từ B, có từ A này làm bổ-vụ. Chẳng hạn như :

— *Nhiều tiền chắc đâu đã sung sướng.*

V.Ch.— *Nhiều áo thì ấm, nhiều người thì vui* (Tng)

$((B - A_b) - |5 - B)\ ((B - A_b) - |5 - B)$

— *Nhiều tiền mua thịt, ít tiền mua xương* (Tng)

$((B - A_b) - B - A_b)$

— *Nhiều tiền nhiều bạc là tiên trên đời* (Tng)

$((B - A_b) + (B - A_b))$

— *Nhiều vốn nhiều lãi, nhiều nái nhiều đẻ*
(Tng)

$(B\ -A_b) \leftrightarrow B\ -A_b \| (B\ -A_b) \leftrightarrow B\ -A_b$

$(B\ -A_b) =$ đích-tử

Và có khi */nhiều/* lại là một từ C_B đứng trước một từ A bổ-tử :

— *Tủ sách của ông ấy có (rất) nhiều sách quí*
$B - C_c - C_B - (A - C_B)_b$

— *Con cho (hơi) nhiều nước, nên bị nát (cơm nát)*

— *Con cho (hơi) nhiều lửa, nên bị khê (cơm khê)*

/Nhiều/, trong trường-hợp trên, cũng có thể coi là một từ K được, nhưng ở đây đã được coi là từ C_B vì cho phép có một từ C_c */rất/*, */hơi/*, */quá/* ở tiền-vị.

Khúc $C_C - C_B$ (*rất nhiều, hơi nhiều*) lại có thể chuyển ra đứng sau từ A bổ-vụ được :

Con cho nước hơi nhiều nên bị nát

/Nhiều có một biến-dạng là */nhiêu/* khi kết hợp với từ Đ */bao/ /bây/. /bấy/*. Khúc */bao (bây, bấy) nhiêu/*, với cấu-thức từ-pháp là $(C_C - C_B)$, có thể coi là đồng trị với một từ M khi đứng trực-tiếp trước một từ A.

— *Bao nhiêu tiền thì đủ ?*
— *Bây nhiêu bột có được không ?*
— *Bấy nhiêu gạo đã vừa chưa ?*
$((C_c - C_B) - A) =$ đích-tử

Nhưng vì với những từ A đếm-được, */bao (bây) nhiêu/*

có thể có một từ L /*những*/ đi theo, nên khúc này cũng được gọi là từ K, như /*nhiều*/.

— *Bao nhiêu những người đi theo giặc*
(K — L — A) ( )C_A)
đều sẽ bị xử
C_B — S — B_3 — B_2

— *Bao nhiêu các của-cải của hắn đều được...*
K —LM— A

/(*Bao*), (*bây*), (*bấy*) *nhiêu*/ cũng có thể đứng sau một từ B để làm chức-vụ một khúc C_B.

Thí-dụ :— *Hắn vơ vét bao nhiêu cũng chưa đủ*

V.Ch.— *Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu*
(Cd)

$A_d \leftrightarrow$ (P(B)), $\varnothing \leftrightarrow B - A_b - C_B$

— *Kể bao nhiêu, lại đau lòng bấy nhiêu* (K)
B —(C_c— C_B), S — B —A_b —(C_c —C_b)

— *Trách thân, chẳng dám giận trời,*
Trách thân lắm-lắm, giận trời bao nhiêu
(Cd)

B — A_b — C_B , B —A_b — (C_C — C_B)

• Dạng-vị /*lắm*/ cũng có thể là một từ B như /*nhiều*/. Chẳng hạn như :

Thí-dụ : — *Có lắm lời lắm*
ĐA$_1$— B — A_b — C_B

V.Ch.— *Ở phố hàng Song thực lắm quan*
(Trần Tế Xương)

— *Chó chê mèo lắm lông* (Tng)

Trong những câu sau đây, /*lắm*/ cũng vẫn là từ B. Đích-tử của /*lắm*/ là một với đích-tử của từ B thứ hai trong câu :

V.Ch.— *Lắm mối, tối nằm không* (Tng)

— *Lắm ruộng thì thâu, lắm trâu thì bán* (Tng)

— *Lắm thầy, thối ma,*
lắm cha, con khó kiếm chồng (Tng)

hoặc là một từ A khác ở thể ẩn :

— *Lắm sãi, không ai đóng cửa chùa* (Tng)
(Chùa lắm sãi)

Chính những xây-dựng có công-thức B/C — A_b này đã là đầu-mối của sự hiểu lầm /*lắm*/ là một từ lượng-số, như :

— *Lắm người yêu hơn nhiều người ghét*(Tng)
(B — (A — B)) — B — (B — (A — B))

— *Cả sông đông chợ, lắm vợ nhiều con*(Tng)
(B — A) — (B — A) ‖ (B — A) — (B — A)

/*Lắm*/ cũng rất hay được dùng làm từ C_B hay C_C để phụ cho một diễn-thuật-từ hay một cải-từ khác (1).

C_B — *Cô lắm lời lắm*
B — A_b — C_B

(1) /*lắm*/ là một tiếng nhánh của /*lớn*/ đã biệt biến để làm từ C_B / C_C.
Xem từ C_C.

— *Tôi biết lắm chứ*

$B - C_B$

— *Chăn trâu sướng lắm chứ*

$B - C_B$

C_C — *Anh nói nhiều lắm*

$B - C_B - C_C$

C_{cc} — *Cô nói nhiều quá lắm*

$C_B - C_c - C_{cc}$

/*Lắm*/ hầu như đã biệt biến để thành từ C_B / C_C và không có thể đứng một mình mà làm một từ C_A phụ cho danh-từ như /*nhiều*/ được. /*Lắm*/ đứng phụ danh-từ phải có một bổ-thể đi theo:

Thí-dụ: — *Hắn ta là một người rất lắm lời*

$A - C_B - (C_A - A_b)_C$

— *Một người lắm mưu nhiều kế*

$((C_A - A_b)(C_A - A_b))_c$

Cũng như /*nhiều*/, dạng-vị /*lắm*/ chỉ có thể coi được là một từ K khi đứng trước một từ A và cùng với từ A này làm thành một thành-phần P(A).

Thí-dụ: — *Lắm chuyện lạ đã xảy ra ở đây*

$(K - A - C_A) \leftrightarrow (S - B_2 - B_1 - /8 - ĐA)$

— *Lắm câu rất hay*

$(K - A) \leftrightarrow (C_B - B)$

— *Nó có lắm tiền lắm*

$(ĐA) \leftrightarrow (B - (K - A) - C_B)$

— *Lắm khi , nó cũng nhớ đến các em nó*

(K — A)C_B|(ĐA)⟷ T —B_2 –B_1— (LM—A—C_A))

Những trường-hợp này phải được phân biệt rõ-ràng với các xây-dựng trong đó */lắm/* là một từ B, như :

— *Lắm chuyện vừa-vừa chứ !*

(B — A — C_B — |z9)

— *Lắm tiền chưa chắc đã là hạnh-phúc.*

(B — A)– (T — C_B — S—B— A)

Dạng-vị */lắm/*, cũng như */nhiều/*, có một biến-dạng là */lăm/* để kết hợp với những từ Đ */bao/*, */bấy/*, và từ M */mấy/* để làm thành những cải-từ */bao lăm/* và */mấy lăm/*. Những cải-từ này đã thành cổ-ngữ, nhưng đôi khi còn được nghe thấy ở vùng quê :

— *Như thế này cũng chẳng được bao lăm (mấy lăm).*

Nói chung, thì */lắm/* không được ngoại triển bằng */nhiều/*, không những vì chỉ có */bấy nhiêu/* mà không có (S) *bấy lăm*, lại còn vì khuynh-hướng biệt-biến khá rõ-rệt của */lắm/* thành một từ C_B/C_C trong khi */nhiều/* vẫn có thể làm từ C_A/C_B/C_C.

• */ít/* là một từ C/B nói về lượng-số, đối nghịch với */nhiều/* về ý-nghĩa. Tất cả những gì đã nói về */nhiều/* đều có thể áp dụng cho */ít/* :

C_A — *Của ít, lòng nhiều*

C_B — *Ăn ít, làm nhiều.*

C_C — *Cũng chỉ tốt hơn ít thôi.*

$B - C_B - C_C$

B_d — *Tôi ít tiền lắm.*

— *Việc này ít ra cũng phải ba trăm lạng mới xong.*

B_d — *Nhiều no, ít đủ.*

Một điểm đặc-biệt là, trong tính-cách từ C_B, /*ít*/ có thể đứng sau từ B như thường-lệ, hoặc có thể di chuyển lên trước từ B để nhấn (') :

C_B — *Ít nói, ít cười*

/*Ít*/ cũng đứng trước từ A được ; khi ấy, /*ít*/ được gọi là một từ K :

Thí-dụ : — *Ít người biết đến việc ấy.*

/*Ít*/ không đi được với các từ Đ có ngữ-vị /*b-*/ ở đầu (*báo, bây..*). ; triển-độ của /*ít*/ ở dưới triển-độ của /*nhiều*/ và /*lắm*/.

---

(1) Câu ca-dao dưới đây, đã được Ô. Nguyễn Đức Quỳnh chỉ cho tôi, là một thí-dụ điển-hình để ta thấy rõ rằng từ *ít* là một từ C_B ở vị-trí tiền-diễn-thuật :

Con mèo nằm bếp có-ro,
ít ăn thì lại ít lo, ít làm ;
Con ngựa đi Bắc về Nam,
hay ăn, thì lại hay làm, hay lo.

/*Ít*/ giao hoán được với /*hay*/ và vì thế phải được coi là từ C_B chứ không phải là từ B, trong thí-dụ trên.

• /*Cả*/ là một dạng-vị có thể dùng trong những chức-vụ của nhiều loại từ.

/*Cả*/ có thể là một từ C :

1 – đứng phụ danh-từ như một từ C_A :

Thí-dụ : anh *cả*, vợ *cả*, thày *cả*, đũa *cả*, sóng *cả*, người già *cả*...

V.Ch. — *Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo* (Tng)

2— Đứng phụ diễn-thuật-từ, như một từ C_B, hoặc ở trước (*cả giận, cả cười, cả tin, cả nghe*) hoặc ở sau từ B :

C_B : — *Ai nấy đã đi ngủ cả rồi.*

— *Chỉ vì nó đã cả tin thằng ấy nên mới ra cơ sự thế này.*

Nội-dung của /*cả*/ hơi khác đi khi từ này di chuyển từ vị-trí hậu-B sang-vị-trí tiền-B.

3— Hoặc là từ chủ-chốt trong một thành-phần diễn-thuật như một từ B :

V.Ch.— *Cả sông đông chợ* (Tng)

$(B — A_b) — (B — A_b)$

— *Cả vú lấp miệng em* (Tng)

$(B — A_b) \leftrightarrow B — A_b — C_A$

— *Mỡ này cả tiếng lại dài hơi*

$(B — A_b) — S — (B — A_b)$

(Lê Thánh-tông)

— *Lạy trời cho cả gió lên,*
cho cờ vua Bình-định bay trên kinh-thành (Cd)

— *Lạy trời cho cả gió lên,*
cho hoa gạo xuống nằm liền với cỏ may (Cd)

4— Dạng-vị */cả/* có thể được dùng trong một thành-phần danh ở vị-trí tiền-A, hoặc ở thể đơn là */cả/*, hoặc ở thể kép là */tất cả/*, */suốt cả/* */cả thảy/*, và ở thể hô-ứng */cả.... lẫn.../*.

Khi ấy, */cả/* được gọi là từ K.

Thí-dụ: *Biết tin con khỏi, cả nhà đều vui mừng*

Những thành-ngữ:

— *(Tất) cả họ, cả làng, cả nước, cả lỏ,...*
— *Suốt cả năm, cả tháng, cả ngày, cả đời,...*

đều có một cấu-thức như nhau. Từ A đi sau */cả/* là một từ A cộng-tập, chỉ một đơn-vị làm bởi nhiều thành-phần hợp lại.

/Cả/ cũng có thể dùng với một từ A có một từ M,L hay LM đứng trước. Khi ấy, thì */cả/* đích-xác là một từ K:

— *Cả năm người đều bị lên án*
— *Tất cả mọi người đều vừa ý*
— *Tất cả những người có mặt đều tán thành*

/Cả-lẫn/ là một thể kép gián-đoạn của */cả/* để tập hợp hai từ A đồng-trị và đồng-chức:

— *Cả người lẫn ngựa đều mệt mỏi.*

— *Nó quen cả cô chị lẫn cô em.*

KẾT-LUẬN.— Sự phân-tích trên cho phép nhận xét rằng:

1— Một vài dạng-vị thường dùng làm từ B/C có thể đứng trước từ A trong thành-phần-danh, hoặc trực-tiếp, hoặc gián-tiếp. Ở vị-trí tiền-A trong cùng một thành-phần P(A), các từ này được gọi là từ K. Những từ K quan-trọng nhất là:

nhiều, ít, lắm, cả (tất cả).

2— Triển-độ của những từ này khác nhau trong thành-phần danh. /*Cả*/ có thể đứng trực-tiếp trước từ A (*cả họ*) hoặc đứng gián-tiếp trước từ A với một từ M (*cả năm người*), hay một từ L, LM (*cả những người*) xen kẽ. /*Nhiều*/ không đứng trước được khúc M — A như /*cả*/, nhưng *nhiều những kẻ*, với công thức K-L-A,

Ngoại triển	Ngoại-triển		
	NG	N	
		NG	N
cả	*nhiều*	*lắm*	*ít*

Bảng 39. — *Bảng sắp-xếp các từ K tiền-danh-từ theo triển-độ đồng thành-phần.*

là một xây-dựng có ngữ-pháp-tính. Về phương-diện khả-năng kết hợp với *bao*, *bây*, *bấy*, */nhiều/* ngoại triển hơn */lắm/* và */lắm/* ngoại triển hơn */ít/*.

3 — Ngoài thành-phần danh, thì */cả/* và */ít/* là những dạng-vị có triển-độ cao nhất, vì */cả/* và */ít/* có thể ở vị-trí tiền-B như một từ S hoặc hậu-B như một từ C_B trong khi các từ kia chỉ có thể đứng ở một vị-trí hậu-B mà thôi.

PHỤ-LỤC

Từ A.
(Tư-danh-từ)
HAY
Tên riêng

Và vua Milinda hỏi :

— « Người ta gọi Đại-đức là gì, xin Đại-đức cho biết qui-danh ».

— « Tôi được người ta gọi là Nagasena, và Nagasena cũng là cái tên mà các tăng-hữu thường dùng khi nói với tôi. Nhưng dù là các bậc cha mẹ đặt tên cho con là Nagasena, Surasena, Virasena, Sihasena hay gì đi nữa, thì cái tiếng « Nagasena » đó cũng chỉ là một cách gọi, một cách chỉ, một tiếng chứa đựng một hình-dung, một lời kêu thường, một cái tên suông mà thôi. Vì rằng không có một người thực nào mà ta có thể thấy được trong cái tiếng gọi đó ».

Pitakaculàbhaya — *Milindapanhà*

(Milinda vấn-kinh)



ĐỊNH-NGHĨA :

Tên riêng hay **tư-danh-từ** (A_0) là những **tiếng vô-nghĩa** được gán và được công nhận cho một cái gì **để chỉ riêng cái đó trong một cộng-đồng**. Tên riêng được cấu tạo như danh-từ, nhưng ở một phạm-vi nhỏ-hẹp hơn danh-từ, và được dùng như đại-danh-từ với nội-dung cố-định trong vòng một cộng-đồng.

Định-nghĩa này cần được giải thích cho rõ hết ý.

• Tính-cách vô-nghĩa của tên riêng.

Các tên riêng, dầu mượn những tiếng có sẵn trong ngôn-ngữ, hay dùng những tiếng riêng-biệt, đều là những tiếng vô-nghĩa khi đã dùng làm tên riêng.

Những tên giống nhau có rất nhiều, nhưng những người hay vật có tên giống nhau không có gì giống nhau hết. Ở Saigon có rất nhiều người tên là *Ninh*, và hơn nữa có cả chục người có tên đầy-đủ là *Trần Ngọc Ninh*, mà không một người nào giống một người nào cả. Tỉnh *Sơn-tây*, và tỉnh *Hà-nam* ở Việt-nam không phải tỉnh

Sơn-tây và tỉnh *Hà-nam* ở Trung-Hoa. Khu *Phát-diệm* và khu *Bùi-chu* ở gần Saigon khác *Phát-diệm* và *Bùi-chu* ở Bắc-Việt (1).

Mặc dầu cùng trong một cộng-đồng ngôn-ngữ, nhưng **hình-thức và nội-dung không đi đôi với nhau** trong những tên gọi là tên riêng.

Một người hay một nơi-chốn nào đó lại có thể có nhiều tên. *Nguyễn Du* cũng là *Tiên-Điền*, là *Tố-Như*, là *Thanh-Hiên*, là *Hồng-sơn liệp-hộ*. *Saigon* cũng là *Thầy Côn*, là *Bến Nghé*. Nước *Việt-nam* đã thay tên rất nhiều lần, kể từ lúc Đinh-tiên-hoàng gọi quốc-hiệu là *Đại Cồ Việt*: *Đại-Việt* (Lý Thánh-tông), *Đại-Ngu* (Hồ Quý Ly), *Đại-Việt* (Lê Thái-tổ), *Việt-Nam* (Gia-Long) *Đại-Nam* (Minh-Mạng), *Việt-Nam* (1945) là những danh xưng đã được dùng để chỉ nước ta. Đã đành rằng mỗi tên có thể chỉ một giai-đoạn phát-triển, nhưng dầu sao thì cũng vẫn là người ấy, vẫn là tỉnh ấy, vẫn là nước ấy, và

---

(1) Mở rộng ra cho cả thế-giới, thì *Roma, London, Birmingham, Cambridge, Paris, Moscowa, Champa* là những tên thấy ở nhiều nơi khác nhau. Riêng ở Hoa-kì có tới 5 thành-phố *Rome*, mượn danh-hiệu của *Rome* ở Itali (Ý).

Những tên này cũng không bắt-buộc phải ở một lớp vật-thể riêng-biệt nào cả: Hongkong có đường *Saigon*, đường *Haiphong*, đường *Hanoi*; Paris có đường *Amsterdam*; đường *Anvers*; Saigon có đường *Bùi-chu*; bang New-York có làng *Holland*; những tên này là những tên thành-phố hay tên quốc-gia trong nguyên-ủy. Tên người cũng được dùng làm tên đường (đường *Nguyễn Thái Học*, đường *Phan Đình Phùng*,...) hay tên cơ-sở (Bệnh-viện *Từ Dũ*, Trại *Quang-Trung*).

như thế tức là **nội-dung và hình-thức không có liên-hệ với nhau.**

Một tính-cách đặc-biệt của tên riêng là có thể thay đổi một cách tương-đối nhanh-chóng và đột-ngột. Danh-từ chung thường chỉ thay đổi sau cả mấy thế-kỉ, và rất nhiều danh-từ (như *mắt, muối, sông, nước*) gần như không thay đổi từ khởi-thủy cho đến nay. Nhưng một đất, một tỉnh, một huyện, một làng có thể đột-nhiên đổi tên và chỉ cần một sắc-luật là thành tên mới. Tỉnh *Quảng-tín* là một tỉnh trước đây 15 năm không có. *Sài gòn* là một tên riêng tương-đối rất mới. *La-thành* được đổi ra *Đại-La*, *Đại-La* thành *Thăng-Long*, *Thăng-Long* thành *Hà-nội*, sau một quyết-định của triều-đình. Tên người cũng thay đổi dễ-dàng như vậy : nếu ta muốn thì chỉ cần một bản án-lệnh, hay một lời khai, là xong. Đàn-bà đổi tên khi lấy chồng là một sự-kiện rất thông-thường trong tất cả các dân-tộc theo phụ-hệ.

Các tên riêng không thuộc vào cơ-cấu của ngôn-ngữ, và hoàn-toàn ở ngoài các lớp ý-nghĩa-học. Có cả ngàn người Việt-nam tên là *Phú* 'giàu' nhưng chỉ có vài người trở thành giàu-có đúng với tên mình, và chắc-chắn rằng có nhiều người tên là *Phú* mà làm không đủ ăn; hoặc giả có người tên là *Phú* mà lại thành 'qui', và chỉ có tiếng chứ không có miếng, vân vân. . .

Nếu so sánh hai người, một người tên là *Công Thành* và người kia tên là *Thành Công*, thì chưa chắc *Công Thành* đã thành rồi và *Thành Công* thì đang thành công, như ngữ-pháp cho phép ta hiểu. Dầu xét theo hệ-thống

ý-nghĩa-học hay xét theo hệ-thống ngữ-pháp-học, tên riêng cũng là những tiếng nằm ngoài ngôn-ngữ.

Hjelmslev cho các tên riêng là những tiếng căn O (không). Stuart Mill đã viết từ 1843 rằng : « Các danh-từ riêng không có một nghĩa-lí gì cả ». Gardiner gọi tên riêng là một tiếng «để gọi một vật được chỉ bởi cái âm khác-biệt của tiếng ấy chứ không phải vì một ý-nghĩa gì có trong tiếng ấy cả ». Buyssens thì cho rằng tên riêng là những từ có ít ngữ-tính nhất, và không có ý-nghĩa chi hết. Tất cả đều đồng ý rằng tên riêng là từ vô-căn, vô-nghĩa và ở bên lề của hệ-thống ngôn-ngữ.

- **Tính-cách hạn-chế về nội-dung và khai-triển về hình-thức của các tên riêng.**

Tên riêng là những tên đặt ra để dùng trong những xã-hội đóng. Nội-dung của một tên riêng chỉ có ở trong cái xã-hội đã chấp nhận rằng tên ấy được dùng để chỉ một người hay một vật nào đó mà thôi. Tên một người được đặt ra trước hết là cho gia-đình, sau nữa là cho làng-nước ; phần lớn người ta chỉ được biết bằng tên ở trong một cái vòng rất nhỏ hẹp của họ-hàng, lân-gia, và bè-bạn ; nhưng trong cái vòng ấy, một tên riêng có một nội-dung rất cụ-thể và rất đích-xác. Nói đến *anh Ba*, *thằng Út*, *ông Sửu*, *gò Lửa*, *núi Nùng*, những người trong cùng một cộng-đồng biết ngay là ai hoặc là cái gì, nhưng với những người ngoài cộng-đồng thì những tiếng ấy không gợi một hình-ảnh nào cả.

Nhưng khi một tên riêng vượt ra khỏi cái cộng-

đồng thường của nó, thì tên ấy vẫn được giữ nguyên-vẹn, không thay đổi trong hình-thức. *Ba, Út, Sửu* là những tiếng bất-di-bất-dịch, dầu những người mang những tên ấy ở nhà, ở sở, hay đi hẳn một nơi khác thực xa-lạ. *Sóc-trăng, Bà-rịa, Phan-rang* là những tên Chân-lạp (Khmer) và Chàm để lại, nhưng người Việt vẫn dùng: sự thay-đổi gần như không có. Người ngoại-quốc tới xứ này cũng phải dùng những tên bản-xứ *Sông Cái, Sông Mã, Mêkông*, cũng như người Việt phải nói sông *Irrawaddi*, sông *Sen* (Seine), sông *Amazon*. Hình-thức phát biểu không thay đổi.

Tính-cách hạn-chế về nội-dung và khai-triển về hình-thức là một tính-cách đặc-biệt của các tên riêng trong mọi ngôn-ngữ. Hợp lại với tính-cách ngoại-cơ-cấu của tên riêng, với sự-kiện ngữ-lí là nội-dung của tên riêng không liên đới với hình-thức trong hệ-thống ngôn-ngữ, tính-cách này có thể định nghĩa tên riêng về phương-diện ngữ-lí.

CẤU-THỨC CỦA TƯ-DANH-TỪ.

Tư-danh-từ được cấu tạo theo phương-trình Markov, cũng như các danh-từ.

Tên riêng của mỗi người chúng ta ngày nay phần nhiều đều có ba tiếng, chẳng hạn như *Trần Ngọc Ninh*. Cũng có người mang những tên dài hơn nữa, như *Công Tằng Tôn Nữ Thị Thanh Tâm*, hoặc ngắn hơn, như *Trần Đoán* chẳng hạn.

Đứng về phương-diện ý-nghĩa, vấn-đề rất là phiền-phức, vì phải tìm ý-nghĩa của từng tiếng một trong cái

tổ-hợp mà ta gọi là « tên » của một người. Vấn-đề đã được nêu ra và giải quyết một cách rất kĩ-lưỡng bởi nhiều học-giả, và tôi nghĩ rằng tôi không thể nào làm hơn được các vị ấy.

Về phương-diện ngữ-lí, tôi chỉ nhận xét rằng khi tiếng thứ nhất của một tên riêng được nói ra rồi, chẳng hạn [*Trần*], thì vấn-đề tìm cái người có cái tên ấy được thu hẹp lại trong số những người có tiếng [*Trần*] ở đầu. Những người này là một tập-hợp khác tập-hợp {*Nguyễn*}, {*Bùi*}, {*Lê*}, {*Vũ*}, v.v... Sau đó, đến tiếng thứ hai, chẳng hạn là [*Ngọc*], thì vấn-đề lại được thu hẹp lại nữa vì tất cả những người của những nhóm {*Trần Văn*}, {*Trần Đình*}, {*Trần Đỗ*}, {*Trần Hoàng*}, v.v... cũng bị loại ra. Tiếng thứ ba sẽ làm cho sự chỉ thêm chính-xác hơn nữa.

Tiếng thứ nhất là một khối lớn, có thể lên tới cả trăm ngàn hay mấy triệu người trong nước. Theo phương-pháp chia loại của vạn-vật-học, ta tạm gọi đây là một **họ**, và hiểu rằng **họ** này không bắt-buộc phải là một nhóm có liên-hệ thân-tộc với nhau. Ta có họ *Trần*, họ *Nguyễn*, họ *Vũ*, họ *Phạm*, v.v.. Các « họ » chỉ là theo những qui-ước xã-hội về chế-độ phụ-hệ và về ước-lệ làng-mạc mà có, và có thể biến đổi đi vì những lí-do lịch-sử hay vì sự đốt-nát của một ông thư-kí trong làng. Không có một căn-bản sinh-học nào như loại máu, loại mô v. v... cho danh « họ » ở đây, trừ đối với phần lớn những người cùng cha cùng mẹ. Nhưng cũng rất có thể có những người cùng cha mà khác họ, hoặc cùng họ trong một nhà mà

không cùng cha. Đây không phải là một họ sinh-học, mà là một họ ngữ-lí-học.

Thêm một tiếng thứ hai vào thì số người thu lại chỉ còn một « **ngành** », vào khoảng vài ngàn đến vài chục ngàn người. Ngành ở đây chỉ có nghĩa là một nhóm nhỏ hơn họ và nằm trong một họ. Ngành ngữ-lí-học được định bởi hai tiếng đầu trong tên.

Tên riêng đầy-đủ (của người) thường có ba tiếng ; tiếng thứ ba là **tên** người. Số người trùng tên nhau ở cả ba tiếng cũng có thể còn cả ngàn, cả trăm người trong nước. Nhưng trong một cộng đồng xã-hội nào đó và ở một hoàn-cảnh nào đó, sự chỉ-định đích-xác một người nhờ tên gọi sẽ không có gì khó-khăn cả. Trong thực-tế, nhiều khi chỉ cần gọi có một tiếng cuối-cùng cũng đủ.

Cấu-thức chung của các tên riêng (tư-danh-từ) có thể hình dung như sau :

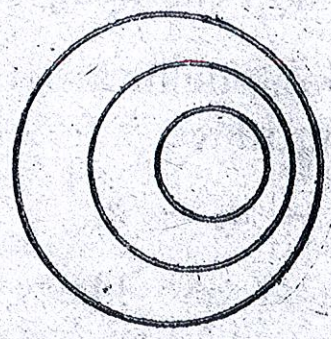

Ba cái vòng này lồng vào nhau : vòng lớn nhất là **họ**, vòng thứ nhì chỉ **ngành**, vòng thứ ba chỉ người và là **đích tên**. Công-thức tên riêng sẽ viết là :

$$A_0 = (\alpha_3 - (\alpha_2 - (\alpha_1)))$$

hoặc giản-dị hơn :

$$\alpha_3 — \alpha_2 — \alpha_1$$

với α_3 = Họ

α_2 = Ngành

α_1 = Đích-tên.

Công-thức này không khác gì công-thức của các danh-từ như ta đã thấy : tiếng đầu có một nội-dung lớn hơn tiếng thứ hai, tiếng thứ hai lớn hơn tiếng thứ ba, và nếu có một tiếng thứ tư thì tiếng này còn nhỏ nữa so với tiếng đi trước.

Sự giống nhau về cơ-cấu giữa tên riêng và danh-từ chỉ có ở bình-diện nội-dung. Về phương-diện hình-thức, có một điểm khác-biệt cần được minh xác.

Nếu $\{\alpha_3\}$ là tập-hợp các tiếng chỉ « họ » ;

$\{\alpha_2\}$ là tập-hợp các tiếng chỉ « ngành »

$\{\alpha_1\}$ là tập-hợp các tiếng chỉ « đích-tên »,

ngoài cái hàm-số về tương-quan vị-trí giữa α_3, α_2 và α_1 được diễn ra trong công-thức :

$$A_0 \rightarrow\rightarrow \alpha_3 — \alpha_2 — \alpha_1$$

thì không có một hàm-số nào khác : với bất cứ một tiếng α_3 nào, người ta có thể ghép bất cứ một tiếng α_2 nào và bất cứ một tiếng α_1 nào miễn là những tiếng này có trong những tập-hợp trên. Sự kiện này cũng giống qui-luật của danh-từ, vì đối với danh-từ, khi đã nói ra một tiếng đầu-tiên (như *cái*), thì tiếng thứ hai đương-

nhiên bị giới-hạn bởi tiếng đã được nói ra (có thể là *ghế*, là *bàn*, là *nhà*, v.v... được nhưng không thể là *gà*, là *bò*, là *nhím*, là *sao*, là *trời*, v.v... được).

Tên riêng của người có thể được phân biệt giới-phái như một số danh-từ thuộc hệ-loại /*người*/. Phạm-trù giới-phái được biểu hiện ngay trong cấu-thức của tên riêng, giống như trường-hợp của các danh-từ có giới-phái.

Sự đối-nghịch giới-phái giữa hai từ A của cặp *ông/bà* hay *chồng/vợ* ở trong cấu-tạo âm-vị của những tiếng ấy, và là một sự đối nhau toàn-bộ. Những cặp danh-từ khác như *cậu/cô*, */dì/ dượng* trái lại chỉ khác nhau ở phần đuôi (vần) mà thôi.

Tên riêng được phân-biệt giới-phái bởi những dấu-hiệu minh-hiển. Hiệu-kí của giới-phái được đặt vào trong cấu-tạo của tên riêng, hoặc đặt ở phần đuôi của tên riêng.

Kí-hiệu nội-cấu của giới-phái là cặp *∅ / thị*. Giới-phái **nữ** (hay **âm**) là giới-phái có dấu, còn giới-phái **nam** (hay **dương**) là giới-phái không dấu.

Phần đuôi của tên riêng là đích-tên, cũng có thể có kí-hiệu giới-phái. Kí-hiệu này phức tạp hơn và theo một qui-ước có tính-cách xã-hội : tên phái nữ thường được chọn trong một danh-sách hạn-chế và dễ nhận ra là âm-tính theo qui-ước. Tuy nhiên cũng có những tên lưỡng-phái (*Minh*, *Trâm*, *Anh*, *Huệ*, v.v...).

Để tránh những ngộ-nhận, khuynh-hướng hiện nay ở tỉnh-thành là cho những đích-tên của phái nữ một

hình-thức kép, với hai tiếng như *Thanh Minh, Tú Trâm, Kim Anh*, v.v...

Những hình-thức thêm-thừa về giới-phái được tăng gia cho phái nữ càng ngày càng nhiều, để nhấn về nữ-tính của các tên riêng này. Một tên riêng như *Công Tôn Nữ Thị Tố Tâm* chẳng hạn có cả một chuỗi kí-hiệu giới-phái để trang điểm cho thành một tên nữ không ai chối cãi được. Sự đánh dấu các tên riêng của phái nữ một cách quá thêm-thừa như thế là một nhu-cầu xã-hội và tâm-lí nhiều hơn là nhu-cầu ngữ-pháp.

Cũng như từ A, tư-danh-từ chỉ mang dấu-hiệu của giới-phái khi thuộc về tập-hợp $\{\mathcal{N}\}$, chỉ người mà thôi.

Ý-NGHĨA-HỌC

Tư-danh-từ đứng giữa danh-từ và đại-danh-từ về ý-nghĩa-học.

Danh-từ hay từ A là những từ mà nội-dung ngừng lại ở những biệt-loại. *Con hổ, cái cây, cái bàn* là những vật-thể thuộc biệt-loại gọi là *hổ, cây, bàn.*

Tôi thấy một con hổ có nghĩa là 'tôi thấy một con vật thuộc loài hổ'.

Ý-nghĩa của danh-từ không tới cá-vật (1). Ý-nghĩa

(1) Danh-từ cũng có thể dùng để chỉ một người nhất-định. Trong những trường-hợp này, danh-từ làm chức-vụ của một đại-danh-từ; chẳng hạn như, giữa dòng chuyện, sau khi đã giới-thiệu nhân-vật, người kể chuyện dùng những từ như: *chàng, nàng, anh, cô, ông, bà*... để chỉ những người ấy. Những tiếng này là những danh-từ đã được hoàn-cảnh và đồng-văn biến thành những từ thay-thế, hay đại-danh-từ.

này nằm trong một khuôn-khổ ý-nghĩa-học đã có sẵn, và đồng-văn với hoàn-cảnh xác định rằng chính là cái khuôn đó. Mỗi cái khuôn là một tập-hợp tính-cách, chẳng hạn như */hổ/* là 'một con thú dữ, giống một con mèo lớn mà có vằn': vậy thì dầu là *ông hổ, con hổ, hổ thọt, hổ trắng* hay *hổ vàng* cũng đều là *hổ*; */cây/* là 'một vật có thân dài', vậy *cái cây, cây tre, cây nêu, cây súng, cây đàn, cây viết, cây gỗ, cây sắt,* hay *cây kem* cũng đều là *cây*; */bàn/* là 'một vật có mặt rộng', vậy *cái bàn, bàn ăn, bàn học, bàn phấn, bàn tay, bàn chân, bàn là* đều là *bàn.*

Tên riêng đi xa hơn danh-từ trong sự chỉ-định vật-thể. Cái-được-chỉ bởi một tên riêng không phải là một loại và không là trừu-tượng của một số vật-thể đồng-loại; cái được-chỉ bởi tên riêng đương-nhiên được hiểu là một cá-nhân hay một cá-vật có thực, đích-xác và nhất-định.

Tính-cách thực và đích-xác của tên riêng không hoàn-toàn ở trong cái hình-thức của tên riêng, mà là do một qui-ước cộng-đồng cho rằng mỗi người có một tên, mỗi cái mốc có tính-cách độc-nhất và quan-trọng cho sự sinh-hoạt cũng có một tên, và tên ấy không được trùng với tên của một cái khác trong cùng một cộng-đồng. Tên riêng rất đích-xác, vì nội-dung của nó tùy thuộc vào hoàn-cảnh. Tên riêng không có ý-nghĩa gì tự nó cả; nhưng giữa một nhóm người, một tên riêng bao giờ cũng là dấu-hiệu để chỉ một người (hay một vật) mà mọi người đều biết rất rõ.

Vì những lí-do ấy, tên riêng rất gần với đại-danh-

từ. Đại-danh-từ hay từ $ĐA_1$ như /*mày*/, /*tao*/, /*nó*/... là những từ dùng để thay thế danh-từ. Những từ này cũng không có nội-dung bởi chính hình-thức của chúng; nội-dung của từ $ĐA_1$ tùy thuộc hoàn-toàn vào hoàn-cảnh và vị-trí. Cái-được-chỉ bởi từ $ĐA_1$ cũng là những người (hay vật) mà mỗi người trong cuộc đều biết rõ trong sự hiện-sinh của người ấy.

Tuy-nhiên, tên riêng khác với đại-danh-từ vì trong một hoàn-cảnh đã định, nội-dung của tên riêng không thay đổi; mỗi tên riêng có một nội-dung cố-định trong một hoàn-cảnh, một không-gian và một thời-gian giới-hạn. Trái lại, nội-dung của đại-danh-từ luôn-luôn thay đổi trong cùng một hoàn-cảnh. /*Tôi*/ và /*anh*/ khi thì là người này, khi thì là người kia, tùy theo người phát ngôn. Nội-dung của từ $ĐA_1$ chỉ vững-vàng trong thời-gian một lời nói.

Về phương-diện cấu-thức, tên riêng bắt chước danh-từ.

Về phương-diện ý-nghĩa, tên riêng rất gần với đại-danh-từ.

Đó là hai điểm chính để định tính các tên riêng trong việt-ngữ (1).

---

(1) Đối với các ngôn-ngữ khác, tên riêng cũng có hai tính-cách chung ấy. Cấu-thức của danh-từ rất khác nhau trong các ngôn-ngữ, và tên riêng cũng bị ảnh hưởng bởi điều này. Một điểm đáng chú ý là khi danh-từ có những hình-thức để biểu hiện những phạm-trù như giới-phái và lượng-số, thì tên riêng cũng có những phạm-trù đó. Chẳng hạn như pháp-ngữ có những tên riêng như : *le Vietnam, la France, l'Amérique, La Haye, Le Caire, l'Ecole Polytechnique...*

NHỮNG BIẾN-ĐỔI HÌNH-THỨC CỦA TỰ-DANH-TỪ.

Tự-danh-từ là những từ ở ngoài hệ-thống, vì nội-dung và hình-thức của các tự-danh không liên hệ với nhau qua cơ-cấu của ngôn-ngữ.

Tên riêng được dùng để gọi và chỉ những vật-thể cá-biệt được coi là độc-nhất trong một hoàn-cảnh nhất-định. *Mỗi* tên riêng gợi hình-ảnh của *một* vật-thể, và của vật-thể ấy mà thôi.

Tên riêng được dùng như danh-từ trong những thành-phần danh. Tính-cách danh-từ của tên riêng rất nội triền. Tên riêng không ra ngoài thành-phần danh; tên riêng có giới-phái nhất-định khi thuộc về người; tên riêng không có nhiều số ít, và chỉ có số đơn. Tên riêng gần như là một từ cô-độc trong ngữ-pháp, vì khả-năng kết-hợp của tên riêng rất hạn chế.

Tuy-nhiên, trong một vài trường-hợp, tên riêng cũng có thể nhập tịch ngữ-pháp. Khi ấy, tên riêng mất tính-cách tên riêng đi, và có những biến-đổi hình-thức thích-nghi để thành một loại từ trong ngữ-pháp.

1— Tự-danh-từ thành danh-từ (từ A).

Sự chuyển-biến tên riêng thành danh-từ (từ A) làm mất cái nội-dung đích-thực, tương-đương với một đại-danh-từ, của nó đi, và cho nó cái nội-dung về loài-thứ của một từ A đếm-được.

(những tên này có thể so sánh với việt-ngữ : (Đảo) *Cái Bàn, Cái Vồn, Cái Bè...*). Ở số nhiều có : *Les Indes, les Flandres, les Pays-Bas, les États-Unis*..... Những tên riêng này có tiết-từ (article) ở cả số nhiều và số ít, cũng như các danh-từ chung.

Sự thay-đổi nội-dung này liên đới với một sự thay-đổi hình-thức: khi được dùng làm danh-từ, thì tên riêng nhận những hiệu-kí của danh-từ. Những hiệu-kí này được đặt trước hay/ và sau tên riêng để chỉ rằng có sự chuyển-biến đã được thực hiện. Bảng 42 ghi những hiệu-kí thông-thường nhất của sự chuyển-biến này một cách tổng-hợp.

Hiệu-kí tiền-danh-từ			A	Hiệu-kí hậu-danh-từ
Từ L Từ LM	Từ M	Loại-danh đặc-biệt		Nhóm cải-vụ
những *các*	*một*	*đồ* *tên* *quân* *giống, loài* *ông, bà* *chú, bác* *vị*	X	*của.....* *chính-cống* *trai/gái* *thứ hai*

Bảng 40. — *Hiệu-kí thông-thường để chuyển tên riêng X thành danh-từ.*

Một khi đã có những hiệu-kí này rồi, thì tư-danh-từ thành danh-từ, với hai phạm-trù đặc-biệt của các danh-từ là hệ-loại và lượng-số.

Về phương-diện hệ-loại, những dạng-vị được dùng làm loại-danh để cải biến một tư-danh thành một từ A đầy-đủ phần lớn là những dạng-vị thuộc loại /*người*/, hoặc có liên-hệ trong nội-dung đến người.

Về phương-diện lượng-số, những từ tiền-A được dùng để cải biến tư-danh-từ thành từ A được giới hạn trong ba từ, là từ M *một*, từ L *những* và từ LM *các*.

Những tư-danh-từ khả-dĩ dùng làm từ A được cũng rất giới hạn. Không phải rằng bất cứ tư-danh nào cũng có thể có cái hân-hạnh (tốt hay xấu) được trở thành một danh-từ.

Chỉ khi nào cả người nói và người nghe đều đồng ý về tính-cách biểu-tượng của nhân-vật mang một tên riêng nào đó, thì tên riêng của nhân-vật ấy mới có thể dùng làm danh-từ được. Vì lí-do đó, số tên riêng có thể chuyển biến thành danh-từ tương-đối rất ít. Trong việt-ngữ, thông-dụng nhất (1) là : *Sở-khanh*, *Tú-bà*, *Thảo Mai*, *Thị Mầu*, *Chúa Chổm*, *Tào Tháo*, *Trương Phi*, *Bao Công*, *Hạng Võ*.... Nhưng ngoài ra, trong những nhóm nhỏ như một gia-đình, một lớp học còn có thể chấp nhận

---

(1) Ở đây không nói đến những trường-hợp như con *thạch-thùng* (Thạch Sùng), *bệnh dương-mai* (Dương Qui-phi + Mai Quí-phi), *bệnh tim-la* (Tiêm-la : Siam), v.v... Đây là những danh-từ chứ không còn là tên riêng nữa.

Trong các ngôn-ngữ khác, cũng có những trường-hợp danh-từ riêng thành hẳn danh-từ chung một cách hoàn-toàn đến nỗi rằng danh-từ này không còn viết hoa nữa, như *renard*, (con cáo, xưa gọi là *goupil*, được cho tên riêng là *Renart*), *louis*, *napoléon* (đồng tiền vàng phát hành bởi vua Louis XIII, bởi Napoléon), *silhouette* (hình vẽ dáng người, bắt đầu với hình vẽ ông Silhouette), *cerbère* (con vật rất dữ, giống con chó Cerbère canh cửa Địa-ngục) :

..... ce chat exterminateur,
Vrai cerbère, était craint une lieue à la ronde
(La Fontaine, III, 18)

và trong địa-hạt khoa-học : *ampère*, *faraday*, *zeppelin*....

một vài tên riêng nữa, mà ý-nghĩa chỉ có những người trong nhóm hiểu với nhau mà thôi.

Trong văn-chương cận-đại, sự chuyển-biến tên riêng thành danh-từ được mô phỏng theo ngữ-pháp của pháp-ngữ. Phép chuyển-biến này dùng những hiệu-kí của danh-từ một cách thêm-thừa khá rộng-rãi.

Với người Pháp, thì nhà triết-gia Hi-lạp Socrate là một bậc thánh hiền, và tên của ông được dùng làm danh-từ với nghĩa ấy. Họ nói : « *Confucius est le Socrate de l'Orient* », và người Việt dịch ra sẽ nói « *Khổng-tử là Socrate của Đông-phương* » với nghĩa 'Đức Khổng là vị hiền-triết lớn nhất ở Đông-phương'.

Solon là một nhà cầm quyền nổi tiếng của Hi-lạp cổ. Khi thành danh-từ, thì *Solon* chỉ một nhà cai-trị. Thí-dụ : *Que pensent les Solons de l'affaire ?* 'Các nhà cầm quyền nghĩ sao về vụ nầy' ?

Trong những thí-dụ trên, các tên riêng *Socrate* và *Solon* đã được dùng làm danh-từ (chung). Một dấu hiệu của sự chuyển-biến này là tiết-từ /*le*/ chắp vào với tên riêng. Dấu-hiệu thứ hai của sự chuyển-biến là khúc cải-vụ *de l'Orient* trong thí-dụ đầu, và dạng-vị của số nhiều /*-s*/ trong thí-dụ thứ hai.

Sự biến-đổi một tư-danh thành một danh-từ là một sự trừu-hóa (*abstraction*) và một siêu-dụ (*métaphore*) chuyển một cái đích-xác và hiện-thực thành một tiêu-biểu và một tính-cách. Socrate và Solon là những người có thực trong lịch-sử. Khi là tên riêng, thì hai tiếng này

chỉ hai người đã sống trong một thời-gian đặc-biệt, ở một nơi đặc-biệt, và đã làm, đã nói, những điều đặc-biệt mà người nào học sử Hilạp cũng biết. Nhưng khi thành danh-từ, thì những tiếng này không còn chỉ hai người ấy nữa, mà chỉ hai mẫu người, vượt ra ngoài giới-hạn của không-gian và thời-gian.

Siêu-dụ này không khác gì các siêu-dụ văn-chương mượn một tiếng tả thực để nói một tính-cách, chẳng hạn như dùng danh-từ *cáo già* để chỉ một người tinh-khôn đầy mưu-mẹo, hay danh-từ *con hạm* để chỉ một người quan-lại đục khoét của dân. So sánh :

a— *Lão X* là một *con cáo già* trong bộ
A_0 A
và :
— *Khổng-tử* là một *Socrate* của Phương Đông
A_0 (A_0) A

b— Mấy *con hạm* sẽ nghĩ sao :
và :
— Các *vị Solon* sẽ nghĩ sao ?

Trong một số trường-hợp khác, tên riêng được biến thành một danh-từ chung bởi tiết-từ /*un*/, /*une*/ và một nhóm từ cải-vụ đứng trước hay đứng sau tên riêng.

Thí-dụ : *Un vrai Attila*
(Một thực Attila) = Một tên Attila chính-cống
Une France unie
(Một Pháp-quốc thống-nhất) : Một nước Pháp đoàn-kết

Hai thí-dụ này có khác nhau. Tính cách siêu-dụ và biểu-tượng của *Attila* rất rõ-ràng: Attila là một nhà chinh-phục Hung-nô khát máu đã làm cỏ dân Âu-châu vào khoảng thế-kỉ thứ 4. Người Pháp dùng tên ông để chỉ một kẻ ngoại-chủng giết hại một giống khác không gớm tay. Như La Fonlaine viết về một con mèo trước mắt loài chuột:

J'ai lu, chez un conteur de fables,
Qu'un second Rodilard, l'Alexandre des chats,
L'Attila, le fléau des rats,
Rendait ces derniers misérables. (Fables, III, 18)

Trong trường-hợp thứ hai, *une France* là chỉ vào lòng dân của nước Pháp ở một thời nào đó. Sự siêu-dụ cũng vẫn có, vì cái bị-đựng đã được gọi bằng cái đựng, nhưng không có sự biểu-tượng ở đây. Trong dòng lịch-sử, có thể nói rằng nước Pháp đã trải qua nhiều trạng-thái, khi thì chia-rẽ, khi thì đoàn-kết, khi thì yếu, khi thì mạnh,... Mỗi trạng-thái là « *một nước Pháp* ».

Việc dịch-thuật từ pháp-ngữ sang việt-ngữ đã dần-dần đem những hình-thức trên vào trong ngữ-pháp của việt-ngữ. Để chỉ rõ rằng các tên riêng trong những câu này được chuyển thành danh-từ, người ta theo một trong hai cách, bắt chước những mô-hình của pháp-ngữ.

a— dùng một từ L, M hay LM ở trước tên riêng,

b— thêm vào tên riêng một từ cải-vụ C_A.

Trước tên riêng có thể đặt một trong ba tiếng *một, những, các* để chuyển tên riêng thành danh-từ.

/*Một*/ là số-từ (từ M). Đứng sau số-từ này, một tên riêng có thể vẫn giữ tính-cách tên riêng và không bắt-buộc phải thay đổi nội-dung:

Thí-dụ: — *Văn-chương Việt-nam có thể hãnh-diện với một Nguyễn Du*

(*một Nguyễn Du* = một thi-sĩ có tên là Nguyễn Du).

Nhưng trong nhiều trường-hợp, tên riêng được biến thành một danh-từ thực-sự khi có *một* đứng trước.

Thí-dụ: — *Biết bao giờ nước ta mới lại có được một Nguyễn-Huệ!*

(*một Nguyễn Huệ* = một vị tướng tài và một người lãnh-đạo, khả-dĩ làm vẻ-vang cho dân-tộc).

V.Ch.— *Đừng bao giờ thèm làm một Trần Ích Tắc, một Mạc Đăng Dung, một Lê Chiêu Thống, một Gia Long, một Nguyễn Thân và những kẻ giống họ.*

(D A: *M. Th. Ng. Q. Tr.*)

/*Các*/ là một lượng-số-từ (từ LM).

/*Những*/ là một lượng-từ (từ L)

Đứng sau từ /*các*/ hay /*những*/, một tên riêng đương-nhiên thành một danh-từ.

Thí-dụ: — *Tôi tin tưởng rằng trong số các đồng-chí ở đây sẽ có những Kí Con, dám quên mình trong nghĩa-vụ cứu nước.*

V.Ch — *Hãy mơ thành những Lý Thường Kiệt, Lê Đại Hành, Đinh Tiên Hoàng, Trần Hưng Đạo, Hồ Quý Ly, Quang Trung.*

(D.A. : *M. Th. Ng. Q. Tr.*)

Sự thêm một nhóm từ cải vụ đặc-biệt vào sau một tên riêng là một cách nữa để chuyển tên riêng thành một danh-từ.

Từ cải-vụ có tác-dụng chuyển-biến này là những từ có nội-dung khác biệt về một điểm căn-bản với nhân-vật thực mang cái tên riêng ấy. Thí-dụ như những câu sau đây :

— *Ông thực là Khổng Minh của tôi*

— *Bác-sĩ đúng là Hoa Đà tái-thế.*

— *Khổng-tử là Socrate của Đông-phương.*

Cải-từ *của tôi* không thể áp dụng cho Khổng Minh thực được, cũng như *của Đông-phương* không thể gắn vào với Socrate được ; *tái-thế* là một điều không thể xảy ra được cho Hoa Đà. Chính vì những lí-do ấy mà tính-cách siêu-dụ và biểu-tượng các tên riêng *Khổng Minh, Socrate Hoa Đà* đã được biểu lộ ra. *Khổng-Minh* thành ra 'người cố-vấn tài giỏi và trung-thành', *Hoa Đà* có nghĩa là 'vị danh-y có biệt tài về khoa mổ-xẻ', và *Socrate* chỉ còn là 'nhà hiền-triết'. Sự chuyển-biến một tư-danh-từ thành một danh-từ có một nội-dung siêu-dụ đã được thực hiện bởi một hiệu-kí, là nhóm cải-vụ đi sau. Nhóm này đã

chuyển tư-danh-từ sang một thời-gian, một không-gian, hay một liên-hệ xã-hội khác.

Sự dùng tư-danh-từ làm danh-từ sẽ càng ngày càng nhiều trong thời-đại của chúng ta với tên những sản-phẩm có nhãn-hiệu trình tòa :

Thí-dụ : — *Một thanh-niên đi Honda...*

— *Anh mua cái Parker này bao nhiêu đấy ?*

— *Cho tôi mượn cây Bic.*

Những nhãn-hiệu này cũng là tên riêng : đó là tên của những hãng sản-xuất và có khi chính là tên của người chủ những hãng đó. Các cách nói này cũng là bắt chước pháp-ngữ. So sánh với

Les Corots du musée

(Những tác-phẩm của Corot trong viện bảo-tàng).

Dầu muốn dầu không, các cách nói này cũng đang lan tràn trong xã-hội hiện-tại và đã được chấp nhận vào cơ-cấu ngôn-ngữ của ta.

2— Tên riêng dùng làm từ B/C.

Tên riêng lại có thể được dùng làm diễn-thuật-từ (từ B) và cải-từ (từ C). Thí-dụ :

C_A : — *Những tư-tưởng rất Khổng-Mạnh ấy...*

— *Oan bằng oan Thị Kính*

— *Oan bằng oan Thị Màu*

B : — *Thằng ấy thế mà Sở-khanh*

— *Nó Tào Tháo lắm*

Sự dùng tên riêng của một nhân-vật làm từ B hay từ C là một sự-kiện ngữ-pháp rất đặc-biệt, có lẽ chỉ có trong việt-ngữ và một vài ngôn-ngữ cách-thể mà thôi.

Những tên riêng này ở trong một danh-sách hạn-chế hơn cả danh-sách tên riêng có thể thành danh-từ. Tổng-cộng lại có lẽ chỉ có chừng năm bảy nhân-vật lịch-sử và tiểu-thuyết là có thể thành được từ B/C.

Tính-cách và chức-vụ B được chỉ bởi những tương-quan cú-pháp. Quan-trọng nhất trong các tương-quan này là sự đối-nghịch hình-thức giữa thành-phần danh, và thành-phần diễn-thuật (hoặc cải-vụ). Trong các câu dùng một tên riêng làm diễn-thuật-từ hoặc cải-từ lại thường có những dấu-hiệu thêm-thừa để chỉ rõ hai thành-phần trực-tiếp đối-nghịch nhau. Nếu tên riêng được dùng làm từ B, thì :

a— Trong thành-phần danh (vị-trí trước) :

— hoặc đích-tử là một từ ĐA,

— hoặc nếu đích-tử là một từ A, thì có một từ Đ cải-vụ như */ấy/*, */ta/* đi theo ;

b— Từ B (là tên riêng) có một trong hai từ C_B đặc-biệt đi kèm :

— hoặc */rất/* ở vị-trí tiền-B,

— hoặc */lắm/* ở vị-trí hậu-B.

Và nếu tên riêng được dùng làm từ C_A, thì không những từ này đi theo từ A, mà thường lại có

a— một từ C_c đứng trước, là /*rất*/,

b— một từ Đ dùng làm chức-vụ C_A, là /*ấy*/, đi sau để chỉ điểm chấm-rứt của thành-phần danh.

Tuy-nhiên, trong một vài cách nói đã được coi là thành-ngữ, như *oan Thị Kính*, thì các hình-thức thêm-thừa có thể bị bỏ đi để có sự cô-đặc, dấu-hiệu của sự mạnh-mẽ trong ngôn-từ của dân-chúng.

VÀI DÒNG GIỚI THIỆU

Cơ-cấu Việt-ngữ *là kết-quả của sự khảo-sát ngữ-lí áp dụng vào việt-ngữ để làm sáng cái hệ-thống các liên-hệ giữa các đơn-vị cấu-thành của ngôn-ngữ việt-nam.*

Việt-ngữ thường vẫn chỉ được hiểu theo hình-ảnh của một ngôn-ngữ ngoại-quốc, khi xưa là hoa-ngữ và nay thì là pháp-ngữ và anh-ngữ. Do đó, có nhiều ý-kiến tiên-định vẫn được học-giới chấp nhận và được coi là những sự thật bất-khả-bình-nghị trong ngôn-ngữ của người Việt. Gạt bỏ hết mọi sự tiên-định và đứng trong lập-trường của cơ-cấu-luận, lập-trường tiến-bộ nhất trong hiện-tại của toàn thể khoa-học thái-tây, từ toán-học đến dân-tộc-học và ngữ-lí-học, tác-giả đã minh chứng những tính-cách đặc-thù và kì-diệu của việt-ngữ.

Quyển I (1973) trình bày những nguyên-lí và quan-niệm căn-bản của ngữ-lí-học cơ-cấu ; đồng-thời, cũng hướng dẫn vào sự phân-tích giảng-giải cú-pháp việt-nam ở một trình-độ sơ-lược, để khải đạo.

Quyển II (1974) nêu vấn-đề phương-pháp-học để đi tới một lí-thuyết tổng-quát về ngữ-trị của các từ, và một lí-thuyết chung về dạng-vị. Các dạng-vị chính của việt-ngữ được lập ra, miêu tả và xếp loại. Đây là một sự đóng góp quan-trọng về ngữ-lí-học đại-cương.

Từ Quyển III (1974) trở đi là phần khảo sát hệ-thống về các loại từ của việt-ngữ. Từ A (danh-từ) và các từ tiền-A trong thành-phần danh là đề-tài của cuốn này. Cơ-cấu hình-thức của từ A diễn tả một quan-niệm lưỡng-nghi theo mẫu-hình bao-trùm về các thể, các chất, các ý trong vũ-trụ của sự sống. Các phạm-trù của từ A, như được biểu lộ ra trong chính cấu-tạo của từ này và trong các từ tiền-A, được phân định là hệ-loại, giới-phái và cỡ-vóc. Tất cả các ý-niệm này sẽ còn được phát triển trong những phần sau, vì cơ-cấu của danh-từ phản chiếu trong cơ-cấu của diễn-thuật-từ, và ngược lại. Ngữ-pháp biến-cải và tạo-tác sẽ lại nối tiếp vào đó để chứng minh rằng giữa hai từ này của việt-ngữ, có những liên-hệ thâm-sâu cho phép những sự « hóa-thân » vô-cùng phong-phú.

Quyển IV, mà chúng tôi hi vọng hoàn thành vào khoảng đệ-nhất lục-cá-nguyệt 1975, sẽ khảo sát từ B (diễn-thuật-từ) và các từ tiền-B trong thành-phần diễn-thuật. Cơ-cấu hình-thức, cơ-cấu dạng-vị và cơ-năng của từ B sẽ được làm sáng tỏ theo những tiêu-chuẩn hoàn-toàn ngữ-pháp. Các phạm-trù chính của sự diễn-thuật, như được biểu lộ bởi các từ tiền-B và cấu-tạo của nhóm diễn-thuật, sẽ được giảng giải sau đó.

Cơ-cấu Việt-ngữ *là một công-trình qui-mô và căn-bản mà không một người Việt-nam nào, quan tâm đến văn-hóa, văn-chương và ngôn-ngữ việt-nam, có thể bỏ qua được. Các học-giả và sinh-viên, khảo cứu và học hỏi về các khoa-học nhân-văn nói chung và về ngữ-lí-học nói riêng, cũng sẽ thâu hoạch thêm được nhiều kiến-thức trong cái học chuyên-môn của mình qua cuốn sách này.*

MỤC-LỤC

QUYỂN II

DANH-TỪ VÀ LƯỢNG-SỐ-TỪ
(TỪ A VÀ CÁC TỪ K, L, M, LM)

Trang

1— SỰ PHÁT-TRIỂN THÀNH-PHẦN DANH 11

1.1. Phương-diện tâm-ngữ-lí-học :
Từ tên riêng đến danh-từ (từ A) 11

1.2. Phương-diện ý-nghĩa-học : ngôn-ngữ và văn-hóa . 13

1.3. Phương-diện hình-thức 15

1.3.1. Cơ-cấu dạng-vị-học của danh-từ 15

1.3.2. Sự phân-phối của danh-từ trong thành-phần danh P(A)
Từ tiền-A : K, L, M, LM.
Từ hậu-A : C_A và C_c 16

2— TỪ A VÀ HỆ TỪ A (ΣA) 21

2.1. Định nghĩa từ A bởi chức-vụ trong thành-phần P(A) 21

2.2. Định nghĩa bởi phạm-trù cốt-yếu của từ A : Phạm-trù số-lượng 22

2.3. Định nghĩa bởi cơ-cấu dạng-vị-học 23
2.3.1. Hệ từ A : loại-danh, biệt-danh, tư-danh . . 23
2.3.2. Cơ-cấu ý-nghĩa-học liên-đới với cơ-cấu dạng-vị-học. 26
2.3.2.1. Nội-dung của từ A : niệm-thể 26
2.3.2.2. Sự đồng-nhất giữa hình-thức và nội-dung của từ A trong việt-ngữ . . . 27
2.3.3. Công-thức từ A. 33
2.3.4. Công-thức tư-danh 35
2.4. Liên-hệ giữa các dạng-vị trong một hệ A. 36
2.4.1. Tính-cách hiệu-kí của các dạng-vị loại-danh. 39
2.4.2. Sự hạn-chế mà một loại-danh tạo ra cho các dạng-vị loại-danh hay biệt-danh đi sau . . 40
2.4.3. Lí-thuyết của Hockett và phương-trình Markov 42
2.5. Loại-danh là dạng-vị danh-từ-hóa. 43
2.5.1. Sự biến-cải danh-từ-hóa bằng phép uyển-biến trong việt-ngữ 43
2.5.2. Sự biến-cải danh-từ-hóa bằng loại-danh . . 45
2.5.3. Sự biến-cải danh-từ-hóa bằng phép tiếp-vĩ . 49
2.5.4. Danh-từ vay mượn từ pháp-ngữ 51
2.5.5. Sự ưu-thắng của việc dùng loại-danh trong phép biến-cải danh-từ-hóa 52
2.6. Hệ-thống loại-danh : hai lớp cơ-cấu. 53
2.6.1. Loại-danh bẩm-sinh — Các cặp đối-nghịch căn-bản : *nõi/mõi ; đá, đất/nước ; cái/con* . . . 54
2.6.1.1. */Cái/* và */con/* : triển-độ. 55
2.6.1.2. Sự đối-nghịch *cái/ (cái) con* 58

2.6.1.3. Ngữ-pháp so-sánh : Đối-nghịch linh-động/ không-linh-động
- Ngữ-tộc môn-việt
- Ngữ-tộc thái
- Hoa-ngữ và mãlai-indonesi-ngữ
- Ngữ-tộc dravidian
- Các ngôn-ngữ mĩ châu
- Ngữ-tộc bantu
- Ngữ-tộc chamito-semitic
- Ngữ-tộc ấn-âu 63

2.6.1.4. Những ngoại-lệ của đối-nghịch linh-động / không-linh-động. 70

2.6.1.5. Ý-nghĩa của đối-nghịch linh-động/ không-linh-động : đối-nghịch cái bao trùm / cái bị bao trùm. 73

2.6.1.6. Sự đối-nghịch linh-động/ không-linh-động và người / không-người ở ngoài cơ-cấu của từ A :
- Từ ĐA
- Từ B 75

2.6.1.7.— Sự đối-nghịch *cái/con* trong trường-hợp đặc-biệt 79

2.6.1.8.— Hệ-thống loại-danh bẩm-sinh và vũ-trụ-quan của người Việt thái-cổ . 81

2.6.2. Sự lợi-hại của mô-hình cây trong hệ-thống loại-danh bẩm-sinh và sự xuất-hiện của loại-danh đợt sau. 93

2.6.2.1. Hàm-số giữa loại-danh và biệt-danh với những loại-danh đợt sau . . . 95

2.6.2.2. So sánh loại-danh đợt sau của việt-ngữ và số-danh của hoa-ngữ . . . 98

2.6.2.3. Từ-pháp của một số loại-danh đợt sau. 103
2.6.2.3.1. Bó / *miếng, mlềng, mảnh, manh, mảng, mợn, múi, mầu*/ 104
2.6.2.3.2. Bó /*củ, cục, cọc, cột, cây, que, cuộn, cuốn, quyển*/. 106
2.6.2.3.3. Bó / *thoi, thỏi, thanh, then*/ . . . 108
2.6.2.3.4. Bó / *tờ, tàu, tấm, từng*/. 108
2.6.2.3.5. Bó / *nắm, núm, nấm* / 108
2.6.2.3.6. Bó loại-danh chỉ tập-hợp :
/ *chồng, chuỗi, chùm, chòm* /
/ *đống, đụn, đàn, đám, đùm* /
/ *bó, bị, bì, bao, bọc ; mớ* /
/ *xếp, thếp, đệp* /
/ *cụm, túm, rúm, núm, nắm, ôm, đám*/ 109
2.7. Danh-sách các dạng-vị A_n ($n > 1$). 111
2.7.1. Danh-sách theo ý-nghĩa 111
2.7.2. Danh-sách theo sự phân-phối 123
* 2.8. Cú-pháp và văn-pháp. 148
2.8.1. Giá-trị từ-vựng, giá-trị từ-pháp và giá-trị cú-pháp. 148
2.8.2. Liên-hệ giữa từ A và các từ khác trong câu 152
2.8.2.1. Liên-hệ giữa từ A và từ B 152
2.8.2.1.1. Liên-hệ $A_d \leftrightarrow B_d$ 152
2.8.2.1.2. Liên-hệ $B \leftarrow A_b$ 154
2.8.2.1.3 Liên-hệ $P(A) - \Delta$ 159
2.8.2.2. Liên-hệ $P(A) \rightarrow \rightarrow A - A_c$ 160
2.8.2.3. Liên-hệ $P(B) \rightarrow \rightarrow B - (A)C_B$ . . . 162
2.8.2.4. Dạng-vị /A/ dùng làm từ B 163

2.8.3. Sự phụ-thuộc bực hai 167
2.8.4. Loại-danh theo cú-pháp-học. 169
2.8.4.1. Loại-danh cần-thiết 170
2.8.4.2. Loại-danh tùy-ý. 172
2.8.4.3. Từ A có-dấu và có-chỉ-định 179
2.8.5. Loại-danh theo văn-pháp 184
2.8.6. Tác-dụng 185
2.8.6.1. Sự cụ-thể-hóa một danh-từ 185
2.8.6.2. Sự phát-biểu tình-cảm qua loại-danh 190

3— NHỮNG PHẠM-TRÙ CỦA TỪ A.

Đại-quan về phạm-trù của từ A 195
3.1. Phạm-trù hệ-loại 197
3.1.1. Dạng-vị loại-danh là hình-thức của phạm-trù hệ-loại trong cấu-tạo của từ A 197
3.1.1.1. Sự phát-triển đặc-biệt của phạm-trù hệ-loại trong việt-ngữ 199
3.1.2. Phản-ánh của phạm-trù hệ-loại trong thành-phần P(B) 204
3.1.2.1. Phương-diện nội-dung. 204
4.1.2.2. Phương-diện hình-thức . . . . . .
Ba khu-vực từ B theo sự điều-hợp với phạm-trù hệ-loại của từ A đích-vụ. 206
3.2. Phạm-trù lượng-số 208
3.2.1. Hai nhóm từ A : Từ A đếm-được và từ A không-đếm-được. Ưu-thế của loại-danh . . 208
3.2.2. Các từ tiền-A : Từ M, từ L, từ LM và từ K. 210
3.2.3. Quan-niệm lượng-số trong việt-ngữ. . . . 213

3.2.3.1. Các số theo ngữ-pháp so-sánh . . . 213
3.2.3.2. Sự khảo-sát về các số (hình-thức và nội-dung) trong việt-ngữ 215
3.2.3.3. Ý-nghĩa của sự điều-hợp về số cộng-tập trong việt-ngữ. 228
3.3. Phạm-trù giới-phái. 230
3.3.1. Giới-phái ngữ-lí và phái-tính tự-nhiên. . . 230
3.3.2. Giới-phái trong các ngôn-ngữ âu-tây . . . 232
3.3.3. Giới-phái là một hình-thức của hệ-loại . . 233
3.3.4. Phạm-trù giới-phái trong việt-ngữ 237
3.3.4.1. Khu-vực có giới-phái. Giới-phái dương và giới-phái âm. 238
3.3.4.2. Khu-vực lưỡng-giới-phái và khu-vực vô-giới-phái 239
3.3.5. Trường-hợp ngoại-lệ. 241
3.3.5.1. *Ông hổ, ông đồng*. 241
3.3.5.2. Từ A thuộc hệ-loại /*người*/ nhưng lưỡng-giới-phái 243
3.3.5.3. Từ A thuộc hệ-loại /*con*/ với những hình-thức biến-dạng về giới-phái. . 245
3.3.5.4. Từ A lưỡng-giới-phái thuộc hệ loại /*cái*/ 246
3.3.6. Dạng-vị dùng làm cải-từ chỉ phái-tính. . . 247
3.4. Phạm-trù cỡ-vóc 219
3.4.1. Ngữ-pháp so-sánh 249
3.4.2. Tiếp-vĩ-phần giảm-thiểu trong danh-từ việt-ngữ. Dạng-vị /*-ay*/, /*-oc*/ 251

4– CÁC TỪ TIỀN-A : TỪ K, TỪ L, TỪ M, VÀ TỪ LM . . . 255

4.1. Đại-quan về hệ-thống từ tiền-A (từ lượng-số). . . 255

4.1.1. Ba loại-từ lượng-số của các-từ A đếm-được : từ M, từ L và từ LM 255
4.1.2. Từ K và lượng-số của các từ A đếm-được/ không-đếm-được 260
4.2. Từ M 261
4.2.1. Định-nghĩa : Hình-thức và nội-dung . . . 261
4.2.2. Dạng-vị M hay từ M căn-bản 264
4.2.2.1. Nguồn-gốc 265
4.2.2.2. Biến-dạng của vài dạng-vị M :
• /mốt/
• /vài/, /răm/
• /nhăm/, /lăm/
• /mươi/ 266
4.2.2.3. Dạng-vị M vô-định : /mấy/. 272
4.2.3. Qui-pháp về từ M. 274
4.2.4. Tính-cách nội-cơ của từ M 278
4.2.4.1. Liên-hệ tập-hợp. 280
4.2.4.2. Liên-hệ chọn-lựa 284
4.2.4 3. Những cách nói nhấn 286
4.2.5. Vị-trí và chức-vụ của từ M 287
4.2.5.1. Trong thành-phần danh 287
A. Trước từ A : từ M lượng-số. . . 287
B. Sau từ A : chức-vụ C_A 288
C. Trong từ A : dạng-vị biệt-danh A_1 289
D. Thay thế từ A : chức-vụ ĐA. . . 289
4.2.5.2. Trong thành-phần diễn-thuật . . . 291
A. Chủ-chốt ; chức-vụ B 291
B. Chủ-chốt ; chức-vụ B (Trường-hợp đặc-biệt : một hai) . 293

C. Trước từ B : chức-vụ C_B 293
4.2.6. Triển-độ của dạng-vị M 294
4.2.7. Những danh-từ chỉ số-lượng đếm-được *chục, đôi, cặp, tá* 295
4.2.7.1. Sự khác-biệt giữa các từ này và các từ M.
- *đôi*
- *chục*
- *cặp*
- *tá* 295

4.3. Từ L và từ LM 298
4.3.1. Phân biệt hai loại từ L và LM 298
4.3.2. Từ L : */những/, /mỗi/*
Từ LM : */các/, /mọi/*
Đối-chiếu :
- */những/*
- */mỗi/*
- */các/*
- */mọi/* 299

4.3.3. Ý-nghĩa-học 308
4.4. Từ K
- */nhiều/*
- */lắm/*
- */ít/*
- */cả/*

Kết-luận về các dạng-vị K 308

* * *

PHỤ-LỤC : TỪ A_0 (TỰ-DANH-TỪ) HAY TÊN RIÊNG . . . 323
Định-nghĩa 327

— Tính-cách vô-nghĩa và ngoại-cơ-cấu 327
— Tính-cách hạn-chế về nội-dung và khai-triển về hình-thức. 330
Cấu-thức của tư-danh-từ 331
Ý-nghĩa-học : Tư-danh-từ giữa danh-từ và đại-danh-từ. 336
Những biến-đổi hình-thức của tư-danh-từ 339
— Tư-danh-từ thành danh-từ (từ A)
Loại-danh và phạm-trù hệ-loại
Từ L, LM, từ M và phạm-trù lượng-số . . 339
— Tư-danh thành diễn-thuật-từ (từ B) hoặc cải-từ (từ C) 347

* * *

VÀI DÒNG GIỚI THIỆU 351
MỤC-LỤC 353

ĐÍNH CHÁNH

Trong *Cơ-cấu Việt-ngữ*, Quyển II (*Cơ-cấu dạng-vị-học*), có một số chữ sai, xin sửa lại như sau :

Trang	Dòng	CHỮ	XIN SỬA LẠI LÀ
20	25	$+ Y \pm B \pm Y$	$\pm Y + B \pm Y$
38	6	$ĐA_2$	$Đ_2$
	22	$ĐA_2$	$Đ_2$
73	19	$((S_1 + S_2 - B_2 - B_1))$	$((S_1 + S_2) - (B_2 - B_1))$
77	16	là giảng-giải	là để giảng giải
80	9	*phục xống*	*phục xuống*
	17	(một loài. . . ta)	'một loài. . . ta'
81	8	dạng - dị	dạng-vị
83	14	(p-*ang*/)	(p/-*ang*/)
94	25	vài cấu tạo từ pháp-ngữ (*balcon*)	vài từ có cấu-tạo từ hoa-ngữ
102	4	tên cho nhóm *đi làm*.	tên.
126	13-14	/*s* - /	/-*s*/ (cả ba dấu)
138	22	ảnh hưởng các	ảnh hưởng bởi các
154	26	treo, tréo	trẹo, tréo

Tác-giả cảm ơn ông Nguyễn Hiến Lê đã chỉ cho biết sự sai-lầm ở trang 94 (chú-thích) về từ *lan-can*.

ĐÍNH CHÁNH

Cơ-cấu Việt-ngữ Quyển III

Trang	Dòng	IN LÀ	XIN SỬA LẠI LÀ
33	10	sự liên-hệ và cả	sự liên-hệ về cả
35	5	Để giản đị hóa	Để giản dị hóa
41	14	ấy là những	ấy là chưa kể đến những
55	—2	*(lợn, nái)*	*(lợn nái)*
91	—2,-3	thành-quả của văn-hoa	thành-quả của văn-hóa
95	11	có thể dung làm	có thể dùng làm
	—9	*/Lưỡi dao.*	*lưỡi dao*
103	—4	hình-thức và	về hình-thức và
112	1	thông-kê	thống kê
168	16	Xóa-bỏ từ B	Xóa bỏ từ B
190	7	không bao giời	không bao giờ
200	17	không uyển-biến	không-uyển-biến
203	—2	*cam, ba-toong*	*kem, ba-toong*
221	1	Thành-phần-danh	Thành-phần danh
223	—13	*bao nhiêu, bây nhiêu, bấy nhiêu*	[chuyển xuống dòng —10]
235	14,16	quan-niệm	quan niệm
246	9	*con trái*	*con trai*
247	—5	trong một với	trong một vài
248	5	*cá mục*	*cá mực*
264	—3	kết họp	kết hợp
284	5	được kết-hợp	được kết hợp
	6	*/mươi/*, theo một	*/mươi/* theo một
294	14	để vào làm từ B	để làm từ B
301		từ S — SBSB	từ T — TBTB
302		sắc-từ	định-từ
303		(trong cả đoạn này)	
305	—8	từ S	từ T
307	12	*/mỗi/*	*/mọi/*
339	13	không có nhiều số ít	không có số nhiều
341	5	tư-danh nào	tư-danh-từ

(Những dòng ghi số âm, như — 9, là đếm ngược từ dưới lên trên).

LỬA THIÊNG

120 *Đinh Tiên Hoàng Saigon*

Đ.T. : 94.494

☆

Sách đã xuất bản :

85.— GIA ĐÌNH TÔI
(In lần thứ tư) . . . . . *của DUY LAM*

86.— THỐNG KÊ THỰC DỤNG
Kinh tế — Doanh thương *của CHÂU NGUYỆT HỒNG*
Quyển I : PHÂN TÍCH SƠ BẢN *LÝ CÔNG THUẬN*

87.— CĂN BẢN TRỒNG CHUỐI
CẢI THIỆN Ở VIỆT NAM . . . *của TÔN THẤT TRÌNH*

88.— QUẢN TRỊ XÍ NGHIỆP Quyển I . *của NGUYỄN VĂN LẠC*

89.— HÁN VĂN TĂN KHÓA BẢN . . . *của NGUYỄN KHUÊ*

90.— THỦY HỌC SÔNG NGÒI CĂN BẢN
Quyển I :
Đại cương — Các yếu tố ảnh hưởng —
Mực nước và lưu lượng . . . *của LIÊU KIM SANH*

91.— CĂN BẢN MỚI VỀ
HOẠCH ĐỊNH PHÁT TRIỂN
Quyển I . . . . . *của NGUYỄN BÁ LONG*

92.— KẾ TOÁN TRUNG CẤP . . . *của HOÀNG NGỌC KHIÊM*
Vốn luân chuyển và tích sản cố định
Phân tích các tường trình tài chánh

93.— DÂN SỐ THẾ GIỚI
Quyển I : Dân số thế giới thứ ba . . *của NGÔ VĂN LẮM*

94.— NHAM-THẠCH THÔNG THƯỜNG *của LIÊU KIM SANH*

1974

95.— VĂN-HỌC VÀ NGỮ-HỌC Quyển I . . *của BÙI ĐỨC TỊNH*

96.— QUẢN TRỊ XÍ NGHIỆP Quyển II . *của NGUYỄN VĂN LẠC*

97.— NHỮNG VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI Quyển I : Những vấn đề lao động *của NGUYỄN QUANG QUỲNH*

98.— CĂN BẢN ĐỊA CHẤT HỌC (In lần thứ hai) . . . . . *của TRẦN KIM THẠCH*

99 — KẾ TOÁN KỸ NGHỆ . . . . *của HOÀNG NGỌC KHIÊM*

100.— CĂN BẢN ĐỊA TẦNG HỌC Quyển II : Trung sinh—Cánh tân . *của TRẦN KIM THẠCH*

101.— ĐỊA CHẤT HẢI DƯƠNG . *của NGUYỄN NGỌC THẠCH*

102.— HÀN PHI TỬ Quyển thượng (bản dịch) . . *của NGUYỄN NGỌC HUY*

103.— CHÂN DUNG HỒ BIỂU CHÁNH . . *của NGUYỄN KHUÊ*

104.— VỆ TINH NHÂN TẠO VÀ SỰ ỨNG DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG *của NGUYỄN KIM MÔN*

105.— CƠ CẤU VIỆT NGỮ Quyển II : Cơ cấu dạng vị học . *của TRẦN NGỌC NINH*

106.— VĂN HỌC NAM HÀ (In lần thứ hai) . . . . . *của NGUYỄN VĂN SÂM*

107.— THỦY HỌC SÔNG NGÒI CĂN BẢN Quyển II : Nước ngập và lũ lụt Sự chuyển động chất dắn . . . . *của LIÊU KIM SANH*

108 — THỐNG KÊ THỰC DỤNG Kinh tế doanh thương . . *của CHÂU NGUYỆT HỒNG*
Quyển II : XÁC XUẤT — ĐOÁN NGHIỆM — QUYẾT ĐỊNH *LÝ CÔNG THUẬN*

109.— ĐỊA HÌNH THÁI HỌC (In lần thứ hai) . . . . . *của LÂM THANH LIÊM*

110.— VĂN-HỌC VÀ NGỮ-HỌC, Quyển II . *của BÙI ĐỨC TỊNH*

111.— HỎA TIỄN . . . . . *của NGUYỄN NAM HÀ*

112.— TRIẾT HỌC VÀ VĂN CHƯƠNG . *của ĐẶNG PHÙNG QUÂN*

113.— MỘT PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÁCH CHỦ ĐỀ VĂN CHƯƠNG *của TRẦN NHỰT TÂN*

114.— THẨM MỸ HỌC THÔNG KHẢO *của NGUYỄN VĂN XUNG*

115.— ĐỊA LÝ HÌNH THỂ NHẬP MÔN . *của LIÊU KIM SANH*

116.— NGÀY NÀO CÒN ĐÀN BÀ
(In lần thứ hai) . . . . . của DUY LAM

117.— VAI TRÒ CỦA VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT-NAM . . . của TRƯƠNG NGỌC PHÚ

118.— PHƯƠNG PHÁP THỰC TẬP THIẾT ĐỒ ĐỊA CHẤT . . . của LÂM THANH LIÊM
NGÔ VĂN LẮM

119.— KIẾP NGƯỜI (Of Human Bondage) . của S. MAUGHAM
bản dịch của NGUYỄN HIẾN LÊ

120.— CƠ CẤU VIỆT NGỮ Quyển III
Danh từ và lượng số từ . . của TRẦN NGỌC NINH

121.— HÀN PHI TỬ
Quyển hạ, (bản dịch) . . . của NGUYỄN NGỌC HUY

122.— LƯU NGUYỄN NHẬP THIÊN THAI TRUYỆN (Giới thiệu, phiên dịch và chú giải) . . . . . của NGUYỄN KHUÊ
NGUYỄN VĂN SÂM

123.— DESCARTES
Con người, cuộc đời và tư tưởng của TRẦN ĐỖ DŨNG

124.— ĐẠI CƯƠNG LUẬN LÝ HỌC HÌNH THỨC
Quyển II : Luận lý toán học của NGUYỄN VĂN UYÊN

125.— ĐỊA LÝ KINH TẾ ANH QUỐC của PHAN VĂN CHÂU

126.— TÌM HIỂU SÂN KHẤU CHÈO của VŨ KHẮC KHOAN

Đang in :

127.— NHỮNG VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI, Quyển II :
Những vấn đề xã hội . của NGUYỄN QUANG QUỲNH

128.— KẾ TOÁN THƯƠNG MẠI
Quyển I :
Hệ thống mua bán hàng
Thể thức kiểm soát quỹ . . của CHÂU NGUYỆT HỒNG
LÝ CÔNG THUẬN

129.— ĐIỆN TOÁN LÀ GÌ ?
Quyển I : . . . . . của TRƯƠNG VĂN TÚC

130.— THƯỢNG CỔ SỬ TÂY PHƯƠNG
(In lần thứ hai) . . . . . của PHẠM CAO DƯƠNG

Sẽ in :

131.— KHÍ HẬU HỌC NHẬP MÔN
(In lần thứ hai) . . . . . của LÂM THANH LIÊM

132.— HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN . . của HOÀNG NGỌC KHIÊM

133.— TỪ NGÂN HÀ ĐẾN NGUYÊN TỬ của CAO THU HIỀN

134 — CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN THUẬT
trong đệ nhất và đệ nhị thế chiến
Quyển II : Đệ nhị thế chiến (1939-1945)
của HOÀNG NGỌC THÀNH

135.— CÔ GÁI MA (kịch thơ) . . . của VŨ HOÀNG CHƯƠNG

136.— NƯỚC MẮT CHO QUÊ HƯƠNG (thơ)
(Giải Văn Học Nghệ Thuật 1969) của LÊ MINH NGỌC

137.— KẾ TOÁN CÔNG TY . . . của HOÀNG NGỌC KHIÊM

138.— MÔI SINH . . . . . của TRẦN VĂN TẤN
NGUYỄN KIM MÔN
LIÊU KIM SANH

139.— GOGOL . . . . . của NGUYỄN HIẾN LÊ

140— TOURGUENIEV . . . . . của NGUYỄN HIẾN LÊ

141.— ĐẶC KHẢO HÒ HUẾ . . . . của LÊ VĂN CHƯỞNG

142.— ĐỊA LÝ NÔNG NGHIỆP
NAM VIỆT-NAM . . . . . của QUÁCH THANH TÂM
THÁI CÔNG TỤNG

143.— TẢN ĐÀ, THỰC VÀ MỘNG của NGUYỄN THIÊN THỤ

144.— CƠ CẤU VIỆT NGỮ Quyển IV của TRẦN NGỌC NINH

145.— ÔNG ÍCH KHIÊM CHIẾN TƯỚNG của NGUYỄN VĂN XUÂN

CƠ CẤU VIỆT NGỮ QUYỂN III
CỦA TRẦN NGỌC NINH,
BÌA CỦA VĂN THANH,
LỬA THIÊNG XUẤT BẢN LẦN
THỨ NHỨT NĂM 1974. NGOÀI
NHỮNG BẢN THƯỜNG CÒN
CÓ 40 ẤN BẢN ĐẶC BIỆT
IN TRÊN GIẤY TRẮNG MỊN
KHÔNG BÁN DÀNH RIÊNG
CHO TÁC GIẢ, NHÀ XUẤT
BẢN VÀ CÁC THÂN HỮU.

Sách có bán tại :

Nhà sách PHONG-PHÚ

120, *ĐINH-TIÊN-HOÀNG*, 120
ĐIỆN THOẠI : 94.494

SAIGON

In xong tại Ấn Quán LÂM THỊ NGUYỆT,
442 Thiêu Trị SAIGON 6